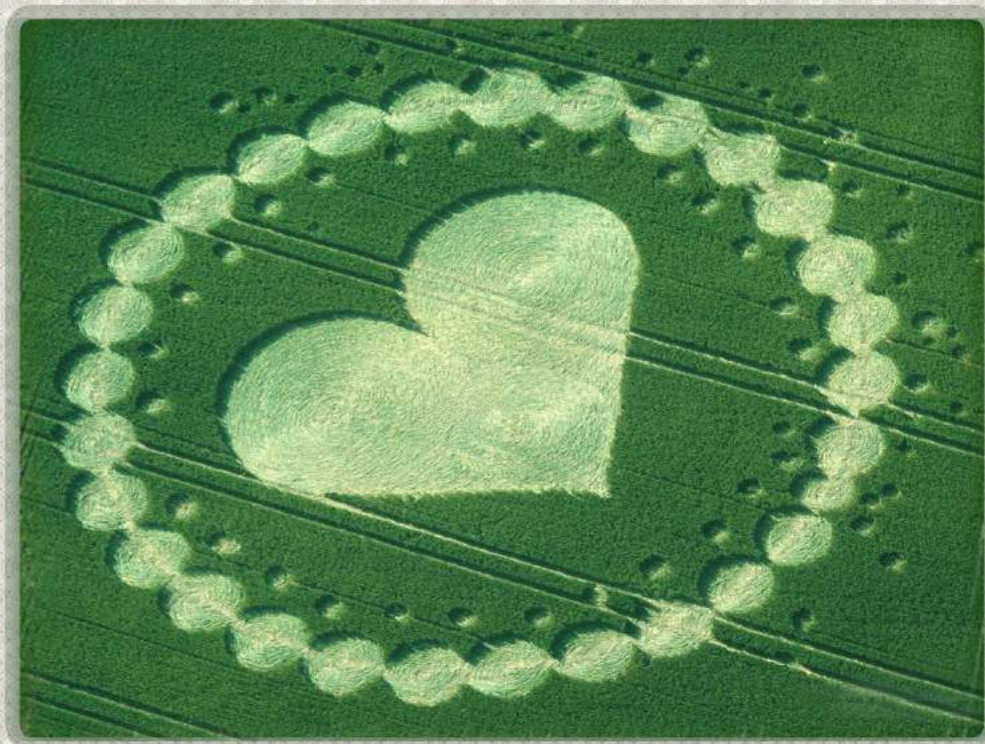


NGUYỄN NGỌC THUẬN

SỰ THẬT TỐI HẬU



BIÊN TẬP & DỊCH THUẬT

ĐOÀN TRÍ NHÂN - NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG
NGUYỄN NGỌC HOÀNG - NGUYỄN THỊ CHÍ LIÊM

MỤC LỤC

.....

Lời mở đầu & Thông điệp	4
------------------------------------	--------

Phần I : Mối liên hệ giữa ngôn ngữ và sự thật.	9
---	--------

1 - Có bao nhiêu Ba Ngôi?.....	10
2 - Tâm linh là gì?.....	11
3 - Tại sao gọi là Ông Trời?.....	12
4 - Con Người, Loài Người, Nhân loại có ý nghĩa gì?.....	12
5 - Đạo đức là gì?.....	13
6 - Bản ngã, chân ngã, vô ngã là gì?.....	15
7 - Tính không là gì?.....	16
8 - Vô vi có ý nghĩa gì?.....	18
9 - Siêu ý thức là gì?.....	22
10 - Giác Ngộ và Thức tỉnh là gì?.....	24
11 - Chiều kích 1D...4D- 5D...12D có liên quan gì đến ý thức và quá trình tiến của Loài Người?.....	34
12 - Những cuộc chiến trên Nước Trời thực sự có hay không?.....	36
13 - Đức Chúa Giê-su cứu chuộc Loài người như thế nào?.....	39
14 - Người Lemuria và lục địa Atlantis thực sự ở đâu?.....	41
15 - Tư tưởng tạo nên sức mạnh gì?.....	42

Phần II: Thông Điệp -Thượng Đế và Vũ Trụ.

I - Nguyên Thần Thượng Đế là cái gì?.....	49
II - Vũ trụ duy nhất hay nhiều hơn một?.....	55
III - Đại gia đình Thượng Đế có bao nhiêu Người?.....	56
IV - Tại sao các Thiên Thần rời Nước Trời?.....	63
V - Các Thiên Thần rời Nước Trời tìm kiếm điều gì?.....	68
VI - Làm thế nào các Thiên Thần có thể trải nghiệm được những gì mà Họ đã ước muốn trước khi rời Nước Trời?.....	72

Phần III: Thượng Đế và những sự kiện liên quan đến Nhân loại

<i>I - Lòng từ bi và bác ái giúp con người trải nghiệm được gì?.....</i>	<i>76</i>
<i>II - Theo đuổi tâm linh có ích lợi gì?.....</i>	<i>86</i>
<i>III - Khái Huyền có liên quan gì đến lịch sử Loài người?.....</i>	<i>96</i>
<i>IV - Ý nghĩa con số 666 liên quan gì đến lịch sử Loài người?.....</i>	<i>107</i>
<i>V - Con người nên làm gì, để được cứu rỗi trong thời gian tới?</i>	<i>109</i>
<i>VI - Các tên gọi và ý nghĩa của thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2334.</i>	
<i>¹ - Thời kỳ tiền phán xét.....</i>	<i>119</i>
<i>² - Thời kỳ tiền hội Long hoa.....</i>	<i>119</i>
<i>³ - Thời kỳ tiếp nhận ánh sáng.....</i>	<i>119</i>
<i>⁴ - Thời kỳ ân điển.....</i>	<i>121</i>
<i>⁵ - Thời kỳ hữu vi.....</i>	<i>126</i>
<i>⁶ - Thời kỳ bảo bình.....</i>	<i>128</i>
<i>⁷ - Thanh toán bù trừ.....</i>	<i>131</i>
<i>VII- Những điều liên quan trong thời đại mới.....</i>	<i>132</i>

PHẦN KẾT; Bước cuối trên hành trình hội nhập với Tổng thể.

<i>I - Thời gian là gì? Sức ảnh hưởng của thời gian đối với con người như thế nào?</i>	<i>156</i>
<i>II - Con người nên hành động thế nào để có được sự thức tỉnh? ...</i>	<i>163</i>
<i>III - Sau khi giác ngộ, thức tỉnh con người nên hành động như thế nào?.....</i>	<i>171</i>
<i>Đôi Lời Cảm Tạ.....</i>	<i>198</i>



LỜI MỞ ĐẦU & THÔNGIỆP

Thân chào các bạn!

Đã hơn hai năm trôi qua kể từ ngày cuốn sách “SỰ THẬT VĨ ĐẠI” được đưa lên trang web giwho.com, nó quả thật là một khoảng thời gian khá khó khăn đối với tôi. Thú thực sau khi viết xong cuốn sách STVĐ tôi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ có thể viết thêm cuốn sách nào nữa. Vì lý ấy, tôi rất hy vọng cuốn sách sẽ mang đến một sự bùng nổ, mang kiến thức, mang đến niềm vui và giúp ích cho nhiều người. Nhưng trên thực tế điều đó đã không xảy ra, tôi rất thất vọng và buồn chán vì cuốn sách vẫn lặng lẽ nằm yên trong một góc của đại dương mênh mông thông tin trên internet, không có nhiều người quan tâm. Cho đến một hôm người bạn của con tôi sau khi đọc cuốn sách đã hỏi tôi rằng, tiếp theo chúng ta nên làm gì đây hả chú? Một thoáng ngỡ ngàng và tôi chợt ngộ ra: đây phải là câu hỏi của tôi dành cho chính tôi thì đúng hơn, không là câu hỏi của người khác dành cho tôi. Kể từ lúc đó tôi nhận thức được rằng tất cả những gì tôi trình bày trong cuốn sách STVĐ nó chỉ là một sự khởi đầu mang những khái niệm và không nói lên được những sự thật quan trọng nhất. Tôi hiểu rằng còn rất nhiều điều về Thượng Đế mà tôi chưa biết đến, nhiều sự thật còn đang ẩn núp đâu đó mà tôi chưa thể tìm thấy. Tôi tự nghĩ nếu hiểu biết của tôi chỉ dừng ở mức độ cuốn sách STVĐ thì nó chẳng giúp được gì cho tôi hay cho bất cứ người nào, đến được nơi mình muốn đến. Vậy nên, tôi đã đem những câu hỏi xuất phát từ suy nghĩ trên, cầu xin Thượng Đế trả lời giúp tôi và Người đã nói:

“Con trai của Ta con phải hiểu rằng; vấn đề tiếp theo của con là không làm gì cả, vì làm là một hành động của thể xác mà sản phẩm của hành động thể xác là ảo ảnh và không trường cửu. Vấn đề của con trong hiện tại không phải là nên làm gì, mà là nên nghĩ gì? và nhận thức về cái gì?”

Một lần khác trong cuộc trò chuyện với dòng tộc, tôi nghe đứa cháu họ phán rằng: “cháu thấy ai mà theo đuổi tâm linh chân chính thì người đó không bao giờ giàu có, cũng có thể nói là họ luôn gặp khó khăn và nghèo khổ, con sợ thứ đó lắm”. Quả thật, đây là một quan sát hết sức tinh tế, lời của đứa cháu như một nhát dao đâm vào tim tôi. Tôi thực sự bàng hoàng vì câu nói phản ánh đúng thực trạng và hoàn cảnh của chính tôi, tôi nghiệm thấy lời nói vô tình của đứa cháu là

hoàn toàn chân thật. Thực ra, trước khi nghe lời nói của đứa cháu, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình là người đang theo đuổi tâm linh hay một cái gì đó gọi là tâm linh. Bởi từ trước đó, tôi luôn rất khó chịu với hai từ này vì tôi cho rằng; nói đến tâm linh là nói đến mê tín. Nhưng kể từ ngày ấy cái ngôn từ “tâm linh” luôn ám ảnh tôi. Vì thế tôi đã suy nghĩ thấu đáo về những gì mà tôi đã trải qua và thực trạng hiện tại, cuối cùng tôi nhận ra rằng quả thật là mình đã và đang theo đuổi tâm linh.

Và cũng kể từ ngày đó, tôi luôn đặt câu hỏi thực ra tâm linh là cái gì? vì sao những người theo đuổi tâm linh luôn gặp nhiều đau khổ, bất hạnh, nghèo khó, vất vả, gian truân... nhất là các giáo chủ sáng lập tôn giáo? Tôi luôn tự hỏi thực ra tâm linh là nguồn của hạnh phúc lớn lao, hay là nguồn của đau khổ và bất hạnh. Tôi tự hỏi nếu theo đuổi tâm linh là theo đuổi sự giải thoát và tìm kiếm sự cứu rỗi. Vậy tại sao quan sát trên thực tế tôi nhận ra rằng; dường như ai theo đuổi tâm linh cũng tức là đang theo đuổi một cái gì đó luôn tiềm ẩn điều bất hạnh. Từ những sự kiện thực tế kỳ lạ này đã thôi thúc tôi quyết tâm giải thích cho bằng được ý nghĩa thực sự liên quan đến vấn đề tâm linh. Tôi cho rằng nếu con người không hiểu rõ chân tướng của cái gọi là tâm linh thì chắc chắn không có nhiều người đủ can đảm theo đuổi tâm linh. Bởi người cháu họ của tôi là một người trẻ, có lối sống hiện đại, đã từng đi du học chưa phải là người theo đuổi tâm linh. Vậy nhưng cô bé vẫn có thể quan sát thấy một thực tế như vậy đang âm thầm xảy ra. Từ đó có thể chứng minh rằng sự thật này đã có nhiều người biết và sẽ có rất nhiều người biết chỉ cần một quan sát. Cho nên, một lần nữa tôi đã đem những câu hỏi này cầu xin Thượng Đế trả lời giúp cho tôi và Người đã nói:

***“Con trai của Ta, con có biết không? Thực ra, từ trước đến nay chưa có một ai hỏi Ta, tâm linh là cái gì? Con người đã hỏi Ta rất nhiều câu hỏi khác nhau về nhiều đề tài khác nhau, nhưng tuyệt nhiên không có câu hỏi Tâm linh là gì? Có chăng thì Ta cũng đã đề cập đến ngôn từ này trong các thông điệp của Ta, nhưng không có nhiều người quan tâm về ý nghĩa của nó. Trong thực tế không phải người ta không quan tâm đến ý nghĩa của tâm linh, nhưng họ nghĩ rằng họ đã hiểu biết về nó. Và giờ đây với con, với các câu hỏi của con Ta vẫn nói một lời không thay đổi, rằng Ta đã trả lời tất cả mọi câu hỏi của con, trước khi con cầu xin. Mọi câu trả lời đã có trong câu hỏi của con, những gì con hỏi là những gì con đã trả lời.*”**

Con có biết? con người thường đòi hỏi Thượng Đế giải thích cho họ về điều này về điều kia, về sự thật này về sự thật nọ. Nhưng thực ra, trước khi con người đặt câu hỏi, họ luôn muốn Ta trả lời theo hiểu biết, theo quan điểm tôn giáo, theo kiến thức trong sách vở mà họ đã đọc, theo định kiến của họ. Người ta không cho Ta một khoảng trống tự do nào để Ta có thể trả lời theo sự thật. Con người luôn muốn Ta trả lời theo hiểu biết của họ, nhằm khẳng định kiến thức đã có của mình. Không có nhiều người đến với Ta, đặt câu hỏi cho Ta mà không mang sẵn một định kiến. Không có nhiều người trên thế giới đến với Ta đặt câu hỏi cho Ta bằng một tấm lòng chân thành nhất nhằm tìm kiếm sự thật. Thường thì họ đến với Ta, đặt câu hỏi cho Ta nhưng mong sao cho Ta trả lời theo ý muốn của họ nhằm thoả mãn cái họ đang kỳ vọng, cái tôi của chính mình. Vì bởi những lý do trên nên từ trước đến nay chưa bao giờ Ta có cơ hội tiết lộ một sự thật nào được gọi là trọn vẹn cho con người qua cầu xin.

Nhưng con cũng nên biết rằng; Thượng Đế không bao giờ trả lời cho con người bất cứ câu hỏi nào mà nó có thể bao gồm toàn bộ sự thật và đó cũng chính là sự thật. Nếu tất cả các câu hỏi của con người, được gửi đến Thượng Đế bằng một tấm lòng chân thành và tin tưởng tuyệt đối thì tự động người đó sẽ biết, biết trong thanh lặng, biết trong thiêng liêng và đấy chính là những hiểu biết chân thật.”

- Thừa Thầy: vậy là con người chỉ có thể biết sự thật qua thiên định.

“Không, sự thực không phải như vậy, thiên định chỉ là một trong vô vàn phương cách khác nhau mà Ta đã dùng để trao sự thật cho con người. Con nên biết, thiên định, đặt câu hỏi trực tiếp thông qua ngoại cảm hay bằng bất cứ hình thức nào, thì con người cũng rất khó mà tiếp cận được sự thật từ Thượng Đế. Kiến thức đã có của họ luôn hiện diện trong tâm trí họ, là rào cản lớn nhất ngăn họ tiếp cận được sự thật từ Thượng Đế. Để có được một cái tâm không và một cái trí trống rỗng hoàn toàn, đối với con người trong hiện tại là một việc làm không dễ. Con chỉ có thể tiếp nhận được sự thật từ trong nội tại chân ngã của chính con, bằng sự đam mê và quán tưởng liên tục về một đề tài, về một câu hỏi nào đó. Sự thật đến từ chân ngã của mỗi con người cũng chính là sự thật của Thượng Đế.

Ta sẽ cho con thấy trong một ví dụ cụ thể về vấn đề này từ chính con. Đó là thời gian trước khi con viết cuốn “Sự thật vĩ đại”, con đã từng hỏi Ta rất nhiều câu hỏi, nhưng Ta đã bảo con nên tìm và đọc thật nhiều các tài liệu kể cả kinh sách tôn giáo. Thật ra, những gì con có được sau khi tham khảo những tài liệu đó, chẳng qua chỉ là những câu hỏi có chất lượng hơn, nhưng không phải là sự giải thích. Và từ những câu hỏi vì sao? Tại sao? Nó là cái gì?vv... cộng với lòng đam mê theo đuổi ngày đêm của con, câu trả lời đã xuất hiện trong trí của con. Ngày đó, con cho rằng con đã suy nghĩ ra, nhưng thực ra tri thức mà con có được không do suy nghĩ, mà là quán tưởng nội tại chân ngã. Suy nghĩ có nghĩa là lập trình lại kiến thức mà con đã tích lũy được trong quá trình sống. Hiểu biết xuất hiện từ suy nghĩ là tri thức đã biết được gộp nhặt từ kiến thức sẵn có trong tiềm thức và tàng thức còn được gọi sáng chế. Nhưng những tri thức chưa từng biết xuất hiện từ chân ngã là sự thật của Thượng Đế, nó còn được gọi là sáng tạo.

-Albert Einstein là điển hình bậc nhất về quán tưởng nội tại chân ngã. Ông ta rất khôn ngoan khi sử dụng các kiến thức mà ông ta đã tiếp nhận được từ trường học, từ sách vở, từ người khác chỉ để nhằm tạo ra những câu hỏi cho chính mình.

Trên thực tế thì sự thật về Thượng Đế đã được Ta hiển thị khắp nơi, khắp chốn trong mọi mặt đời sống con người từ nhiều ngàn năm qua. Nó đến từ các ngôn sứ, sứ giả của Ta, nó hiển thị trong kinh, trong sách, trong ngôn ngữ, trong ký tự, trong văn học, trong thi ca, trong hội họa, trong âm nhạc, trong lá, trong hoa, trong cây, trong cỏ, trong tiếng mưa rơi, trong từng bông tuyết, trong tiếng rì rào của sóng biển, trong tiếng thì thầm của buổi trưa hè, trong giá rét của đêm đông, trong bước chân của người lữ hành cô độc, trong tiếng gào thét xé lòng của người mẹ mất con, trong nỗi buồn man mát của cô gái tuổi dậy thì...Ta nói thật cùng con, nếu con chịu khó quan sát mọi điều, mọi vật, mọi sự xảy ra chung quanh con, nhưng không phán xét về bất cứ điều gì và cố gắng động não, con sẽ biết sự thật về Thượng Đế. Thực ra mọi thứ không chỉ có vậy, mà ngay trong đời sống của mỗi cá nhân đã không ít lần nhận được thông điệp của Ta mang toàn bộ sự thật, thông qua hình thức khai huyền (Thông tin khai huyền là thông tin trong giấc mơ, chiêm bao). Thông điệp từ khai huyền luôn là thông tin mang tính chân thật, bởi nó xuất phát từ ý

muốn của Ta chứ không là bị cưỡng cầu bởi con người. Nhưng con người thường bỏ qua các thông tin vô cùng hữu ích này cho chính mình.”

Đó là những lời Thượng Đế nói; Trả lời mà như không trả lời, không trả lời gì cả nhưng đã trả lời tất cả. Suy cho cùng chúng ta có thể tưởng tượng Thượng Đế như một siêu cao thủ (cờ tướng, cờ vua) cùng một lúc Thượng Đế có thể chơi cờ với hàng tỷ tỷ người và tùy theo trình độ của mỗi người mà Thượng Đế sẽ cho ra nước đi phù hợp với đối thủ. Cho nên, trong thực tế đời sống, chúng ta nhận thấy có rất nhiều kiểu Ông, Bà Thượng Đế khác nhau, Thượng Đế minh triết, Thượng Đế mê tín, Thượng Đế giận dữ, thích trừng phạt, Thượng Đế nhân từ, Thượng Đế thiên vị và thích ban thưởng vv... Quả thật, con người đã tự sáng chế ra cho mình một Thượng Đế theo sở thích của chính mình.

Trong cuốn sách nhỏ này rất mong các bạn sẽ cùng tôi tìm hiểu qua một phần tính cách thực sự của Thượng Đế? Ngoài ra chúng ta sẽ tìm hiểu những sự thật mà lâu nay Thượng Đế đã che dấu chúng ta và lý do tại sao Người lại che dấu những sự thật đó?



PHẦN I

MỐI LIÊN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ SỰ THẬT.

Đã hơn 11.500 ngàn năm qua kể từ lúc loài người thông minh có mặt trên trái đất, cũng là chừng ấy thời gian ngôn ngữ sống chung với loài người. Trong đời sống xã hội loài người ngôn ngữ là một phần quan trọng không thể thiếu. Trong liên hệ có hai ngôn ngữ chính luôn được con người sử dụng nhằm diễn đạt tư tưởng, tình cảm của mình cho người người khác hiểu. Bao gồm ngôn ngữ lời nói và ngôn ngữ hình thể, cả hai ngôn ngữ đều có thể, thể hiện bằng chữ viết, bằng ký tự. Một người bình có thể sử dụng lời nói để diễn đạt tư tưởng, tình cảm của mình. Riêng những người không may mắn bị khuyết tật, họ có thể sử dụng ngôn ngữ hình thể để diễn đạt. Nói như vậy không có nghĩa là một người bình thường không sử dụng ngôn ngữ hình thể. Đôi khi người ta không nói bằng lời, nhưng chỉ cần một nụ cười, một ánh mắt, một cái phẩy tay, một cái nhếch môi người khác đã hiểu họ muốn nói gì. Nhưng cho dù con người có diễn đạt ngôn ngữ tốt cách mấy, thì bản thân ngôn ngữ vẫn có nhiều mặt hạn chế của nó. Một sự minh triết không thể diễn đạt hết bằng lời, một chân lý không thể diễn tả hết mọi sự thật ẩn tiềm bằng ngôn ngữ. Vì vậy nhiều khi con người phải cảm nhận sự thật bằng trực giác, bằng trái tim, bằng ý thức từ phía bên trong nhưng không tìm thấy trong ngôn ngữ. Càng theo đuổi ngôn ngữ càng đi xa sự thật, nhưng không có ngôn ngữ không tìm thấy sự thật. Bản chất của sự thật không nằm trong ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ là chìa khoá giúp con người tìm thấy sự thật.

Chúng ta vẫn thường cho rằng ngôn ngữ là chỉ để dùng giao tiếp giúp con người hiểu nhau. Thực ra Thượng Đế tạo ra ngôn ngữ cho con người ngoài mục đích giao tiếp và sử dụng trong đời sống. Ngôn ngữ còn ẩn chứa một ý nghĩa lớn lao hơn, đó là hiển thị hoặc ẩn tiềm chân lý về Thượng đế. Không có một ngôn ngữ của một dân tộc nào, một đất nước nào mà Thượng đế không hiển thị chân lý về Người trên ngôn ngữ đó. Chúng ta chỉ cần quan sát và động não sẽ nhận thấy sự thật này.

Trong cuốn sách này, tác giả chỉ có thể giải thích ý nghĩa một số từ, hiển thị hoặc ẩn dấu sự thật trong ngôn ngữ Việt Nam.



1-Có bao nhiêu Ba Ngôi?

A- Ba ngôi cao nhất cần khôn Vũ trụ:

-Ngôi thứ nhất:

Bao gồm: Nguyên Thần Thượng Đế, còn được gọi là Đạo, Đấng tạo hoá tối cao, Đấng đầu tiên và cuối cùng, “Alpha và Omega” Thái cực, Thái Thượng...

Thượng Đế Cha, được Nguyên Thần Thượng Đế (Đạo) sáng tạo ra, Kinh dịch gọi là Thái cực sinh ra nhất Dương.

Và Thượng Đế Mẹ, được Nguyên Thần Thượng Đế (Đạo) sáng tạo ra, Kinh dịch gọi là Thái cực sinh ra nhất Âm.

Quá trình sáng tạo ra Thượng Đế Cha và Thượng Đế mẹ của Nguyên Thần Thượng Đế, còn được biết đến theo cách gọi khác trong kinh dịch là; Thái Cực sinh Lưỡng Nghi. Thể lý của Thượng Đế Cha và Mẹ còn được gọi Thánh Thể Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Như vậy là ngôi thứ nhất bao gồm cả ba thể: Nguyên Thần Thượng Đế, Thượng Đế Cha và Thượng Đế Mẹ. Ba ngôi nhưng thực ra chỉ là một vì Nguyên Thần Thượng Đế cũng chính là ý thức của Thượng Đế Cha và Mẹ. Ngôi thứ nhất còn được biết đến với các danh xưng như: Đấng sáng tạo tối cao, Ba ngôi Thượng Đế Tối Cao, Ba Ngôi Cao Cả. Tam Thiên Thượng Đế vô cực.

B-Thượng Đế phân ngôi.

-Ngôi thứ nhất: Gồm Nguyên Thần Thượng Đế, Thượng Đế Cha và Mẹ. Nói theo cách của người Thiên Chúa Giáo, Đức Chúa Cha: là Ngôi thứ nhất.

-**Ngôi thứ hai:** Bao gồm 144 người con của Thượng Đế Cha, Mẹ. Nói theo cách của người Thiên Chúa Giáo, là Đức Chúa Con.

-**Ngôi thứ ba:** Bao gồm toàn bộ con và cháu của 144 Người con của Thượng Đế. Nói theo cách của người Thiên Chúa Giáo, là Đức Chúa Thánh Thần.

Tất cả, các cháu của Thượng Đế và hàng triệu thế hệ nối tiếp đều được coi là Chúa Thánh Thần. Phân ngôi Thượng Đế không có nghĩa là phân chia đẳng cấp, phân chia quyền lực nhằm hưởng lợi từ Ngôi thứ. Con của Thượng Đế, cháu nội

của Thượng Đế, cháu cố của Thượng Đế và tất cả của các cháu của Người được sinh ra là định mệnh không bao giờ có thể thay đổi. Con là con, cháu là cháu, cháu cố là cháu cố và các cháu nối tiếp đang hiện hữu trong Vũ trụ, tất cả mọi người là như nhau không phân biệt hơn thua, phân biệt đẳng cấp. Người được sinh ra sớm hơn là người có trách nhiệm cao hơn, nhưng không là người có đặc quyền, đặc lợi nhiều hơn, không là người được nhận ân điển nhiều hơn.

Ngoài ra, trong đời sống thực tiễn chúng ta nhận ra có nhiều thứ biểu hiện tính ba ngôi như: Ba ngôi của mỗi cá thể, Thể xác - trí tuệ - tâm hồn. Ba ngôi: Siêu ý thức - tàng thức - tiềm thức, ba ngôi: suy nghĩ - lời nói - hành động vv... Ngay cả hành động của các Vị Phật thường ngày, gọi là bất ẩn cũng đã thể hiện sự tôn kính đến Ba Ngôi Thượng Đế Tối Cao. Đưa bàn tay ra, hai ngón cụp lại ba ngón đưa lên.



2- Tâm linh là gì?

Tâm linh là một từ mang hai ý nghĩa nhưng cùng một mục đích.

- Tâm là từ tắt của từ trung tâm.
- Linh là từ tắt của từ linh hồn.

Tâm linh là trung tâm của linh hồn, là linh hồn của Thượng đế, cũng tức là Thượng Đế. Ngoài ý nghĩa hiển thị là Thượng đế, từ tâm linh còn hiển thị một ý nghĩa khác dành cho con người.

- Tâm là từ tắt của từ tâm hồn.
- Linh là từ tắt của từ linh thiêng, linh ứng.

Tâm hồn là nơi xuất phát của mọi tình cảm, từ tình yêu tuyệt đối cho đến sự tôn kính và niềm tin. Theo đuổi tâm linh cũng tức là theo đuổi Thượng đế. Nhưng trong hiện tại chúng ta chỉ có thể cảm nhận Thượng Đế thông qua niềm tin xuất phát từ tâm hồn. Thượng Đế chỉ có thể linh ứng và hiện hữu trong ta thông qua niềm tin lớn lao xuất phát từ tâm hồn, không linh ứng thông qua lý trí. Sự linh ứng của Thượng Đế thông qua niềm tin, từ đó con người sẽ ý thức được sự thật về Thượng đế bằng lý trí.

- Theo đuổi tâm linh là theo đuổi Thượng đế, tìm kiếm Thượng đế.
- Thế giới tâm linh là thế giới Thượng đế.
- Khả năng tâm linh là khả năng Thượng đế.
- Phát triển tâm linh, là phát triển mối liên hệ với Thượng Đế.
- Công nghệ tâm linh là công nghệ của Thượng Đế.



3- Tại sao gọi là Ông Trời?

Ông Trời theo suy nghĩ lâu nay của con người là Thượng Đế. Sự thật là vậy, nhưng Ông Trời ngoài ý nghĩa là Thượng Đế còn mang một ẩn ý khác.

Ông tức là ông nội, ông ngoại, ông tổ là ông đúng nghĩa, Trời là Thượng Đế.

Danh xưng Ông Trời còn mang một ý nghĩa khác, và nó được hiểu Trời là Ông. Thượng đế thực ra là Ông của chúng ta chứ không phải là Cha như lâu nay chúng vẫn quen gọi. Chúa Giêsu và một số ít người khác xưng danh Thượng đế là Cha đúng nghĩa, riêng chúng ta thì phải xưng Thượng Đế là ông chứ không phải là Cha.

Đây chính là ý nghĩa thực sự của từ gọi Ông Trời!



4- Con Người, Loài Người, nhân loại có ý nghĩa gì?

- Con Người.

Con là con cái, Người là từ biểu thị Thượng Đế. Vậy con Người còn được hiểu là con cái của Người. Vậy ý nghĩa được hiển thị trong từ con người, cũng có nghĩa chúng ta là con cháu của Thượng Đế.

Chúng ta đã biết một người Ông vẫn có thể xưng hô với các cháu của mình là các con của ta. Một người Ông vẫn có thể xưng với cháu mình, con trai của ta, con gái của ta. Ông và Bà đều có thể gọi con, cháu của mình là con.

- Loài Người.

-Loài là loài giống.

-Người là từ biểu thị Thượng đế.

Vậy Loài người còn được hiểu là một giống loài của Người. Ý nghĩa được hiển thị trong từ Loài Người có nghĩa: chúng ta là một giống loài của Thượng đế.

-Nhân loại.

-Nhân: ở đây được hiểu theo hai nghĩa, một là: người; hai là: cái nhân là trung tâm.

-Loại: là loại bỏ, tách ra.

Vì vậy, Nhân loại tức là con người đang bị xa rời khỏi trung tâm, trung tâm cũng có nghĩa trung tâm linh hồn, trung tâm Vũ trụ là Thượng Đế.

Tóm lại, Nhân loại là chỉ những người đang bị tách ra khỏi Thượng đế, chưa hiệp nhất với Thượng đế.



5-Đạo đức là gì?

Đạo đức là một từ xuất phát theo Đạo Đức kinh của Lão Tử (Lão Tử là hiện thân của Thượng Đế, sách Sự thật vĩ đại chương nói về tác giả)

A- Đạo:

Đạo được miêu tả trong Đạo Đức kinh của Lão Tử có thể coi là Đạo khởi thủy.

Đạo tức Nguyên Thần Thượng đế, Nguyên Thần là thần khí, năng lượng, ý thức, trí thức, trí tuệ nguyên thủy và Đạo cũng chính là nguồn năng lượng đầu tiên dùng để sáng tạo ra Vũ trụ. Tóm lại, Đạo là năng lượng ý thức đầu tiên trong Vũ trụ khởi thủy.

-Đạo sáng tạo tức là ý thức là trí tuệ sáng tạo.

Đạo sáng tạo ra Vũ trụ tức là trí tuệ Thượng đế sáng tạo ra Vũ trụ và tất cả mọi vật trong Vũ trụ, Đạo là mẹ của vạn vật Vũ trụ. Nhưng trí tuệ chỉ biết làm công việc sáng tạo, trí tuệ không biết đẹp biết xấu, không phân biệt đúng và sai, không

phân biệt thiện và ác. Trí tuệ không biết thưởng thức vẻ đẹp cũng như chê bai cái xấu. Trí tuệ coi bản chất của một sự việc hay mọi sự vật chỉ thuần là bản chất hiện hữu của sự việc, sự vật đó, nó chỉ biết cái gì là hợp lý hay không hợp lý, cái dụng được hay cái không dụng được.

Vì vậy, Lão tử nói Đạo có trước Thượng đế, tức Nguyên thần có trước Thượng đế trong cơ thể vật lý. Đạo có trước trời đất “Trời đất còn có nghĩa là Vũ trụ”. Đạo không có thuộc tính, cũng có nghĩa là trí tuệ không có giới tính (tức trí tuệ người nam thì cũng như trí tuệ người Nữ), Đạo không có hình dạng có nghĩa là trí tuệ không có hình dạng, kích thước, không thể trông thấy được. Đạo có thể vừa mới thấy chỗ này ngay tức thì lại thấy ở chỗ kia, vừa mới phải, có ngay bên trái, tức tư tưởng hay suy nghĩ của con người có thể vừa mới ở Việt Nam đã sang đến Hoa kỳ, vừa mới ở Trái đất đi vào Vũ trụ trong tích tắc.

-Thiên Đạo tức là trí tuệ Thượng đế, tri thức Thượng Đế.

-Lãnh đạo tức là người nhận lãnh nhiệm vụ dẫn dắt dân chúng bằng trí tuệ.

-Đạo làm người, cũng có nghĩa là ý thức làm người

-Đắc Đạo là đạt được ý thức cao nhất, ý thức hoàn toàn, thức tỉnh hoàn toàn.

-Người có đạo Thiên Chúa Giáo là người có trí tuệ, có hiểu biết về giáo lý Thiên Chúa Giáo.

-Người có đạo Phật là người có trí tuệ, có hiểu biết về giáo lý nhà Phật.

B- Đức:

Đức còn được biết dưới một cái tên gọi khác là phần mềm tâm hồn. Đây cũng chính là câu nói của Lão tử trong Đạo Đức kinh, Đức từ Đạo mà thành. Từ đó, tâm hồn đặt tên và nuôi dưỡng tất cả mọi sự vật, sự việc do trí tuệ của Thượng đế đã sáng tạo ra. Từ tâm hồn, Thượng đế mới biết thiện biết ác, biết tốt biết xấu, biết đúng biết sai, vv...chính tâm hồn đặt tên và nuôi dưỡng các tính cách. Đây cũng chính là câu nói của Lão tử trong Đạo Đức kinh: Đức nuôi dưỡng hay còn gọi là tâm hồn nuôi dưỡng.

Đức có ý nghĩa là tâm hồn đại diện là tình yêu.

-Đức tin là niềm tin xuất phát từ tâm hồn.

-Đức Chúa Trời là tâm hồn của Thượng đế, biểu hiện bằng tình yêu.

-Đức Chúa Gêsu là tâm hồn của Chúa Guêsu, biểu hiện bằng tình yêu.

-Đức Phật Thích Ca là tâm hồn của Phật Thích Ca được biểu hiện bằng tình yêu.

Thông thường, người ta gắn chữ Đức đi liền với danh hiệu của những người làm việc thiện về tinh thần. Ví dụ: Đức Giáo hoàng, Đức Giáo chủ, Đức giám mục, Đức Thượng toạ, Đức Đạt Lai Lạt Ma vv...người ta không gắn chữ Đức đối với những người làm việc thiện về trí tuệ như các nhà khoa học hay các nhà lãnh đạo.

Khi nói đến người có đạo đức là nói đến người có ý thức, có trí tuệ và có tâm hồn trong sáng nhân hậu, từ bi, bác ái. Người có đạo đức cao cũng có nghĩa là người có ý thức hiểu biết cao và có tâm hồn luôn thể hiện tình yêu lớn.

Tóm lại: Đạo đức nói theo nghĩa đơn giản nhất thì đó là ý thức và tâm hồn.

“Điều gì đạo đức làm là trao tặng cho bạn tự do. J. Krishnamurti.”

Quả thật, những ai là người có đạo đức sẽ được giải thoát, được cứu rỗi và cuối cùng là linh hồn của chúng ta sẽ được tự do.



6- Bản ngã, chân ngã, vô ngã là gì?

Từ ngã trong bản ngã, chân ngã, vô ngã được hiểu là con đường, một ngã đường trong từ ngã 3, ngã 4, ngã 5 hay ngã 7...

-Bản ngã là con đường của bản thân, là con đường của một cá thể.

-Chân ngã là con đường chân thật có từ lúc khởi thủy ở phía bên trong mỗi chúng ta. Chân ngã còn có những tên gọi khác như: cái tôi cao cả, cái tôi Thần Thánh, Chúa Thánh Thần, siêu ý thức.

-Vô ngã không có nghĩa không có con đường nào mà là không có con đường cụ thể nào, nhưng là tất cả các con đường, là tổng thể của mọi con đường.

Vô ngã cũng tức là Thượng Đế.

Và ngay với cả ý nghĩa của ngôn từ **cá thể, cá Nhân** Thượng Đế cũng đã tiết lộ cho chúng ta biết sự thật về nguồn gốc sự sống thể chất vật lý của con người. Cá trong ngôn từ cá thể là sự hiển thị về con cá, về loài cá thực sự mà không cần đến giảng giải. Vì vậy, trong ngôn từ cá thể đã nói cho chúng ta biết thể xác vật lý của con người có nguồn gốc từ loài cá. Ban đầu là từ loài cá, trải qua nhiều thời kỳ tiến hoá và qua nhiều lần hiệu chỉnh của các Thiên thần, nguồn gene của loài cá đã trở thành nguồn gene của loài người trong hiện tại. Sự thật về nguồn gốc sự sống thể chất của con người, chúng ta không cần phải tìm kiếm ở đâu cho xa xôi mà có ngay trong ngôn ngữ của chúng ta. Chúng ta chỉ cần quan sát không định kiến, chúng ta sẽ nhận ra sự thật này.



7- Tính không là gì?

Trước khi bàn về tính không, chúng ta sẽ phải tìm hiểu về tính hai mặt đối lập **nhị nguyên**. Nhị nguyên là sự phân tách bản thể của một vấn đề, một sự việc, một sự vật ra làm hai cực, hai mặt đối lập nhau Ví dụ: Âm và dương, Thiên đàng và địa ngục, ánh sáng và bóng tối, sống và chết, đau khổ và hạnh phúc, thiện và ác, đúng và sai, tốt và xấu, lạnh và ấm, trái và phải vv...những gì vừa nêu trong ví dụ gọi là nhị nguyên. Như vậy, chúng ta có thể tạm hiểu nhị nguyên tức là hai cực, hai mặt đối lập trong một bản thể, vì nó là trong một bản thể duy nhất mà thành, nên khi không có cái bên này thì cái bên kia không tồn tại.

- Ví dụ: Nếu trên trái đất không có bóng tối, chúng ta sẽ không thể hiểu biết thế nào là ánh sáng.
- Ví dụ: Nếu cái lạnh chưa từng bao giờ xuất hiện trên Trái đất, thì con người sẽ không bao giờ biết đến cái ấm, tức ý nghĩa của sự ấm áp cũng sẽ không xuất hiện.
- Ví dụ: Nếu trạng thái đau khổ của con người là cái chưa bao giờ xuất hiện trên thế gian, thì con người cũng sẽ không bao giờ nhận biết trạng thái hạnh phúc.

Để có thể nắm bắt rõ hơn tính hai mặt đối lập trong một bản thể của cái thế giới nhị nguyên Thần thánh, chúng ta sẽ thử tưởng tượng qua ví dụ: Tính hai mặt đối lập của đồng tiền.

Tạm coi, mặt ngựa của đồng tiền là thiện và mặt sấp là ác. Nhưng thực ra, những gì được gọi là thiện nổi lên trên bề mặt của đồng tiền nó chỉ là hình tướng, là ảo ảnh. Và ngược lại những gì được gọi là ác nổi lên trên bề mặt của đồng tiền cũng chỉ là hình tướng, là ảo ảnh. Bản chất thực, tạo nên hai bề mặt của đồng tiền không phải là những gì chúng ta đã nhìn thấy trên bề mặt của nó - mà là các thành phần vật chất, các nguyên tố cấu thành toàn bộ đồng tiền. Vì vậy, hai mặt của đồng tiền cũng chỉ do một bản thể duy nhất tạo nên. Nếu chúng ta muốn loại bỏ mặt sấp (gọi là ác) của đồng tiền và giữ lại mặt ngựa (gọi là thiện) cũng có nghĩa là chúng ta phá huỷ toàn bộ cấu trúc của đồng tiền. Khi đó, quy luật tự nhiên của Thượng Đế sẽ xuất hiện không có cái bên này thì cái bên kia không tồn tại.

Tương tự như vậy, tâm hồn của mỗi con người bao gồm cả tính thiện, tính ác và nhiều tính cách đối đối lập nhau, nhưng cùng nhau tồn tại trong linh hồn. Trên thực tế chúng ta sẽ không bao giờ có thể loại bỏ bất cứ tính cách nào ra khỏi tâm hồn của chúng ta. Vấn đề then chốt của chúng ta không phải là loại bỏ mà là ý thức, là nhận thức - ý thức từ trong suy nghĩ, lời nói và hành động.

Khi mỗi người trong chúng ta có thể cảm nhận và ý thức được nhị nguyên, con người mới có thể ứng dụng được **tính không**

-Tính không, không phải là không có tính cách, mà là không chia tách nhị nguyên. Khi một người có ý thức, thì trong giao tiếp họ sẽ không coi trọng, không phân biệt đối xử, không thiên vị người nào hơn người nào, đối tượng nào hơn đối tượng nào, sự vật nào hơn sự vật nào. Ví dụ: Chúng ta không kính trọng người lương thiện, hơn người độc ác. Không yêu quý người rộng rãi hơn người keo kiệt, không coi trọng người tài giỏi hơn người đần độn. Không đối xử phân biệt người tốt với người xấu, người giàu hơn người nghèo. Không thiên vị giữa cái đẹp và cái xấu, không định kiến giữa cái đúng và cái sai, không so sánh giữa người này với người kia, cái này với cái nọ vv...

Tóm lại: Tính không là những tính cách hoạt động dựa trên ý thức hợp nhất nhị nguyên, khi đó con người sẽ không phán xét, không phân biệt, không so sánh, không thiên vị, không hơn thua, không định kiến, không chấp nhậm... Con người sẽ xem mọi người là bình đẳng như nhau, tất cả chúng ta là một, chúng ta và Thượng đế là một. Ý thức được mọi sự vật, mọi sự việc, mọi thứ hiện hữu đều có

giá trị riêng của nó, tất cả mọi tạo vật được sáng tạo đều hoàn hảo như nhau. Và xem tất cả nó như là không thể thiếu trong mọi mối liên hệ của đời sống. Sau cùng là mỗi người trong chúng ta phải tự ý thức được rằng con người sẽ không thể nào tồn tại khi tách rời tổng thể, hay nói cách khác là con người không thể tách rời khỏi Thượng Đế.

Khi con người đạt đến thức tỉnh hay giác ngộ, cho đến thức tỉnh hoàn toàn hay giác ngộ hoàn toàn, con người sẽ thể hiện rất là hoàn hảo cái gọi là tính không. Đơn giản, tính không là một tính cách luôn được thể hiện bằng ý thức cao nhất dựa trên tầm nhìn tổng thể, không phân tách nhị nguyên.

Tính không còn được coi là một phần rất quan trọng trong tính cách của Thượng Đế, khi con người thể hiện tính không, người ta có thể xem nó như là thể hiện Thượng Đế tính, hay Phật tính.



8- Vô vi có ý nghĩa gì?

Vô vi không đơn thuần là một từ ngữ, nhưng vô vi là luật.

Luật vô vi đi cùng với nó là luật hữu vi. Vô vi không được hiểu đơn giản là không hành động, không làm gì, mà nó phải được hiểu là không can thiệp. Không can thiệp theo nghĩa của vô vi, là không can thiệp cả về hành động lẫn tư tưởng, không can thiệp cả về hữu hình lẫn siêu hình.

Luật vô vi được áp dụng từ lúc con người thông minh xuất hiện trên trái đất, và kết thúc vào năm 2000 sau CN. Trên thực tế, luật vô vi luôn được áp dụng lên tất cả mọi lĩnh vực phát triển trong thế giới vật lý, cũng như mọi sự sống trong Vũ trụ, nó còn được biết đến với tên gọi là quy luật tự nhiên. Ví dụ; Mưa rơi nước chảy tạo thành sông, con người không được ngăn dòng chảy của con sông. Một con sư tử rượt đuổi một con linh dương đầu bò nhằm ăn thịt nó, một con cá lớn rượt bắt ăn thịt con cá nhỏ. Mọi việc xảy ra là thuận theo quy luật tự nhiên, không có gì là tốt hay xấu, là thiện hay ác, là lợi hay hại, vì vậy con người không nên can thiệp vào việc xảy ra trong quá trình phát triển của tự nhiên.

Theo luật vô vi thì Thượng Đế, các Thiên thần và con người trên thế gian, tất cả không một ai được can thiệp vào quá trình xảy ra trong tự nhiên. Không được can

thiệp vào bất cứ một việc làm, hành động, ý muốn nào của người khác nếu không được sự yêu cầu của đối tượng. Trường hợp, có sự can thiệp xảy ra tức người can thiệp đã phạm luật vô vi, vì vậy người ấy sẽ bị luật nhân quả tác động trở lại.

Trong sự thức tỉnh hoàn toàn của các Thiên thần và Thượng Đế, Họ sẽ không bao giờ can thiệp và ý muốn, hành động và việc làm của con người. Trừ khi, Họ tiếp nhận được sự yêu cầu trợ giúp của con người, nhưng không phải lúc nào Họ cũng trợ giúp khi được yêu cầu. Trước khi tiến hành trợ giúp, Họ sẽ xem xét sự giúp đỡ của Họ có thực sự đem lại lợi ích cho tiến trình trải nghiệm của người đó không?. Thông thường Họ sẽ không ra tay can thiệp ngay tức thì, mà chuyển sang kiếp sau.

- Ví dụ: Có một người rất siêng năng và chí thú làm ăn, nhưng không may họ lại đang rơi vào hoàn cảnh nợ nần đầm đìa. Họ là người lương thiện thực sự, nên họ rất mong muốn mình sẽ có tiền để trả nợ. Nhưng tất cả mọi nguồn thu của họ không còn gì và không có người nào trợ giúp họ. Vì vậy, họ đã khẩn nguyện cầu xin, Thượng Đế, Thánh thần, Trời Phật giúp đỡ họ.

Việc cầu xin khẩn nguyện của người đó chắc chắn là đã đến được với các Đấng. Nhưng trong trường hợp này nếu các Đấng tiến hành trợ giúp cho người này là xâm phạm quyền tự do ý chí của con người. Vì người đó đã chọn sự trải nghiệm các cảm xúc về những áp lực thiếu thốn, nợ nần trước khi tiến hành cầu nguyện. Nói chính xác hơn là người đó chọn cho mình sự nợ nần trong tiền kiếp, còn thực cầu nguyện là xảy ra trong hiện tại, nên các Đấng không thể đảo lộn tiến trình đã xảy ra. Trường hợp tiến hành trợ giúp ngay là xâm phạm quyền tự do ý chí tuyệt đối của con người, là phạm bất can thiệp. Vì vậy các Đấng sẽ xem xét người đó đã trải nghiệm các cảm xúc đó đủ chưa, Họ mới quyết định can thiệp hay không. Trường hợp xét thấy đã đủ, nói cách khác là người đó đã trải nghiệm xong, khi đó Họ mới có thể tiến hành trợ giúp cho người này dần thoát ra khỏi nợ nần. Nếu xét thấy các trải nghiệm mà người đó kinh qua là chưa đủ, Họ sẽ không can thiệp nhưng ghi nhận lòng thành của người cầu nguyện và chuyển sang kiếp sau.

Cũng trường hợp này nhưng khi áp dụng luật vô vi đối với con người có khác biệt.

- Ví dụ: Trông thấy người bạn lâm vào hoàn cảnh nợ nần không còn khả năng trả nợ. Người này đã tự động bỏ ra một số tiền khá lớn, giúp cho người bạn trả nợ, tự

nguyện nhưng không cần sự yêu cầu của người bạn. Trong trường hợp này, người tốt kia đã phạm luật vô vi, vì thế các cảm nghiệm về nợ nần mà đáng ra người bạn phải nếm trải, đã được chuyển sang cho người tốt trải nghiệm trong kiếp sau. Vì bởi, người bạn tốt kia đã can thiệp vào diễn tiến làm chấm dứt sự kiện đang xảy ra. Nợ nần, thiếu thốn là do người bạn đã chọn cho mình từ trong tiền kiếp, vậy nên sự việc xảy ra trong hiện tại chỉ là một trải nghiệm điều đã được chọn trong quá khứ.

Vẫn trường hợp này nhưng người bạn tốt kia giúp đỡ theo sự yêu cầu, cầu xin của người bạn thì không phạm luật vô vi. Mà trong kiếp sau, người đó sẽ được luật nhân quả mang trả lại gấp bảy lần số tiền mà người này đã bỏ ra.

Luật vô vi cũng tức là luật bất can thiệp, nói như thế không có nghĩa là trong thời kỳ áp dụng luật vô vi Thượng Đế hoàn toàn không can thiệp vào đời sống của con người. Thượng Đế cho phép con người hoàn toàn tự do ý chí, thực ra điều này chỉ đúng có một nửa. Vì Thượng Đế chỉ không can thiệp vào suy nghĩ và hành động khi con người tạo ra **nhân** - con người hoàn toàn tự do sáng tạo ra tương lai, tự do viết ra kịch bản cho chính mình trong kiếp sau. Nhưng khi con người nhận **Quả** sẽ không còn sự tự do ý chí. Trong quá trình sống của một đời người, các thế lực của Thượng Đế sẽ can thiệp, sẽ đạo diễn, sẽ mang lại cho con người tất cả mọi thứ do con người đã chọn trong tiền kiếp. Con người sẽ mất đi quyền tự chủ và không thể thay đổi khi tiếp nhận nghiệp quả của chính mình.

Trong các thời kỳ trước con người có quyền tự do suy nghĩ, ước muốn và hành động theo ý của mình, nhưng thành công hay thất bại điều căn cứ vào kịch bản mà con người đã viết ra trong quá khứ. Quá khứ, hiện tại và tương lai tất cả điều chỉ có thể xảy ra trong thực tại hiện hữu. Chúng ta vừa trải nghiệm quá khứ, đồng thời vừa sáng tạo ra tương lai trong hiện tại. Trước đây, bây giờ cũng như sau này chúng ta luôn phải trải nghiệm cuộc sống, của chính mình trong từng khoảnh khắc của thực tại hiện hữu, không có trường thời gian khác. Vì vậy, Thượng Đế cũng chỉ có thể can thiệp hay không can thiệp vào đời sống của chúng ta trong lúc diễn ra thực tại đó. Mọi suy nghĩ và hành động của chúng ta là đang sáng tạo ra tương lai hay đang bị các thế lực tâm linh can thiệp bởi nghiệp quả tiền kiếp, chúng ta không thể biết. Mặc dù mọi thứ xảy ra là đều xuất phát từ suy nghĩ và hành động của chính chúng ta, nhưng chỉ có Thượng Đế biết cái gì là của ta, cái gì là do bị can thiệp. Sự can thiệp của các thế lực tâm linh vào suy nghĩ và hành động của

con người, giúp chúng ta nhận được cái mà chúng ta đã chọn trong tiền kiếp là rất siêu đẳng. Vì tất cả mọi sự can thiệp của họ đều dựa vào dữ liệu sẵn có trong tiềm thức của chính ta, nên ta rất khó có thể nhận biết.

Sự can thiệp của các thể lực tâm linh vào suy nghĩ và hành động của con người; tương tự như chúng ta đang nghe một bản nhạc được phát ra từ một chiếc máy vi tính. Nhưng nguồn âm thanh đó được sử dụng trực tiếp từ Internet hay đã có sẵn trong desktop chúng sẽ khó mà biết được. Dữ liệu có sẵn trong desktop tương tự như nguồn dữ liệu có trong tiềm thức. Dữ liệu được tạo ra bởi sự can thiệp, tương tự như nguồn từ Internet. Nhưng tất cả mọi nguồn dữ liệu được xử lý từ chiếc máy vi tính, đều thông bộ vi xử lý. Và tất cả mọi nguồn dữ liệu của con người được tạo ra bởi chính ta hay do can thiệp đều phải được xử lý thông qua bộ não của chính chúng ta.

Sự tự do của con người trong các thời kỳ trước đây và hiện tại; tương tự như sự tự do của một công dân sống dưới sự lãnh đạo của nhà cầm quyền. Có thể trong cuộc sống đó, con người có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do thương mại vv... Nhưng tất cả mọi sự tự do phải được tuân thủ theo khuôn khổ của luật pháp mà chính quyền đất nước đó đã đặt ra. Tương tự như vậy, người ta cho rằng; con người được Thượng Đế ban cho quyền tự do ý chí. Nhưng sự tự do ý chí của con người trong đời sống thế tục hiện tại, chưa bao giờ là sự tự do hoàn toàn. Linh hồn của con người trong đời sống thế tục hiện tại, trên thực tế là đang bị cầm tù. Linh hồn của con người chỉ thực sự tự do hoàn toàn, trừ khi đã được Thượng Đế cứu rỗi và giải thoát cho chúng ta.

Luật hữu vi, ý nghĩa trái ngược với luật vô vi. Ý nghĩa của từ **hữu vi** rộng lớn hơn ý nghĩa của từ **hành động**, hành động ý nghĩa rộng lớn hơn từ **việc làm**. Hữu vi mang tính chất vô hạn của Thượng Đế - hành động mang tính chất hữu hạn của linh hồn, hành động có nghĩa là đang làm nhưng là việc làm cùng chuyển động với ý thức - việc làm mang tính chất giới hạn của cơ thể.

Tương tự như vậy, quyền năng lớn hơn quyền lực, quyền lực lớn hơn quyền hạn. Quyền năng mang tính vô hạn của Thượng Đế - quyền lực mang tính hữu hạn của Nhân loại - quyền hạn mang tính giới hạn của một chức vụ.

Luật hữu vi được áp dụng từ năm 2000 cho đến ngày phán xét cuối cùng. Tuy theo từng thời điểm tiến hoá của Loài người, Thượng đế sẽ áp dụng luật vô vi hay hữu vi, nhằm trợ giúp chúng ta đi đến mục đích cuối cùng.



9- Siêu ý thức là gì?

Trong cuốn “Sự Thật Vĩ Đại” chúng ta đã có tiềm thức, tàng thức, bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu về siêu ý thức gọi tắt là siêu thức. Trong toàn bộ đời sống, trong toàn bộ linh hồn của một con người thì siêu thức là nơi chứa đựng thông tin quan trọng nhất. Siêu thức còn có nhiều tên gọi khác nhau như: Chân ngã, Chúa Thánh thần, cái tôi Thần thánh, cái tôi cao cả.

Trước khi đề cập đến siêu thức chúng ta nhắc lại một chút về tàng thức; tàng thức mang toàn bộ thông tin của những kiếp sống kể từ lúc một linh hồn đến Trái đất, ngoài ra có nhiều linh hồn mang thông tin của những kiếp sống tại một hành tinh đã được cứu rỗi, và họ là một trong những người chưa cứu rỗi nên phải tiếp tục đến trái đất tiếp tục trải nghiệm. Tàng thức là kênh thông tin có thể sử dụng thông qua dữ liệu dẫn, từ các dữ liệu dẫn, thông tin tàng thức sẽ xuất hiện tại tiềm thức.

- Siêu ý thức là nơi lưu giữ thông tin gì?

Siêu ý thức là nơi lưu giữ toàn bộ thông tin của một linh hồn từ lúc được Thượng đế sáng tạo ra, nó lưu giữ toàn bộ tri thức, như tri thức của Thượng đế, Đấng toàn tri, còn được gọi là **tri thức Thượng Đế, ý thức Thượng đế**. Siêu thức lưu giữ toàn bộ tính cách sống hoàn hảo như tính cách của Thượng Đế nhân từ, trải qua nhiều tỷ - tỷ năm trong Nước Trời, được hiểu là **Thiên tính Bản tâm**. Ngoài ra nó còn lưu giữ toàn bộ thông tin sống tiêu cực và tích cực của một linh hồn qua những lần trải nghiệm, thuộc nhiều vùng Vũ trụ khác nhau trước đây.

Tất cả các thông tin trên được Thượng đế cài đặt vào trong DNA não bộ của con người sau mỗi lần đầu thai.

-Siêu ý thức có phải là linh hồn thứ hai chúng ta hay không?

Siêu thức không phải là một linh hồn thứ hai của con người. Linh hồn của mỗi chúng ta không có trong siêu thức mà nó đang hiện hữu trong thể xác của mỗi người gồm có hai phần: chương trình phần mềm ý thức và chương trình phần

mềm tâm hồn. Trong thời gian trải nghiệm trần thế, các chương trình này sẽ là công cụ sáng tạo ra bản ngã cho mỗi chúng ta.

Tóm lại, siêu ý thức là nơi lưu giữ toàn bộ thông tin của sự thật và siêu đẳng chính hiệu.

Một con người bình thường rất khó tiếp cận được kênh thông tin trong siêu thức, ngoại trừ những người đã được hiệu chỉnh. Một người sau khi được hiệu chỉnh thường được biết đến như là những nhà tiên tri, nhà ngoại cảm, những người phụng sự ánh sáng (Lightworker). Ngoài ra, còn có rất nhiều người làm việc trong các chuyên ngành như: Thiên văn, khoa học, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ vv... đã được các Thiên thần hiệu chỉnh, cũng có thể tiếp cận được kênh thông tin trong siêu thức. Nhưng hầu hết những người này không ý thức được là mình đã tiếp cận thông tin trong siêu thức và không ý thức được là mình đã được hiệu chỉnh. Tất cả, những người trong số này còn được biết đến dưới một cái tên gọi khác “Thiên tài”.

Trên thực tế, việc tiếp cận được thông tin trong siêu thức không phải là công việc dễ dàng. Càng cố gắng càng không thể tiếp cận, khi một người ý thức là mình đang tìm kiếm thông tin trong siêu thức, thì nó sẽ không bao giờ xuất hiện. Nhưng cũng có nhiều người nhầm tưởng là mình đã tiếp cận được thông tin trong siêu thức. Trong thực tế thì đó chỉ là những thông tin đã có trong tiềm thức và tàng thức được lập trình lại và tất cả các kiến thức mới này còn có một tên gọi khác là “sáng chế”.

Sáng chế và sáng tạo có một điểm khác biệt, sáng chế là sử dụng kiến thức của ta đã có, được lưu giữ trong tiềm thức và tàng thức chế tác lại. Sáng tạo là tạo nên những kiến thức mới mẻ, chưa bao giờ có trong đời sống của Loài người. Trong lịch sử, đã có không ít sự thật xuất hiện từ siêu thức trái ngược hẳn với kiến thức hiện có của Nhân loại, trong lĩnh vực khoa học lẫn tâm linh.

Nói như vậy, không có nghĩa là tất cả mọi sự sáng tạo của con người đều mang tầm vóc vĩ đại, có lợi ích to tát cho Nhân loại. Quá trình sáng tạo ra bản ngã, cũng có nghĩa là quá trình tự làm mới lại suy nghĩ và việc làm của chính mình liên tục. Sáng tạo bản ngã, đôi khi chỉ là tạo ra một ý tưởng nhỏ, một hành động nhỏ, nhưng không rập khuôn, bắt chước và mới lạ. Sáng tạo là tạo ra những suy nghĩ và hành động thiên về ánh sáng, mà ánh sáng chính là sự thật mang sự tốt

đẹp. Dựa trên sự sáng tạo của chính mình, Thượng Đế sẽ sử dụng luật nhân quả mang lại cho ta những điều tốt đẹp cũng hoàn toàn mới lạ, không giống với những gì đã xảy ra trước đó. Sáng tạo ra được nhiều ý tưởng và hành động mới lạ, ta cũng sẽ được Thượng Đế mang lại cho ta nhiều trải nghiệm mới mẻ.

Muốn tiếp cận được thông tin trong siêu thức, trước tiên con người phải có được một cái tâm không trí rỗng hoàn toàn. Và tự đặt ra cho mình những câu hỏi và đi sâu vào câu hỏi đó với lòng đam mê cháy bỏng đến độ không còn ý thức được thực tại diễn ra chung quanh, thông tin từ siêu thức sẽ xuất hiện.

Tiếp cận được thông tin trong siêu thức cũng tức là tiếp cận được sự thật, tiếp cận tri thức ánh sáng từ Thượng đế.

Thông tin có được của con người trần thế chưa được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn đối với siêu ý thức; tương tự như cuộc sống của một nghèo khổ trông thấy ngân khố quốc gia. Và họ biết rằng trong đó chứa đầy vàng bạc, nhưng họ lại không biết làm cách nào để sở hữu nó dù chỉ là một phần nhỏ.



10- Giác Ngộ và Thức tỉnh là gì?

Giác ngộ hay thức tỉnh ý nghĩa của hai từ này có sự tương đồng.

A - Giác ngộ.

Giác là biết, hiểu biết, tri thức, ý thức,

Ngộ là gặp, gặp lại, nhận ra.

Vậy giác ngộ là gặp lại, nhận ra sự hiểu biết từ trong chính mình, giác ngộ hoàn toàn là được gặp lại, nhận lại ý thức chân ngã hay siêu ý thức của chính mình.

B - Thức tỉnh.

-Thức, trong từ thức tỉnh được hiểu như là thức và ngủ, nhưng ngủ ở đây không là giấc ngủ bình thường như mọi ngày chúng ta vẫn ngủ. Nhưng là ý thức, là thông tin trong siêu thức của ta đang đi vào giấc ngủ và bây giờ là lúc chúng ta phải đánh thức chúng dậy để đi vào hoạt động.

-Tỉnh, trong từ thức tỉnh có nghĩa là tỉnh giấc “ngủ”, nhưng cũng có nghĩa là trạng thái yên tĩnh, tỉnh lặng, tỉnh táo.

Như vậy, thức tỉnh được hiểu là đánh thức một tiềm năng tri thức to lớn đang ngủ say trong mỗi chúng ta thức dậy đi vào hoạt động, trong trạng thái tỉnh lặng của cái trí.

Thực ra, khi sử dụng hai từ giác ngộ và thức tỉnh, chúng ta thường dễ bị nhầm lẫn với hai từ tỉnh ngộ hay lương tâm tỉnh thức. Ví dụ; Có một người đàn ông biếng nhác công việc, suốt ngày chỉ thích rong chơi nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Mỗi lần uống say là gây gỗ và đánh đập vợ con, có một lần sau khi uống say anh ta đánh vợ mình đến độ hàng xóm phải đưa đi bệnh viện cấp cứu. Sau khi tỉnh rượu anh ta biết mình đã đánh vợ đến độ phải nhập viện nhưng gia đình anh ta không đủ tiền trả viện phí và các con ở nhà không có cái để ăn. Nhưng anh ta không làm được gì vì đã bị công an bắt giam. Nhưng sau vụ việc đó tâm tính của anh ta đã thay đổi hoàn toàn, chí thú làm ăn không rượu chè, cờ bạc rong chơi như trước, lúc nào anh ta cũng thể hiện sự chăm lo và yêu thương vợ con.

Trường hợp này sẽ có người nói anh ta đã giác ngộ, đã thức tỉnh. Thực ra trường hợp này không là giác ngộ hay thức tỉnh, mà là anh ta đã tỉnh ngộ, lương tâm tỉnh thức. Tỉnh ngộ hay lương tâm tỉnh thức là một hành động tự hoàn thiện, nó là cái được thực hành trong hiện tại nhằm hoàn thiện cái khiếm khuyết của quá khứ. Giác ngộ hay thức tỉnh, hoàn toàn khác, nó là trạng thái vắng mặt quá khứ. Là một trạng thái nhận biết của cái trí trong tỉnh lặng không có sự hiện diện của quá khứ, không có xét đoán, không có phê phán, không phân tích, không định kiến. Từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc sự thật xuất hiện cũng có nghĩa là điều chưa biết xuất hiện. Nhưng không là tri thức nhằm tự hoàn thiện “cái tôi” mà là cái để hiểu rõ cái tôi, hiểu rõ bản ngã của chính ta. Nhận biết nhằm hoàn thiện cái tôi là hướng tới một kết quả không là sự thức tỉnh. Thức tỉnh là trạng thái không còn hiện hữu cái tôi trong quan sát, sự thật xuất hiện nhưng không bị phủ nhận hoặc chấp nhận. Mà là trạng thái người quan sát lẫn vật được quan sát hiệp thông trọn vẹn không có sự chia tách phân đôi.

Ở một cấp độ nhất định nào đó bất kỳ ai trong chúng ta cũng có thể trải nghiệm được cảm giác trọn vẹn chân thật từ sự quan sát của chính mình. Ví dụ; Có nhiều

khi ta xem một cuốn phim, đọc một cuốn sách, chăm chú ngắm nhìn cậu bé đang nhặt rác. Từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc trong thời điểm đó nước mắt ta tuôn rơi, tâm hồn ta bồi hồi xúc động. Đó chính là khoảnh khắc ta và vật được quan sát được hợp nhất, cái tôi quan sát và vật được không còn phân đôi. Sự hoá thân của chính ta vào diễn biến của hoàn cảnh, hoá thân thành nhân vật đã xuất hiện trong bối cảnh. Và từ trong khoảnh khắc cái tôi của chính ta không hiện hữu, cảm giác chật thật xuất hiện, điều ta chưa từng biết hiện hữu. Nhưng khi đó chỉ cần cái trí can thiệp đưa ra nhận định nhằm kết thúc điều quan sát bằng một quan điểm, mọi thứ sẽ kết thúc cái mới mẻ không bao giờ xuất hiện. Một ví dụ khác: Có một bản nhạc mà ta đã từng nghe, đã từng hát nhiều lần nhưng nó không cho ta nhiều cảm xúc và ta cũng không cảm nhận được nhiều về ý nghĩa lời bài hát. Vì ta đã nghe nó bằng một hời hợt, không quan tâm, thiếu cảm xúc, vì ta đã nó hát cho xong, cho vui không có đam mê sâu lắng. Nhưng chợt có một ngày ta hát nó bằng sự đam mê sâu lắng, tự hoá thân vào bối cảnh, vào nhân vật trong bài hát. Trong khoảnh khắc đó ta và âm điệu cùng lời bài hát hoà quyện thành một, từ đó cảm xúc chân thật xuất hiện, điều mới mẻ hiện hữu. Và từ trong những khoảnh khắc đó ta sẽ có được một trải nghiệm chân thật và tuyệt vời.

Thực ra, con người ta không thể tự rèn luyện, không thể theo đuổi thức tỉnh bằng lòng ham muốn. Thức tỉnh tự thân nó không thể có được bằng rèn luyện, theo đuổi, mời mọc, cầu xin, mà là thời điểm nhưng mỗi chúng ta không thể biết lúc nào sẽ là thời điểm và cũng không thể tự quyết định thức tỉnh. Người thức tỉnh đơn giản là một người thông minh, vậy thử hỏi một người ngu dốt có thể nào tự làm cho mình trở nên thông minh được không?. Tương tự như vậy bóng tối không thể nào tự nó trở thành ánh sáng. Một người ngu dốt không thể nào tự làm cho mình trở nên thông minh. Sự thông minh mà người ngu dốt cho rằng mình có được chẳng qua là một bắt chước, một sự ăn cắp ý tưởng, một phụ thuộc vào ý kiến của người khác, nhưng không là sự sáng tạo. Tất cả mọi thứ mà một người ngu dốt có thể làm được cùng lắm chỉ là những sáng chế tầm thường, không là thông minh, không là thức tỉnh. Tự thân ý nghĩa của hai từ thông minh đã thể hiện về chính nó, thông minh là câu thông với ánh sáng, một người thông minh là người thông suốt với ánh sáng mà ánh sáng là chân lý là sự thật. Tương tự như vậy một người trong tình trạng tối tăm không thể tự mình làm cho mình thành sáng suốt. Từ trong bóng tối nhìn xuyên qua không gian thấy được ánh sáng, thì bản thân người đó vẫn đang trong bóng tối, không là ánh sáng. Nó đơn giản chỉ

là một sự nguy tạo tự lừa dối nhưng không là ánh sáng thực sự, không là sự thật. Tương tự như người trình độ cấp một nhìn, đọc các tài liệu giảng dạy cho thạc sĩ, nhưng tự thân họ không phải là người đang học để lấy bằng thạc sĩ.

Nói đến thông minh là nói đến sáng tạo, vì vậy chúng ta không nhầm lẫn thông minh với khôn ngoan. Một con người khôn ngoan là người có rất nhiều kinh nghiệm qua trải nghiệm trong sống của kiếp này và nhiều kiếp sống trước, tất cả được lưu giữ trong tiềm thức và tàng thức. Luân hồi và luật nhân quả sẽ giữ mọi kinh nghiệm thuộc về khôn ngoan cho mọi linh hồn khi linh hồn trở lại. Nhưng luân hồi và luật nhân quả không đem lại cho con người sự thông minh, nếu linh hồn chưa đủ điều kiện. Khôn ngoan thuộc về tư tưởng, thuộc ký ức, thuộc về quá khứ. Thông minh là tức thì trong hiện tại không có sự hiện diện của quá khứ. Vì vậy, trong đời sống thế tục người khôn ngoan dễ thành công hơn người thông minh. Bởi những người khôn luôn biết sắp đặt cho mình kế hoạch hành động trong sống dựa vào kinh nghiệm tích lũy của bản thân. Riêng người thông minh không thể nào chuẩn bị trước để đón nhận, không thể lên kế hoạch, cũng không thể mồi mọc một sáng tạo hiện diện lúc họ cần. Người thông minh và người khôn ngoan là hai tiếp người khác nhau, nhưng khi có sự kết hợp giữa hai tiếp người này trong một cá thể thì họ trở thành người thông thái.

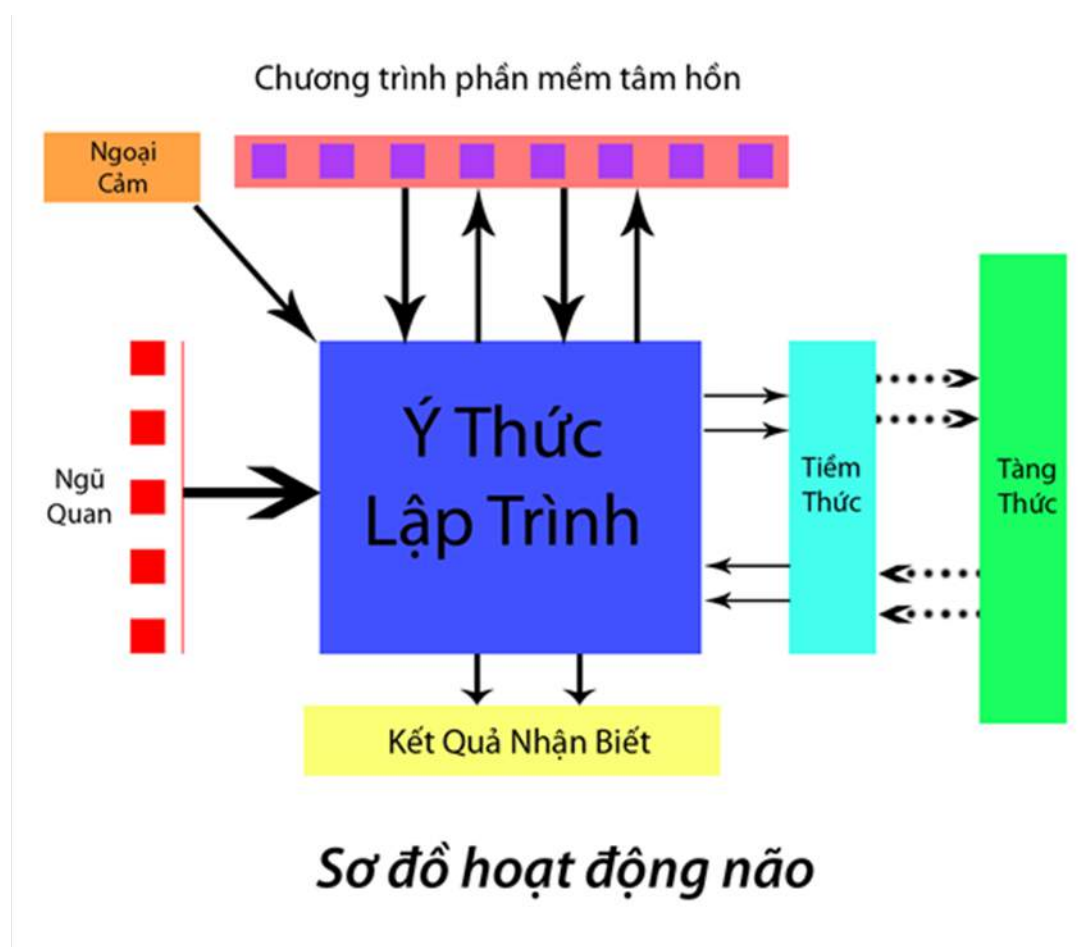
Muốn có được sự thông minh con người ta phải trải nghiệm qua sự ngu dốt, phải hiểu rõ ngu dốt và thức tỉnh hoàn toàn về sự ngu dốt của chính mình, thông minh xuất hiện. Tương tự như vậy con người ta muốn tiếp cận được với ánh sáng, người ta phải trải nghiệm qua bóng tối, sống cùng bóng tối và hiểu rõ được bóng tối trong chính mình, người ta mới có thể trở thành ánh sáng. Không trải qua ngu dốt, không kinh nghiệm qua ngu dốt không có thông minh. không từng sống trong bóng tối, không từng trải nghiệm qua bóng tối không đến được với ánh sáng. Đơn giản vì các thể lực của Thượng Đế không giúp một linh hồn trở nên thông minh khi linh hồn đó chưa trải nghiệm đủ ngu dốt. Tương tự như vậy các thể lực của Thượng Đế sẽ không cho phép một linh hồn thể gian đến với ánh sáng, nếu linh hồn đó chưa trải nghiệm đủ qua bóng tối.

Trên thực tế sự giác ngộ hay thức tỉnh là kế hoạch có điều kiện vì nó luôn được đi kèm với hiệu chỉnh sau khi trải nghiệm đầy đủ mặt trái thiên đàng. Tương tự như vậy giác ngộ hoàn toàn hay thức tỉnh hoàn toàn luôn đi kèm với hiệu chuẩn.

Con người hiện sống trên Trái đất hay bất cứ một hành tinh nào trong Vũ trụ đang trong thời kỳ trải nghiệm, cũng tức là con người đang trong tình trạng quên lãng. Trong thời kỳ này, tiềm năng tri thức to lớn của mỗi chúng ta đã bị các thể lực của Thượng Đế, làm cho chúng say ngủ trong các DNA của chính chúng ta. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể giác ngộ hay thức tỉnh đến một mức độ nhất định, nhưng không thể đạt đến giác ngộ hoàn toàn hay thức tỉnh hoàn toàn.

Với tính trạng của các DNA lưu giữ thông tin đang ngủ say trong cơ thể; chúng ta không thể tự mình đánh thức chúng hoạt động trở lại. Nếu muốn các DNA này thức tỉnh và đạt đến trạng thái thức tỉnh hoàn toàn cần phải có sự hỗ trợ của công nghệ và năng lượng xuất phát từ Thượng Đế và các Thiên Thần.

-Sơ đồ hoạt động não của con người chưa được hiệu chỉnh.



Quá trình thức tỉnh hoàn toàn được chia làm hai giai đoạn:

-Giai đoạn thứ nhất: Trong giai đoạn này các Thiên thần chỉ chọn **hiệu chỉnh** số người đã có ý thức giác ngộ. Hiệu chỉnh, hay còn được gọi là quá trình thăng thiên để trở thành nhà ngoại cảm hay những người phụng sự ánh sáng (Lightworkers' Guidelines). Giai đoạn này các Thiên Thần sử dụng công nghệ siêu đẳng từ ngoài không gian, kết hợp với các trường năng lượng đã được đưa vào Trái đất từ Vũ trụ. Và liên kết với các Thiên Thần hiện đang sống bên trong lòng Trái đất tiến hành hiệu chỉnh. Công việc của các Thiên thần là kích hoạt một số DNA từ luân xa thứ 7 đến luân xa 1 đồng thời đánh thức một số DNA lưu giữ thông tin siêu thức đang ngủ hoạt động trở lại.

Kèm theo đó, Họ đã sử dụng một loạt năng lượng (hiện tại Nhân loại chưa biết) để thanh tẩy và loại bỏ những độc chất hoá học đã tồn đọng trong cơ thể, loại bỏ mở và chất vôi mảng bám khai mở tuyến tủy. Sau khi, khai mở tuyến tủy người được hiệu chỉnh sẽ có thể nhận biết được các thông tin do Thượng Đế hay các Thiên Thần truyền đến thông qua đường truyền siêu sóng não; còn được gọi là thông tin ngoại cảm.

Quá trình hiệu chỉnh có thể kéo dài từ hơn 35 ngày đến trên 55 ngày tùy theo thể trạng của từng đối tượng được hiệu chỉnh. Sau đây là một số triệu chứng trong thời gian hiệu chỉnh như:

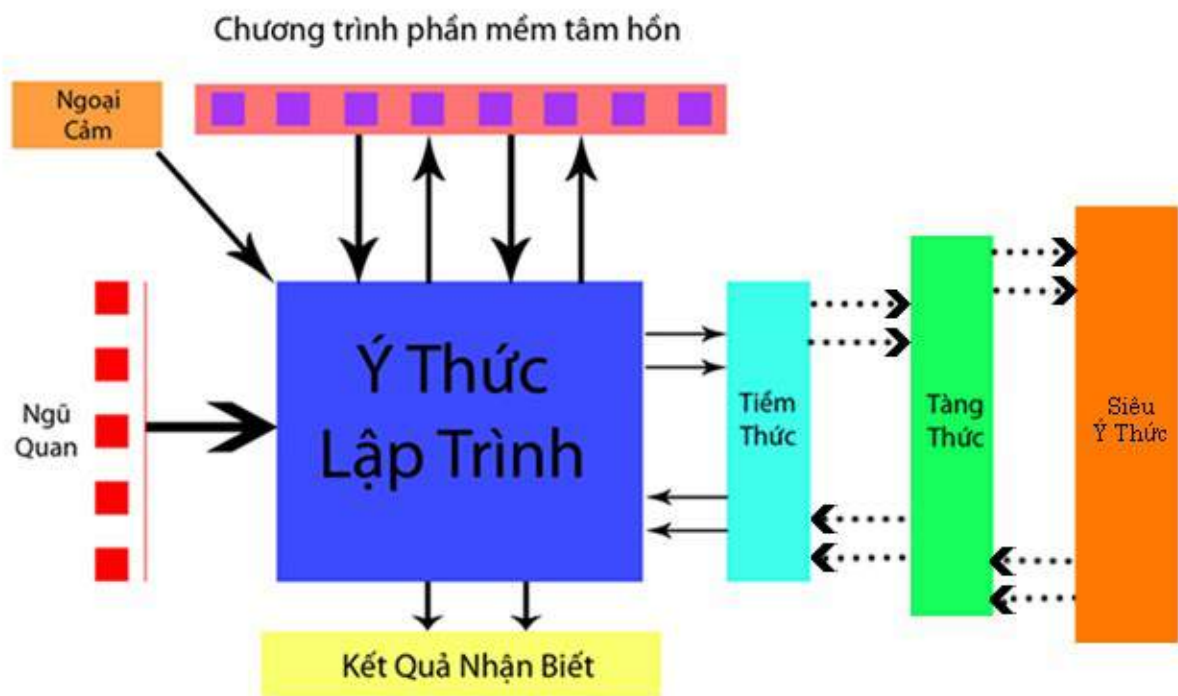
- Mất ngủ kéo dài hoặc thời gian ngủ trong đêm giảm hẳn; cả đêm không ngủ, giấc ngủ chập chờn, thấy chiêm bao nhiều, đầu tràn ngập suy nghĩ, đi ngủ muộn nhưng dậy rất sớm, có khi thức luôn đến sáng, giữa đêm cơ thể nóng bừng.
- Mắt bị nhòe, cảm giác nóng ở mắt, tầm nhìn kém hẳn.
- Không có khả năng suy nghĩ rõ ràng, rất khó khăn bày tỏ suy nghĩ và hay quên. Biến động tâm trạng, thay đổi cảm xúc liên tục.
- Khàn giọng, nói không ra tiếng, thậm chí mất tiếng 2-3 ngày
- Cơ thể trở nên rất nhạy cảm với năng lượng liên quan đến các việc kích hoạt các luân xa: cảm giác gật gật hoặc râm ran như kim châm, đau đầu từng cơn dữ dội đặc biệt tại tại luân xa 07 trên đỉnh đầu và từ luân xa 01 đến 06 có hiện tượng bốc hỏa dữ dội ngược dần trên cơ thể, có thể kèm theo các cảm giác đau đớn.

- Cảm nhận sự chuyển động của năng lượng dọc cột sống : thấy nóng hoặc râm ran phía sau đầu, cổ, bả vai và dọc vùng lưng xuống đến hết xương cụt
- Chán ăn mất, cơ thể phản ứng với thức ăn mất như đau bụng, ói mửa, nóng sốt, dị ứng ...trong thời gian này nên dùng thức ăn chay.

(tìm hiểu thêm các triệu chứng xảy ra trong quá trình hiệu chỉnh từ các trang web nói về quá trình thăng thiên)

Con người sau khi được các Thiên Thần hiệu chỉnh, họ sẽ trở nên khoẻ mạnh, sáng suốt, hiểu biết, thông minh và từ bi, bác ái, độ lượng, nhân ái hơn hẳn lúc chưa được hiệu chỉnh. Nguyên nhân bởi các Thiên Thần đã đánh thức một số DNA tại vùng não chứa các thông tin siêu thức hoạt động trở lại, kết nối với vùng não chứa thông tin tàng thức.

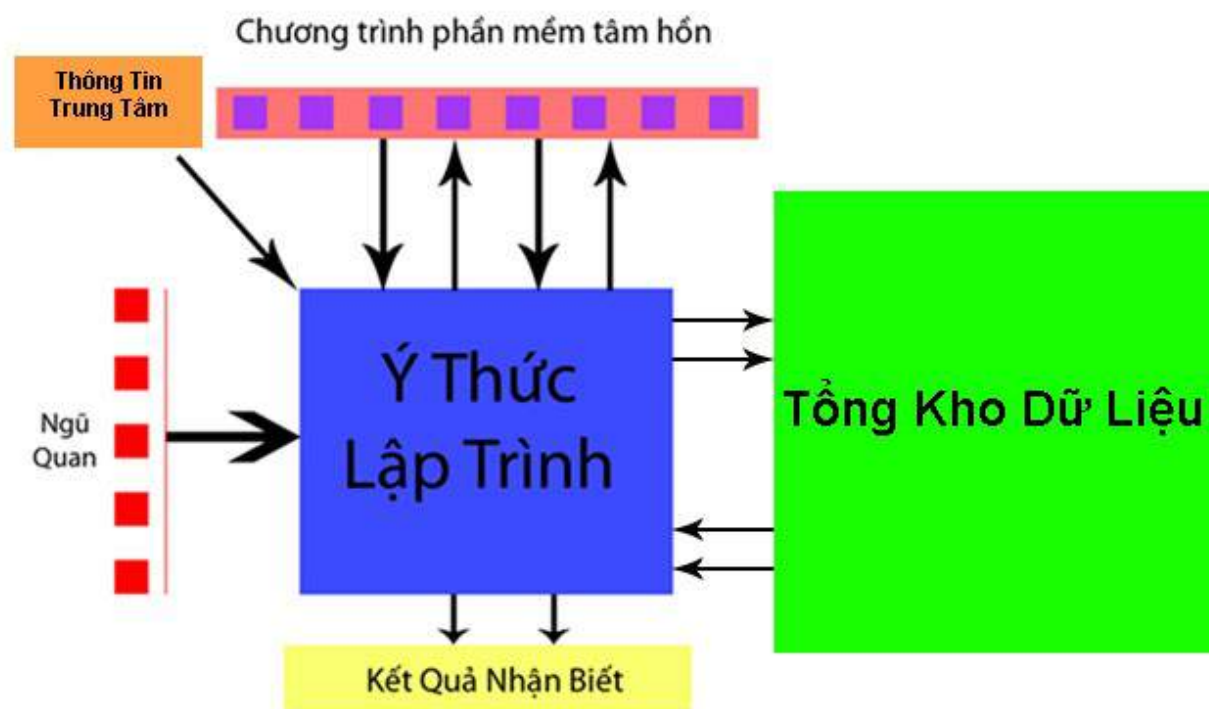
-Sơ đồ hoạt động não của con người sau khi được hiệu chỉnh.



Sơ đồ hoạt động não sau hiệu chỉnh

-Giai đoạn thứ hai: Xảy ra sau ngày phán xét, giai đoạn này được gọi là **hiệu chuẩn**, quá trình này các Thiên Thần sẽ thực hiện hiệu chuẩn cụ thể cho từng cá nhân để cơ thể vật lý của mỗi người sẽ trở nên hoàn hảo. DNA của người được hiệu chuẩn sẽ được kích hoạt đầy đủ, tất cả các luân xa sẽ làm việc hiệu quả, mạnh mẽ, đồng bộ và hoàn hảo. Bằng cách này, phần lớn nhân loại có thể được nâng lên thành một trạng thái thức tỉnh hoàn toàn giống như Thiên thần.

-Sơ đồ hoạt động não của con người sau khi được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn.



Sơ đồ hoạt động não sau hiệu chỉnh & hiệu chuẩn

Sau khi con người được hiệu chuẩn sẽ không còn tồn tại vùng thông tin tàng thức và siêu thức riêng rẽ. Lúc này, con người trở nên thức tỉnh hoàn toàn vì bởi các Thiên thần đã thực hiện công việc kết nối toàn bộ thông tin siêu thức và tàng thức đến với tiềm thức tạo ra một thể không phân tách. Công việc hiệu chuẩn được các Thiên Thần thực hiện trong thời gian khoảng 3 ngày (Đây là ba ngày đen tối được nhiều người nhắc đến, vì trong ba ngày này con người sẽ mất ý thức hoàn toàn) để trở lại trạng thái thức tỉnh hoàn toàn.

Khi con người trở về trạng thái thức tỉnh hoàn toàn, toàn bộ thông tin từ siêu thức sẽ xuất hiện tại tiềm thức. Thông tin, bao gồm tri thức Thượng Đế, “**ý thức Thượng Đế**” và tất cả thông tin “**Thiên Tính Bản Tâm**”. Cũng có nghĩa là các thông tin trở lại với con người là bản chất của một Thiên thần thực sự hoàn hảo. Toàn bộ thông tin này vô cùng to lớn nó lớn gấp hàng tỷ, tỷ lần thông tin có trong tiềm thức và tàng thức trước hiệu chuẩn. Vì vậy, các thông tin tiêu cực trước hiệu chuẩn chỉ có thể giúp cho con người cảm nhận được niềm hạnh phúc trọn vẹn hơn trong đời sống Thiên đàng. Các thông tin đã tồn tại từ tiềm thức và tàng thức không thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của con người trong trạng thái Thần thánh.

Trong toàn bộ lịch sử của Loài người, chỉ có số ít người được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn để trở thành người giác ngộ hoàn toàn, thức tỉnh hoàn toàn. Điển hình như:

-Trường hợp thứ nhất: Đức Phật Thích Ca tức Thái tử Tất Đạt Đa đã đến trái đất bằng phương thức hoàn toàn bình thường như mọi linh hồn khác, cũng có nghĩa là đầu thai như mọi linh hồn. Điều khác biệt duy nhất là Thái tử Tất Đạt Đa không có tàng thức, thông tin cài đặt siêu thức và tàng thức là một. Vì lý do này nên tư tưởng của Thái tử Tất Đạt Đa từ lúc nhỏ đã rất giác ngộ.

Bốn mươi chín ngày đêm ngồi dưới gốc bồ đề là thời gian Thái tử Tất Đạt Đa được các Thiên thần trợ giúp hiệu chỉnh và hiệu chuẩn. Sau khi, Đức Phật Thích Ca được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn Ngài đã đạt đến trạng thái giác ngộ hoàn toàn, thức tỉnh hoàn toàn. Đức Phật Thích Ca được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn năm 35 tuổi

Trường hợp thứ hai: Là chân sư người Ấn Độ J. Krishnamurti, trường hợp của J. Krishnamurti xảy ra tương tự như trường hợp của Đức Phật Thích Ca. Trong khoảng thời gian J. Krishnamurti viết cuốn “Dưới chân Thầy” là thời điểm Ông ta vẫn còn trong gian đoạn chưa thức tỉnh hoàn toàn. Tất cả, mọi thông tin liên quan đến cuốn sách là dữ liệu mà Ông ta đã nhận được từ một Đấng khác, nó không là tri thức của chính Ông ta. Vì vậy, nên khoảng năm mươi năm sau, nhà vật lý George Sudarshan hỏi Krishnamurti về nguồn gốc tác giả của cuốn sách Dưới Chân Thầy. Krishnamurti trả lời, “*Cái người viết quyển sách đó đã biến mất rồi.*”. Thời điểm mà nhà vật lý George Sudarshan hỏi Krishnamurti về tác

giả của cuốn sách, là thời điểm J. Krishnamurti đã hoàn toàn thức tỉnh. Chân sư J. Krishnamurti được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn năm 28 tuổi.

Trường hợp thứ ba: Đức Chúa Guêsu, trường hợp của Đức Chúa Guêsu khác với Đức Phật Thích Ca và J. Krishnamurti. Đức Chúa Guêsu không được sinh ra trên Trái đất như những người bình thường. Thể xác của người mang tên Guêsu được bà Maria sinh ra đến năm 30 tuổi, đã được Đức Chúa Guêsu trưng dụng, bằng phương pháp di hồn chiếm xác. Phương pháp di hồn chiếm xác đã được các Thiên Thần thực hiện một cách rất là hoàn hảo, tinh vi và siêu việt.

Các Thiên Thần, bằng cách sử dụng công nghệ siêu sóng não di chuyển linh hồn của người mang tên Guêsu ra khỏi thể xác, đồng thời vừa cài đặt linh hồn của Đức Chúa Guêsu vào thể xác của ông ta. Công việc này được các Thiên Thần thực hiện khoảng 3 phút. Vừa bằng khoảng thời gian ông Guêsu chịu phép rửa của ông Gio-An trên sông Gio-đan.

Trước lúc ông Guêsu con bà Maria bước xuống dòng sông để chịu phép rửa, linh hồn vẫn còn trong thể xác. Nhưng đến lúc lên bờ thì linh hồn của ông ta, đã được thay thế bằng linh hồn của Đức Chúa Guêsu.

Sau khi linh hồn của Đức Chúa Guêsu ngự trong cơ thể của ông Guêsu con bà Maria, ý thức của Đức Chúa Guêsu thức tỉnh hoàn toàn. Nhưng để vận hành ý thức, thức tỉnh hoàn toàn trong một cơ thể chưa qua hiệu chỉnh và hiệu chuẩn là một việc hết sức khó khăn. Vì lẽ đó, Đức Chúa Guêsu đã tìm một nơi vắng vẻ để được các Thiên thần hiệu chỉnh và hiệu chuẩn năm 30 tuổi. Sự việc đã được đề cập trong. **Tân ước**— Mátthêu, Chương 4 câu 1 và 2.

“¹. Bấy giờ Đức Giê-su được Thần Khí dẫn vào hoang địa, để chịu quỷ cám dỗ.

². Người ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày, và sau đó, Người thấy đói.”

Đức Chúa Guêsu, chỉ thực sự đến Trái đất trong vòng ba năm rưỡi. Sự việc, đã được Ngài tiết lộ, trong tác phẩm ***Khám phá bản kinh thất lạc của Chúa Jesus***, tác giả Martin Palmer. Thuộc về, *Bản kinh thứ nhất: Bản kinh về giáo lý của Đấng duy nhất cả thế giới tôn thờ*. Chương 8 câu 23-25.

“²³. Đó là lý do tại sao Đấng Thánh Duy Nhất đã dùng cơ thể con người để đến giảng dạy, Ngài nói rằng “Ta là Đấng Cứu Thế” ²⁴ Ta đã đến trong ba năm

rười.²⁵ Trong ba năm rười đó, Ta đã đấu tranh với những hành động xấu xa của quỷ dữ và mọi người đều có thể thấy rõ điều đó”

“Đấng Thánh Duy Nhất đã dùng cơ thể con người để đến giảng dạy,” được hiểu là Người duy nhất từ trước đó, sử dụng cơ thể sẵn có trên Trái đất để đến giảng dạy cho Loài người. Là Đấng Thánh duy nhất đến với sự sống trong cơ thể con người, không qua đầu thai. Đấng Thánh Duy Nhất được nhắc trong đoạn kinh không là Thượng Đế nhưng là Đức Chúa Giê-su.



11- Chiều kích 1D...4D- 5D...12D có liên quan gì đến ý thức và quá trình tiến của Loài Người.

D là từ viết tắt Dimension của tiếng anh (có nghĩa chiều, chiều kích)

Trước khi đề cập cái gọi là 3D-4D chúng ta thử tìm hiểu xem vì sao những năm gần đây Loài người đã nhận được rất nhiều thông điệp của các Thiên Thần, Tổng lãnh Thiên Thần thường nhắc 3D-4D-5D...

3D, 4D... ngoài ý nghĩa hình ảnh không gian đa chiều kích, nó còn liên quan đến chiều kích ý thức, tư duy của con người. Đây mới là điều mà Thượng đế và các Thiên Thần thực sự quan tâm. Tức là Thượng Đế muốn chúng ta khi quan sát một hình ảnh, một sự vật, một sự việc với một bộ óc tư duy đầy hiểu biết bằng nhiều chiều kích khác nhau và chấp nhận nó như là một hiện hữu không phê phán, không xét đoán, không loại bỏ.

-Thời kỳ 1D: Là thời kỳ nguyên thủy, tương đương với thời kỳ người Homo xuất hiện trên trái đất hơn 70.000 năm trước. Bộ óc của chủng tộc người Homo chỉ có thể nhận biết và tư duy được bề mặt của hình ảnh, những gì xảy trước mắt.

-Thời kỳ 2D: Là thời kỳ sơ khai, tương đương với thời kỳ Loài người thông minh xuất hiện (Người Homo sapien) trên Trái đất hơn 11500 năm trước. Trí tuệ của con người thời đó hiểu biết được hình ảnh bề mặt của cái nhìn thấy và có thể phân tích nhận định được cái bên trái và bên phải, nhưng phần đông con người thời đó chỉ chấp nhận bề mặt và một trong hai trái hoặc phải. Nhưng đến thời kỳ tiền khai sáng khoảng hơn 1600 năm trước công nguyên, Loài người đã tiến bộ hơn một bước.

-Thời kỳ 3D: Là thời kỳ khai sáng, khởi điểm từ năm Công nguyên thứ nhất, quá trình chuyển đổi là 30 năm; đến năm 30 sau công nguyên thời kỳ khai sáng mới bắt đầu. Cũng tức là thời kỳ Đức Chúa Guêsu thực sự xuống thế khai sáng cho Loài người. Trí tuệ của con người thời kỳ này có thể hiểu hình ảnh bề mặt, hiểu cả cái bên trái và bên phải và chấp nhận cả hai. Đến thời kỳ tiền tiếp nhận ánh sáng (thời kỳ phục hưng) khoảng 700 năm trước, Loài người đã tiến bộ thêm một bước lớn.

-Thời kỳ 4D: Là thời kỳ tiếp nhận ánh sáng, khởi điểm vào năm 2000 quá trình chuyển đổi là 12 năm. Thời kỳ tiếp nhận ánh sáng bắt đầu vào ngày 21-12-2012, thời kỳ này còn có nhiều tên gọi khác nhau như: Thời kỳ Bảo bình, thời kỳ ân điển, thời kỳ hữu vi, thời kỳ tiền phán xét, thời kỳ tiền hội Long hoa.

Nhận thức của con người thời kỳ này có thể hiểu biết các hình ảnh từ bề mặt, bên trái, bên phải và cả phía sau. Cách tư duy và cách tiếp cận thông tin của con người trong thời kỳ 4d, rất gần với nhận thức đa chiều kích, đa chiều không gian 5d.

-Thời kỳ 5D: Là thời kỳ sau phán xét, thời kỳ ánh sáng, thời kỳ con người đã thức tỉnh hoàn toàn, giác ngộ hoàn toàn. Con người sẽ trở về với bản chất Thần Thánh của chính mình. Lúc này con người sẽ làm chủ toàn bộ siêu ý thức, linh hồn của mọi người sẽ được tự do hoàn toàn. Thời kỳ này con người sẽ hiểu biết toàn bộ mọi sự việc, mọi sự vật từ phía bên ngoài lẫn bên trong. Cách nhận thức này còn được gọi là ý thức đa chiều kích, đa chiều không gian, ý thức Thượng Đế.

Từ cấp độ ý thức 5D lên đến 12D là ý thức Thần thánh.

•12D là cấp độ năng lượng ý thức, của Con Thượng Đế, điển hình như:

-Đức Chúa Guêsu “con trai cả”

Khải huyền - Chương I câu 5

“5 xin Đức Giê-su Ki-tô là vị Chứng Nhân trung thành, là Trưởng Tử trong số những người từ cõi chết chỗi dậy, là Thủ Lãnh mọi vương đế trần gian, ban cho anh em ân sủng và bình an. Người đã yêu mến chúng ta và lấy máu mình rửa sạch tội lỗi chúng ta”.

-Thiên Thần Tổng quản Michael.

-Tổ phụ Abraham.

-Đức Phật Thích Ca...

•11d là cấp độ năng lượng ý thức, của Cháu nội và cháu cố Thượng Đế, điển hình như:

Các Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, Gabriel và Raphael vv...

(11d là những người trong nhóm 144000 Tổng lãnh Thiên thần.)

•Từ cấp độ 10d, 9d, 8d, 7d, 6d, 5d là tuần tự phân ngôi thứ trong nước Trời.

•13D cho đến vô cực là năng lượng ý thức của Ba Ngôi Thượng Đế Tối cao.

Lưu ý: Ánh sáng nhắc đến trong các thời kỳ 3d, 4d, 5d nó được hiểu là: Ý thức, trí tuệ và tri thức. Bóng tối là dốt nát, mê muội, thiếu hiểu biết.

Trong phần này khi đề cập đến ý thức của Loài người từng ứng qua từng thời kỳ là chúng ta chỉ đề cập đến toàn bộ những linh hồn lần đầu tiên đến Trái đất.

Không kể đến những linh hồn đến trước và sau công nguyên từ xứ sở của người Lemuria và những hành tinh tiến hoá cao khác trong Vũ trụ. Vì họ là những linh hồn già mặc dù họ vẫn chưa được cứu rỗi nhưng họ là những người rất thông tuệ và tài giỏi điển hình như: Triết gia Socrates, Platon, Aristote, Trang tử, Mạnh tử vv...

Ngoài ra, còn có những bậc Chân sư vĩ đại đến từ Nước Trời thực hiện sứ mệnh của Thượng Đế Chí Tôn như: Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Gêsu, J.

Krishnamurti vv...Thậm chí cả Thượng Đế cũng đã đích thân xuống thế và Người hoá thân trong cơ thể của Lão Tử trong ba năm cuối.



12-Những cuộc chiến trên Nước Trời thực sự có hay không?

Huyền thoại về những cuộc chiến trên Nước trời có lẽ xuất phát từ Kinh Thánh Thiên Chúa giáo, nhất là Kinh Thánh Khải huyền. Điển hình trong câu 7 đến 9 của chương 11 có ghi “*Bấy giờ, có giao chiến trên trời: thiên thần Mi-*

ca-en và các thiên thần của người giao chiến với Con Mãng Xà. Con Mãng Xà cùng các thiên thần của nó cũng giao chiến.⁸ Nhưng nó không đủ sức thắng được, và cả bọn không còn chỗ trên trời nữa.⁹ Con Mãng Xà bị tống ra, đó là Con Rắn xưa, mà người ta gọi là ma quỷ hay Xa-tan, tên chuyên mê hoặc toàn thể thiên hạ; nó bị tống xuống đất, và các thiên thần của nó cũng bị tống xuống với nó.”

Ngoài Kinh thánh còn một lý do khác không kém phần quan trọng khiến cho nhiều người cho rằng đã có những cuộc chiến trên Nước trời. Đó là khi Thượng Đế sáng tạo ra con người, Người đã trao toàn bộ ý thức, tâm hồn và tất cả những gì Thượng Đế có cho con người, mỗi linh hồn được sáng tạo là một tiểu Thượng Đế thực sự. Từ đó dẫn đến suy nghĩ mọi người ai cũng có ý thức, trí tuệ như Thượng Đế, ắt sẽ có người phản bội lại Thượng Đế. Nhưng quả thực đây là những ý tưởng thực sự sai lầm được suy diễn từ các huyền thoại, truyền thuyết do con người tưởng tượng ra.

Chúng ta nên biết trong thế giới của Thượng Đế và thế giới của các nền văn minh tiến hoá cao, từ lúc khởi thủy đến nay, chưa bao giờ xảy ra sự phản bội dù chỉ là một sự phản bội nhỏ nhất, chưa bao giờ xảy ra một cuộc khẩu chiến dù chỉ là hàng xóm với nhau. Riêng những câu chuyện nói về sự phản bội của các Thiên Thần đối với Thượng Đế thực sự là một sự hoang tưởng. Sự hoang tưởng này được xác định bởi vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có hai lý do quan trọng hơn hết.

-Lý do thứ nhất: Trong thế giới của Thượng Đế, thế giới của các nền văn minh tiến hoá cao. Con người sống bằng ý thức Thượng Đế, Họ luôn ý thức rằng tất cả Họ là một với Thượng Đế, phản bội người khác là phản bội chính mình, làm tổn thương người khác là làm tổn thương chính mình. Ý thức của Họ siêu việt hơn rất nhiều so với những gì mà con người có thể tưởng tượng được.

Ngoài ra, trong mọi mối liên hệ đời sống, Họ luôn ứng xử bằng tình yêu cao nhất “Thiên tính bản tâm”. Họ luôn biết cái gì là thứ nên cho đi và cái gì nên giữ lại và tình yêu là cái mà Họ luôn cho đi, hạnh phúc là cái họ giữ lại. Cho đi tình yêu tuyệt đối con người sẽ nhận được hạnh phúc trọn vẹn. Vậy hỏi rằng khi mà con người luôn được sống trong hạnh phúc trọn vẹn, Họ có cần phản bội người khác không?

Nếu chừng đó là chưa đủ, sẽ còn một lý do thứ hai nói lên tính tuyệt đối của Thượng Đế.

-Lý do thứ hai: Là năng lượng tinh thần, với Thượng Đế thì đó là Nguyên Thần. Năng lượng tinh thần của Thượng Đế đã, đang và sẽ là cái để Ngài sáng tạo ra Vũ trụ và vạn vật trong Vũ trụ. Năng lượng tinh thần Thượng Đế có một sức mạnh vô cùng, vô tận là cái mà Nhân loại không thể tưởng tượng được.

Nhưng chúng ta có tưởng tượng điều này qua một ví dụ: Năng lượng Tinh Thần của Thượng Đế là một cỗ máy vĩ đại và chính Thượng Đế đã tạo ra những cỗ máy có cấu trúc và các tính năng hoạt động không khác biệt với cỗ máy của mình. Nhưng cỗ máy vĩ đại của Thượng Đế sẽ có thể tạo ra hàng tỷ, tỷ, tỷ... kw điện trong một giây. Cỗ máy của Con Thượng Đế chỉ có thể tạo ra hàng tỷ, tỷ kw/h. Cỗ máy của Cháu Thượng Đế chỉ có thể tạo ra hàng tỷ kw/h.... và có những cỗ máy “linh hồn” chỉ có thể tạo ra vài trăm triệu kw/h.

Vì vậy, Thượng Đế không bao giờ lo âu hay sợ hãi đề phòng bất cứ một kẻ nào, một thế lực nào chống đối hay phản bội mình. Trường hợp, nếu thực sự có người muốn phản bội Thượng Đế, Ngài cũng không cần chống trả. Bởi chỉ cần người đó phát ra một ý nghĩ chống lại Thượng Đế, ngay tức thì sức mạnh năng lượng tư tưởng của người đó đi sẽ phản hồi ngược lại cho chính mình. Sức mạnh năng lượng phát đi càng lớn sức phản lực càng mạnh, nó có thể phá hủy toàn bộ cấu trúc của một linh hồn. Tư tưởng phản bội tạo ra năng lượng xấu “tội”, năng lượng phát đi bao nhiêu sức phản lực bấy nhiêu. Tương tự như ta đá quả bóng vào bức tường, lực đá càng mạnh phản lực càng lớn.

Trong thế giới Thượng Đế, toàn bộ con người đều đạt đến ý thức cao nhất. Chống lại người khác cũng có nghĩa là chống lại Thượng Đế. Chống lại Thượng Đế lại càng không thể, là chuyện không tưởng và không bao giờ xảy ra. Nhưng trong thế giới của chúng ta có không ít người phỉ báng và chống đối Thượng Đế đến điên cuồng. Và Thượng Đế thì cũng chẳng trách cứ trừng phạt gì họ và cũng vì bởi chúng ta đang trong tình trạng quên lãng. Nhưng năng lượng tư tưởng của họ gọi đi đã phản hồi trở lại để rồi trong tương lai “kiếp sau”, tự thân luật nhân quả biến họ thành người tâm thần phân liệt, nhị trùng nhân cách, đa nhân cách, họ trở nên điên khùng thực sự. Những câu nói điên khùng mà họ đã từng phỉ báng,

nguyên rửa Thượng đế nay lại quay trở về vang lên trong đầu họ bằng đủ kiểu giọng nói, đủ thứ âm thanh như họ đã từng suy nghĩ, nói năng.

Những cuộc chiến được miêu tả trong kinh Khải huyền, thực ra là những cuộc chiến giữa con người với nhau xảy ra trên Trái đất. Khải huyền mô tả các Thiên thần chiến đấu nhau, cũng tức là con người trần thế chiến đấu với nhau. Vì tất cả mọi con người từ Thiên đàng hay đang ở trần thế đều là Thiên thần.



13- Đức Chúa Guêsu cứu chuộc Loài người như thế nào?

Có rất nhiều người trong thế giới của chúng ta luôn sống trong cái ảo tưởng rằng; Đức Chúa Guêsu đến thế gian và bị đóng đinh trên thập tự giá là đã cứu chuộc cho thế giới, cho những ai theo đạo Thiên Chúa giáo và tin vào Ông ta.

Trên thực tế, con người đã được cứu chuộc, đã được cứu rồi, đã được giải thoát trước khi con người đến với thế gian. Không ai cần ai cứu chuộc, không ai cần ai cứu rồi ai cả, việc này sẽ phải xảy ra không sớm thì muộn; khi con người kết thúc quá trình trải nghiệm của mình.

Cứu chuộc, cứu rồi, giải thoát là cách nói của con người, Thượng đế không nghĩ là mình sẽ cứu chuộc, cứu rồi, giải thoát cho ai cả. Có ai bắt con người cầm tù, bắt con người làm con tin đâu mà Thượng Đế phải ra tay cứu chuộc, cứu rồi, giải thoát cho họ. Quả thực, con người đã sáng tạo ra nhiều truyền thuyết lạ đời, nhiều huyền thoại rất ngộ nghĩnh, sáng tạo ra một Ông, Bà Thượng Đế rất là kỳ lạ. Ông ta, Bà ta bắt con người cầm tù trong tối tăm đau khổ rồi chính Thượng Đế sai Con mình ra tay cứu chuộc. Sự việc như thế chỉ có thể xảy ra trong các bộ kiếm hiệp hay xã hội đen do con người đã sáng tạo ra mà thôi. Sự thật trong Vũ trụ không bao giờ tồn tại một Ông, Bà Thượng Đế kiểu như vậy để cho chúng ta tôn thờ.

Rõ ràng là con người chưa thực sự hiểu biết về Thượng Đế, chưa hiểu biết về nguồn gốc thực sự của chính mình. Vì thế mới cho rằng Chúa Guêsu xuống thế là để cứu chuộc Loài người.

Lý do Đức Chúa Guêsu xuất hiện trên Trái đất đã được định sẵn trong kế hoạch toàn tri của Thượng Đế. Ông ta đến Trái đất là để giúp con người khai mở trí tuệ,

nhằm hiểu biết về Thượng Đế, về Nước Trời, về thân phận của mình. Ông ta đến Trái đất là để giúp con người giảm bớt sự đau khổ thông qua tình yêu, trí tuệ và lòng bác ái mà Ông ta đã thể hiện.

Trong thời đại mà Nhân loại gần như ai cũng phạm phải tội lỗi, vì vậy Ông ta xuống thế truyền cảm hứng về tình yêu và lòng bác ái, nhằm giúp con người giảm thiểu nỗi đau. Ông ta vô cùng mong muốn thế giới sẽ có nhiều người thể hiện tình yêu thương, lòng bác ái nhằm xoa dịu đau khổ.

Thế lý của Đức Chúa Guêsu chết vì bị hành hình trên cây Thánh giá mục đích là để đánh thức tình yêu thức trong lòng con người thế gian. Ngoài ra, nhân cái chết để tạo ra sự sống lại là nhằm thể hiện một quyền năng Thần thánh siêu việt, mục đích làm cho con người ta tin vào Ông ta, tin vào Thượng Đế tin vào Nước Trời. Trên thực tế, trong thời điểm mà Ông ta bị hành hình là thời điểm Ông ta đang trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn, vì vậy không một ai có đủ thẩm quyền, đủ năng lực để hành quyết Ông ta. Thực ra, tất cả mọi sự dẫn đến cái chết của Ông ta, đều đã có trong kịch bản đã được định sẵn. Thậm chí ngay cả những suy nghĩ, hành vi và việc làm của Ông Giuđa môn đệ của Ông ta cũng đã được định trước vì bị điều khiển, bởi mọi thứ đã có trong kịch bản được Đức Chúa Guêsu chuẩn bị trước. Giuđa kẻ hiện thân của tội lỗi, kẻ mang tiếng phản bội vĩ đại nhất, chẳng qua là một công cụ đã được xây dựng trong kịch bản không hơn không kém. Thực ra, Ông ta là một Thiên Thần tự nguyện xuống thế để thực hiện kịch bản cùng Đức Chúa Guêsu trong tình trạng quên lãng.

Đức Chúa Guêsu tự nguyện chấp nhận cái chết thế lý vô cùng tàn khốc, là nhằm đánh thức tình yêu và lòng từ bi bác ái trong lòng con người, đó là sự cứu thế của Ông ta. Tri thức ánh sáng mà Ông ta đã truyền đạt, nhằm đánh thức tình yêu con người là sự cứu thế của Ông ta. Quả thật, Ông ta thực hiện sứ mệnh cứu thế giới ra khỏi tối tăm bằng một con đường thực sự chông gai. Khó khăn và chông gai thực sự mà Ông ta phải vượt qua trong những ngày tháng tại thế, không là nhận lấy cái chết, nhưng là sự thức tỉnh hoàn toàn của chính Ông ta trong thời điểm đó. Chúng ta cần biết rằng, một linh hồn trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn mà phải bị người khác chửi bới, nguyên rửa, sỉ nhục và phải luôn giao tiếp với rất nhiều linh hồn tối tăm, luôn phải tiếp cận với rất nhiều hành vi tiêu cực của người khác là điều không dễ dàng. Đó mới chính là những khó khăn và chông gai thực sự của Ông ta, nhưng không là nhận lấy cái chết. Vì trên thực tế Ông ta không mếm

trải sự đau đớn của sự chết khi bị hành hình trên cây thập tự giá. Bởi trước thời khắc bị hành hình linh hồn của Ông ta đã rời thể xác trong ý thức hoàn toàn. Nhưng trong thời khắc đó mọi sự chuyển động của cơ thể Ông ta trên cây thập tự giá diễn ra dẫn đến cái chết hoàn toàn của cái xác không hồn đó là được điều khiển bởi công nghệ.

Trên thực tế, Đức Chúa Giê-su không đến với thế gian để nhận lấy cái chết trên cây thập giá nhằm cứu chuộc loài người ra khỏi tội lỗi, chết chóc, đau khổ, xót xa, muộn phiền. Không đến với thế gian để cứu chuộc loài người ra khỏi những trải nghiệm kinh hồn trong thời khắc đó. Mà Ông ta đã thực sự mang đến cho Nhân loại những điều như lời Ông ta đã nói *“³⁴ Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải h, nhưng để đem gươm giáo.³⁵ Quả vậy, Thầy đến để gây chia rẽ giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, giữa con dâu với mẹ chồng.³⁶ Kẻ thù của mình chính là người nhà.”* Tân ước—**Mátthêu**, Chương 10 câu 34-36. Cái mà Ông ta nói, Ông ta đã đem đến Trái đất trong con mắt của người trần gian quả thực là những điều không tốt đẹp. Nhưng trong mắt Ông ta nó thực sự là một cần thiết cho mục đích của mọi linh hồn khi đến với thế gian.

Tin vào Thượng Đế, tin vào Chúa Giê-su, suy nghĩ theo hướng dẫn và hành động theo sự chỉ dạy của Chúa Giê-su là sự cứu chuộc của Ông ta đối với Loài người.

Đức Chúa Giê-su không cứu chuộc ai cả; đây chỉ là cuộc chơi vô cùng cần thiết và rất quan trọng cho chính con người. Hãy tự mình thức tỉnh và ý thức giác ngộ chúng ta sẽ có được Nước Trời, mà không cần sự cứu chuộc của bất kỳ ai.



14- Người Lemuria và lục địa Atlantis thực sự ở đâu?

Trong cuốn STVĐ chúng ta có nhắc đến những linh hồn chưa được cứu rỗi trong đợt phán xét sắp tới xảy ra trên Trái đất. Tất cả, các linh hồn này sẽ được Thượng Đế lưu giữ và tiếp tục cho đi trải nghiệm ở một sự sống khác (Thái dương hệ khác)

Thật vậy, người Lemuria là giống người đã đi trước chúng ta và sống ở một hành tinh trong Thiên hà của chúng ta. Phần lớn những người Lemuria đã trở thành giống người tiến hoá cao bởi họ đã được cứu rỗi. Và số linh hồn chưa được cứu

rồi đã liên tục đến Trái đất tiếp tục trải nghiệm từ hơn hai ngàn năm trước. Những linh hồn đã đến trước công nguyên như: triết gia Socrates, triết gia Platon, triết gia Aristote, và liên tục xuất hiện như: nhà thiên văn học Nicolaus Copernicus, nhà bác học Issac Newton, Tổng thống Hoa kỳ George Washington, Phó thủ tướng Trung Quốc Đặng tiểu Bình vv... Họ là những linh hồn sống trong thời kỳ cuối của nền văn minh Lemuria, như nền văn minh của chúng ta trong hiện tại và có thể hơn nữa. Khi số người này đến Trái đất tiếp tục trải nghiệm họ đã mang đến Trái đất sự thông tuệ và nhiều kiến thức đã được tích lũy trong tàng thức.

Lục địa **Atlantis** chưa bao giờ tồn tại trên Trái đất, nó là một lục địa tại xứ sở của người Lemuria. Nhưng vì những linh hồn như Platon, Aristote đến từ đó và những gì có trong tàng thức của họ đã xuất hiện và họ cứ ngỡ rằng lục địa Atlantis mà họ từng sống, đã tồn tại trên trái đất.

Quan điểm chính trị và tri thức của Platon tích lũy được, cũng chính là những gì đã xảy ra tại xứ sở của người Lemuria trước phán xét.



15-Tư tưởng tạo nên sức mạnh gì?

Thực ra, khi đề cập từ tư tưởng trong câu hỏi này sẽ là không hợp lý, nhưng sử dụng từ tư tưởng là sử dụng từ quen gọi của chúng ta từ xưa. Vì nói đến tư tưởng là nói về quá khứ là đề cập đến một suy nghĩ, một ý tưởng đã hình thành trước đó. Diễn biến suy nghĩ sẽ hình thành nên tư tưởng, khi ta suy nghĩ là ta đang định hình tư tưởng. Vì vậy, tư tưởng là quá khứ của sự vận hành trong suy nghĩ đã được hình thành. Ví dụ, ta nói tư tưởng của Phật Thích Ca, tư tưởng của Chúa Giêsu, tư tưởng của Các Mác vv... Nhưng cái mà chúng ta đang đề cập ở đây là diễn biến của suy nghĩ trong thực tại, ý thức của ta với thực tại, chứ không là tư tưởng. Trong thực tế, việc giải thích một từ ngữ không quan trọng bằng việc ta cảm nhận và hiểu biết chân thực về một vấn đề nào đó.

Não bộ của con người là cỗ máy thu, phát sóng năng lượng, và nó luôn được kết nối với Thượng Đế, kết nối với trung tâm Vũ trụ thông qua đường truyền siêu sóng não (Thông công theo Thiên Chúa giáo). Vì vậy, mỗi một suy nghĩ, lời nói, hành động của con người đều được trung tâm Vũ trụ tiếp nhận và phản hồi. Sau khi tiếp nhận một suy nghĩ, một hành động thông qua não, trung tâm Vũ trụ sẽ

lập tức phản hồi đến địa chỉ mà người gửi phát đi, dưới dạng năng lượng. Trạm tiếp nhận năng lượng, có thể là cơ thể của chính người gửi, người khác, một con vật, một vật hay bất cứ các hiện tượng gì đã hoặc đang xảy ra. Sức mạnh tư tưởng tạo thành một tam giác Thần thánh. Tư tưởng từ con người đến trung tâm Vũ trụ, trung tâm phản hồi đến địa chỉ người nhận, người nhận tích tụ và phản hồi về người gửi.

Không riêng gì con người mà tất cả mọi sinh vật, thực vật, mọi vật chất được Thượng Đế tạo ra trong Vũ trụ, đều tiềm ẩn sóng hấp dẫn và sóng phản lực. Tất cả mọi sinh vật ngoài con người và mọi vật chất không kết nối với trung tâm Vũ trụ nhưng là trạm thu và phát năng lượng. Trừ phi được các thể lực tâm linh chủ động kết nối.

-Một vài ví dụ điển hình của sức mạnh tư tưởng, ảnh hưởng đến vật chất.

- Ví dụ: Chỉ là một món đồ trang sức có viên kim cương nhưng qua năm tháng đã có rất nhiều người nghĩ nó là viên kim cương xui xẻo, không may mắn. Do đó năng lượng mà viên kim cương tích lũy được sẽ là năng lượng tối, năng lượng âm. Vì vậy, ai sở hữu viên kim cương thì trong đời sống người đó có thể sẽ xảy ra nhiều xui xẻo hoặc có thể gây ra chết người. Trên thực tế, khi một người muốn sở hữu viên kim cương đó, họ đã nghĩ nó sẽ mang lại cho họ niềm vui và quý phái, không là sự xui xẻo. Đây được coi là một dạng năng lượng tích cực, nhưng chừng ấy là chưa đủ để chế ngự năng lượng tiêu cực quá lớn, mà nó đã tích lũy trước đó. Vì vậy, năng lượng của nó phát ra chỉ là dạng năng lượng tiêu cực, năng lượng tối.

Một viên kim cương may mắn, đơn giản chỉ vì đã có rất nhiều người nghĩ nó là viên kim cương nó mang lại may mắn. Vì vậy, năng lượng tích cực đã tích lũy sẽ mang lại cho người sở hữu nó may mắn thực sự.

- Ví dụ: Phiến đá đen tại Thánh địa Mecca, thực ra trước đó nó chỉ là một phiến đá như bao phiến đá khác. Xét đến giá trị các phân tử cấu trúc tạo nên phiến đá chưa hẳn nó đã có giá trị hơn những phiến đá khác, chẳng hạn như kim cương. Nhưng cho đến nay nó trở nên linh thiêng, bởi trong nhiều ngàn năm qua đã có quá nhiều người nghĩ nó là phiến đá linh thiêng và có rất nhiều người dành cho nó một tình cảm đặt biệt tôn kính. Vì vậy, bản thân phiến đá đã tích tụ được rất nhiều năng lượng tích cực, linh thiêng, năng lượng dương (năng lượng ánh sáng).

Và từ một phiến đá bình thường, nay nó đã trở thành phiến đá thiêng liêng vô giá. Giá trị của phiến đá cho đến nay, không dựa trên các phân tử cấu tạo mà dựa vào năng lượng tích lũy được. Lúc này, sức mạnh do năng lượng của nó phát ra, khiến cho ai ở gần nó, sờ đến nó có thể hết cả bệnh tật, gặp may mắn.

- Ví dụ: Những bức tượng Phật, tượng Chúa, tượng Thánh, tượng Thần tài – Thổ địa...là những bức tượng được chế tác bằng gỗ, sành sứ hay kim loại. Khi còn trong cửa hàng, những bức tượng này chỉ mang giá trị vật chất liên quan đến tiền bạc. Người ta có thể xếp xuống chông lên, dọn ra dọn vào khi đang được bày bán trong cửa hàng, mà không bận tâm là nó có linh thiêng hay không. Lúc này, các bức tượng hoàn toàn chưa có giá gì về mặt tâm linh cho đến khi người ta mua về. Sau khi mua về họ tắm rửa sạch sẽ, đặt bức tượng lên bàn thờ, vào miếu vào chùa hay nhà thờ và trao cho bức tượng tình yêu, sự tôn kính. Từ đó họ thắp nhang khấn lạy, cầu nguyện mỗi ngày, nhất là những nơi như đình miếu, chùa chiền, nhà thờ hay giáo đường; sẽ có nhiều người hành lễ hơn. Chính con người đã trao cho những bức tượng năng lượng thiêng liêng và quyền lực. Ngôi nhà thờ, ngôi chùa, ngôi miếu càng lâu đời, các bức tượng càng tích lũy được nhiều năng lượng tích cực. Và quả thật, trên thế giới có rất nhiều nơi linh thiêng như vậy, càng có nhiều người nghĩ nó là nơi chốn linh thiêng, thì nó lại càng linh thiêng. Năng lượng dương được tích lũy luôn tỷ lệ thuận với suy nghĩ tốt về một điều gì đó của con người.

Một ngọn núi, một cây cổ thụ, một khe suối, một cái nanh cọp hay bất cứ một vật gì. Chỉ cần con người trao cho nó suy nghĩ tốt đẹp và linh thiêng thì nó sẽ phát ra năng lượng tốt đẹp và linh thiêng, càng có nhiều người trao cho nó năng lượng tốt, nó càng linh thiêng.

- Ví dụ: Ngôi nhà ma. Trên thực tế thì sẽ không bao giờ có cái gì gọi là ma, quỷ chỉ đến khi con người nghĩ về nó, ước muốn về nó. Ban đầu thì gần tất cả mọi ngôi nhà đều bình thường như nhau. Cho tới khi trong ngôi nhà xảy ra một vụ án mạng khó hiểu, hoặc người sống trong ngôi nhà đó có vẻ lập dị.

Từ một vài nguyên nhân bình thường đó, nhiều người xung quanh đã liên tục đồn thổi suy đoán, tưởng tượng và càng ngày càng có nhiều người có ác cảm, suy nghĩ xấu về ngôi nhà. Ngôi nhà sẽ trở nên ma quái như họ mong muốn. Bởi tư tưởng mà nhiều người nghĩ về ngôi nhà là năng lượng xấu và theo thời gian ngôi

nhà đã tích tụ rất nhiều năng lượng âm. Vì thế, ngôi nhà sẽ trở nên lạnh lẽo và rùng rợn khi con người tiếp cận nó. Trong ngôi nhà có thể xảy ra nhiều chuyện rùng rợn nhưng tự bản thân nó không tạo ra những sự việc có vẻ ma quái đó, mà do con người trao quyền lực bóng tối cho ngôi nhà.

Trong thực tế, có một số ngôi nhà khi xảy ra hiện tượng lạ. Người ta thường mời các Linh mục đến và dùng cây Thánh giá, kinh Thánh, nước Thánh để xua đuổi tà ma hay mời thầy chùa tụng kinh, mời thầy pháp cúng bái trấn yểm. Vậy hỏi việc làm đó liệu có giúp cho các hiện tượng đó có chấm dứt hay không?

Quả thật, những việc làm của các linh mục, thầy chùa, thầy pháp có thể là hiệu quả nhưng cũng có thể không có kết quả gì. Khi những ngôi nhà xảy ra những hiện tượng tiêu cực, người ta chỉ cần mang một cây Thánh giá, một chuỗi hạt, một bức tượng Phật hoặc một bức tượng Chúa lâu năm. Điều cần thiết là những vật này phải được xuất xứ từ những nơi chốn liêng thiêng, nơi có nhiều người cúng bái, cầu nguyện. Và chỉ cần đem một trong số này đặt trong ngôi nhà, những hiện tượng đã từng xảy ra sẽ chấm dứt.

Việc làm này không mang tính chất mê tín, siêu hình mà nó hoàn mang tính khoa học. Bởi cây Thánh giá, chuỗi hạt, tượng Phật hay tượng Chúa kia là những linh vật đã tích tụ rất nhiều năng lượng dương (năng lượng ánh sáng). Vì vậy, khi mang những linh vật này đặt trong ngôi nhà, năng lượng ánh sáng phát ra, làm triệt tiêu năng lượng tối đã có trong ngôi nhà. Nhưng quan trọng hơn là mọi người thôi suy nghĩ xấu về ngôi nhà, tự động mọi hiện tượng lạ sẽ không còn nữa.

Bất kể nơi nào trên thế giới được cho là quỷ quái nhất, nếu có thể được chỉ cần đem phiến đá đen Kaaba đến đó, lập tức nơi này sẽ không còn bất cứ hiện tượng quỷ quái nào nữa.

Các nhà phong thủy là những người đã vận dụng nguồn năng lượng này một cách hiệu quả nhất. Khi ta xây dựng một ngôi nhà, cửa hàng, khách sạn, siêu thị, một thành phố, nếu công trình có cấu trúc hài hòa, đẹp đẽ và tiện lợi. Tất nhiên sẽ có nhiều người yêu quý, thích thú và gần gũi nó, đây chính là loại năng lượng tích cực cần phải có cho bất kỳ công trình nào. Đây chính là năng lượng tích cực tạo nên sự thịnh vượng và phát triển cho bất kỳ công trình xây dựng nào. Một công trình kiến trúc kỳ quái, lập dị không thể nào mang lại sự phát triển và thịnh

vượng, vì sẽ có nhiều người không thích, chê bai và ghét bỏ. Sự ghét bỏ và chê bai là năng lượng tối, khi năng lượng tối tích tụ đủ lớn, công trình sẽ đi vào lạnh lẽo, lụn bại. Cải tạo phong thủy cũng tức là cải tạo cấu trúc, nhằm làm thay đổi suy nghĩ, thay đổi cảm nhận của người khác dành cho công trình đó.

-Một vài ví dụ điển hình của sức mạnh tư tưởng, ảnh hưởng đến súc vật.

- Ví dụ: Có một vài vật dụng trong nhà bị lũ chuột cắn phá, nếu ta tức giận, chửi bới, nguyên rửa lũ chuột. Mặc dù lũ chuột không nghe, không hiểu được chúng ta nói gì, nhưng lũ chuột đã nhận được nguồn năng lượng tức tối, giận dữ do chúng ta gởi đi. Khi lũ chuột nhận được nguồn năng lượng này nó cũng sẽ tức tối, giận dữ và mất kiểm soát, vì vậy lũ chuột sẽ cắn phá điên cuồng, dữ dội hơn.

Trên thực tế, nông dân là những người hiểu biết rất rõ về điều này, mặc dù họ chưa cần biết nguyên nhân xuất phát từ đâu. Nhưng khi người nông dân thấy lũ chuột cắn phá ruộng lúa của mình, họ không bao giờ chửi rửa mà nói năng rất nhỏ nhẹ và cầu xin các ông tỹ (chuột) đừng cắn phá ruộng lúa của họ nữa.

Nếu ai chưa từng bao giờ tin vào sức mạnh tư tưởng có thể làm ảnh hưởng đến vật chất, súc vật, thực vật hay con người. Vậy hãy tự mình làm một thí nghiệm nhỏ về loài chuột sẽ nhận biết sự thật. Chú ý người làm thí nghiệm mà chửi rửa, tức giận không có cảm xúc chân thật, thì năng lượng được gởi đi cũng không thật, vì vậy thí nghiệm sẽ không thành công.

- Ví dụ: Những người buôn chó, họ rong ruổi trong xóm làng Việt để mua chó về làm thịt. Chỉ cần người này đi đến đâu, thì lũ chó sẽ bầu lại sủa một cách dữ dội, điên cuồng và giận dữ. Không phải vì người này đã từng ăn thịt chó, có rất nhiều người cũng đã từng ăn thịt chó nhưng lũ chó không sủa như vậy. Lũ chó giận dữ sủa toán lên vì người mua chó luôn phát đi một suy nghĩ làm sao mua lũ chó này về làm thịt. Vì nguồn năng lượng thù địch này được gởi đi cho lũ chó và khi lũ chó nhận được nguồn năng lượng này chúng phản ứng lại.

Nói thêm về loài chó nhưng không nói về năng lượng thù địch mà là năng lượng sợ hãi. Chúng ta thường thấy loài chó rất thích rượt đuổi trẻ con và những người sợ hãi chúng. Loài chó không thể ý thức được thế nào là người lớn thế nào là trẻ con. Nhưng loài chó thường rượt những người tỏ vẻ sợ hãi nó. Khi gặp một con chó, người sợ chó sẽ phát ra một nguồn năng lượng sợ hãi. Và khi con chó nhận

được năng lượng này, nó ý thức rằng đối tượng đang sợ hãi nó, vì vậy nó sẽ xông vào tấn công đối tượng.

Chúng ta đã từng nghe kể nhiều về các bậc Chân sư xuống thế, sống trong những vùng rừng núi trong dãy Hy Mã Lạp Sơn. Họ sống an nhiên, tự tại không sợ hãi bất cứ điều gì, không sợ hãi bất cứ một loài thú rừng nào tấn công họ, kể cả những sinh vật thấp hơn như ruồi, muỗi, rắn rít. Họ không cần phải sử dụng bất cứ một loại quyền phép nào nhưng họ chỉ cần sử dụng tư tưởng của mình. Họ luôn gửi đi những thông điệp về lòng nhân ái, lòng từ bi và tình yêu vô bờ bến đến với muôn loài. Năng lượng tư tưởng của Họ phát đi đủ to lớn, đủ mạnh mẽ để ngăn chặn bất cứ sự tấn công nào, dù nó xuất phát từ ý muốn của con người hay bất cứ loài vật nào. Năng lượng tình yêu mà Họ phát đi đủ làm mềm lòng một kẻ được cho là hung bạo nhất, đủ làm cho một con thú hung dữ nhất trong con say mồi, trở nên ngoan hiền như một chú mèo nhỏ.

- Sức mạnh tư tưởng, ảnh hưởng đến con người.

Khi Thượng Đế trao cho con người ý thức của chính mình cũng là lúc con người đã sở hữu một sức mạnh tư tưởng vô cùng to lớn. Nhưng khi con người đi vào quên lãng tại thế giới này, thì gần như tất cả mọi thứ chỉ bắt đầu từ con số không.

Thượng Đế không tước đoạt sức mạnh tư tưởng của chúng ta, nó vẫn luôn là công cụ hữu ích nhất trong đời sống, dù con người có ở bất cứ nơi nào trong Vũ trụ. Mặc dù, sức mạnh tư tưởng của chúng ta trong thời kỳ quên lãng là không còn quá mạnh mẽ như lúc chúng ta thức tỉnh hoàn toàn, nhưng dấu sao năng lượng của nó còn đủ mạnh để có thể làm thay đổi mọi thứ nếu con người biết sử dụng nó đúng cách.

Thực tế cho ta thấy rằng; mặc dù năng lượng tư tưởng của con người có mạnh mẽ bao nhiêu thì con người cũng khó nhận biết sức tác động từ nó. Bởi tư tưởng của con người luôn biến động, luôn thay đổi theo nhiều trạng thái tình cảm khác nhau. Tư tưởng con người không bao giờ tĩnh lặng như một thứ đồ vật, hay ít biến động hơn như con vật. Ngoài ra, sức mạnh của nghiệp chương từ luật nhân quả, ảnh hưởng đáng kể đến sự nhận biết, sự tác động của nguồn năng lượng tư tưởng mà con người đã tiếp nhận.

Một người đang mắc một căn bệnh hiểm nghèo, nhưng họ luôn lạc quan và luôn nghĩ rằng mình sẽ khỏi bệnh. Trong thực tế đã có nhiều người khỏi bệnh; vì cơ thể của họ đã tích tụ nguồn năng lượng tốt rất lớn do chính họ đã tự gởi cho mình, làm cho họ khỏi bệnh.

Bữa cơm người mẹ nấu cho đứa con đi xa về, bao giờ cũng là bữa cơm ngon nhất, nó thực sự ngon lành nhưng không vì ý nghĩ thiên vị. Vì người mẹ nấu nướng với tất cả tình yêu của mình và luôn mong những món ăn mình chế biến sẽ trở nên ngon lành nhất. Thực phẩm mà người mẹ sử dụng cũng bình thường như mọi ngày, nhưng năng lượng tình yêu của người mẹ kích hoạt các món ăn mà bà chế biến, trở nên ngon lành hơn.

Một người chỉ phạm lỗi nhỏ nhưng nhiều người luôn nghĩ anh ta là người xấu, sau cùng anh ta sẽ trở thành người xấu thực sự.

Một người luôn nghĩ mình là kẻ thất bại, họ sẽ rất khó thành công.

Một người thành đạt, luôn nghĩ mình sẽ thành công trong công việc.

Khi ta suy nghĩ xấu về một ai đó, người đó sẽ bị tích tụ năng lượng xấu và nó phản hồi năng lượng xấu đó cho ta.

Khi ta suy nghĩ tốt về một ai đó, hoặc cầu phúc cho họ, họ sẽ tiếp nhận nguồn năng lượng tốt và ta cũng nhận được nguồn năng lượng tốt phản hồi.

Cầu nguyện cũng là một hình thức gởi năng lượng tốt cho chính mình, cho người khác hay cho một sự việc nào đó. Càng có nhiều người nhân danh Thượng Đế cầu nguyện cho ai đó, hay cho một vấn đề gì đó, sẽ dễ thành công hơn. Bởi danh của Thượng Đế tự thân đã phát ra một nguồn năng lượng rất lớn, nên khi ta nhân danh Thượng Đế sức mạnh tư tưởng của người cầu nguyện sẽ tăng lên gấp bội. Nhân danh Thượng Đế cầu xin cho ta, cho ai hay cho bất cứ vấn đề gì, người cầu nguyện cần phải nêu họ tên, địa chỉ rõ ràng dứt khoát, không rườm rà nhiều lời.

Một cơn bão lớn xuất hiện ở biển đông, đang di chuyển vào bờ. Nhưng nếu có rất nhiều người nhân danh Thượng Đế, cầu nguyện cho cơn bão trở thành cơn gió lành, cơn bão sẽ yếu đi.

Năm người gây ra một cuộc ẩu đả nhưng chỉ cần ba người nhân danh Thượng Đế cầu nguyện thì cuộc ẩu đả sẽ kết thúc.

PHẦN II

THÔNGIỆP-THƯỢNG ĐẾ VÀ VŨ TRỤ

I -Nguyên Thần Thượng Đế là cái gì?

Trước khi, bàn đến Nguyên Thần Thượng Đế chúng ta phải chấp nhận một sự thật hết sức tế nhị, một sự thật mà chúng ta không biết nên đặt câu hỏi như thế nào? Và dẫu có đặt câu hỏi thì cũng không ai trả lời cho chúng ta, nó là một câu hỏi bất khả tri, một câu hỏi không có câu trả lời. Đó là câu hỏi?

Nguyên Thần Thượng Đế “Đạo” từ đâu mà có? Nguồn gốc Nguyên Thần Thượng Đế, nguồn gốc của Đấng tạo hoá tối cao?

Tác giả, đã từng đặt ra những câu hỏi tương tự như thế hàng trăm lần, nhưng những câu hỏi của tác giả đã theo dòng suy nghĩ đi vào Vũ trụ bất tận không có sự phản hồi. Vì, trong thế giới hiện hữu, trong lịch sử của Nhân loại không hề có bất cứ một manh mối nào, một dữ liệu nào để có thể tìm hiểu về Nguyên Thần Thượng Đế. Mòn mỏi trong vô vọng nhưng sau cùng cũng đã có sự phản hồi từ Đấng Chí Tôn. Người đã nói:

“Con trai của Ta, hãy để cho Ta cho con một lời khuyên. Thay vì con đặt ra cho mình những câu hỏi về nguồn gốc Nguyên Thần của Ta, Ta thấy tốt hơn là con nên thay đổi những câu hỏi này, bằng những câu hỏi khác. Những câu hỏi mang tính thực chất của cuộc sống, những câu hỏi mà nó có thể giúp cho con có được những hiểu biết cần thiết. Những câu hỏi mà nó có thể giúp cho con và nhiều người khác đến được nơi mình muốn đến.

Con trai của Ta; không phải là Ta không thể trả lời sự thật này cho con, Ta không hề giấu giếm bất cứ một sự thật nào của Ta đối với Nhân loại. Nhưng con phải biết, không có bất cứ một sự việc gì xảy ra mà không có nguyên nhân và thời điểm của nó, mọi thứ vận hành trong Vũ trụ, tuyệt đối không có sự ngẫu nhiên tình cờ. “Những đoá mai vàng nở vào mùa hè sẽ trở nên vô nghĩa, một cái cần cẩu của loài người không thể nâng dãy núi Hy mã Lạp sơn - một cái cốc uống nước không thể chứa toàn bộ nước biển Thái bình dương - người ta không truyền đạt kiến thức toán học cao cấp cho đứa trẻ lớp một.”

Đó là tất cả những gì Loài người có thể biết về Nguyên Thần Thượng Đế trong lúc này.”

Quả thật, “**Chúa trời rất khó hiểu, nhưng không ma mãnh.**” *Albert Einstein.*

Quả thật, những gì mà Thượng đế truyền đạt là sự thật, như một lời nhắc nhở rất thực tế, nhưng cũng rất tế nhị. Bởi trong hiện tại, kiến thức của chúng ta là quá nhỏ bé, so với những gì đang tồn tại trong đời sống và hiện hữu trong Vũ trụ.

Nhưng trong thực tế trên thế giới từ xưa đến nay, đã có không ít học giả, học thuyết, có không ít người tìm kiếm nguyên nhân khởi thủy vũ trụ. Và gần như tất cả luôn cho rằng đã có thủy phải có chung, có khởi thủy thì phải có chung cuộc.

Họ luôn truy tìm nguồn gốc Thượng Đế, họ hỏi Vũ trụ từ đâu mà có và nếu có người trả lời: Thượng Đế sáng tạo ra Vũ trụ, họ sẽ hỏi tiếp vậy ai sinh ra Thượng Đế. Và từ sự hiểu tri bất chấp khả năng hữu hạn của mình, cứ như vậy họ tiếp tục truy tìm cho đến tận cùng và tự đưa tâm trí của mình đi vào bất tận của sự vô vọng. Họ sử dụng toàn bộ kiến thức của Nhân loại để truy tìm đến tận cùng, nhưng vẫn không giải thích được nguồn gốc của Thượng Đế, nguồn gốc của cái đã sáng tạo ra Vũ trụ. Họ đã quay sang chối bỏ Thượng Đế dựa vào lý thuyết sáng tạo để theo cái gọi là chủ nghĩa duy vật và khoa học. Và quả thật khoa học là phương tiện tốt yếu để giải trình về tất cả mọi thứ xảy ra trong Vũ trụ không thể chối cãi.

Nhưng có một điểm khác biệt ở những người theo chủ nghĩa duy tâm với người theo chủ nghĩa duy vật là khi người theo chủ nghĩa duy vật gặp các vấn đề không giải thích được như: Nguồn gốc của Vũ trụ, nguồn gốc của Thái dương hệ, nguồn gốc của con người. Mọi sự vận hành từ Mặt trăng, Mặt trời, Trái đất, Thiên hà, đến sự giãn nở của Vũ trụ, họ đều cho là do tự nhiên, do các quy luật tự nhiên mà hiện hữu, mà vận hành.

Các hiện tượng siêu nhiên huyền bí xảy ra trên Trái đất, nếu không giải thích được thì với những người duy tâm họ sẽ cho là do Thần thánh, Thượng Đế tạo ra. Nhưng với những người theo chủ nghĩa duy vật, khi ứng dụng khoa học nhưng không thể giải thích được, họ sẽ dán cho một cái nhãn **hiện tượng tự nhiên**.

Và cuối cùng thay vì tin rằng Thượng Đế đã sử dụng trí tuệ của mình sáng tạo ra Vũ trụ vạn vật như những người theo chủ nghĩa duy tâm. Những người theo chủ

nghĩa duy vật đã thay thế Thượng Đế bằng một vị thần khác mang tên **Tự nhiên**. Chúng ta hãy thử một lần đi đến tận cùng ý nghĩa của hai từ tự nhiên, chúng ta sẽ cảm nhận sự vô tận của nó, không khác gì từ Nguyên Thần Thượng Đế.

Họ mặc nhiên chấp nhận tự nhiên, hiện tượng tự nhiên, quy luật tự nhiên như điều không cần bàn cãi. Nhưng chẳng may nếu như có ai đó nói với họ rằng; sự giàu có của ông, công trình của bà, sáng chế của chị là may mắn chứ cũng chẳng có gì gọi là giỏi giang. Chắc chắn người này sẽ bị quật lại, bạn thật là thiên cận, không có bất cứ cái gì tự nhiên mà có cả, sự giàu có của tôi, công trình của tôi, sáng chế của tôi, của cái của tôi, mọi thứ tôi có đều là do công sức và trí tuệ của tôi bỏ ra. Khi đụng đến thành quả của họ, họ cho rằng mọi thứ là do công sức và trí tuệ của họ. Nhưng nếu nói rằng; đã có Người sử dụng trí tuệ và công sức của mình sáng tạo Vũ trụ, Trái đất, con người... thì họ sẽ không chấp nhận mà cho là do tự nhiên.

Họ chối bỏ Thượng Đế và mặc nhiên chấp nhận tự nhiên nhưng chưa bao giờ họ quan tâm và giải thích tự nhiên là cái gì, tự nhiên từ đâu mà có, cái gì đã sinh ra tự nhiên. Họ lên án và phê phán những ai đặt niềm tin vào Thượng Đế, họ cho rằng nhưng ai tin vào sự sáng tạo của Thượng Đế là mù quáng, mê tin và không sáng suốt. Họ mới là người sáng suốt, tin vào những gì có thể chứng minh được, tin vào khoa học, tin vào các quy luật tự nhiên.

Nhưng quả thực các quy luật tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên mà họ đã nói ra không tự nhiên một tí nào. Những ngôn từ tự nhiên mà họ đã sử dụng trở thành phi tự nhiên, vì họ không bao giờ giải thích tự nhiên là cái gì, tự nhiên từ đâu mà có, ai đã sinh ra tự nhiên.

Cho đến thời điểm hiện tại, khi đề cập đến vấn đề này, chúng ta không cần phải tranh cãi nữa và cũng không cần xét đoán ai đúng ai sai. Chúng ta chỉ là quan sát thực tế để nhìn nhận một sự thật, nhưng không định kiến, không chê bai kỳ thị.

Đến tận cùng của cuộc tranh luận, chúng ta đã nhận ra một điều:

-Đối với những ai theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, cái đỉnh cao nhất mà họ đụng phải và không thể phá bỏ được trong hiện tại là hai chữ TỰ NHIÊN, hiện tượng tự nhiên, quy luật tự nhiên.

-Và đối với những ai theo chủ nghĩa duy tâm, cái đỉnh cao nhất mà họ đụng phải và không thể xuyên thủng được trong hiện tại là NGUYÊN THẦN THƯỢNG ĐẾ, Đạo, Thái cực.

Nhưng nếu quan sát kỹ chúng ta thấy rằng; những người theo chủ nghĩa duy vật thuần túy, họ có được sự thoải mái hơn. Vì cái gì họ chưa giải thích được, mặc dù họ cũng đã đổ cho tự nhiên nhưng họ sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm, khám phá với niềm đam mê và không bận tâm đến hai chữ tự nhiên.

Riêng những người theo đuổi chủ nghĩa duy tâm lập lò, nửa tin nửa ngờ, không nóng không lạnh, họ sẽ không đạt được bất cứ điều gì. Vì họ luôn muốn giải thích cái gì đã sinh ra Vũ trụ, cái gì đã sinh ra cái sinh ra Vũ trụ, họ luôn đòi hỏi sự thật. Họ đòi hỏi bản thân phải giải thích cho bằng được nguồn gốc Thượng Đế trong sự hiểu biết hạn hẹp của chính mình. Lúc nào họ cũng muốn phải giải thích cho được nguồn gốc Thượng Đế, trước khi đặt niềm tin vào Thượng Đế. Họ luôn đặt điều kiện với Thượng Đế, vì thế chắc chắn họ sẽ không có được cái họ muốn và có được sự thật.

Thực ra, duy tâm và duy vật không phải là nhị nguyên. Duy tâm và duy vật là hai con đường trên cùng một mục đích, đến cuối con đường của hai trường phái sẽ là Thượng Đế. Nhưng cho đến tận hôm nay vẫn còn sự tranh cãi giữa hai trường phái vì con người chưa nhận thức được sự thật hiện hữu ở đoạn cuối con đường. Kỳ thực, tất cả các cuộc tranh cãi của con người cũng chỉ là cuộc chơi vui vẻ của chính chúng ta không có gì phải phàn nàn hay xét đoán.

Duy tâm, tìm kiếm sự thật Thượng Đế từ phía bên trong, duy vật tìm kiếm sự thật Thượng Đế từ phía bên ngoài. Duy tâm tìm thấy Thượng Đế nhanh nhưng lý lẽ không chắc chắn, duy vật tìm thấy Thượng Đế chậm nhưng lý lẽ sẽ chắc chắn hơn vì họ xây dựng sự thật trên nền tảng khoa học. Đến một thời điểm nhất định trong tiến trình, chính những nhà khoa học mới là những người sẽ phải giải thích cho tôn giáo và mọi người biết thế nào là sự thật về Thượng Đế.

Chúng ta, đang sống trong thế giới tương đối thì việc có khởi thủy là phải có chung cuộc, là chuyện của thế giới tương đối. Nhưng trong thế giới tuyệt đối, có khởi thủy nhưng không bao giờ có chung cuộc, nằm ngoài khả năng hiểu biết của con người. Ngay cả những hiện tượng lạ xảy ra trên trái đất, chúng ta còn không thể giải thích được. Ngay cả một tế bào nhỏ hình thành nên sự sống của chính

chúng ta, mà con người còn chưa tạo ra được. Vậy chúng ta có cần phải mất thời gian, công sức vô ích để cố gắng giải thích điều mà chúng ta bất khả tri hay không?.

Thượng Đế không đòi hỏi ở con người bất cứ điều gì, Bà ta không bắt buộc con người phải quy thuận hay phải tin vào Bà ta. Hiểu rõ về chính mình trước khi tìm hiểu về Thượng Đế tốt hơn là tìm hiểu Thượng Đế trước khi tìm hiểu chính mình.

Tin hay không tin là quyết định là sự tự do chọn lựa của mỗi người. Nhưng nếu con người thức tỉnh và tin vào Thượng Đế, theo đuổi tâm linh bằng một tấm lòng chân thành của mình. Chắc chắn Thượng Đế sẽ giúp đỡ cho con người bằng khả năng vô tận của mình và trao cho con người sự thật, cho đến sự thật cuối cùng.

Tân ước – **Mátthêu**, Chương 5 câu 6. “***6 Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.***”

Bằng ngược lại Thượng Đế cũng không ép buộc, không trừng phạt, không giận dữ, không phiền lòng bất cứ một người nào.

Nhưng chúng ta cũng đừng nên quá tự cao, tự đại và tự cho rằng chỉ có con người là sự sống trí tuệ duy nhất trong Vũ trụ. Chúng ta phải nhận thức rằng; kiến thức, tri thức, khoa học, công nghệ của Nhân loại Trái đất là rất thấp so với những nền văn minh tiến hoá cao trong Vũ trụ. Khoa học, công nghệ và những thứ chúng ta có được, so với những gì mà Họ đang sở hữu; tương tự như trò chơi bán hàng của trẻ con, so với cái người lớn sở hữu. Nhưng có điều chúng ta không hề có cảm giác tự ty vì thua kém họ, bởi chúng ta biết Họ là con người và chúng ta cũng là con người, không có sự khác biệt. Tương tự như vậy, những đứa trẻ của chúng ta hôm nay, không bao giờ có cảm giác thua kém người lớn. Vì chúng biết, chúng sẽ lớn lên và sẽ không hề thua kém người lớn bất cứ phương diện nào. Vấn đề của chúng ta trong hiện tại không phải là sự thua kém, mà là quá trình là thời gian. Khi thời gian đến, chúng ta rồi cũng sẽ trở lại thân phận Thần thánh của chính mình, sẽ trở nên toàn tri, toàn hảo như tất cả Họ. Vấn đề tiếp theo là khi nhận biết sự thật chúng ta nên khiêm tốn, trân trọng và biết ơn sự trợ giúp của Họ.

Tự cao, tự đại và suy nghĩ như thế nào Thượng Đế không bận tâm vì đó là tự do ý chí mà Ông ta đã trao tặng cho con người. Nhưng vấn đề buộc chúng ta cần

phải suy nghĩ; là suy nghĩ và hành động như thế nào để có thể đem lại lợi ích nhiều nhất cho chính chúng ta.

Nếu có thể, trong hiện tại con người nên nghe theo lời khuyên của Đức Chúa Giê-su. **Tân ước** - Mátthêu, Chương 12 câu 31-32.

“31 Vì thế, tôi nói cho các ông hay: mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói phạm đến Thần Khí (Nguyên Thần Thượng Đế) sẽ chẳng được tha. 32 Ai nói phạm đến Con Người (Chúa Giê-su) thì được tha; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần (Tinh thần chí thánh của Thượng Đế “Nguyên thần”) sẽ chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau.”



II - VŨ TRỤ duy nhất hay nhiều hơn một?

Từ một vụ nổ lớn Nguyên Thần Thượng Đế đã sáng tạo ra Vũ trụ và từ một vùng Vũ trụ lúc khởi thủy Thượng Đế Tối Cao đã sáng tạo ra tổng cộng: 72 vùng Vũ trụ khác nhau trong không gian vô tận của toàn bộ Vũ trụ . (Thuyết đa Vũ trụ của các nhà khoa học hiện nay). Vũ trụ không thường hằng, sau vụ nổ Vũ trụ sẽ giãn nở liên tục, đến một biên độ nhất định nào đó, năng lượng giãn nở sẽ cạn kiệt lúc này Vũ trụ sẽ co lại và trở về không như trạng thái ban đầu. Thời điểm co lại cho đến trước khi vụ nổ tiếp theo xảy ra được gọi là Vũ trụ chết. Đây thực sự là ngày tận thế đúng với nghĩa đen của nó, đã được nhiều lần nhắc đến trong kinh Thánh.

Trong số 72 vùng Vũ trụ, chỉ có 66 vùng Vũ trụ là đang trong tình trạng hoạt động số còn lại là những vùng Vũ trụ chết. Sáu vùng vũ trụ chết, một số đang trong tình trạng co lại và số còn lại chưa bắt đầu hoặc mới bắt đầu. Bảy mươi hai vùng Vũ trụ luân phiên kết thúc và bắt đầu, luôn duy trì được 66 vùng Vũ trụ hoạt động.

Đây là ý nghĩa biểu tượng cho con số 666 lần thứ nhất.



III -Đại gia đình THƯỢNG ĐẾ có bao nhiêu Người?

A- Thượng Đế Cha, Mẹ.

Nguyên Thần Thượng Đế, sau khi sáng tạo ra Vũ trụ, Người biết rằng đã đến lúc phải rời khỏi thế giới tuyệt đối để bước vào thế giới tương đối. Việc đầu tiên của Nguyên Thần Thượng Đế, trong kế hoạch toàn tri là sáng tạo ra một cỗ máy sinh học hoàn hảo tuyệt vời. Cỗ máy sinh học hoàn hảo này được gọi là con người, đây là người đàn ông đầu tiên trong Vũ trụ khởi thủy (Người mang tên Adam theo Kinh Thánh Cựu ước). Người đàn ông đầu tiên này là Cha của vạn vật trong Vũ trụ.

Sau khi, cơ thể của Người Đàn Ông trở nên hoàn hảo và tốt đẹp, Nguyên Thần Thượng Đế đã sử dụng công nghệ siêu sóng não cài đặt toàn bộ ý thức (Nguyên Thần) của mình vào não bộ cho Người Đàn ông.

Sáng Thế Ký – Chương 2, câu 7.

“ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật.”

Cho đến lúc này thì hoạt động trí tuệ của Người đàn ông tương tự như một người máy sinh học. Chỉ có ý thức trí tuệ nhưng chưa có tính cách con người.

Khi người đàn ông đã có sự sống ý thức, Nguyên Thần Thượng Đế sử dụng DNA của người đàn ông hiệu chỉnh một phần, tạo nên người đàn bà. Đây chính là người đàn bà đầu tiên trong Vũ trụ khởi thủy (Người mang tên Eva theo Kinh Thánh Cựu ước). Người đàn bà đầu tiên này là Mẹ của vạn vật trong Vũ trụ. Với người đàn bà, Ngài cũng đã sử dụng công nghệ siêu sóng não cài đặt toàn bộ ý thức (Nguyên Thần) của mình vào não bộ cho Người Đàn Bà.

Sáng thế ký - Chương 2 câu 21-22.

“²¹ Đức Chúa là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thế vào. ²² Đức Chúa là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người.”

Sau khi, hai Người Nam và Nữ đi vào cuộc sống, Nguyên Thần Thượng Đế tiếp tục sáng tạo một chương trình phần mềm hoàn hảo khác, nó được gọi là Tâm hồn hay còn được gọi là Linh hồn.

Nhưng chương trình phần mềm tâm hồn của Người Nữ và Nam có một khác biệt nhỏ. Tâm hồn của người nữ có tần số rung động thiên về tính âm nữ tính, mềm mại, dịu dàng, thùy mỵ hơn... Tâm hồn của người Nam có tần số rung động thiên về tính dương nam tính, mạnh mẽ, quật cường, can đảm hơn... Xong công đoạn này, cũng bằng công nghệ siêu sóng não Nguyên Thần Thượng Đế tiếp tục cài đặt phần mềm tâm hồn vào tim cho hai người.

Sáng Thế ký – Chương 3 câu 5-7.

“⁵ Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác.”⁶ Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn.⁷ Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khố che thân.”

Nguyên Thần Thượng Đế, Thượng Đế Cha và Mẹ là ba Ngôi tối cao của Vũ trụ, ba ngôi trong một. Ba ngôi Thượng Đế Tối Cao. Tam Thiên Thượng Đế vô cực.

Ba ngôi trong một, nhưng là ba Thể riêng biệt hoạt động độc lập.

Chúng ta, vẫn biết rằng mỗi chúng ta và toàn bộ Con Người trong đại Vũ trụ tất cả là một tiểu Thượng Đế. Trong hiện tại khi mà chúng ta chưa hoàn toàn thức tỉnh, chúng ta rất dễ bị nhầm lẫn trong việc xưng danh hiệu của các Ngài.

Đồng ý tất cả mọi người đều là phiên bản tuyệt đối hoàn hảo của Thượng Đế, nhưng đã có Thượng Đế phân ngôi vì vậy trong các Đấng cao nhất cũng đã có sự khác biệt. Khi mà chúng ta nói đến Thượng Đế Tối Cao là chỉ cả ba ngôi, nhưng khi nói đến Thượng Đế Chí Tôn cũng có nghĩa là chúng ta chỉ nói đến một trong hai Đấng Thượng Đế Cha hoặc Thượng Đế Mẹ. Trên thực tế, Đấng Chí Tôn cũng có nghĩa là Đấng sáng tạo tối cao, nhưng là Đấng sáng tạo tối cao đang hiện hữu trong thể lý, hiện hữu trong thế giới tương đối.

Ngoài ra còn có nhiều Ngôi thứ Thượng Đế như Thượng Đế Con, Thượng Đế Thánh Thần. Sau khi con người thức tỉnh hoàn, mỗi người trong chúng ta sẽ có một tên gọi, một danh hiệu riêng biệt. Vì ai cũng ý thức được rằng mỗi con người là một tiểu Thượng Đế, đó sự thật hiển nhiên không cần nhắc đến.

Vì vậy, trong hiện tại chúng ta cần phải nhận thức chính xác những danh hiệu khi mà các Ngài đến với chúng ta.

- Ví dụ: khi một vị xưng danh **“Thái Thượng Tiên Ông Thánh Thể Ngọc Hoàng Thượng Đế”**.

Thái Thượng là Ánh sáng tối cao, (Nguyên Thần Thượng Đế).

Tiên Ông là Người Đàn Ông đầu tiên lúc khởi thủy.

Thánh Thể là cơ thể chí Thánh tuyệt đối.

Ngọc Hoàng Thượng Đế là Ngôi Vua tối cao trong nước Trời.

Đây là danh xưng của Thượng Đế Cha - Đấng Chí Tôn.

- Ví dụ: Khi một vị xưng danh **Quán Thế Âm**.

Quán là quán xuyên, cai quản.

Thế là Vũ trụ thế giới, thế gian.

Âm là người đàn bà.

Vậy, Quán Thế Âm tức Người Đàn Bà quán xuyên thế giới, Vũ trụ.

Đây cũng chính là danh xưng của Thượng Đế Mẹ - Đấng Chí Tôn.

Danh xưng Quán thế Âm và Quan thế Âm là như nhau.

-Quan là quan sát, thị kiến.

-Thế là sự hiện hữu, là thế gian, là thế giới Vũ trụ.

-Âm là người đàn bà.

Vậy Quan Thế Âm cũng chính Đức Mẹ của Vũ trụ vạn vật.

- Ví dụ: Khi một vị xưng danh **Tam Thiên Thượng Đế Vô Cực Đại Thiên Tôn**.

Tam Thiên Thượng Đế Vô Cực là ba ngôi Thượng Đế Tối Cao.

Đại Thiên Tôn là Trưởng Tử là Con trai lớn của Thượng Đế cũng tức là Đức Chúa Giê-su (Tôn trong từ tử tôn- là con cháu chứ không là tôn kính). Ngoài ra khi Thượng Đế xưng danh Người thường không sử dụng chữ Đại “lớn” mà sử dụng là Thượng “cao”.

Vì vậy, khi một vị xưng danh Tam Thiên Thượng Đế Vô Cực Đại Thiên Tôn tức là danh xưng khác của Đức Chúa Giê-su, con trai cả của Thượng Đế. Nhưng trước khi tuyên xưng danh hiệu của mình, Chúa Giê-su đã nhân danh ba ngôi Thượng Đế Tối Cao trước. Những danh xưng trên thường là cách xưng danh tại các nước phương đông. Riêng ở các nước phương tây, khi tiếp cận với con người các Ngài xưng danh rất đơn giản như:

-Ta Thượng Đế, Đấng đầu tiên và cuối cùng.

-Ta Chúa Giê-su.

-Ta Thiên Thần Tổng quản Michael.

-Ta Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel.

- Ta Tổng Lãnh Thiên Thần Raphael vv...

Chúng ta vẫn biết rằng Thượng Đế hiện hữu bất cứ nơi nào trong Vũ trụ thì lúc nào Người cũng vẫn là Thượng Đế, Chúa Giê-su hiện hữu bất cứ nơi nào trong Vũ trụ thì lúc nào Ngài cũng vẫn là Chúa Giê-su. Không cứ gì phương đông hay phương tây, xảy ra những trường hợp danh xưng không giống nhau như vậy là vì nhận thức và hiểu biết khác nhau của con người trong từng vùng miền.

B- Thượng Đế Con.

Thượng Đế Cha và Mẹ sinh được **144** người con. (sinh nở như một người phụ nữ bình thường, đây là những trải nghiệm đầu tiên và cần thiết khi Thượng Đế đến với thế giới tương đối) **72** nam và **72** nữ (Chúa Giê-su là trưởng tử) mỗi người con sở hữu một nguồn gene khác nhau (đây là 144 nguồn gene gốc trong Vũ trụ). Tất cả, các Người con đều được Thượng Đế Cha và Mẹ cài đặt toàn bộ các

chương trình ý thức, tri thức và tâm hồn như của chính mình. Còn được gọi là linh hồn của Đức Chúa Con.

Một trăm bốn mươi bốn Người Con, nhưng chỉ 72 lần sinh, mỗi lần sinh là một Nam và một Nữ, còn được gọi là song thai Long Phụng. Hai người trong một sinh, còn được biết đến là một cặp vợ chồng mãi mãi trong Nước Trời, hai cá thể riêng biệt nhưng thực ra chỉ là một. Tương tự như Thượng Đế Cha và Mẹ (Adam và Eva theo Kinh Thánh Cựu ước) hai nhưng thực ra chỉ là một. Những Người Con được Thượng Đế Cha và Mẹ trực tiếp sinh ra là các Thiên Thần tối cao; Họ là những Thiên thần Tổng quản, Họ cũng sẽ là các Đấng tạo hoá trong tương lai.

Lưu ý: Tất cả mọi linh hồn được sinh ra tại Nước trời lúc khởi thủy đều là những cặp linh hồn sinh đôi và mỗi cặp như vậy là một cặp vợ chồng vĩnh hằng, vĩnh cửu trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn.

Bảy mươi hai cặp vợ chồng, mỗi cặp quản lý một vùng Vũ trụ.

Một trăm bốn mươi bốn Người Con của Thượng Đế là Ông Tổ, Bà Tổ của 144 ngành nghề của con người trần gian.

3-Thượng Đế đời thứ ba và thứ tư.

Bảy mươi hai cặp, mỗi cặp sinh 100 người con 50 nam, 50 nữ.

Tổng cộng: 72 nhân 100 = **7200** người

Một trăm Người cháu đời thứ ba của Thượng Đế, chia làm 50 cặp vợ chồng.

Năm mươi cặp vợ chồng cháu đời thứ ba của Thượng Đế, mỗi cặp sinh 38 Người con.

Tổng cộng: 50 nhân 38 = **1900** người.

Tính đến đời thứ ba và thứ tư thì mỗi cặp vợ chồng Con của Thượng Đế có.

Tổng cộng: là 100 + 1900 = **2000** người con và cháu.

Tổng cộng: Cháu đời thứ ba và thứ tư của Thượng Đế là 2000 Người x 72 cặp = **144000** Người.

Mỗi cặp vợ chồng Con của Thượng Đế và 2000 Người con và cháu là một chi tộc. Họ cùng nhau quản lý một vùng Vũ trụ.

Một trăm bốn mươi bốn ngàn người này và tất cả những thế hệ con cháu tiếp nối về sau của Họ, tất cả đều được Thượng Đế trao cho toàn bộ các chương trình ý thức, tri thức và tâm hồn như của chính mình.

Đây là **144000** Thiên Thần được nhắc đến trong Khải Huyền, Chương 14, câu 1-3.

“¹ Tôi thấy: kìa Con Chiên đứng trên núi Xi-on; cùng với Con Chiên, có một trăm bốn mươi bốn ngàn người, mang danh của Con Chiên và của Cha Con Chiên ghi trên trán. ² Và tôi nghe thấy tiếng từ trời như tiếng nước lũ, như tiếng sấm lớn. Tiếng tôi nghe thấy tựa hồ tiếng những nhạc sĩ vừa gảy đàn vừa hát. ³ Họ hát một bài ca mới trước ngai Thiên Chúa, trước bốn Con Vật và các vị Kỳ Mục. Không ai có thể học được bài ca này, ngoài một trăm bốn mươi bốn ngàn người ấy, là những người đã được chuộc về từ mặt đất. ⁴.”

Một trăm bốn mươi bốn ngàn người này là những Tổng Lãnh Thiên Thần và cùng với 144 người con của Thượng Đế, về sau này là những người đồng sáng tạo và quản lý tất cả các vùng Vũ trụ.

-Từ 1900 người của thế hệ thứ tư Họ đã tiếp tục sinh ra con cháu rất đông cho đến khi đầy đủ dân số trên 66 vùng Vũ trụ, thì việc sinh nở tại Nước Trời sẽ dừng lại vĩnh viễn.

Đại gia đình Thượng Đế bao gồm Thượng Đế Cha, Mẹ Đấng Chí Tôn, con, cháu vô số linh hồn đang hiện hữu trong đại Vũ trụ. Tất cả, đều bắt nguồn từ Nguyên Thần Thượng Đế, Đấng sáng tạo tối cao.

Nguyên Thần Thượng Đế, Thượng Đế Cha và Mẹ, sự thật là ba ngôi trong một, và đây là một sự thật vĩnh hằng, vĩnh cửu. Nhưng khi chúng ta nói Đấng Chí Tôn cũng có nghĩa là chúng ta nói đến một trong hai người con lớn nhất của Thượng Đế. Đấng Chí Tôn là con của Nguyên Thần Thượng Đế, nhưng thực ra không phải là con, mà là hiện thân của Nguyên Thần Thượng Đế trong thế giới tương đối. Vì vậy khi chúng ta nói đến Thượng Đế là chúng ta nói đến Đấng duy nhất, Đấng đầu tiên và cuối cùng không có sự phân biệt là Nguyên Thần Thượng Đế hay Thượng Đế Cha, Mẹ. Ngoại trừ 144 người con do Thượng Đế Cha và mẹ

sinh ra là con đúng nghĩa về thể xác lẫn tinh thần từ lúc khởi thủy. Những người còn lại từ đời thứ ba trở đi mặc dù không được Thượng Đế Cha và Mẹ trực tiếp sinh ra nhưng tất cả mọi người đều là những tinh linh, con tinh thần của Thượng Đế, là một phần nhỏ được tách ra từ Thượng Đế, là bản sao tuyệt đối hoàn hảo của Thượng Đế. Vì vậy, chúng ta vẫn có thể gọi Thượng Đế là Ông Bà hay Cha Mẹ vẫn được chấp nhận.



IV - Tại sao các Thiên Thần rời nước Trời?

Trước khi có thể hiểu được ý nghĩa đích thực của câu hỏi tại sao các Thiên thần phải rời Nước Trời, trước tiên chúng ta hãy quay về thời điểm không thời gian. Không thời gian cũng có nghĩa là thời điểm Vũ trụ vật chất chưa hiện hữu, nói chính xác hơn là trong toàn bộ không gian Vũ trụ không có bất cứ một chuyển động nào. Trong không gian vô hạn của Vũ trụ lúc này chỉ là chân không và từ trong chân không Thượng Đế đã sáng tạo nên điệu hữu (Từ trong cái không có Thượng Đế đã sáng tạo ra cái có). Thời điểm này, được gọi là điểm khởi thủy, là thời điểm thế giới tuyệt đối tạo ra thế giới tương đối.

Thực ra, trước khi chưa có thế giới tương đối nhị nguyên, chưa có Vũ trụ, chưa có sự sống, Thượng Đế cũng chưa có. Trước khi thế giới tương đối hiện hữu, trong không gian vô tận của Vũ trụ chỉ tồn tại một cái duy nhất và cái duy nhất này mang một năng lượng vô hạn, một sức mạnh vô cùng tận và ẩn tiềm quyền năng tối thượng. Và cái duy nhất này chỉ tồn tại trong thế giới tuyệt đối, nó là cái đã từng được Lão Tử đặt tên là **Đạo (NGUYÊN THẦN THƯỢNG ĐẾ)** và từ cái gọi là Đạo này đã sáng tạo nên Vũ trụ, sáng tạo nên sự sống, sáng tạo nên thế giới tương đối nhị nguyên. Đạo là nguồn, là Cha đẻ, Mẹ đẻ của sự sống. Chỉ đến khi sự sống được hình thành, ý thức vận hành Thượng Đế mới được ra đời, nói cách khác là chính con người đã sáng tạo ra ngôn từ Thượng Đế và cũng chính con người đã vinh danh Thượng Đế lên Ngôi Thượng Đế. Thượng Đế sáng tạo nên con người và con người sáng tạo nên Thượng Đế là bài học đầu tiên trong thế giới tương đối.

Albert Einstein cho rằng “**Tất cả mọi sự tương đối là tuyệt đối**” quả thực đây là một câu nói mang chân lý tối hậu. Bởi khi tất cả mọi sự hiện hữu, mọi điều, mọi thứ trong thế giới tương đối trở về **Một** như lúc đầu, khi đó nó mới có thể trở thành tuyệt đối. Tổng hợp mọi sự tương đối về **Một** là tuyệt đối, ngược lại thế giới tương đối là do Thượng Đế mà thành, vậy Thượng Đế là tuyệt đối, là duy nhất là đầu tiên và cuối cùng. Riêng trong mỗi linh hồn của chúng ta, luôn tồn tại cùng lúc hai thế giới; **Tuyệt đối** và **Tương đối**, hai thế giới này mãi mãi song hành và gắn kết với nhau muôn đời, muôn kiếp, vĩnh hằng, vĩnh cửu. Nhưng hỏi liệu trong chúng ta cái gì là tuyệt đối, cái gì là tương đối? Đạo hay còn được gọi là ý thức, trí tuệ là tuyệt đối. Bởi Đạo là cái sáng tạo ra mọi sự hiện hữu, Đạo là Mẹ của Vũ trụ vạn vật, và tất cả mọi sự hiện hữu cuối cùng đều trở về Đạo, vì

vậy Đạo là tuyệt đối. Đạo là hư không và tĩnh lặng tuyệt đối, Đạo không hình dạng, không cái gì thể nắm bắt được Đạo, vì vậy Đạo là tuyệt đối. Vô hình chung mỗi con người là một Vũ trụ thực sự, bởi ai cũng có Đạo. Và Linh hồn hay còn được gọi tâm hồn là tương đối, vì nó là cái được sinh ra.

Tâm hồn là cái được sinh ra bởi Đạo sau khi thế giới thế giới tương đối ra đời, vì vậy mọi hoạt động có liên quan đến tâm hồn đều phải tuân theo quy luật tương đối. Tính tương đối của tâm hồn luôn bị giới hạn bởi quy luật tương đối, cho nên nó không bao giờ có thể tuyệt đối như **ĐẠO**. Nhưng lạ thay, trong thế giới tương đối chúng ta lại phải chấp nhận một sự thật Tâm hồn là ông chủ của Đạo. Đạo, tức “Ý thức, trí tuệ” chỉ là người làm công, là trợ thủ đắc lực, là người dẫn đường, là công cụ hiệu quả nhất giúp cho Tâm hồn hoàn thành sứ mệnh trong sống. Sau khi Đạo đã hoàn thành sứ mệnh sáng tạo ra thế giới tương đối, sáng tạo ra Tâm hồn, Đạo đã trao sứ mệnh sống và nuôi dưỡng sự sống cho Tâm hồn. Sau khi đã hoàn thành sứ mệnh sáng tạo ra Tâm hồn, Ý thức chỉ đồng hành, quan sát và trợ giúp Tâm hồn trong sống, nhưng không làm chủ. Tâm hồn ước muốn cái gì, yêu thích cái gì, thù ghét cái gì, đam mê điều gì, Ý thức sẽ trợ giúp hiện thực điều Tâm hồn muốn. Tương tự như vậy, sau khi Thượng Đế sáng tạo ra thế giới tương đối, Ngài đã trao cho con người làm chủ Vũ trụ sự sống và cuộc sống của chính con người, nói chung là làm chủ toàn bộ thế giới tương đối. Thượng Đế chỉ là Người quan sát, trợ giúp và tham gia sống cùng con người, nhưng không làm chủ con người hay bất cứ cái gì do Ngài sáng tạo ra. Nhưng con người và tất cả mọi điều, mọi thứ phải được tuân thủ bởi luật của Vũ trụ đã được Thượng Đế đặt ra. Thượng Đế, tồn tại vĩnh hằng, vĩnh cửu trong thế giới tuyệt đối, nhưng Ngài luôn tham gia sống cùng con người trong thế giới tương đối. Vì vậy, Thượng Đế là tuyệt đối và tương đối, là đầu tiên và cuối cùng, là tất cả và không gì cả, là Ông chủ và là người giúp việc, là có và không, là vĩnh hằng - vĩnh cửu.

Sống là quy trình vĩnh hằng, vĩnh cửu, nhưng nếu đời sống của con người không có tâm hồn, cuộc sống sẽ không còn ý nghĩa, dẫn đến kết thúc sự sống. Khi con người sống không có tâm hồn thì mọi sự hiện hữu, mọi vật chất trong Vũ trụ sẽ trở nên thô ráp, xơ xác, khô cứng, vô hồn, không còn tồn tại bất cứ vẻ đẹp nào, mọi thứ sẽ không còn ý nghĩa, mặc dù chúng vẫn tồn tại và vẫn không có gì khác biệt so với khi con người sống có **Tâm hồn**. Quả thật, Tâm hồn là ông chủ của toàn bộ sự sống, là Linh hồn của Vũ trụ.

Trong thế giới nhị nguyên Ý thức đại diện cho **DUY VẬT**, Tâm hồn đại diện cho **DUY TÂM**. Duy vật và duy tâm luôn song hành và cùng chung sống trong mỗi cá thể không bao giờ có thể tách rời. Chỉ có con người thế gian là thường hay quan niệm duy vật khác biệt với duy tâm, duy tâm khác biệt với duy vật. Thực ra khi hiểu rõ, chúng ta sẽ thấy rằng duy vật và duy tâm không thể tách rời.

Con người đã đến với thế giới tương đối, tất nhiên con người phải tuân theo quy luật và luôn xem tất cả mọi điều, mọi thứ, từng bộ phận của Vũ trụ, từng bộ phận trong sống là tương đối, luôn luôn là tương đối, không thể nào tuyệt đối. Nhưng phúc thay con người lại được Thượng Đế sáng tạo ra trong tình trạng hoàn hảo nhất, tốt đẹp nhất, và sống với một đời sống trong một thế giới hoàn mỹ, hạnh phúc vô cùng. Đó là lý do tại sao con người không thể nào có thể tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trọn vẹn trong cái thế giới đó. Nhưng để có thể giúp cho con người tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trọn vẹn trong sống, bắt buộc con người phải kinh nghiệm qua, trải nghiệm qua tất cả mọi điều, mọi thứ, mọi cảm xúc trái chiều. Thượng Đế hiểu rất rõ về điều này, nên ngay từ đầu Người đã cho phép con người ra đi để tìm kiếm cái có thể giúp cho con người có được sự bảo hoà và cân bằng trong sống cho chính con người và cho cả Thượng Đế. Đây là lý do quan trọng và cần thiết nhất thúc dục các Thiên thần rời bỏ Nước Trời tìm đến thế gian.

Trong phần trên chúng ta đã biết, mỗi một con người được sinh ra lần đầu tiên tại Nước Trời, Thượng Đế đều trang bị cho con người đó một phiên bản linh hồn của chính Thượng Đế. Vì vậy mỗi chúng ta là một tiểu Thượng Đế thực sự hoàn hảo. Nhưng nếu Thượng Đế và tất cả mọi người cùng nhau sống trong một thế giới mà tất cả đều suy nghĩ, cư xử và hành động hoàn toàn giống nhau thì cuộc sống tại thế giới này không còn ý nghĩa. Trên thực tế, khi mà một con người sống với một cuộc sống cực kỳ đau khổ con người sẽ không thiết sống nữa. Ngược lại, khi con người sống với cuộc sống cực hoàn hảo con người cũng không thiết sống nữa, bởi cả hai cách sống ấy con người không thể tìm thấy ý nghĩa đích thực của sự sống. Trong thế giới tương đối, nếu có một cái gì đó đạt đến cực đại, hay cực tiểu cái đó sẽ không tồn tại nữa, cực đại hay cực tiểu chỉ có thể tồn tại trong thế giới tuyệt đối. Vũ trụ giãn nở đến một biên độ được gọi là cực đại Vũ trụ sẽ sụp đổ, lúc đó Vũ trụ tự động co lại cho hành trình trở về cực tiểu, trở về không. Và khi những hạt vật chất trong Vũ trụ đã co lại đạt đến cực tiểu nó cũng sẽ không tồn tại nữa mà sẽ vỡ ra cho hành trình đi đến cực đại. Hai sự kiện này còn được biết

đến như là ngày tận thế và vụ nổ lớn “Big bang”. Trong thế giới tương đối, tất cả mọi điều, mọi thứ không có gì là có thể tránh khỏi quy luật THÀNH, BẠI, HOẠI, KHÔNG của Vũ trụ. Nhưng bánh xe luân hồi của Vũ trụ sẽ quay mãi, quay mãi trên hành trình mang lại sự sống vĩnh hằng, vĩnh cửu cho Vũ trụ và con người.

Tương tự như vậy, **TÂM HỒN** của con người cũng không thể thoát khỏi quy luật tương đối của Vũ trụ. Con người sẽ không thể nào có thể sống và tồn tại được trong tình trạng cực kỳ toàn thiện, cực kỳ hạnh phúc mãi mãi, vĩnh hằng, vĩnh cửu. Trong thế giới tương đối con người không thể nào tồn tại được, nếu cứ sống và tăng trưởng theo một chiều. Quy luật, có và không, thăng và giảm, lên và xuống, phải luôn được vận hành liên tục, bất biến vĩnh cửu trong Vũ trụ, thì mọi thứ mới có thể tồn tại được và sự sống mới thực sự có ý nghĩa. Nói cách khác trong thế giới tương đối, thì tất cả là tương đối không bao giờ có thể trở thành tuyệt đối. Vì vậy, khi một vòng tuần hoàn của một vùng Vũ trụ kết thúc và mở ra, cũng là lúc mỗi linh hồn của chúng ta cũng phải tự làm mới lại bản ngã mình một lần nữa và nơi khởi đầu cho hành trình này là nơi tối tăm nhất, đau khổ nhất, độc ác nhất, dã man nhất, tàn bạo nhất, khủng khiếp nhất..., **THẾ GIAN**. Vì vậy, mỗi người phải tự sáng tạo nên bản ngã cho riêng mình, nhưng con người không thể thực hiện được việc làm này trong đời sống tại Nước Trời. Ngoài việc tự sáng tạo cho mình một bản ngã riêng. Con người còn cần phải tự hoàn thiện hiểu biết đã có của mình bằng kinh nghiệm, bằng trải nghiệm thực tế nhằm có được những cảm xúc chân thực nhất về cuộc sống nơi trần thế. Và tất cả những gì mà con người cảm nghiệm được trong thời gian trải nghiệm trần thế sẽ là cứu cánh cho chính con người trong đời sống Thiên đàng khi con người kết thúc trải nghiệm.

Đây là lý do chính và rất quan trọng, mà tự thân mỗi con người phải tự tìm kiếm và sáng tạo cho riêng mình, trong một thế giới khác không là tại Nước trời nó còn được biết đến là thế gian. Tất cả, các Thiên Thần con và cháu đời thứ tư trở đi, sau khi sống ở Nước Trời một thời gian. Tất cả họ, từng cặp, từng cặp “vợ chồng trong Nước Trời” sẽ lần lượt rời Nước Trời đến một hành tinh khác để tìm kiếm sự trải nghiệm và sau khi thức tỉnh hoàn toàn Họ sẽ định cư tại nơi ở mới. Một trăm bốn mươi bốn, Người Con của Thượng Đế và 144000 ngàn Con cháu của Họ, sẽ không phải đi trải nghiệm trong thời kỳ khởi thủy. Bởi Họ là những Người đồng sáng tạo, kiến thiết và chuẩn bị mọi công việc cho cuộc sống trên những hành tinh mới. Đồng thời Họ cũng là những Người dìu dắt những linh hồn tại nơi

ở mới, cho đến khi số người này hoàn toàn thức tỉnh. Nhưng trong quá trình đó sẽ có một số Thiên thần trong số đang ở lại Nước Trời, đến những nơi ở mới vừa trải nghiệm, vừa thực hiện sứ mệnh do Thượng Đế phái đi.

Đây là sự kiện nằm trong kế hoạch toàn tri của Thượng Đế. Nó được xúc tiến trong sự đồng thuận và hoàn toàn được thống nhất giữa những người thực hiện và Người lên kế hoạch. Họ sẽ là những Người ra đi tìm kiếm nguồn hạnh phúc trọn vẹn cho chính Họ và Thượng Đế. Đó là mục tiêu then chốt của Thượng Đế khi Người quyết định rời khỏi thế giới tuyệt đối, đến với thế giới tương đối. Và đó cũng chính là mục đích để Thượng Đế biết mình thực sự là ai. Quá trình, đưa những linh hồn đã được sinh ra tại Nước Trời đến với những hành tinh mới trong Vũ trụ để trải nghiệm diễn ra liên tục cho đến khi dân số trong 66 vùng Vũ trụ được lấp đầy. Khi một vùng Vũ trụ bắt đầu co lại, cũng là lúc tất cả các Thiên thần trong vùng Vũ trụ đó lần lượt di chuyển đến một vùng Vũ trụ mới bắt đầu sự sống trong tình trạng quên lãng. Số linh hồn đang trải nghiệm chưa được cứu rỗi trong vùng Vũ trụ cũ, sẽ là những người đầu tiên đến một vùng Vũ trụ mới đã đi vào hoạt động tiếp tục trải nghiệm. Linh hồn đầu tiên đến vùng Vũ trụ mới, sẽ là những linh hồn sau cùng đến vùng Vũ trụ tiếp theo. Kết thúc trải nghiệm, tất cả mọi linh hồn sẽ thức tỉnh hoàn toàn, trở lại trạng thái của Thiên thần của chính mình.

Quy trình đi vào quên lãng để trải nghiệm và làm mới bản ngã của mỗi linh hồn sẽ diễn ra liên tục bất tận, hết lần này đến lần khác trong đời sống bất tận, vĩnh cửu. Khi một vùng Vũ trụ khép lại và mở ra quy trình này lại được tiếp tục. Ngoài Thượng Đế Cha và Mẹ không trực tiếp đi trải nghiệm như quy luật. Còn lại tất cả mọi linh hồn đều phải thực hiện việc này kể cả Thượng Đế Con và 144,000 Tổng Lãnh Thiên thần. Thông thường, Thượng Đế Con và nhóm Tổng lãnh Thiên thần vừa đi trải nghiệm vừa thực hiện sứ mệnh do Thượng Đế Cha, Mẹ giao phó. Nhóm người này đi trải nghiệm trên những hành tinh chưa được giải thoát có khi còn nhiều hơn cả những linh hồn thứ cấp.



V - Các Thiên Thần rời Nước Trời tìm kiếm điều gì?

Trước khi biết được những bí mật Các Thiên Thần rời Nước Trời tìm kiếm điều gì? Chúng ta, sẽ thử đi tìm hiểu đời sống của các Thiên Thần trong Nước Trời như thế nào?.

Có một điều rất dễ nhận biết là tất cả Người trong nước Trời luôn sống bằng một ý thức cao nhất “**ý thức Thượng Đế**”. Ngoài nền tảng ý thức tuyệt vời, đồng thời Họ còn sở hữu một tâm hồn luôn thể hiện lối sống “**Thiên tính bản tâm**”. Dựa trên nền tảng tình yêu tuyệt đối của mình, dành cho mọi người và cho tất cả mọi mối liên hệ trong đời sống, còn được hiểu là **Thượng Đế tính** hay **Phật tính**.

Cùng với trí tuệ vô hạn mà Thượng Đế đã ban cho, Họ đã sở hữu và làm chủ toàn bộ công nghệ siêu việt mà Loài người không thể tưởng tượng nổi. Ngoài các công nghệ như siêu sóng não, sóng hấp dẫn, sóng phản trọng lực đã đề cập trong STVĐ. Họ còn làm chủ các công nghệ điện toán siêu vật thể, công nghệ siêu sóng vi lượng “lượng tử” vv.... Công nghệ siêu sóng vi lượng phối hợp với công nghệ điện toán siêu vật thể, có thể phân tách và di chuyển một số vật chất đến nơi khác và hợp lại thành nguyên trạng ban đầu trong nháy mắt. Khi con người sở hữu cơ thể ánh sáng, cũng có nghĩa là con người sở hữu cơ thể vật chất hoàn hảo, người ta có thể di chuyển thể xác từ nơi này đến nơi khác bằng công nghệ siêu sóng vi lượng trong tích tắc.

- Ví dụ: Có một vị chân sư đang làm việc tại Sài Gòn và tại thời điểm đó vị chân sư muốn đến New York để thực hiện một số công việc cần thiết và khẩn cấp. Thay vì Ông ta di chuyển bằng các phương tiện thông thường của con người như máy bay, tàu thủy và thậm chí Ông ta có thể điều động được cả đĩa bay để đi đến New York. Nhưng nếu sử dụng các phương tiện thông thường sẽ làm chậm trễ công việc của Ông ta, còn nếu sử dụng đĩa bay sẽ gây sự chú ý và phiền phức. Vì vậy, Ông ta yêu cầu sử dụng công nghệ siêu sóng vi lượng để đến được New York trong thời gian sớm nhất. Sau khi định vị nơi Ông ta sẽ đến, người ta sử dụng công nghệ siêu sóng vi lượng kết hợp với công nghệ điện toán siêu vật thể, phân tách cơ thể vật lý của vị chân sư ra và di chuyển đến nơi Ông ta cần đến và kết hợp trở lại. Đồng thời, tại thời điểm đó người ta cũng đã sử dụng công nghệ siêu sóng não đưa linh hồn của Ông ta ra khỏi cơ thể vật lý trước khi phân tách và sau

khi được kết hợp người ta cài đặt linh hồn của Ông ta trở lại thể xác trong tích tặc.

Đây chính là công nghệ mà các chân sư đã từng sử dụng tại các vùng rừng núi Ấn Độ mà chúng ta thường được nghe kể trong các phẩm viết về họ như tác phẩm Đông phương huyền bí của **Paul Brunton**, Hành trình về phương đông của **Baird T. Spalding** vv... Các chân sư xuất hiện trong một căn phòng cửa đóng then cài và ra đi cũng trong tình trạng đó như một bóng ma, tất cả mọi điều mà Họ thực hiện đều dựa trên công nghệ này. Đức Chúa Giê-su khi còn tại thế thực hiện việc biến bánh mì và cá khô từ ít thành nhiều phân phát cho các tín hữu cũng đã được trợ giúp bằng công nghệ này.

Đời sống trong Nước Trời, con người không phải lo lắng về cái ăn, cái mặc, nhà ở, phương tiện đi lại, không cần phải làm việc, được làm việc là niềm vui không phải bắt buộc. Trong nước Trời con người sẽ được hưởng thụ bất cứ điều gì Họ muốn, mọi nhu cầu của Họ trong cuộc sống luôn được đáp ứng ngay tức thì. Người trong nước Trời, không bao giờ đau ốm bệnh tật, trẻ mãi không già và trường sinh bất tử tất cả đều nhờ công nghệ siêu việt.

Trong nước Trời, không chiến tranh, xung đột, không có đau khổ, mất mát, không có tang thương, chết chóc, muộn phiền lo âu, đói khổ, thiếu thốn. Trong nước Trời, không phải học hành, không có Tôn giáo, chính quyền, không có trường học, bệnh viện, siêu thị, ngân hàng nhà băng Họ không sử dụng tiền bạc. Trong nước Trời, không có các cuộc tranh tài, không tìm đâu thấy sự gục ngã đau đớn ê chề của người thua cuộc. không có những chàng trai, cô gái đến tuổi dậy thì và những mối tình đầu từ các chàng trai, cô gái mới lớn. Không có những cuộc chia tay đầy nước mắt trong tình yêu. Không có tiếng thét xé lòng của người mẹ mất con, không tìm đâu thấy nỗi đau tận cùng của những kẻ mất người thân... không có bất cứ một sự tiêu cực nào hiện hữu trong nước Trời.

Trở lại Nước Trời một lần để chúng ta thử hình dung, nếu cuộc sống ở đó chỉ toàn là sự tốt đẹp, hoàn hảo, an lạc ngoài ra không còn có một điều gì khác ngoài sự tích cực. Và hỏi rằng nếu con người cứ sống mãi trong một thế giới như thế, liệu cuộc sống đó còn có ý nghĩa gì không? Hỏi một cuộc sống như vậy có phải thực sự là Thiên đàng hay không? hay nó chỉ là địa ngục nhằm chán, vô vị, buồn tẻ đúng nghĩa. Làm thế nào mà con người có thể, có được một cuộc sống hạnh

phúc viên mãn trọn vẹn khi mà chung quanh Họ chỉ toàn là sự tốt đẹp, ngoài ra không có gì khác. Họ lấy gì để nhận biết thế giới mà Họ đang sống thực sự là Thiên đàng, nếu Họ chưa từng bao giờ kinh qua địa ngục. Vì vậy, con người muốn thực sự hiểu và yêu quý Thiên đàng của họ, Họ phải tự mình tìm kiếm kinh nghiệm và trải nghiệm qua địa ngục.

Vì vậy, các Thiên Thần phải rời xa Thiên đàng để tìm kiếm sự cứu cánh cho chính mình và cho cả Thượng Đế. Cứu Thiên Đàng thoát khỏi địa ngục nhằm chán, vô vị và buồn tẻ.

Chúng ta biết rằng khi Thượng Đế trao cho chúng ta ý thức như ý thức của Người, tâm hồn của chúng ta như tâm hồn của Người. Cũng có nghĩa, con người là một tiểu Thượng Đế, vì vậy con người hiểu biết tất cả, biết thế nào là chiến tranh, xung đột, chết chóc, đau khổ, phiền muộn, cô đơn, mất mát, buồn chán, thất bại, ích kỷ, lừa dối, phản trắc, biển lận, gian xảo, cường quyền, áp bức, chà đạp, khinh bỉ ... nói chung là hiểu biết tất cả mọi mặt trái của đời sống Thiên đàng. Nhưng hiểu biết là một chuyện, có được kinh nghiệm về điều mà mình hiểu biết là chuyện khác. Kinh nghiệm thực tế mọi mặt đời sống cả Thiên đàng và Địa ngục là vô cùng cần thiết với tất cả mọi linh hồn, là sự thật là chân lý bất biến vĩnh cửu.

Thượng Đế và chúng ta hiểu biết tất cả nhưng chỉ là hiểu biết qua khái niệm. Nhưng chúng ta không thể nào tìm kiếm được những cảm xúc và kinh nghiệm mặt trái Thiên đàng, về những trải nghiệm tiêu cực, trong nước Trời. Vì vậy, để có thể có được những kinh nghiệm để có được những cảm xúc chân thật, bắt buộc mỗi chúng ta phải tự trải nghiệm thực tế về tất cả những gì chúng ta đã hiểu biết qua khái niệm.

Đó là lý do Thượng Đế sáng tạo ra thế giới trần tục “thế giới mà Loài người vừa mới trải qua hơn 11,500 ngàn năm trước” thế giới của vô minh, bóng tối, mê muội ngu dốt, tội lỗi, dã man, tàn bạo... nó thực sự là địa ngục của các Thiên Thần. Trong thế giới nhị nguyên, trần gian cũng có nghĩa là địa ngục, là phía đối lập với Thiên Đàng.

- Ví dụ: Ta đang phải gồng mình sống dưới cái nắng nóng luôn xấp xỉ trên, dưới 45 độ C, không có một ngọn gió, thiếu nước uống. Bất chợt có người đưa ta đến một không gian đầy đủ tiện nghi, rộng rãi, thoáng đãng, nhiệt độ xấp xỉ 20 độ C,

có đầy đủ thức ăn, nước ép trái cây các loại, bia ướp lạnh, âm nhạc du dương... Và người đó cho phép ta toàn quyền sử dụng tùy theo sở thích. Vậy hỏi con gì thú vị hơn, hạnh phúc hơn trong lúc đó.

Từ ví dụ này ta thấy giống như mình đang sống trong trạng thái Địa ngục bước thẳng vào Thiên đàng. Nếu ta không trải nghiệm sự thiếu thốn và cái nắng nóng khủng khiếp như thế, ta sẽ không có nhiều cảm xúc khi tiếp cận với căn phòng tiện nghi đầy đủ và mát mẻ đó.

- Ví dụ: Ta đang sống trong một không gian đầy đủ tiện nghi, dư thừa vật chất tại một xứ sở cận nhiệt đới, gió biển luôn mát mẻ và nắng ấm chan hoà quanh năm. Bất ngờ ta bị nạn và phải sống tại một xứ sở bắc cực, quanh năm băng tuyết, không nắng ấm, không lò sưởi, thiếu thốn trăm bề. Không có đủ quần áo, chăn mền, không có súp gà nóng hổi, không rượu ngon, không bánh ngọt, thiếu thức ăn trầm trọng... Từ ví dụ này, ta thấy giống như mình đang sống trong Thiên đàng bước thẳng vào đời sống địa ngục. Vì vậy, nên ta luôn nhớ và yêu mến cuộc sống cũ, cuộc sống mà trước đó ta xem rất bình thường và không dành cho nó nhiều sự quý trọng.

Trải nghiệm trạng thái tiêu cực sẽ giúp ta cảm nhận và yêu quý trạng thái tích cực. Nhưng nếu như ta sống mãi trong trạng thái tích cực, ta sẽ không còn cảm giác hạnh phúc và yêu quý chúng nữa. Đó cũng chính là lý do con người luôn phải trải nghiệm hết lần này đến lần khác, luôn làm mới lại bản ngã mình hết lần này đến lần khác, mỗi khi vòng Vũ trụ ta sống khép lại và mở ra.

Đây thực sự là ước muốn lớn lao và vô cùng mãnh liệt của mỗi linh hồn trước khi rời nước Thiên Đàng. Đến với trải nghiệm thế gian là nhằm tìm kiếm nguồn hạnh phúc trọn vẹn, sau khi trở lại đời sống Thiên đàng của mỗi linh hồn.



VI - Làm thế nào các Thiên Thần có thể trải nghiệm được những gì mà Họ đã ước muốn trước khi rời Nước Trời?

Trước khi xa rời nước Trời đến nơi ở mới, mỗi người trong chúng ta đều ý thức rằng nơi mình sẽ đến là thế giới đầy bóng tối, nơi sẽ xảy ra tội ác và nhiều đau khổ... Vì vậy, nếu con người đến thế gian trong trạng thái thức tỉnh hoàn “Trạng thái Thiên thần”, con người sẽ không thể nào trải nghiệm được bất cứ điều gì.

Vì vậy, Thượng Đế chỉ cho linh hồn nhập thể bằng một tâm hồn thuần khiết và một chương trình phần mềm ý thức trống rỗng không còn một chút thông tin nào. Nhưng tất cả, mọi dữ liệu về đời sống tại nước Trời “Thiên tính bản tâm” và tri thức Thượng Đế của mỗi chúng ta, cũng đã được Thượng Đế cài đặt trong não bộ cho con người khi đi đầu thai. Còn được gọi là siêu ý thức, nhưng tất cả các thông tin này con người không thể sử dụng được tại trần thế, nếu chưa đủ điều kiện.

Đây là việc làm rất cao minh của Thượng Đế, là công cụ rất hữu ích mà Thượng Đế đã trao cho con người đến với trần gian. Khi mà con người sống trong một cái thế giới bóng tối luôn vây quanh, phủ đầy sự ngu dốt, đại khờ, đần độn, mê muội. Khi mà lý trí không có một chút tri thức nào dù là rất ít ỏi, đủ để có thể phân tích được một hành động có lợi hay có hại cho chính mình. Đây cũng là lúc tâm hồn của con người đứng lên làm chủ toàn bộ đời sống. Tâm hồn tối tăm sẽ thúc đẩy những nỗi sợ hãi, lòng ham muốn, ích kỷ và dục vọng trỗi dậy, nhưng không được ý thức và lý trí dẫn dắt. Từ đó con người đã sống một đời sống hoàn toàn dựa vào cảm tính, thích gì làm nấy bất chấp hậu quả, bất chấp thủ đoạn, không ý thức được thế nào là thiện ác, đúng sai.

Đó là tất cả nguyên nhân là động lực dẫn dắt con người đến với tội lỗi và cũng từ đó con người đã trở thành những cỗ máy sáng tạo ra nguyên liệu trải nghiệm. Và từ các nguyên liệu tội lỗi, qua một vòng sinh tử luân hồi, luật nhân quả sẽ bào chế thành những phương thuốc đắng cuộc đời. Những liều thuốc giúp con người trải nghiệm được những cảm xúc rất chân thật về nỗi sợ hãi, đau khổ, bất hạnh, mất mát, đắng cay, cô đơn, thất bại, buồn chán, đói khổ, rách rưới, không nhà không cửa, lang thang, tù đày, bị khinh khi, bị chà đạp, hất hủi, cưỡng bức vv.... Đây chính là những gì mà một linh hồn trước khi rời xa nước Trời ước muốn được cảm nghiệm, được kinh nghiệm thực tế.

Và quả thật, Đức Chúa Giê-su Người rất yêu thương Nhân loại và cũng là Người rất can đảm, Ông ta đã tiết lộ sự thật này cách đây 2000 năm. Ngay từ câu nói đầu tiên của bài giảng trên núi Ông ta đã tiết lộ một sự thật vô cùng to lớn về hành trình của Loài người trên Trái đất. Nhưng từ trước đến nay, hầu như chúng không quan tâm đến lời nói này của Ông ta.

Tân ước – Mátthêu, Chương 5 câu 3.

“³ Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.”

Vậy Ông ta là có ý gì? khi nói lên câu “Tâm hồn nghèo khó”.

Trước khi, hiểu được ý nghĩa đích thực của câu “Tâm hồn nghèo khó” chúng ta sẽ thử tìm hiểu qua câu nói mang tính đối lập “Tâm hồn giàu có”. Vậy ý nghĩa của câu tâm hồn giàu có sẽ được phát ngôn tương tự như thế nào? Nó có phải là những câu nói tương tự như thế này?

- Người có tâm hồn giàu lòng bác ái.
- Người có tâm hồn giàu lòng từ bi.
- Người có tâm hồn giàu lòng nhân ái.
- Người có tâm hồn “tấm lòng” giàu tình thương.
- Người có tâm hồn giàu lòng vị tha. vv...

Khi sử dụng chữ nghèo trong câu nói, Ông ta muốn nhấn mạnh về điều gì chúng ta đã biết. Giàu và nghèo vật chất, không phải là điều Ông ta muốn nhắc đến ở đây.

Một người giàu có thực sự về tiền của, vật chất. Nhưng trong đời sống họ luôn thể hiện tính cách keo kiệt, bủn xỉn, biếng lận, gian xảo, nham hiểm, độc ác...Vậy người này, không phải là người nghèo khó về vật chất, nhưng là người có “Tâm hồn nghèo khó”

Một người nghèo khó thực sự về tiền của, vật chất. Nhưng trong đời sống họ luôn tỏ ra rộng rãi, chia sẻ cho những ai khó khăn hơn, luôn ra tay giúp đỡ người yếu thế, sống chan hoà và yêu thương mọi người... Vậy người này, không phải là người giàu có về vật chất, nhưng là người có “Tâm hồn giàu có”

Nhưng hỏi tại sao? Đức Chúa Giê-su lại cho rằng; Nước Trời là của những người có tâm hồn nghèo khó, không lẽ Ông ta nhầm lẫn. Không Ông ta không nhầm lẫn mà Ông ta nói lên sự thật. Ông ta biết rằng, con người đến với thế gian là đến với tội tăm, mù loà, mê muội và từ đó con người sẽ phạm tội, sẽ gian ác, sẽ tội tệt, xấu xa. Một khi con người đã phạm phải tội ác và xấu xa thì luật nhân quả chỉ có thể trả lại cho họ những gì mà họ đã gây ra. Và chỉ có những ai có tâm hồn nghèo khổ họ mới có thể thực hiện những hành động tội lỗi và xấu xa.

Chỉ có những người “có tâm hồn nghèo khổ”, họ mới có thể gây ra nhiều tội lỗi, và từ tội lỗi luật nhân quả sẽ đem đến cho họ nhiều đau khổ, mất mát. Qua đó giúp họ có được những kinh nghiệm, những trải nghiệm cần thiết, có được những cảm xúc chân thật nhất về sự gian nan, vất vả, đau khổ; có được những gì mà họ đã thực sự ước muốn trước khi rời xa Thiên đàng. Khi họ đã học hết những bài học cần phải học, trải nghiệm hết những gì cần trải nghiệm họ sẽ trở về nước Thiên đàng, vì Nước Trời là của họ.

Những ai, có tâm hồn giàu có, họ không thể thực hiện những hành động tội tệt, xấu xa. Mà đã là không tội tệt, xấu xa thì luật nhân quả chỉ có thể đem trả lại cho họ những điều tốt lành.

Quả thật, Đức Chúa Giê-su rất cao minh, chỉ một câu nói mà Ông ta đã lột trần được toàn bộ sự thật và mục đích sống của Loài người trên thế gian.

Thượng Đế, mặc dù rất là hiếm khi đến trần gian trải nghiệm thực tế. Nhưng thông qua chúng ta Thượng Đế đã trực tiếp trải nghiệm cùng với mỗi người trong chúng ta. Thượng Đế sẽ trải nghiệm cùng chúng ta về tất cả những gì mà con người đã sáng tạo ra dù đó là niềm vui hay nỗi buồn. Thông qua đường truyền siêu sóng não, Thượng Đế luôn ở bên cạnh, luôn ở bên trong chúng ta từ lúc linh hồn con người rời khỏi Thiên đàng, cho đến khi con người thức tỉnh hoàn toàn trở về ngôi nhà của Người.

Con người trải nghiệm điều gì Thượng Đế trải nghiệm điều đó, cảm xúc của mỗi người trong mọi hoàn cảnh sống như thế nào Thượng Đế cảm xúc như thế đó. Một người trong đói khổ có cảm xúc như thế nào Thượng Đế cũng có cảm xúc như thế đó, cảm xúc của một người đi ăn xin như thế nào Thượng Đế cũng có cảm xúc như thế đó. Cảm giác lạnh buốt trong đêm đông của một lữ hành rách rưới như thế nào Thượng Đế cũng có cảm giác như thế đó, cảm giác của một

người bị tù đầy như thế nào Thượng Đế cũng có cảm giác như thế đó, cảm giác của một người bị đánh đập, bị hành hạ dã man như thế nào Thượng Đế cũng có cảm giác như thế đó...

Cảm xúc của một người võ oà trong niềm vui chiến thắng như thế nào Thượng Đế cũng có cảm xúc như thế đó, cảm xúc của người trúng số độc đắc như thế nào Thượng Đế cũng có cảm xúc như thế đó...

Trên thực tế, chúng ta đến với Thế gian là đến nhằm tìm kiếm trải nghiệm qua tất cả các cảm xúc mặt trái của sự toàn hảo. Các cảm xúc mà khi ở trần thế chúng ta cảm thấy chán ghét nhất, cô đơn nhất, buồn bã nhất, nhục nhã nhất, cực khổ nhất.. thậm chí là những ngày tháng mà chúng ta cảm thấy vô nghĩa nhất, đơn điệu nhất, không đáng sống nhất. Đó cũng chính là những cảm giác, có ích nhất, cần thiết cho chính chúng ta trong đời sống thức tỉnh hoàn toàn. Tóm lại; Khi tại trần thế chúng ta trải nghiệm cảm giác gì mà con người cho là tồi tệ nhất, cái gì chúng ta đã từng ném trải qua được con người cho là xấu xa nhất, chính là những gì cần thiết nhất cho chính chúng ta trong đời sống thức tỉnh hoàn toàn, hay còn được gọi là Thiên đàng hay niết bàn. Lời của Lão Tử đã từng nói giờ ngẫm lại chúng ta mới thấy nó quả thật là hoàn toàn đúng đắn. ***“Chính ngôn ngược phản” (lời hợp đạo nghe như ngược đời).*** Lão Tử Đạo Đức Kinh.

Con Người được Thượng Đế sáng tạo và Thượng Đế được con người sáng tạo. Chỉ đến khi Thượng Đế đến với thế giới tương đối, chỉ đến khi Thượng Đế sáng tạo ra con người Thượng Đế mới biết mình là Thượng Đế.

Bởi trong thế giới tuyệt đối Thượng Đế không có người thân, không có bạn đồng hành, không có ai khác ngoài chính mình. Chỉ đến khi Thượng Đế sáng tạo ra con người, và chính con người đã vinh danh Thượng Đế lên ngôi Thượng Đế, đến lúc này Thượng Đế mới biết mình chính là Thượng Đế. Đây là chân lý tối hậu nhưng thực ra nó lại rất đơn giản và dễ hiểu.



PHẦN III

THƯỢNG ĐẾ VÀ NHỮNG SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN LOẠI

I - Lòng từ bi và bác ái giúp con người trải nghiệm được gì?

Chúng ta đã biết, các Thiên Thần rời xa Thiên đàng đến với trần gian là nhằm tìm kiếm những kinh nghiệm thực tế, những cảm xúc chân thực về những gì mà Họ sẽ trải nghiệm. Mục đích của linh hồn là tìm kiếm và trải nghiệm những tính cách, những hành vi, những cảm xúc... mặt trái của Thiên đàng.

Nhưng lòng từ bi, bác ái, lòng nhân ái, hành vi trượng nghĩa, hành động thi ân bát cầu báo... thì sao? Đây là những tính cách không phải là tính cách mặt trái Thiên đàng, những tính cách này hoàn toàn phù hợp với lối sống Thiên đàng.

Trên thực tế khi một linh hồn đầu thai đến với những vùng đất mới là không nhằm tìm kiếm và trải nghiệm những tính cách hoàn hảo “Thiên tính bản tâm”. Vì tại nước Thiên đàng họ đã luôn thể hiện lòng từ bi, bác ái bằng tình yêu tuyệt đối của mình. Nếu có thể đem ra so sánh thì lòng từ bi, bác ái mà con người đã thể hiện trên thế gian, chỉ tương đương với trí tuệ và sự hiểu biết của Loài người so với Thượng đế. Chúng ta biết rằng khi con người đạt đến trạng thái thức tỉnh hoàn toàn, con người sẽ biết mình thực sự là ai? Vì vậy họ sẽ thể hiện tình yêu tuyệt đối của mình trong mọi mối liên hệ rất hoàn hảo mà không cần phải thực tập hay học hành ai cả.

Quả thật, Thượng Đế đã hiện thị một sự thật quá đáng cay trong ngôn ngữ, trong ký tự của chúng ta, nhưng chúng ta thì không hề hay biết.

-Thế gian là là thế giới của gian xảo, gian manh, gian ác;

-Trần gian là nơi có thể phơi trần sự gian ác, nơi mọi sự gian dối đã trở nên trần truồng không che đậy, nơi có thể vạch trần mọi điều gian ác.

-Trần tục là nơi có thể phơi trần những tục tũ, thô tục của con người.

Thượng Đế chấp nhận cho con người đến với trần gian nhằm tìm kiếm điều gì? chúng ta không cần phải suy tư nhiều, ai cũng có thể nhận biết.

Không lý nào, các sứ giả của Thượng đế, như Đức Phật Thích Ca, Đức chúa Giê-su và nhiều Giáo chủ các tôn giáo khác quên mất mục đích thực sự này của Thượng Đế và những người đi trải nghiệm. Không, không phải vậy Họ là Con của Thượng Đế và là những Thiên thần cấp cao trong Nước Trời, Họ không thể không biết mục đích quan trọng này. Nhưng tất cả những việc làm của Họ tại trần gian, thêm một lần nữa chứng minh Thượng Đế quả thật cao minh.

Nhìn vào lịch sử của Loài người, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hầu như tất cả các tôn giáo lớn nhỏ đều có chung một mục đích là hướng con người đến với nẻo thiện. Và gần như những tôn giáo lớn có sức ảnh hưởng đến Nhân loại chỉ xuất hiện trong khoảng hơn 1000 năm. Từ những năm 600 trước CN cho đến những năm 600 sau CN, có thể kể đến như: Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi giáo. Đây là thời kỳ tiền khai sáng và khai sáng. Tất cả, các Chân sư và Sứ giả xuất hiện nằm trong kế hoạch của Thượng Đế. Và những người thực hiện sứ mệnh khai sáng luôn hành động đúng với ý định của Thượng Đế. Cho dù Người đó thức tỉnh hoàn toàn hay chỉ đang trong trạng thái thức tỉnh. Hơn ai hết các Chân sư là những người luôn biết chính xác linh hồn đến trần gian là để trải nghiệm điều gì. Nhưng các Chân sư và Sứ giả Thượng Đế không thể tiết lộ sự thật, trong những thời điểm mà họ xuống thế. Vì vậy, Họ phải thực hiện sứ mệnh mà Thượng Đế đã uỷ nhiệm theo một hướng khác, đó là rao giảng tình yêu, lòng từ bi, bác ái, nhân ái, hành động trượng nghĩa của người quân tử... Và Họ là những người rất thông thái nên Họ luôn biết cách giúp con người đi đúng hướng, đúng với những gì mà linh hồn đã ước muốn trước khi rời nước Trời.

Chúng ta biết rằng đối với Thượng Đế và tất cả mọi người trong nước Thiên đàng đều coi việc con người đến Trái đất trải nghiệm là một kế hoạch rất quan trọng. Vì đó là cách duy nhất, giúp cho Thiên đàng luôn có được một đời sống trong trạng thái hạnh phúc viên mãn đời đời.

Sự sống trên Trái đất và những sự sống tương tự như Trái đất trong hiện tại là một cuộc chơi lớn của con người và của cả Thượng Đế. Vì vậy, trong mọi mặt đời sống của con người Thượng Đế không để thiếu vắng bất cứ điều gì, nhiều hơn cả Thiên đàng. Tùy từng thời điểm mà Thượng Đế sẽ lần lượt cho nó xuất hiện trên Trái đất, con người đã sống trong bóng tối phải có ánh sáng, ác phải có thiện, sai phải có đúng, có chính trị phải có tôn giáo, thủ công phải có máy móc, công nghệ... cho đến khi Trái đất trở thành Thiên đàng thực sự. Thời điểm các tôn

giáo lớn ra đời cũng chính là thời điểm trên thế gian đã xảy ra quá nhiều tội ác. Vì vậy, Thượng Đế đã phái những sứ giả của mình xuống trần gian rao giảng từ bi và bác ái nhằm tạo lập sự cân bằng cho đời sống thế gian.

Tôn giáo không nằm trong kế hoạch của Thượng Đế, nhưng tôn giáo hình thành phát triển và tồn tại vẫn được Thượng Đế chấp nhận như là một sự sáng tạo của con người. Nó là một phần không thể thiếu trong cuộc chơi lớn.

Mọi thứ vận hành trong Vũ trụ tuyệt đối không có sự ngẫu nhiên tình cờ, nguyên nhân không là từ ý muốn của Thượng Đế thì cũng là từ con người.

-Từ bi.

Hơn 9000 năm là giai đoạn con Người sống trong bóng tối, cho đến khi Đức Phật Thích Ca xuất hiện. Trước Phật Thích Ca cũng đã một vài tôn giáo xuất hiện nhưng các tôn giáo này không rao giảng tình thương là lòng từ bi triệt để như giáo lý nhà Phật. Trong cuốn sách này, chúng ta không bàn đến giáo lý của nhà Phật, nhưng chúng ta chỉ phân tích duy nhất một chữ **Từ bi**. Ngoài ý nghĩa mà từ xưa đến nay con người đã hiểu biết về hai chữ từ bi, Phật Thích Ca còn hiển thị những ý nghĩa khác trong từ này. Vậy ý nghĩa thực sự còn được ẩn dấu của hai chữ từ bi là gì?

Từ là từ bỏ, xa rời.

Bi là buồn, là đau khổ.

Chữ **Bi** trong từ Từ bi xuất phát trong nhóm từ; Hỷ, Nộ, Ái, Ố, **Bi**, Lạc, Dục, Cù.

Còn có nghĩa là; Mừng, giận, thương, ghét, **Buồn**, vui, muốn, sợ.

Ý nghĩa đích thực khi con người thực hiện lòng từ bi, đơn giản là thực hiện công việc từ bỏ nỗi buồn, là thực hiện xa rời sự đau khổ. Nhưng trước khi muốn hết đau khổ, con người phải từ bỏ tham, sân, si - đó là chân lý của từ bi.

Tóm lại, bi là nguyên nhân, cũng chính là tứ diệu đế - Từ là hành động, cũng chính là bát chánh đạo.

Ngoài ý nghĩa trên, Đức Phật Thích Ca còn hiển thị một ý nghĩa, một bí mật khác trong hai chữ từ bi.

Từ là từ bỏ, xa rời - Bi là viên bi là một khối tròn

Đại từ, đại bi là từ bỏ xa rời viên bi lớn, khối tròn lớn cũng có nghĩa từ bỏ, xa rời Thượng Đế. Quan điểm coi trọng lòng Từ bi của Phật Thích Ca, như là một sự nhắc nhở cho con người biết là Họ đang xa rời Thượng Đế

Đức Phật Thích Ca ý thức rất rõ những gì Ông ta rao giảng và giáo lý của Ông ta chỉ nhằm vào sự giác ngộ dựa vào chính bản thân của con người. Thượng Đế không hề có và không được nhắc đến trong giáo lý của Ông ta. Nhưng hơn ai hết Ông ta biết Cha, Mẹ thực sự của Ông ta là ai, Ai là Thượng Đế, Ai là Đấng sáng tạo, Ai là Đấng tối cao của Vũ trụ.

Ông ta biết chắc tư tưởng của mình không phản ánh được nhiều sự thật, mà nó chỉ nhằm làm dịu bớt những nỗi khổ mà con người đã hứng chịu trong giai đoạn đó. Vì vậy, Ông ta tiên đoán khoảng 500 năm sau giáo lý Phật giáo sẽ trở thành mạt pháp, trên thực tế dự ngôn của Ông ta không là một dự đoán nhưng là một hiểu biết chính xác. Ông ta biết chắc khi nào thì anh của Ông ta Đức Chúa Giê-su sẽ xuất hiện trên Trái đất, và quả thật đúng 500 năm sau, Đức Chúa Giê-su đã đến thế gian rao giảng sự thật.

Khi nói đến một người có tấm lòng từ bi là nói đến người có một tấm lòng đầy tình thương, độ lượng, bao dung, vị tha, nhân ái... Nhưng hỏi rằng chừng ấy tính tốt trong một con người, họ sẽ làm thế nào để trải nghiệm những điều mà linh hồn họ đã ước muốn trước khi rời nước Trời. Khi mà một con người luôn thể hiện lối sống đầy tình yêu và không gây nên lầm lỗi, tội ác. Vậy theo luật nhân quả, nó chỉ có thể trả lại cho người đó cuộc sống hạnh phúc và sự an lạc không thể khác. Không lẽ Đức Phật đã nhầm lẫn, không Ông ta không nhầm lẫn. Ông ta có cách đưa được những linh hồn có lòng từ bi đến với những trải nghiệm cần thiết, đến với mục đích ban đầu mà linh hồn họ đã ước muốn.

-Bác ái.

Đức Chúa Giê-su đến với thế gian ngoài việc rao giảng sự thật về Thượng đế và giúp loài người xác định nguồn gốc thực sự của chính mình, Ông ta còn đã rao giảng về tình yêu và lòng bác ái.

Chữ bác ái mà Đức Chúa Giê-su sử dụng không mang nhiều ẩn nghĩa như chữ từ bi của Đức Phật Thích Ca, nhưng dù sao nó vẫn có ẩn nghĩa. Chúng ta chỉ cần thay đổi hai âm cuối của hai từ cho nhau, ẩn nghĩa sẽ xuất hiện.

Bác ái thay đổi hai từ cuối cho nhau sẽ là **bái ác**.

Bái ác là cúi lạy cái ác, vì khi con người thực hiện hành động bác ái mà không được yêu cầu của đối tượng, đồng nghĩa với việc người ấy sẽ nhận lấy cái ác của người đó đã gây ra trong quá khứ “theo luật vô vi”. Quả thực đây là những bí mật của Thượng Đế, và nó được hiển thị trong ngôn ngữ, trong ký tự của mọi ngôn ngữ trên thế giới.

Thực hiện việc khai sáng cho Nhân loại nhận biết sự thật về Thượng Đế và nước Trời là trọng tâm của sứ mệnh Đức Chúa Giê-su. Tình yêu và lòng bác ái rất quan trọng nhưng trước những năm 2000, vẫn chưa phải thời điểm thích hợp để Đức Chúa Giê-su mong muốn Loài người thực hành triệt để tính cách tuyệt vời này.

Đức Phật Thích Ca và Đức Chúa Giê-su đã vận dụng triệt để luật vô vi, kết hợp với luật nhân quả, giúp cho những người thực sự có lòng từ bi và bác ái; hiện thực được ước muốn trải nghiệm mà linh hồn họ đã chọn.

- Ví dụ: Có một gia đình đang bị thiếu lương thực vì mùa gặt chưa đến, đáng ra họ sẽ bị đói thêm 15 ngày nữa. Nhưng trong khoảng thời gian này họ may mắn gặp được một người có lòng từ bi, bác ái tự động mang cho họ số lương thực và tiền bạc đủ sống cho đến ngày gia đình này thu hoạch được mùa màng.

Chiếu theo luật vô vi thì người có tấm lòng bác ái kia đã phạm luật, vì đã can thiệp vào cuộc sống của gia đình nọ, trong khi không nhận được sự yêu cầu của họ.

Bất cứ một việc gì xảy ra ắt đã tự có nguyên nhân của nó, gia đình này đói tức là những linh hồn trong gia đình đó đã quyết định chọn cho mình được trải nghiệm sự đói khổ, từ trong tiền kiếp. Xảy ra việc những người trong gia đình này đói tự thân nó không thể biến mất, nó được chấm dứt vì đã có sự can thiệp của người khác, nhưng không được đối tượng yêu cầu. Vì vậy, chiếu theo luật vô vi thì những ngày đói khổ của gia đình kia sẽ được luật vô vi chuyển sang cho người có tấm lòng từ bi nọ, trải nghiệm thay cho họ trong kiếp sau.

Đây cũng là câu nói cửa miệng trong nhân gian của người Việt Nam “giúp vật, vật trả ơn giúp nhơn, nhơn trả oán”. Ngoài ra, qua ví dụ này còn giúp chúng ta giải thích hiện tượng, trong đời sống có nhiều người rất hiền từ, đức độ, nhân nghĩa luôn yêu thương và sẵn sàng giúp đỡ người khác. Nhưng cuộc đời của họ luôn gặp nhiều đau khổ, vất vả gian nan và trải qua nhiều sóng gió trong cuộc sống. Nhiều người thường cho rằng, nhìn tính cách có thể đoán được số mệnh. Nhưng với những người luôn thể hiện tấm lòng từ bi, bác ái thì số mệnh của họ luôn tương phản với tính cách của chính họ, vì bản thân họ trong tiền kiếp phạm luật vô vi nhiều lần.

Theo cách nghĩ thông thường thì khi con người làm việc tốt như giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, làm từ thiện thì nên cho nhiều người biết để họ noi gương. Nhưng với thế giới tâm linh, thì khi thực một hành động thiện nguyện mà để cho người khác biết, để phô trương thì việc làm của họ đã có phần thưởng từ luật nhân quả rồi.

Vì vậy, Đức Chúa Guêsu muốn giúp cho con người không bị rơi vào cái bẫy của sự giàu có bằng câu nói.

Tân ước – Máthêu, Chương 6, câu 1-4. “Bồ thí cách kín đáo”

“¹ Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy. Bằng không, anh em sẽ chẳng được Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, ban thưởng.² Vậy khi bố thí, đừng có khua chiêng đánh trống, như bọn đạo đức giả thường biểu diễn trong hội đường và ngoài phố xá, cốt để người ta khen. Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi.³ Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm,⁴ để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh.”

Yêu cầu cao nhất của Đức Chúa Guêsu là mong sao cho con người; một là thiện hẩn hai là ác sẽ hẩn, bởi hai con đường đều là hai lối dẫn đến Thiên đàng. Nhưng con người lại không hành động như mong ước của Ông ta, nên Ông ta đã thốt lên.

Khải huyền - Chương 3 câu 15-21.

“¹⁵ Ta biết các việc người làm: người chẳng lạnh mà cũng chẳng nóng. Phải chỉ người lạnh hẳn hay nóng hẳn đi!¹⁶ Nhưng vì người hâm hẩm chẳng nóng chẳng lạnh, nên Ta sắp mưa người ra khỏi miệng Ta.¹⁷ Người nói: "Tôi giàu có, tôi đã làm giàu, tôi chẳng thiếu thốn chi"; nhưng người không biết rằng người là kẻ khốn nạn, đáng thương, nghèo khổ, đui mù và trần truồng.¹⁸ Vì thế, Ta khuyên người đến với Ta mà mua vàng để thử lửa để làm giàu, mua áo trắng để mặc khiến người khỏi xấu hổ vì để lộ thân thể trần truồng, mua thuốc để xức mắt cho người nhìn thấy được.¹⁹ Phần Ta, mọi kẻ Ta yêu mến, thì Ta răn bảo dạy dỗ. Vậy hãy nhiệt thành và hối cải ăn năn!²⁰ Nay đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta.²¹ Ai thắng, Ta sẽ cho ngự bên Ta trên ngai của Ta, cũng như Ta đã thắng và ngự bên Cha Ta trên ngai của Người.”

Theo luật nhân quả, thì một hành động giúp đỡ hay chia sẻ cho một người nào đó, mà nhận được sự yêu cầu của họ. Thì trong kiếp sau, luật nhân quả sẽ mang trả lại gấp 7 lần cái mà họ đã bỏ ra giúp đỡ cho người khác.

Những hành vi trượng nghĩa thấy việc bất bình ra tay tương trợ, hành động thi ân bất cầu báo, thực hiện hành động thiện nguyện là phạm luật vô vi.

- Ví dụ: Một người đi đường, trông thấy một người yếu đuối nọ bị một người to khỏe đánh đập dã man. Người đi đường không cần đến sự kêu cứu của người kia đã ra tay ngăn chặn và cứu thoát người kia khỏi sự hành hạ của người to khỏe.

Trường hợp này, luật nhân quả đã chúng ta cho biết rằng, linh hồn của người yếu đuối từ trong tiền kiếp đã chọn được trải nghiệm nỗi đau bị người khác đánh đập và hành hạ. Nhưng người đi đường đã chấm dứt sự trải nghiệm của họ, vì vậy người đi đường đã phạm luật vô vi. Những gì đã xảy ra không thể tự nó biến mất mà nó phải được tiếp tục. Nhưng không phải xảy ra với yếu đuối nữa mà sẽ xảy ra với người đi đường trong kiếp sau theo luật vô vi.

Vì Đức Phật Thích Ca và Đức Chúa Giê-su đã ứng dụng rất hiệu quả luật vô vi. Nên cho dù Họ có rao giảng từ bi và bác ái bao nhiêu và con người có thực hành từ bi bác ái bao nhiêu Họ cũng có cách đem con người trở lại với đời thường và giúp con người có được những trải nghiệm cần thiết.

Đường đến nước Trời có hai lối một là chí thiện hai là tận ác, đó hai con đường mà Đức Chúa Guêsu đã nhắc đến trong.

Tân ước – Mátthêu, Chương 7 câu 13-14. “ Hai con đường”

“¹³ Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thẳng thàng thì đưa đến diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó.¹⁴ Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.”

Không có một linh mục nào, một thầy tu nào, một ni cô, một nữ tu nào mà có thể tu hành hết kiếp này sang kiếp khác. Thượng Đế sẽ có cách đem họ trả lại với đời thường vì các nguyên nhân:

Những hành vi thiện nguyện không cần báo đáp là nguyên nhân, phạm luật vô vi.

Những lời cầu nguyện của họ giúp cho người khác tai qua nạn khỏi, là nguyên nhân phạm luật vô vi. Bởi năng lượng xuất phát từ sự cầu nguyện của họ đã giúp cho người khác hiện thực được tai qua nạn khỏi bao nhiêu, thì họ sẽ nhận lấy điều đó bấy nhiêu.

Những miếng cơm họ ăn, những thứ họ xài từ tiền bạc, của các tín hữu cúng dường cho nhà chùa, đóng góp cho nhà thờ, Thánh đường đủ để luật nhân quả kéo họ trở lại đời thường làm lụng trả lại cho đời. Chúng ta không nên nhầm lẫn rao giảng giáo lý, tri thức tôn giáo thì họ sẽ được nhận công do các tín hữu đền đáp. Không, luật nhân quả không tính toán như vậy, rao giảng tri thức sẽ nhận lại tri thức nhiều hơn trong kiếp sau. Ăn không, xài không của tín hữu sẽ phải trả lại cho các tín hữu trong kiếp sau theo luật nhân quả. Nhưng muốn có cái để trả, thì linh hồn của họ trong kiếp sau, phải trở lại cuộc sống đời thường, sống và làm việc đời thường.

Bỏ cha xa mẹ, bỏ vợ lìa chồng, bỏ con cái, rời xa người thân; tìm chốn an thân tu hành, đủ để cho luật nhân quả kéo họ trở lại đời thường trả nghiệp.

Đức Chúa Guêsu không sợ con người vì quá từ bi, bác ái mà mất đi cơ hội trải nghiệm tối, Ông ta có nhiều cách khác nhau để trợ giúp những người này. Ông ta chỉ thương cho những con người nữa chừng nữa đổi, không nóng không lạnh, không thiện không ác, không tốt không xấu. Đó là những người tẩu thoát tìm kiếm sự trú ẩn an toàn và những người giàu có.

- Nhóm người tẩu thoát tìm kiếm sự trú ẩn an toàn.

Là những người tìm núi non thanh tịnh tu hành, tự sản tự tiêu xa lánh xa mọi người, tìm kiếm sự bình an trong tâm hồn, không làm phiền ai, không gây tội lỗi, cũng không làm những công việc thiện nguyện. (Trừ các bậc Chân sư đến từ các cảnh giới khác)

Ngoài ra có những người không đi theo con đường tu hành, nhưng trong đời sống họ không muốn mở rộng quan hệ, sợ va chạm, làm việc vừa đủ sống, không tranh hơn thua, cố tránh gây ra tội lỗi, không cần sự giúp đỡ của ai và cũng không muốn giúp ai.

Hai nhóm người này, không phạm luật vô vi và luật nhân quả thì cũng chỉ có thể mang trả cho họ một đời sống bình an như họ đã tạo ra trong tiền kiếp. Và cứ thế hết kiếp này sang kiếp khác, hết đời sống này sang đời sống khác. Cuộc đời của họ sẽ không có nhiều biến động, không có nhiều đau khổ và không có nhiều trải nghiệm thăng trầm.

Những người này không sống xa hoa nhưng cũng không trải nghiệm được nhiều. Họ là nhóm người thành công trong việc chạy trốn khỏi địa ngục trần gian, nhưng cũng là chạy trốn khỏi Thiên đàng.

Trong cuộc chơi mà Thượng Đế đã đặt ra cho con người là không có bất cứ một con đường nào đến được Thiên đàng mà không đi thông qua địa ngục. Không có Địa ngục Thiên đàng trở nên vô nghĩa, Địa ngục không hiện hữu Thiên đàng không tồn tại.

-Nhóm người giàu có.

Người giàu có thực ra là những người tốt, nói cho đúng bản chất thì họ là những người không tốt không xấu. Họ không phải là những nhà hảo tâm thiện nguyện, nhưng cũng không phải là người độc ác xấu xa. Họ là những người sống có nguyên tắc và luôn hành xử rất lý trí, họ thực sự là những người sòng phẳng và minh bạch. Khó ai có thể lợi dụng được họ và họ cũng không cho không ai bất cứ thứ gì. Ai cần công việc yêu cầu họ sẽ trợ giúp, ai thiếu thốn khổ sở cầu xin họ sẽ cho. Họ tạo ra công ăn việc làm cho nhiều người và cũng thu lại nhiều lợi ích từ sức lao động của những này. Họ cũng là những người làm việc từ thiện rất nhiều,

nhưng kèm theo đó là quảng bá thương hiệu. Họ là những người luôn lý trí siêng năng và chú trọng đến công việc hết mình.

Đây chính là những nguyên liệu cơ bản để luật nhân quả đem đến cho họ sự giàu có, kiếp này hơn kiếp trước, kiếp sau hơn kiếp này. Và cứ như vậy tầng thức đã giúp họ hành xử kiếp này giống kiếp trước, kiếp sau giống kiếp này. Người giàu có quả thực là những người cơ bản là tốt đúng nghĩa của trần gian, không tốt thì họ sẽ không là người giàu có. Nhưng vì họ không biết rõ mục đích thực sự của linh hồn là gì, nhưng thực ra thì cũng chẳng ai biết rõ mục đích của linh hồn là gì, cho đến lúc này.

Nhóm người giàu rất ít có cơ hội trải nghiệm mặt trái Thiên đàng. Cái mà họ luôn được trải nghiệm trên trần thế là làm việc kiếm tiền và sống trong nệm ấm chăn êm, đời sống dư thừa, tiện nghi đầy đủ, hưởng thụ xa hoa. Quả thực, họ đã sống xa hoa, ‘xa là xa cách – hoa là bông hoa, bông hoa biểu thị cho vẻ đẹp của Nước Thiên đàng’. Quả thực, họ càng lúc càng rời xa Nước Thiên đàng.

Đức Chúa Giê-su là Người hiểu biết quá rõ về điều này, Ông ta đã hết mực yêu thương con người. Vì vậy, Ông ta đã cố tình nhắc nhở và giúp cho con người thức tỉnh để họ có được Nước Trời qua câu nói.

Tân ước – Mátthêu, Chương 19 câu 23-24. (Người giàu có khó vào Nước Trời (Mc 10: 23 -25; Lc 18: 24 -25) “²³ **Bấy giờ Đức Giê-su nói với các môn đệ của Người: "Thầy bảo thật anh em, người giàu có khó vào Nước Trời.²⁴ Thầy còn nói cho anh em biết: con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa."**



II - Theo đuổi tâm linh có ích lợi gì?

Trước khi đề cập đến câu hỏi theo đuổi tâm linh có ích lợi gì? Trước tiên chúng ta phải biết phân biệt sự khác nhau giữa tâm linh và tôn giáo. Ý nghĩa đích thực của người theo đuổi tôn giáo và người theo đuổi tâm linh không giống nhau. Theo đuổi tôn giáo là theo đuổi một ràng buộc tư tưởng bởi những lễ nghi, hình thức, giáo điều. Theo đuổi tâm linh là theo đuổi sự tự do vì tự thân tâm linh không ràng buộc, không áp đặt lên ý muốn người của theo đuổi.

Trở lại với câu hỏi vì sao những người theo đuổi tâm linh thường là những người nghèo khó và gặp nhiều bất hạnh khổ sở trong đời. Nói đến tâm linh là nói đến Thượng Đế, thế giới tâm linh là thế giới của Thượng Đế. Một người đang theo đuổi tâm linh là một người đang ý thức tìm kiếm con đường để được giải thoát, (trở về với Thượng Đế). Vì vậy, các thế lực của Thượng Đế luôn sẵn sàng giúp đỡ và dìu dắt số người này. Họ giúp đỡ số người này khai mở trí tuệ để họ nhận thức sự thật về Thượng Đế và thế giới của Người. Họ thực hiện, dìu dắt số người này tìm kiếm những thứ mà họ còn chưa trải nghiệm, chưa kinh nghiệm qua và đó cũng có thể là sự nghèo khổ, bất hạnh, kiếp nạn vv... Trải nghiệm những thứ mà một người có ý thức bình thường thực sự chán ghét và luôn muốn tránh xa.

Tinh thần kinh nghiệm qua, trải nghiệm qua bóng tối; tương tự như thể xác kinh nghiệm qua, trải nghiệm qua vật chất tối. Dựa vào nguyên tắc này, nên các nhà khoa học đã sử dụng chính những con virus, vi khuẩn, vi trùng gây ra bệnh nào để bào chế ra vắc xin chữa cho chính bệnh đó, nó được gọi là dĩ độc công độc. Là tác nhân gây bệnh, nhưng qua sự bào chế các nhà khoa học đã biến chúng thành những phương thuốc tiêm chủng, tiêm ngừa, những phương thuốc chữa bệnh hiệu quả. Nếu muốn cứu được người bị rắn độc cắn, người ta phải cần đến nọc độc của chính loài rắn bào chế ra huyết thanh, vắc xin để chữa cho người bị rắn cắn. Nếu muốn cứu được người bị chó dại cắn, người ta phải sử dụng chính virus chó dại bào chế ra vắc xin chữa bệnh dại. Nói cách khác nếu người ta muốn không bị nhiễm bệnh, trước đó người ta phải sống chung, làm quen với tác nhân gây bệnh. Nó được hiểu là nếu muốn không bị nhiễm bệnh gì, thì trước đó người ta phải tiêm chủng, tiêm ngừa vắc xin bệnh đó. Cũng có nghĩa là chúng ta phải tự làm cho chúng ta thích ứng trước với những tác nhân gây bệnh (virus, vi khuẩn) đó trước, để sau này nó không thể gây bệnh cho ta.

Tương tự như vậy, nếu con người muốn mình không là người ác, thì trước đó người ta phải trải qua cái ác, chung sống với cái ác, thấu triệt được cái ác, sau đó người ta mới có thể trở thành người thiện. Khi mà con người ta hiểu rõ đó là một sự độc ác, là một hành động tàn nhẫn vô tâm, họ chính là người thiện. Trên thực tế con người bắt buộc phải qua cái gì đó, con người mới có thể biết rõ nó là cái gì. Nếu con người ta muốn trở nên thông minh, thì trước đó họ phải là người ngu dốt, chung sống với ngu dốt, thấu triệt được sự ngu dốt, sau đó người ta mới có thể trở thành người thông minh. Khi mà con người ta hiểu rõ đó là một việc làm, một hành động ngu dốt, mê muội, sai lầm cũng có nghĩa là họ thông minh. Nếu người ta muốn trở thành ánh sáng, thì trước đó người ta phải chung sống với bóng tối, trải nghiệm qua bóng tối, thấu triệt bóng tối, lúc đó người ta mới có thể tiếp cận được với ánh sáng, trở thành ánh sáng. Khi mà con người ta hiểu rõ, đó là tư tưởng tối tăm, đó là quan niệm sai lầm, cũng có nghĩa là họ đã tiếp cận được với ánh sáng, là ánh sáng. Phải sống với bóng tối thì khi tiếp cận với ánh sáng, với sự thật, người ta mới có thể phân biệt được thế nào là bóng tối, thế nào là ánh sáng, thế nào là sự thật, thế nào là điều không thật.

Nhưng chúng ta cũng cần phải nhìn nhận một sự thật, một quan sát thực tế về những gì mà người theo đuổi tâm linh thường gặp phải trong đời sống. Rằng họ không phải là người xấu nên trong kiếp này họ phải nhận nghiệp quả như không mong muốn. Mà họ thực sự phải là người tốt từ trong tiền kiếp, nhưng vì quá tốt nên vương phải luật vô vi. Nhưng tất cả mọi thứ đã xảy ra đối với họ giờ này không còn quan trọng nữa. Vì họ biết những gì mà một người theo đuổi tâm linh phải kinh qua, sẽ là nền tảng cho sự trở về của linh hồn.

Nhưng nếu thực sự tất cả những ai theo đuổi tâm linh là dứt khoát sẽ đi vào nghèo khổ, bất hạnh, kiếp nạn, buồn chán thì chẳng còn ai muốn theo đuổi tâm linh. Con người trên thực tế chưa thể hiểu biết nhiều về thế giới Thượng Đế, nhưng con người cũng rất thực tế. Con người thức tỉnh tâm linh, theo đuổi Thượng Đế là ước vọng, là mong muốn Thượng Đế mang đến cho họ một cuộc sống tốt đẹp và hoàn hảo cả về tinh thần lẫn vật chất. Nhưng nếu người ta nhận ra rằng theo đuổi tâm linh, đến với Thượng Đế chưa thấy Thiên đàng đâu, đã nhận lấy địa ngục. Chắc rằng không nhiều người theo đuổi tâm linh, theo đuổi Thiên đàng, họ thà chấp nhận sống trong địa ngục nhưng được hưởng thụ sự giàu sang, phú quý của họ. Và họ sẽ bất chấp là nó có dài lâu, có trường cửu đối với họ hay không, họ không cần quan tâm.

Đành rằng mọi con đường đi đến Thiên đàng, không thể nào không đi thông qua địa ngục. Nhưng khi mà con người trải nghiệm địa ngục trần gian trong vô minh, trong mê muội, không có điều kiện trốn chạy. Con người trong hoàn cảnh bị cầm tù trên thế gian, bị tước đoạt vũ khí vĩ đại nhất của họ là ý thức nhận biết, họ buộc phải chấp nhận đau khổ. Nhưng trong hiện tại nếu họ biết rằng chọn tâm linh là chọn đau khổ chắc chắn họ sẽ không chọn, bất chấp tương lai của mình sau này sẽ ra sao. Thực ra, mục đích cuộc sống hiện nay của phần lớn con người trên hành tinh, là hàng ngày phải lo nghĩ đến cơm áo, gạo tiền. Nhưng làm sao mà chúng ta có thể trách cứ, phê phán họ bởi phần lớn tài sản trên Thế giới chỉ thuộc về một số ít người giàu có. Dân số thế giới có bao nhiêu phần trăm tỷ phú và triệu phú, có bao nhiêu phần trăm không phải lo lắng về cái ăn cái mặc. Và còn bao nhiêu người, không thể thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn cơm áo, gạo tiền chúng ta có thể quan sát thấy được.

Khi mà cuộc sống của rất nhiều người luôn trong tình trạng bấp bênh, chỉ cần bão lũ hạn hán kéo đến, chỉ cần buôn bán ế ẩm vài tuần, thất nghiệp vài tháng là đói, là bị tống cổ ra khỏi nhà vì không có tiền góp nhà cho những ông chủ giàu có. Khi mà bất công đầy dẫy trong xã hội, tham nhũng tràn lan, người ác vẫn cứ sung sướng, người giàu càng lúc càng giàu hơn, người nghèo càng nghèo hơn. Làm sao mà họ có thể thức tỉnh, khi mà con cái họ đói rách, không thể tiếp tục học hành. Làm sao mà họ có thể giác ngộ khi mà cuộc đời họ luôn bất hạnh, đói nghèo, vợ đau con ốm không đủ tiền để được chăm sóc y tế. Làm sao để có thể kêu gọi, đòi hỏi con người ý thức giác ngộ khi mà mọi lời cầu xin của họ luôn rơi vào yên lặng đáng sợ. Khi mà cái gương trước mắt của họ, là những người theo đuổi tâm linh ai cũng gặp nhiều bất hạnh, nghèo khó thiếu thốn. Ví dụ: Một người đàn ông, vợ bị bệnh ung thư không tiền chạy chữa đã chết sớm, phải đơn thân nuôi bốn đứa con nhỏ trong tình trạng nghèo khổ. Có lần trên đường đi vay tiền bạn bè để đưa đứa con nhỏ đang bị bệnh đi bệnh viện. Người đàn ông bất ngờ lượm được một gói tiền trên đường. Vậy hỏi người đàn ông nên làm gì với số tiền này?

Một là đem gói tiền đến đồn công an trình báo nhằm trả lại cho chủ sở hữu của nó, hai là cầm về và đưa đứa con nhỏ đi bệnh viện. Trả lại số tiền thì không có tiền đi bệnh viện và đứa con có thể chết như người mẹ, còn không trả thì lương tâm cắn rứt, trở thành người không trung thực. Nhưng để giữ cho lương tâm mình được trong sạch, thì người cha có thể sẽ mất đứa con. Vậy hỏi người cha

nên hành động như thế nào và nếu là ta, ta sẽ hành động như thế nào? Mỗi người hãy tự cho mình một câu trả lời.

Ví dụ: Một cô gái trẻ nhà nghèo không nghề nghiệp, trình độ học thức không cao. Khi cô gái lấy chồng và sinh con được chồng nuôi dưỡng và lo lắng không phải làm gì. Một thời gian, bất ngờ người chồng có vợ nhỏ và bỏ cô gái cùng đứa con lại trong tình trạng ở nhà thuê, không bảo hiểm xã hội, không bảo hiểm y tế không tài sản. Người phụ nữ đã rất vất vả làm thuê, làm mướn sinh sống và nuôi con. Nhưng việc làm nay có mai không, vì vậy không thể đủ tiền xoay xở với những chi phí như tiền thuê nhà, tiền ăn, mặc, tiền thuốc men đau ốm của đứa con nhỏ vv...Cuối cùng người phụ nữ trẻ đi vào con đường làm gái nuôi con.

Từ hai ví dụ trên nói cho chúng ta biết, khi mà cuộc đời con người quá khổ sở, họ sẽ không còn đầu óc đâu mà suy nghĩ đến lương tâm, đạo đức, sĩ diện làm người. Khi mà con người đi đến đường cùng của sự đói khổ thì đừng có mong họ thức tỉnh hoặc theo đuổi cái gì đó gọi là tâm linh. Chúng ta, không nên phê phán hoặc chỉ trích người khác là không có lương tâm, không có đạo đức, là nguyên nhân của tệ nạn xã hội, là độc ác, xấu xa không đáng được tôn trọng. Trước khi xét đoán về họ, ta hãy thử một lần đứng vào hoàn cảnh của họ, sống trong cảm giác của họ và tự hỏi nếu là ta, thì ta có thể hành xử khác họ được không.

Từ rất xa xưa cũng như trong hiện tại, có không ít các tổ chức tôn giáo và các tổ chức xã hội luôn rao giảng, kêu gọi con người hãy sống cho có lương tâm, đạo đức, từ bi, bác ái. Người ta luôn rao giảng, kêu gọi hãy sống đạo đức nhưng người ta không thực sự quan tâm đến đời sống thực tế của con người, của chúng sinh.

Trên thực tế, không có nhiều người trong số họ thực sự quan tâm đến suy nghĩ, cảm xúc của những công dân, những tín đồ, giáo hữu của họ. Cái mà nhiều người trong số họ thực sự quan tâm không là suy nghĩ, cảm xúc của người khác mà là tiếng tăm, địa vị của chính họ. Cái mà họ thực sự quan tâm là tôn giáo của họ có bao nhiêu tín đồ, để tiếng nói của tôn giáo họ có trọng lượng hơn với các nhà lãnh đạo chính phủ. Cái mà họ thực sự quan tâm là tín đồ, tín hữu của họ cúng dường, đóng góp bao nhiêu cho chùa, cho nhà thờ, cho giáo đường của họ. Và rất có thể số tiền mà họ nhận được từ các tín đồ, có cả tiền của những thân phận thấp hèn nhất trong xã hội, tiền của những thân phận mà họ luôn phê phán.

Để rồi từ tiền bạc của các tín đồ; họ xây dựng chùa chiền, nhà thờ, giáo đường to lớn hơn, vĩ đại hơn nhằm thu hút nhiều tín đồ hơn. Để rồi từ tiền bạc của các tín hữu, họ làm những công việc như giúp đỡ một nhóm người đã định trước nào đó nhằm quảng bá hình ảnh như là một hành động từ thiện của họ. Từ nguồn tài chính của các tín hữu, họ sẵn sàng làm những việc mượn hoa kính Phật, nhằm quảng cáo tôn giáo của họ là tốt nhất.

- Cái mà các nhà giáo dục truyền đạt cho con người là những kiến thức, tri thức nhằm tiến đến việc tạo ra tiền của, vật chất, danh vọng, quyền lực. Nhưng trong thực tế sống đã chứng minh điều ngược lại, những người giàu có nhất, quyền lực nhất, danh tiếng nhất, từ trước đến nay không phải lúc nào cũng là những người học hành nhiều nhất. Các nhà giáo dục không quan tâm đến việc truyền đạt ý thức sống, đạo đức làm người, vậy nhưng người ta vẫn luôn đòi hỏi con người phải sống đạo đức sau khi rời ghế nhà trường. Dựa trên một quan sát tổng thể chúng ta có thể nhận thấy, tự thân ý nghĩa của hai từ giáo dục chưa bao giờ tồn tại cái gọi là đạo đức trong nó. Vì mục đích thực sự của giáo dục là truyền dạy cho người ta một ham muốn. Giáo dục dạy cho con người ham muốn về kiến thức, tri thức, hiểu biết, ham muốn về một thành quả trong học tập cũng như sau khi rời ghế nhà trường. Nói giáo dục không bao gồm ý nghĩa của hai chữ đạo đức vì bởi ý nghĩa tự thân của đạo đức không bao gồm lòng ham muốn trong nó.

Trọng tâm của giáo dục là nhằm đào tạo cho thật nhiều tầng lớp người trí thức. Nền giáo dục ngày nay của thế giới phần lớn chạy theo xu hướng truyền đạt kiến thức, nhằm tạo ra định kiến, vun quén ký ức. Nhưng không nhằm truyền đạt kiến thức trên tinh thần tự do trong tư duy, như là nguồn nguyên liệu trong tư do sáng tạo. Tương tự như vậy, tôn giáo truyền đạt giáo lý cho các tín đồ như là một công cụ nhằm trói buộc tư tưởng của họ vào tôn giáo mà họ đang theo đuổi. Nhưng không là trao cho họ một công cụ nhằm nhận biết sự thật trên con đường tìm kiếm sự giải thoát. Ở đây chúng ta chỉ nói lên một quan sát, nhưng không là phê phán. Ở đây chúng ta chỉ nói lên một sự thật đang diễn ra trong thực tế, nhưng không là một phương cách giải quyết. Thâm quyền giải quyết thực trạng và thay đổi nhằm hướng tới tương lai, chỉ những người lãnh đạo có tâm huyết trong cuộc mới có thể thực hiện được.

Trong thực tế đời sống đã minh chứng, không phải bất kỳ một người có đạo (tín đồ một tôn giáo) hay trí thức nào cũng là người có ý thức đạo đức. Một người có

đạo hay một người trí thức có thể hành xử rất ích kỷ, tàn độc và dã tâm, nhưng với người có ý thức đạo đức sẽ không hành xử như vậy. Những người có đạo hoặc có trí thức chưa chắc là người có ý thức đạo đức, nhưng là người biết che đậy hơn những không có đạo và người trong tầng lớp bình dân.

- Bản chất thực sự của hai từ tôn giáo đã được hiển thị trong ngôn ngữ chỉ ra rằng, các tổ chức tôn giáo là các tổ chức truyền dạy cho người ta sự tôn kính. Nhưng là sự tôn kính được xây dựng bởi sự sợ hãi của uy quyền. Sự tôn kính được hình thành bởi sự sợ hãi nhưng không là lòng biết ơn sẽ không bao giờ là một sự tôn kính chân thành. Một người con luôn tỏ thái độ biết ơn cha mẹ mình đã bao gồm lòng tôn kính chân thành trong đó. Nhưng người con kính sợ cha mẹ mình bằng uy quyền của chính họ không bao giờ bao gồm lòng biết ơn chân thành, vì vậy sự kính sợ của người con cũng không thể là sự tôn kính chân thật.

Cái mà các Tôn giáo truyền đạt cho các tín đồ là hướng đến lòng từ bi, bác ái, và tình yêu thương, nhưng hành động dựa trên lòng ham muốn, sự sợ hãi và mê muội. Đầu tiên là tôn giáo khơi dậy cho các tín đồ sự ham muốn về một thiên đàng, một niết bàn nào đó theo tưởng tượng của họ. Một nơi mà con người sẽ hưởng được một cuộc sống tốt đẹp hoàn mỹ sau khi chết. Tiếp đến là xiềng xích tư tưởng của tín đồ vào khuôn khổ của các lễ nghi, hình thức. Họ truyền đạt những kiến thức mang tính răn đe, hăm dọa và họ luôn cảnh báo tín đồ sẽ bị mất tất cả, sẽ bị trừng phạt nếu không tuân phục. Họ luôn tự cho rằng; chính họ là những người đại diện số một được nhận lệnh trực tiếp từ một Đấng tối cao nào đó để thực hành việc dẫn dắt tín đồ. Vì vậy, nếu không tuân theo những phán quyết, thực hành theo những lễ nghi hình thức mà tôn giáo của họ đã sáng tạo ra, sẽ bị nghiệp quả thâm trọng, sẽ sa địa ngục đời đời và mất cả linh hồn.

Tâm lý của các tín đồ, tìm đến tôn giáo xuất phát từ lòng ham muốn và sự sợ hãi. Họ ước mong nhận được từ tôn giáo sự bình an trong cuộc sống tinh thần lẫn thể xác khi còn tại thế và sau cái chết linh hồn có được một cuộc sống tốt đẹp, an lạc và hoàn mỹ đời đời. Nhưng họ sợ mình không đủ trí thức, sẽ sai lầm trên hành trình tìm kiếm cuộc sống tốt đẹp đó, nên họ phải tìm đến nương nhờ vào tôn giáo. Trên thực tế tôn giáo không mong muốn các tín đồ của mình tiếp cận sự thật về trí thức ánh sáng, các tổ chức tôn giáo rất sợ tín đồ của họ hiểu biết sự thật. Và bản thân của nhiều lãnh đạo tôn giáo cũng chưa chắc đã biết được sự thật về Thượng Đế, thiên đàng và niết bàn là như thế nào và ở đâu?. Nhưng điều đó

không quan trọng, cái mà nhiều người trong số họ thực sự quan tâm là quyền lực, danh tiếng và tiền bạc, chứ không là sự cứu rỗi, giải thoát cho tín đồ. Vì thế họ sáng tạo ra rất nhiều huyền thoại để rao giảng, nhằm làm cho tín đồ của họ sợ hãi và mê muội. Mục đích của tôn giáo là trói buộc linh hồn của tín đồ và bằng mọi cách làm cho họ luôn tuân phục và không dám rời bỏ tôn giáo.

Nhưng một khi tiếp cận được sự thật các tín đồ sẽ không nghe theo những lời giảng dạy của các bậc thầy dẫn dắt tôn giáo. Vì họ biết rằng tôn giáo không thể đưa họ đến nơi họ muốn đến và từ đó họ sẽ rời bỏ tôn giáo.

Phần lớn thời gian của con người sinh ra, lớn lên là tích lũy kiến thức, làm việc tích lũy tiền bạc nhằm tìm kiếm sự giàu sang, danh vọng và duy trì cuộc sống cho bản thân cùng gia đình. Tích lũy tiền bạc, theo đuổi công danh, giàu có, quyền lực không là xấu xa, không là điều vô ích, không có ý nghĩa. Mọi mục đích mà con người trong thế giới trần tục theo đuổi, tìm kiếm, có được, tất cả đều có giá trị về mặt trải nghiệm. Ở đây chúng ta chỉ quan sát trên tinh thần không có đúng không có sai, không có tốt không có xấu. Nhưng một khi chúng ta có được một cái nhìn thấu triệt, một ý thức nhận biết rõ ràng về mục đích thực sự mà linh hồn chúng ta tìm kiếm. Thì tất cả mọi thứ được gọi là giàu sang, hưởng thụ, quyền lực, danh vọng, bình an không phải là thứ mà linh hồn của chúng ta tìm kiếm, trước đi vào quên lãng. Con người sinh ra và lớn lên ai cũng đã từng đặt ra cho mình một mục đích để theo đuổi, vì vậy **việc làm người** mới thực sự có ý nghĩa. Nhưng tất cả mọi mục đích mà con người theo đuổi, trong đó có mục đích cao cả mang tính trường cửu, có những mục đích thấp hèn xuất phát từ ham muốn tột độ, có những mục đích đơn sơ giản dị, rất dễ thương.... Ước muốn, suy nghĩ và hành động là tự do của mỗi người, nhưng nếu ta ý thức được sự thật về ước muốn của linh hồn, ta sẽ quyết định chọn cho mình theo đuổi mục đích cao cả, mang tính trường cửu cho đời mình.

Nói như vậy không có nghĩa là tất cả mọi người ai cũng có điều kiện để theo đuổi ước mơ, mục đích của mình. Trong xã hội còn đó rất nhiều người thân phận thấp kém, còn đó rất nhiều người phải vất vả lắm trong mưu sinh, họ thiếu kiến thức, thiếu thôn mọi bề. Biết rằng trong cuộc sống quá khó khăn thì con người sẽ không còn muốn suy nghĩ điều gì khác, ước muốn gì khác ngoài mưu sinh. Nhưng trong thời kỳ ân điển, ngoài việc mưu sinh chúng ta hãy dành một chút thời gian trong ngày để suy nghĩ thế nào là tâm linh? Thượng Đế là ai? Ta là ai?

Ta đến thế giới này để làm gì? Ta sẽ về đâu trong tương lai vv...Nếu chúng ta có ý thức thay đổi, thức tỉnh tâm linh, Thượng Đế và các thể lực của Người sẽ hỗ trợ ta có được một đời ổn định hơn, đầy đủ hơn, hạnh phúc hơn, trên con đường theo đuổi tâm linh. Từ những suy nghĩ ít ỏi ban đầu về tâm linh đến cuối cùng chúng ta sẽ có được giải thoát và khi có được sự giải thoát là chúng ta có được tất cả.

Thực tế đã chỉ ra rằng, trước đây ai theo đuổi tâm linh là gần như theo đuổi gian truân, đau khổ. Nhưng việc này chỉ xảy ra trước ngày 21-12-2012, đến thời điểm hiện tại mọi thứ sẽ xảy ra theo chiều hướng ngược lại. Xu hướng ngược lại như vô vi trở thành hữu vi, xung đột chiến tranh trở thành bảo bình, bóng tối trở thành ánh sáng. Trong thời kỳ ân điển, người thức tỉnh tâm linh, theo đuổi tâm linh sẽ được các thể lực của Thượng Đế, hỗ trợ cho họ về tinh thần cũng như vật chất. Từ đây trở về sau, đời sống của người theo đuổi tâm linh sẽ càng lúc càng ổn định hơn, đầy đủ hơn, hạnh phúc và vui vẻ hơn.

Quả thật Thượng Đế là Đấng cao minh, khi Thượng Đế tiết lộ cho con người biết được bí mật gì, thì nó sẽ không còn hiện hữu nữa. Vấn đề theo đuổi tâm linh là ví dụ điển hình, tương tự như vậy mục đích chính của linh hồn khi đến thế gian là để trải nghiệm những tính cách mặt trái Thiên đàng. Nhưng một khi con người nhận biết được bí mật này, thì nó không còn hiện hữu, không còn hiệu lực nữa. Vấn đề của bản thân của mỗi chúng ta cũng vậy, khi ta chấp nhận đối diện, nhìn thẳng vào sự độc ác, tàn nhẫn, lòng tham và sự ích kỷ của chính ta, lập tức chúng ta cũng sẽ biến mất và không còn hiện hữu với ta nữa. Và thay vào đó là những tính cách khác của tình yêu sẽ xuất hiện.

- Ví dụ: Ta đang hùn hạp làm ăn chung với người bạn, một ngày kia trong công việc ta tự tạo ra một món lợi lớn nhưng người bạn không biết. Và cũng tại thời điểm đó ta cũng đang cần một số tiền để thực hiện một số việc của bản thân. Vì vậy ta có ý định không cho người bạn biết về số tiền này, sử dụng cho riêng mình.

Nhưng nếu trước khi ta đưa ra quyết định giấu giếm để hưởng lợi riêng số tiền này. Ta hãy nhìn thẳng vào hành động của mình, đối diện trực tiếp với suy nghĩ của ta, tự nhiên ta sẽ ý thức được đây là hành vi của kẻ gian dối, tham lam và ích kỷ. Vì vậy, ta sẽ không còn muốn thực hiện ý định sử dụng số tiền đó cho riêng mình. Nhìn thẳng vào suy nghĩ của chính mình trước khi hành động, nhưng

không xét đoán, thiên vị, bào chữa tự động ý muốn thực hiện hành động tiêu cực sẽ biến mất. Khi ta ý thức được tiêu cực ta sẽ không thể thực hiện hành động tiêu cực vì bất cứ lý do gì, cho dù hoàn cảnh của ta có thực sự khó khăn. Khi mà ta đủ can đảm đối diện với tiêu cực, tiêu cực sẽ biến mất, càng lẩn trốn chúng, chúng càng theo ta.

- Ví dụ: Một buổi sáng tinh sương trên đường đi vắng đến nơi làm việc. Nhưng là buổi làm đầu tiên trong một công ty lớn, rất khó khăn ta mới được lãnh đạo công ty chấp nhận vào làm. Trên đường đi, bất chợt ta trông thấy một người bị tai nạn giao thông nằm bên đường máu me đầy người.

Lúc này hai luồng tư tưởng đồng thời xuất hiện, một là dừng lại giúp đỡ người bị nạn; hai là bỏ qua mọi điều nhìn thấy tiếp tục đến nơi làm việc. Và đây chính là lúc ta phải nhanh chóng nhìn thẳng vào suy nghĩ của chính mình và nếu ta ý thức bỏ mặc người bị nạn ta sẽ trở thành kẻ vô cảm, nhẫn tâm và quá ích kỷ. Một khi ta nhìn thẳng vào sự vô cảm, nhẫn tâm và lòng ích kỷ của chính mình tự động nó sẽ biến mất, để tự nó sẽ thay vào đó là tình yêu và lòng thương xót. Từ một diễn biến tư tưởng trong tích tắc đó, dứt khoát ta sẽ dừng lại cứu giúp người bị nạn, bất chấp ta có duy trì được việc làm đó nữa hay không? Mất việc làm này ta còn có cơ hội tìm được một việc làm khác, nhưng nếu ta không cứu giúp người bị nạn dẫn đến chết người, người đó không còn cơ hội khác. Đây cũng chính là suy nghĩ và hành động của những người có ý thức thức tỉnh. Trên thực tế, nhìn thẳng vào suy nghĩ, vào ý muốn tiêu cực của chính mình không phải là việc làm dễ dàng. Ngoài số lượng lớn thông tin về các suy nghĩ và hành động tiêu cực đã tồn tại trong tàng thức và tiềm thức. Hoàn cảnh sống trong hiện tại cũng là một rào cản lớn ngăn ta đối diện với chính mình. Khi gặp một hoàn cảnh, một điều kiện thuận lợi để thực hiện lời nói hay hành động tiêu cực, thường thì chúng ta luôn đưa ra những luận điệu biện hộ rất thiên vị. Khi ta thực hiện lời nói hay hành động nhằm thoả mãn tính tự cao, tự đại, nhằm đem lại lợi ích cho ta, ta không bao giờ dám nhìn thẳng vào chính mình. Ta sẽ lẩn tránh tiếng nói bé nhỏ từ tâm hồn của chính mình, là những lời nói, nói rằng đây là những hành động làm tổn thương, làm đau khổ cho người khác. Ta luôn có những luận điệu gian dối nhằm che đậy việc làm tiêu cực của chính mình. Ta thường khoa lấp những tiêu cực của chính mình bằng cách đổ lỗi cho hoàn cảnh, tự cho rằng mình đúng, tự cho vì người khác ngu ngốc, yếu hèn. Khi thực hiện các hành động tiêu cực, độc ác, tối tăm ta không bao giờ dám cảm nhận nỗi đau khổ mà ta đã gây ra cho đối tượng.

Việc dám nhìn thẳng vào chính mình, đòi hỏi mỗi người phải tự có ý thức thức tỉnh, ý thức giác ngộ, thức tỉnh tâm linh. Khi con người nhận thức đầy đủ đâu là chân, đâu là giả, đâu là lợi ích to lớn trường cửu, đâu là lợi ích nhỏ nhen nhất thời. Khi đó, con người sẽ tự mình tập làm quen với suy nghĩ và hành động tích cực, tự mình soi rọi và nhìn thẳng vào chính mình. Khi con người có ý thức giác ngộ, tự họ sẽ suy nghĩ và hành động theo tiếng gọi của tình yêu thương chân thành được dẫn dắt bởi ý thức cao nhất. Hành động được dẫn dắt bởi ý thức cao nhất và động lực là tình yêu thương chân thành từ con tim là hành động của người Đạo đức.

Nhưng không phải mọi hành động của người đạo đức làm lúc nào cũng đem lại sự hài lòng cho người khác, nhưng là lợi ích cao nhất cho người khác. Thượng Đế là hình ảnh tiêu biểu cao nhất về đạo đức trong ý thức và hành động. Tất cả mọi hành động của Thượng Đế, đối với Nhân loại rất hiếm khi là hành động mang lại sự hài lòng cho con người, nhưng là mang lại lợi ích cao nhất mang tính trường cửu. Nhưng với ý thức thế tục; có rất nhiều điều, nhiều sự con người cho là tốt, là có lợi cho sự tiến hoá. Nhưng đối với Thượng Đế tại thời điểm mà con người đang trải nghiệm trần gian thì nó thực sự không có lợi cho chính con người, như con người vẫn tưởng. Vì vậy, Thượng Đế có cần phải chiều theo ý muốn của con người hay vẫn hành động bằng ý thức cao nhất của mình nhằm đem lại lợi cao nhất cho con người. Sự thật này không phải ai cũng hiểu biết và chấp nhận nó bằng một tấm lòng biết ơn chân thành nhất dành cho Thượng Đế thay cho sự oán trách.



III -Khải Huyền có Liên quan gì đến lịch sử Loài Người?

Cho đến thời điểm hiện tại, khi mà chúng ta đọc Khải Huyền, nói đến Khải Huyền là gần như chúng ta nói đến quá khứ, nói về lịch sử mà Loài người đã từng trải qua. Thời gian còn lại cho chúng ta, được nói đến trong Khải Huyền là không nhiều. Từ trong Khải Huyền, Thượng Đế và Đức Chúa Giê-su đã tiết lộ cho Ông Gio-an về tất cả mọi nỗi đau thương, vất vả, khổ sở mà loài người đã phải kinh qua trên Trái đất.

Khải Huyền Chương 4 câu 1. *"Sau đó, tôi được một thị kiến. Kìa một cái cửa mở ra ở trên trời, và tiếng mà trước đây tôi nghe nói với tôi như thể tiếng kèn, bảo tôi rằng: "Lên đây, Ta sẽ chỉ cho ngươi thấy những điều phải xảy ra sau đó."*

Tổng thời gian trải nghiệm cho loài người trên Trái đất là 12000 năm tròn. Khởi đầu lịch sử của loài người thông minh xảy ra trong mùa hạ cách đây 11680 năm, tính từ năm 2014 ngược lại.

-Thời kỳ thứ nhất kéo dài 3666 năm. Tính từ năm thứ nhất trong chu kỳ 12000 năm.

-Thời kỳ thứ hai kéo dài 2334 năm.

-Thời kỳ thứ ba kéo dài 2000 năm.

-Thời kỳ thứ tư kéo dài 1666 năm.

-Thời kỳ thứ năm kéo dài 1334 năm. Tính từ năm Công nguyên thứ nhất.

-Thời kỳ thứ sáu kéo dài 666 năm.

-Thời kỳ thứ bảy kéo dài 334 năm. Tính từ năm 2000 sau Công nguyên.

Tổng thời gian cho thời kỳ thứ nhất và thời kỳ thứ hai là 6000 ngàn năm.

Tổng thời gian cho thời kỳ thứ hai, thời kỳ thứ ba và thời kỳ thứ tư là 6000 năm.

Tổng thời gian cho thời kỳ thứ ba cho đến hết thời kỳ thứ bảy là 6000 năm.

Ba lần sáu ngàn năm cho tổng thời gian trong các thời kỳ là biểu hiện cho con số 666 lần hai.

Bảy chiếc ấn được mở ra, bảy tiếng kèn được thổi lên và bảy chén tai ương trút xuống trần gian, ứng với bảy thời kỳ xảy ra trên Trái đất.

-Bốn thời kỳ đầu không có nhiều biến cố lớn xảy ra trên thế giới.

-Thời kỳ thứ năm có nhiều sự kiện Tôn giáo xảy ra và có nhiều biến động về chính trị, xã hội. Trong thời kỳ này có nhiều biến cố và xung đột xảy ra nhưng nó chưa phải là thời kỳ quan trọng nhất của nhân loại.

-Thời kỳ thứ sáu bắt đầu từ năm 1334 đến năm 2000 sau Công nguyên, kéo dài 666 năm. Thời kỳ này còn được biết dưới một tên gọi khác là thời kỳ phục hưng, đây là thời kỳ quan trọng nhất trong lịch sử Nhân loại (Ý nghĩa, thứ hai về con số 666). Trong thời kỳ này xảy ra nhiều cuộc thánh chiến đẫm máu, xảy ra hai cuộc chiến tranh quy mô toàn cầu. Chính trị, xã hội, thương mại, nghệ thuật, âm nhạc, y học, khoa học và công nghệ... phát triển nhanh chóng. Dân số thế giới bùng nổ một cách đáng kinh ngạc. Đây là thời kỳ đầy đau khổ, tang thương và đẫm máu nhất của loài người. Con số sáu mà người Thiên Chúa giáo sợ hãi nhất, con số Satan đích thực. Nhưng nó cũng chính là thời kỳ quan trọng nhất, có ích nhất cho sự trải nghiệm của nhân loại, nó thực sự là thời kỳ mang lại sự huy hoàng nhất cho loài người trong tương lai.

“Trước kia, xấu xa được công nhận là xấu xa, sát nhân được công nhận là sát nhân, nhưng hiện nay sát nhân là một phương tiện để thành tựu một kết quả cao quý.” Tác phẩm Tự do Đầu tiên và cuối cùng, tác giả J. Krishnamurti. Phần câu hỏi và trả lời .1- Về sự khủng hoảng hiện nay, trang 195.

- Thời kỳ thứ bảy bắt đầu từ năm 2000 đến ngày phán xét cuối cùng chỉ kéo dài 334 năm. Thời kỳ thứ bảy cũng là thời kỳ Bảo bình, con người sẽ dần đi vào cuộc sống tích cực, mọi sự tiêu cực sẽ dần bị loại ra khỏi đời sống con người. Thời kỳ này còn có nhiều tên gọi khác nhau như: Thời kỳ tiếp nhận Ánh sáng, thời kỳ Ân điển, thời kỳ Hữu vi, thời kỳ 4d, thời kỳ tiền Phán xét, thời kỳ tiền hội Long hoa.

Mỗi chiếc ấn mở ra, mỗi tiếng kèn thổi lên báo hiệu cho một thời kỳ tai ương hoạn nạn trút lên đầu Loài người trên Trái đất. Hành trình của linh hồn đến với trần gian tìm kiếm điều gì chúng ta đã biết. Nhưng chúng ta thực sự không ngờ Đức Chúa Giê-su đã tiết lộ sự thật kinh hoàng này trong Kinh Thánh Khải Huyền

cách đây 2000 năm. Nó như là một bằng chứng không thể chối cãi về tất cả những gì mà con người đã trải qua trên Trái đất.

Giờ đây mọi chuyện đã đi vào quá khứ, bóng tối đang lùi vào dĩ vãng, ánh sáng đang ngập tràn trên mặt đất. Nhưng chỉ cần nghĩ lại chúng ta thấy rằng, quả thật con người đã chịu đựng quá nhiều đau khổ, như lời của Đức Phật Thích Ca đã từng nói: **“Đời là bể khổ”** bể có nghĩa là biển, đời là biển khổ, bể còn có nghĩa là sự đổ bể, vỡ ra từng nổi khổ, từng nổi đau. Một câu nói đơn giản nhưng nó chứa đựng toàn bộ sự thật đối với chúng sinh trên toàn Địa cầu, một sự thật không thể tránh khỏi.

Cách đây đúng 11680 năm khi những con người thông minh đầu tiên xuất hiện trên Trái đất, cũng là ngày khởi đầu cho con người trên hành trình tìm kiếm sự đau khổ.

- Chiếc ấn đầu tiên được mở ra, tiếng kèn đầu tiên được thổi lên, bát tai ương đầu tiên được trút xuống trần gian cách đây đúng 11680 năm. Thời kỳ mà con người mới vừa được các Thiên thần truyền dạy ngôn ngữ, dạy làm nhà bằng vật liệu tranh cây và vách đất, dạy gieo trồng nông nghiệp. Vậy mà, con người thời này đã phải ném mùi ghê chốc ung nhọt, vì họ có hành động thờ cúng ngẫu tượng, thờ Thần núi, Thần sông, thờ những cây đại thụ vv...

Khải huyền - Chương 16 câu 2. *“² Vị thứ nhất đi trút chén của mình xuống mặt đất. Những người mang dấu thích của Con Thú và thờ lạy tượng nó liền bị một ung nhọt ác tính và đau đớn.*”

- Chiếc ấn thứ hai được mở ra, tiếng kèn thứ hai được thổi lên, bát tai ương thứ hai được trút xuống trần gian cách đây đúng 8014 năm. Trong thời kỳ này trên Trái đất đã xảy ra chiến tranh giữa các bộ lạc, bộ tộc với nhau.

Khải huyền - Chương 6 câu 3-4. *“³ Khi Con Chiên mở ấn thứ hai, thì tôi nghe Con Vật thứ hai hô: “Hãy đến!” ⁴ Một con ngựa khác đi ra, đỏ như lửa, người cỡi ngựa nhận được quyền cất hoà bình khỏi mặt đất, để cho người ta giết nhau; người ấy được ban một thanh gươm lớn.*”

- Chiếc ấn thứ ba được mở ra, tiếng kèn thứ ba được thổi lên, bát tai ương thứ ba được trút xuống trần gian cách đây đúng 5680 năm. Trong thời kỳ này, trên Trái

đất đã có chính quyền, vua chúa quan lại là những người cai trị dân chúng. Thời kỳ này con người đã biết sử dụng tiền làm vật trao đổi mua bán hàng hoá.

Khải huyền - Chương 6 câu 5-6. “⁵ *Khi Con Chiên mở ấn thứ ba, thì tôi nghe Con Vật thứ ba hô: "Hãy đến!" Tôi thấy: kìa một con ngựa ô, và người cỡi ngựa cầm cân trong tay.*⁶ *Tôi lại nghe như có tiếng nói từ giữa bốn Con Vật vang lên: "Một cân lúa mì, một quan tiền! Ba cân lúa mạch, một quan tiền! Còn dầu và rượu, thì chớ đựng đến!"*”

- Chiếc ấn thứ tư được mở ra, tiếng kèn thứ tư được thổi lên, bát tai ương thứ tư được trút xuống trần gian cách đây đúng 3680 năm. Trong thời kỳ, tổ phụ Abraham được hiệu chỉnh để tiếp nhận thông tin từ Thượng Đế bằng phương thức ngoại cảm và rao giảng Thiên chúa. Kinh Thánh Cựu ước và Do Thái giáo xuất hiện trong thời gian này. Thời gian này xảy ra hạn hán trầm trọng, chiến tranh, dịch bệnh xảy ra khắp nơi, người ta chiến đấu bằng gươm đao di chuyển bằng kỵ binh, gây ra chết chóc rất nhiều.

Khải huyền - Chương 16 câu 8-9. “⁸ *Vị thứ tư trút chén của mình xuống mặt trời. Mặt trời liền được phép dùng lửa mà thiêu đốt người ta.*⁹ *Người ta bị khí nóng dữ dội thiêu đốt, họ nói phạm đến danh Thiên Chúa, Đáng có quyền trên các tai ương đó, nhưng họ không chịu hối cải mà tôn vinh Người.*”

Khải huyền - Chương 6 câu 7-8. “⁷ *Khi Con Chiên mở ấn thứ bốn, thì tôi nghe tiếng Con Vật thứ bốn hô: "Hãy đến!"*⁸ *Tôi thấy: kìa một con ngựa xanh nhạt, và người cỡi ngựa mang tên là Tử thần, có Âm phủ theo sau. Chúng nhận được quyền hành trên một phần tư mặt đất, để giết bằng gươm giáo, đói kém, ôn dịch và thú dữ sống trên đất.*”

- Chiếc ấn thứ năm được mở ra, tiếng kèn thứ năm được thổi lên, bát tai ương thứ năm được trút xuống trần gian cách đây 2014 năm, Công nguyên thứ nhất. Bắt đầu thời kỳ này, Đức Chúa Giê-su xuống thế rao giảng Thiên Chúa và Nước Trời, Thiên Chúa giáo ra đời, Sứ giả Mohammed xuất hiện Hồi giáo ra đời. Và trong thời kỳ này cũng đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh và các cuộc Thánh chiến, thiên tai dịch bệnh khắp nơi.

Khải huyền - Chương 6 câu 9-11. “⁹ *Khi Con Chiên mở ấn thứ năm, thì tôi thấy dưới bàn thờ, linh hồn của những người đã bị giết vì đã rao giảng Lời*

Thiên Chúa và đã làm chứng.¹⁰ Họ lớn tiếng kêu: "Lạy Chúa chí thánh và chân thật, cho đến bao giờ Ngài còn trì hoãn, không xét xử và không bắt những người sống trên mặt đất phải đền nợ máu chúng con?"¹¹ Bấy giờ mỗi người trong số họ được lãnh một áo trắng; và có lời phán bảo họ cứ nghỉ yên một thời gian ngắn nữa, chờ cho đủ số những người cũng là tôi tớ Thiên Chúa và là anh em của họ, sắp bị giết như họ."

Khải huyền - Chương 16 câu 10-11. *"¹⁰ Vị thứ năm trút chén của mình xuống ngai Con Thú. Vương quốc của nó liền ra tối tăm; người ta cắn lưỡi vì đau đớn;¹¹ họ nói phạm đến Thiên Chúa trên trời, vì quá đau đớn và bị ung nhọt, nhưng họ không chịu hối cải mà từ bỏ các việc mình làm."*

Trong thời kỳ này Thượng Đế đã cho phép con người bắt đầu khai thác dầu mỏ.

Khải huyền - Chương 9 câu 1-2. *"¹ Tiếng kèn của thiên thần thứ năm nổi lên. Tôi thấy một ngôi sao từ trời sa xuống đất; ngôi sao ấy nhận được chìa khoá của giếng vực thẳm.² Ngôi sao mở giếng vực thẳm, và một đám khói từ giếng bốc lên, giống như khói một cái lò lớn, khiến mặt trời và không khí tối sầm lại vì khói của giếng ấy"*

- Chiếc ấn thứ sáu được mở ra, tiếng kèn thứ sáu được thổi lên, bát tai ương thứ sáu được trút xuống trần gian bắt đầu từ năm 1334 cho đến năm 2000. Sau khi con người đã khai thác được dầu mỏ, xe máy, xe hơi và các loại xe sử dụng nguyên liệu hoá dầu, xuất hiện khắp nơi trên thế giới.

Khải huyền - Chương 9 câu 3-5. *"³ Từ đám khói ấy, châu chấu bay ra khắp mặt đất. Chúng nhận được quyền phép như quyền phép của bọ cạp trên mặt đất.⁴ Chúng bị cấm không được phá hại cỏ trên mặt đất, mọi loài xanh tươi và mọi cây cối, mà chỉ được phá hại những người không mang ấn của Thiên Chúa trên trán.⁵ Chúng không được phép giết họ, mà chỉ được gây khổ hình cho họ trong vòng năm tháng. Khổ hình chúng gây ra không khác gì khổ hình của người bị bọ cạp đốt."*

Thời kỳ này, có một số Thiên thần được Thượng Đế phái xuống thế gian, thực hiện sứ mệnh tạo ra các cuộc Thánh chiến, đại chiến thứ nhất và thứ hai. Trong các thời kỳ trước chúng ta thường cho rằng sứ giả của Thượng Đế xuống trần thực hiện sứ mệnh phải là những người mang đến cho loài người sự tốt như theo

cách nghĩ của người trần gian. Ví dụ như Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Giê-su, sứ giả tiên tri Muhammad, Chân sư J. Krishnamurti vv... Nhưng trên thực tế đã có không ít các Thiên Thần được Thượng Đế phái xuống thế thực hiện sứ mệnh trợ giúp loài người theo cách của Thượng Đế. Họ là những người mang đến cho loài người điều ngược lại như là Ông Thành Cát Tư Hãn, Napoleon Bonaparte, Adolf Hitler, kể cả là Ông Giuđa môn đệ của Đức Chúa Giê-su, vv... Bản thân của những người này khi còn tại thế là những người không có được sự thức tỉnh, nhưng là thực hiện sứ mệnh trong vô minh, bằng những kịch bản đã được định trước.

Khải huyền - Chương 9 câu 13-15. *“¹³ Tiếng kèn của thiên thần thứ sáu nổi lên. Tôi nghe có một tiếng phát ra từ bốn sừng của bàn thờ bằng vàng ở trước nhan Thiên Chúa.¹⁴ Tiếng ấy bảo thiên thần thứ sáu đang cầm kèn: "Hãy thả bốn vị thiên thần đang bị trói ở sông cả Ê-phi-rát."¹⁵ Bốn Thiên thần được thả ra, các vị sẵn sàng để đứng vào năm, tháng, ngày, giờ ấy thì giết một phần ba loài người.”*

Các cuộc đại chiến xảy ra có rất nhiều người tham gia và những công cụ mà con người đã sử dụng trong chiến tranh là súng ống, xe tăng và máy may chiến đấu với nhau.

Khải huyền - Chương 9 câu 7-10 và 16-19. *“⁷ Hình dạng châu chấu giống như ngựa sẵn sàng vào trận; trên đầu chúng có cái gì như thể triều thiên bằng vàng, còn mặt chúng thì như mặt người.⁸ Chúng có tóc như tóc đàn bà, có răng tựa răng sư tử.⁹ Ngực chúng khác nào áo giáp sắt, và tiếng cánh chúng đập, như tiếng xe nhiều ngựa kéo đang xông vào trận.¹⁰ Chúng có đuôi như đuôi bọ cạp, mang nọc; đuôi chúng có quyền phép làm hại người ta trong vòng năm tháng.”*

“¹⁶ Số các đạo quân là hai trăm triệu kỵ binh; tôi được nghe biết con số ấy.¹⁷ Trong thị kiến, tôi thấy ngựa và người cỡi ngựa như thế này: chúng mặc áo giáp màu lửa, màu huỳnh ngọc và diêm sinh; đầu ngựa như đầu sư tử, và mồm chúng phun ra lửa, khói và diêm sinh.¹⁸ Một phần ba loài người bị ba tai ương ấy giết, tức là lửa, khói và diêm sinh từ mồm ngựa phun ra.¹⁹ Quả thế, quyền phép của ngựa thì ở mồm và ở đuôi chúng, vì đuôi chúng như rắn, có đầu, và chúng dùng đầu ấy mà làm hại.”

Trong thời kỳ này, Trái đất biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trầm trọng, nước biển dâng nhiều hòn đảo nhỏ đã biến mất. Thiên tai, bão lũ xảy ra trên toàn thế giới, con người phải tìm nơi trú ẩn, chạy trốn thiên tai khắp nơi.

Khải huyền - Chương 6 câu 12-16. *“¹² Tôi thấy: khi Con Chiên mở ấn thứ sáu, có động đất mạnh. Mặt trời tối đen như vải thò dệt bằng lông, mặt trăng hoàn toàn ra như máu.¹³ Sao trên trời sa xuống đất, tựa những trái vả xanh rụng xuống từ cây vả bị gió lớn lay mạnh.¹⁴ Trời bị cuốn đi như một cuộn sách cuộn lại, mọi núi non và hải đảo bị dời đi nơi khác.¹⁵ Vua chúa trần gian, vương hầu khanh tướng, người giàu sang, kẻ quyền thế, và mọi người, nô lệ hay tự do, tất cả đều phải trốn vào hang hốc và núi đá.¹⁶ Họ bảo núi và đá: “Đổ xuống đè ta đi và che giấu ta cho khuất mắt Đấng ngự trên ngai, cho khỏi cơn thịnh nộ của Con Chiên;”*

Cuối thời kỳ này tại phương đông Sứ giả của Thượng Đế đã ra đời, chuẩn bị xuất hiện trong thời kỳ bảo bình.

Khải huyền - Chương 16 câu 12. *“12 Vị thứ sáu trút chén của mình xuống sông cả Êu-phơ-rát. Nước sông ấy liền khô cạn, để dọn đường cho các vua từ phương Đông tới.”*

- Chiếc ấn thứ bảy được mở ra, tiếng kèn thứ bảy được thổi lên, bát tai ương thứ bảy được trút xuống trần gian cách đây 14 năm, bắt đầu từ năm 2000 cho đến phán xét.

Đây là thời kỳ Ân điển, thời kỳ đen tối đã kết thúc. Giờ là lúc Thượng Đế và các Thiên thần sẽ đem lại cho Loài người mọi sự tốt lành, nhằm chuẩn bị khai hội Long hoa.

Khải huyền - Chương 8 câu 1-5. *“¹ Khi Con Chiên mở ấn thứ bảy, thì cả trời yên lặng chừng nửa giờ... Lời cầu nguyện của dân thánh.² Rồi tôi thấy bảy thiên thần đứng chầu trước nhan Thiên Chúa; các vị ấy lãnh nhận bảy chiếc kèn.³ Một thiên thần khác đến đứng trước bàn thờ, tay cầm bình hương vàng. Thiên thần lãnh nhận nhiều hương thơm, để dâng trên bàn thờ bằng vàng trước ngai Thiên Chúa, cùng với những lời cầu nguyện của toàn thể dân thánh.⁴ Từ tay thiên thần, khói hương quyện theo lời cầu nguyện của dân thánh, bay lên trước nhan Thiên Chúa.⁵ Rồi thiên thần cầm bình hương, lấy*

lửa trên bàn thờ bỏ đầy vào và ném xuống đất. Liền có tiếng sấm, tiếng sét, ánh chớp và động đất."

Đây là thời kỳ Bảo bình, thời kỳ Hữu vi Thượng Đế sẽ can thiệp và bảo trợ cho hoà bình thế giới. Mọi quốc gia trên thế giới hợp nhất trở thành một dưới sự bảo trợ của Thượng Đế.

Khải huyền - Chương 11 câu 15-18. *"¹⁵ Tiếng kèn của Thiên thần thứ bảy nổi lên. Trên trời có những tiếng lớn nói rằng: "Vương quyền trên thế gian nay đã thuộc về Chúa chúng ta và Đức Ki-tô của Người; Người sẽ hiển trị đến muôn thuở muôn đời."¹⁶ Hai mươi bốn vị Kỳ Mục ngồi trên ngai trước nhan Thiên Chúa, liền sấp mặt xuống, phủ phục mà thờ lạy Thiên Chúa.¹⁷ Các vị ấy nói: "Lạy Chúa là Thiên Chúa toàn năng Đáng hiện có và đã có, chúng con xin cảm tạ Ngài đã sử dụng quyền năng mạnh mẽ và lên ngôi hiển trị. ¹⁸ Chư dân đã nổi trận lôi đình, nhưng cơn lôi đình Ngài ập tới, và đã đến thời xét xử các vong nhân, thời ân thưởng các ngôn sứ, bề tôi của Chúa, cũng như muôn kẻ thuộc về Ngài, và những ai lớn nhỏ hằng kính sợ Thánh Danh; đã đến thời huỷ diệt những kẻ nào huỷ hoại mặt đất."*

Đây là thời kỳ tiếp nhận Ánh sáng, mọi sự thật sẽ được tiết lộ.

Khải huyền - Chương 10 câu 1-11. *"¹ Sau đó, tôi thấy một thiên thần đứng mãnh khác từ trời xuống, có mây bao phủ, có hào quang trên đầu; mặt thiên thần tựa mặt trời, còn chân thì như những cột lửa.² Người cầm trong tay một cuốn sách nhỏ mở sẵn, Người đặt chân phải lên biển, chân trái lên đất,³ và kêu lớn tiếng như sư tử gầm. Người kêu xong, thì bảy hồi sấm lên tiếng nói.⁴ Bảy hồi sấm nói xong, tôi sắp sửa viết thì nghe tiếng từ trời phán: "Hãy niêm phong lại những gì bảy hồi sấm đã nói, đừng có viết."⁵ Bấy giờ thiên thần tôi đã thấy đứng trên biển và đất, giơ tay hữu lên trời.⁶ mà thề nhân danh Đấng Hằng Sống đến muôn thuở muôn đời, Đấng đã sáng tạo trời và muôn vật trên trời, đất và muôn vật dưới đất, biển và muôn vật trong biển. Người thề: "Sẽ không trì hoãn nữa!⁷ Nhưng trong những ngày tiếng kèn của Thiên thần thứ bảy bắt đầu nổi lên, thì mầu nhiệm của Thiên Chúa sẽ hoàn tất, như Người đã loan báo cho các tôi tớ của Người là các ngôn sứ."*

Nuốt cuốn sách nhỏ

⁸ Rồi tiếng tôi đã nghe từ trời, lại nói với tôi và bảo: "Hãy đi lấy cuốn sách mở sẵn trong tay Thiên thần đang đứng trên biển và đất."⁹ Tôi đến gặp Thiên thần và xin người cho tôi cuốn sách nhỏ. Người bảo tôi: "Cầm lấy mà nuốt đi! Nó sẽ làm cho bụng dạ ông phải cay đắng, nhưng trong miệng ông, nó sẽ ngọt ngào như mật ong."¹⁰ Tôi cầm lấy cuốn sách nhỏ từ tay thiên thần và nuốt đi. Trong miệng tôi nó ngọt ngào như mật ong, nhưng khi tôi nuốt rồi, thì bụng dạ tôi cay đắng."¹¹ Và có tiếng bảo tôi: "Một lần nữa, ông phải tuyên sấm về nhiều nước, nhiều dân, nhiều ngôn ngữ và vua chúa."

Là thời kỳ ánh sáng và là thời điểm Thượng Đế tiết lộ lời giao ước, các thỏa thuận giữa Thượng Đế và các Thiên thần trước khi họ rời Nước Trời, đến Trái đất trải nghiệm.

Khải huyền - Chương 11 câu 19. *"¹⁹ Đền Thờ Thiên Chúa ở trên trời mở ra, và Hòm Bia Giao Ước xuất hiện trong Đền Thờ. Và có ánh chớp, tiếng sấm tiếng sét, động đất và mưa đá lớn."*

Mỗi thời kỳ xảy ra luôn có ít nhất một Sứ giả chính thức của Thượng Đế, xuất hiện trên Trái đất thực hiện sứ mệnh dẫn dắt Loài người. Sau thời kỳ thứ bảy phần lớn chúng ta ai rồi cũng sẽ trở lại với bản chất Thần thánh của chính mình. Vua thứ tám là những bước vào đời sống trong thời kỳ thứ tám, họ là những người đã được cứu rồi sau ngày phán xét

Khải huyền - Chương 17 câu 10-11. *"¹⁰ năm vua đã đổ, một vua hiện còn, một vua khác chưa đến, và khi vua này đến thì phải ở lại ít thời gian thôi."¹¹ Còn Con Thú đã có và không còn nữa, nó là vua thứ tám, nó cũng thuộc số bảy vua và đang tới chỗ diệt vong."*

Mọi việc làm tội lỗi và sự khổ đau mà con người đã kinh qua sẽ còn lại như là một kỷ niệm còn mãi trong ký ức.

Khải huyền - Chương 14 câu 13. *"¹³ Và tôi nghe có tiếng từ trời phán rằng: "Người hãy viết: Ngay từ bây giờ, phúc thay những người đã chết, mà được chết trong Chúa!" Thần Khí phán: "Phải, họ sẽ được nghỉ ngơi, không còn vất vả nhọc nhằn nữa, vì các việc họ làm vẫn theo họ."*

Sau ngày phán xét bầu khí quyền của Trái đất sẽ rất thanh sạch và có nhiều năng lượng mới hoàn hảo sẽ được các Thiên thần mang đến từ Vũ trụ. Việc đầu tiên

của chúng ta sau khi thức tỉnh hoàn toàn là kết hợp lại với vợ hoặc chồng của chúng ta trong Nước Trời. Cuộc sống của cư dân trên Trái đất lúc này là hạnh phúc trọn vẹn, không còn sự chết và bất cứ một sự đau khổ nào xuất hiện trong đời sống.

Khải huyền – Chương 21 câu 1-4. *“¹ Bấy giờ tôi thấy trời mới đất mới, vì trời cũ đất cũ đã biến mất, và biển cũng không còn nữa.² Và tôi thấy Thành Thánh là Giê-ru-sa-lem mới, từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, sẵn sàng như tân nương trang điểm để đón tân lang.³ Rồi tôi nghe từ phía ngai có tiếng hô to: “Đây là nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại, Người sẽ cư ngụ cùng với họ. Họ sẽ là dân của Người, còn chính Người sẽ là Thiên-Chúa-ở-cùng-họ.⁴ Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ. Sẽ không còn sự chết; cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ nữa, vì những điều cũ đã biến mất.”*

Cuộc sống sau phán xét sẽ không còn buôn bán trao đổi, không còn phải ca hát và lao động chân tay để kiếm sống, không còn phải dùng năng lượng cũ để thắp sáng, không còn việc kết hôn và sinh con.

Khải huyền – Chương 18 câu 11-14 và 22-23. *“¹¹ Các con buôn trên mặt đất khóc lóc để tang nó, vì không còn ai mua hàng hoá của chúng nữa.¹² Hàng hoá đó là: vàng, bạc, đá quý, ngọc trai; vải gai mịn, vải đỏ tía, tơ lụa, vải đỏ thẫm; gỗ trầm, đồ bằng ngà, đồ bằng gỗ quý, bằng đồng, bằng sắt, bằng cẩm thạch;¹³ quế, sa nhân, hương thơm, mộc dược, nhũ hương; rượu, dầu, tinh bột, lúa mì, súc vật, chiên cừu, ngựa, xe, thân xác, và cả linh hồn người ta nữa.¹⁴ Hoa quả lòng người ao ước đã biến xa người; mọi thứ loè loẹt, hào nhoáng, người không còn nữa, và người ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy nữa!”*

“²² Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe tiếng nhạc sĩ gảy đàn, ca hát, thổi sáo và thổi kèn. Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn thấy thợ thủ công thuộc mọi ngành nghề. Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe tiếng cối xay bột nữa.²³ Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn thấy ánh sáng đèn chiếu rọi. Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe tiếng cô dâu chú rể. Bởi vì các con buôn của người từng là kẻ quyền thế trên mặt đất, bởi vì người đã dùng phù phép mà làm cho muôn nước mê hoặc.”

Từ trên một quan sát thực tế chúng ta có thể thấy rằng; Khải huyền, là một bộ kinh nguyên bản nhất được biết đến từ trước đến nay. Quả thực, nó là một bộ

kinh luôn được người ta sao chép và giữ gìn nguyên bản một cách cẩn thận nhất, bởi hai nguyên nhân. Thứ nhất; Khải huyền là một bộ kinh mà nội dung của nó rất khó hiểu và chứa đựng nhiều ẩn nghĩa so với hiểu biết của Loài người trong thời kỳ 3D. Vì vậy, những nhà chép kinh và những nhà lãnh đạo tôn giáo không biết nên chỉnh sửa chỗ nào, mới có thể đem lại lợi ích cho tôn giáo, cho nên người ta không chỉnh sửa. Thứ hai; Trong thực tế nguyên nhân thứ hai mới là nguyên nhân chính khiến cho người ta không dám chỉnh sửa Khải huyền. Nguyên nhân xuất phát bởi một sự cảnh báo rất đáng sợ trong chương cuối 22 câu 18-19.

“¹⁸ Với bất cứ ai nghe những sấm ngôn trong sách này, tôi xin chứng thực: "Ai mà thêm điều gì vào đó, thì Thiên Chúa sẽ thêm cho người ấy những tai ương mô tả trong sách này"¹⁹ Ai mà bớt điều gì trong các lời của sách sấm ngôn này, thì Thiên Chúa sẽ bớt phần người ấy được hưởng nơi cây Sự Sống và Thành Thánh, là cây và thành mô tả trong sách này!"



IV - Ý nghĩa con số 666 liên quan gì đến lịch sử Loài người?

Nói đến con số 666 là nói đến sợ hãi, nói đến tằm tối, đau thương, 666 năm trong thời kỳ thứ 6 là thời kỳ đỉnh cao của mọi trải nghiệm. Người Thiên giáo xem con số 666 là biểu tượng của Satan, không phải là không có cái lý của họ.

Tương tự như vậy, con số 13, con số biểu tượng tối cao của Thượng Đế. Nhưng bắt đầu là sự tôn kính trong siêu thức xa xăm, dần dần con người lại sợ hãi và xa lánh nó. Và càng ngày càng có nhiều người suy nghĩ xấu về nó, truyền cho nó năng lượng tối lâu ngày khiến nó trở thành con số không may mắn.

Với con số 666 cũng vậy trong thế giới tâm linh nó là con số mang biểu tượng cao quý. Nó là con số biểu trưng cho những vùng Vũ trụ và Thượng Đế sử dụng nó, làm thước đo cho mọi sự sống trong Vũ trụ nhưng con người lại gán cho nó thành con số Sa tan tội lỗi.

Sáu sáu sáu ngoài ý nghĩa 66 vùng Vũ trụ đang hoạt động và 6 vùng Vũ trụ chết. Con số này còn mang một ý nghĩa về các thời kỳ xảy ra trên Trái đất và chỉ ra ngày giờ phán xét cuối cùng.

Bảy mươi hai ngàn năm “72,000” là tổng thời gian mà Thượng Đế, ấn định cho giống người nguyên thủy Homo và Loài người thông minh trải nghiệm.

-Bảy mươi hai ngàn năm, là biểu tượng của 72 vùng Vũ trụ, 72 cặp vợ chồng Con của Thượng Đế. Những năm tháng khởi đầu trên hành trình 72.000 năm trải nghiệm, là thời kỳ 1D.

Bảy mươi hai ngàn năm chia 6 = 12000 năm. Biểu tượng của con số 6 thứ nhất. Đây là thời kỳ 2D.

Mười hai ngàn năm, là biểu tượng cho 12 cấp độ năng lượng tinh thần của Con và Cháu Thượng Đế, biểu tượng cho 12 chiều không gian Vũ trụ.

-Mười hai ngàn năm, chia cho 6 = 2000 ngàn năm. Biểu tượng của con số 6 thứ hai. Đây là thời kỳ 3D.

Hai ngàn năm, là biểu tượng cho 2000 Con và Cháu của một cặp vợ chồng Con của Thượng Đế. 2000 Tổng lãnh Thiên thần của một chi phái.

-Hai ngàn năm, chia cho 6 = 333 năm 121 ngày 16 giờ. Biểu tượng của con số 6 thứ ba. Đây là thời kỳ 4D

333 năm 121 ngày 16 giờ, tương đương với 334 năm, được coi là 334 năm, 334 năm của thời kỳ 4d cộng với 2000 năm của thời kỳ 3d là 2334 năm. Như vậy năm 2334 được coi là năm kết thúc quy trình trải nghiệm của loài người trên Trái đất.

12,000 năm trừ cho 334 năm của thời kỳ thứ 7 sẽ ra con số 11666.

1-1 là biểu tượng nhị nguyên, 666 là biểu tượng cho Vũ trụ.

2334 cộng lại: $2+3+3+4 = 12$, là biểu tượng cho 12 cấp độ năng lượng tinh thần, 12 là con số đơn giản, biểu tượng cho 12,000 năm trải nghiệm của Loài người trên Trái đất kết thúc. Ngoài ra, 2334 còn một ý nghĩa khác; $2 \times 3 = 6$, $6 \times 3 = 18$, $18 \times 4 = 72$ là số biểu tượng cho 72 vùng Vũ trụ.

Như vậy, **phán xét sẽ xảy ra vào lúc 16 h ngày 01 tháng 05 năm 2334.**

Ngày 01 tháng 05 biểu thị cho một thời kỳ 5d.

$16h - 1 + 6 = 7$ biểu thị cho một kết thúc thời kỳ thứ bảy.

$16h = 04h$ chiều, biểu thị kết thúc thời kỳ 4d, thời kỳ thứ bảy và thời kỳ 4d là một.

Sau ngày phán xét là thời kỳ 5D, là thời kỳ con người thức tỉnh hoàn toàn, thời kỳ con người trở lại ý thức Thần thánh của chính mình.

Tổng thời gian của 72000 năm, được chia làm 6 ba lần, đây là ý nghĩa thứ ba về con số 666.



V - Con người nên làm gì, để được cứu rỗi trong thời gian tới?

Quả thật, khi nói về quá khứ là nói đến sự tăm tối, mê muội, ngu dốt, tội lỗi là những nỗi đau khổ, thương tâm ngút Trời. Nhớ về quá khứ là nhớ về một ký ức đầy rẫy những nỗi đau và cay đắng, là nhớ về những gì mà chúng ta không muốn nhớ đến. Nhưng nhờ ơn Thượng Đế, giờ thì mọi chuyện đã qua rồi, những gì đã xảy ra trong quá khứ, cho dù nó có đau buồn thế lương cách mấy, thì giờ cũng chỉ còn lại là dĩ vãng.

Nhưng cho dù có muốn hay không thì chúng ta cũng sẽ bao giờ quên ký ức này. Nói chính xác hơn thì chúng ta sẽ nhớ lại toàn bộ ký ức của kiếp này và ký ức của hàng trăm kiếp sống trước. Làm sao chúng ta có thể quên được những ký ức này, bởi chúng là cứu cánh cho mỗi chúng ta trong đời sống Thiên đàng. Toàn bộ, ký ức sống của chúng ta từ trước đến nay là công sức là thành quả, mà mỗi chúng ta phải đổ mồ hôi, máu và nước mắt mới có thể đánh đổi được.

Bao nhiêu tỷ năm sống trong hạnh phúc vẹn toàn, trong an lạc tuyệt đối, trong tình yêu vô tận trong Nước Trời con người mới có được một cơ hội trải nghiệm thế gian. Bao nhiêu tỷ năm sống trong trạng thái niết bàn chúng ta mới có một cơ hội làm mới bản ngã mình lại một lần. Vậy thì có gì chúng ta phải quên, chúng ta không thể quên nhưng chúng ta sẽ không sống với chúng nữa. Ký ức này là những gì con người cần phải có, bắt buộc phải có, không có chúng đời sống trong Nước Thiên đàng không còn ý nghĩa.

Thực ra, chúng ta nên tỏ lòng biết ơn Thượng Đế, hơn là oán trách Người. Cảm ơn tất cả các Thiên thần đã hỗ trợ cho chúng ta vượt qua những tháng ngày đen tối trên thế gian này, hơn là khiển trách Họ. Họ đã tận tâm, tận lực giúp chúng ta tìm kiếm nguồn hạnh phúc lớn lao cho chính cuộc đời mình, trong ngày trở về. Nhưng không phải ai cũng hiểu biết và chấp nhận sự thật này.

Trong quá khứ và hiện tại không có nhiều người tin vào lời hứa quá tốt đẹp mà Đức Chúa Giê-su đã hứa với Loài người: rằng con người sẽ có được Nước Trời. Nhưng trên thực tế, mục đích hiện tại của phần lớn con người trên thế gian không phải là Nước Trời, mà là công danh lợi lộc, giàu có, sự nổi tiếng, quyền lực, tài sản.

Thực ra, những gì mà con người cho rằng đó là mục đích sống của họ, thì nó chỉ là ảo tưởng, không thực. Nói không thực, không có nghĩa là những gì con người đang sở hữu không hiện hữu, nó hoàn toàn có thực xét theo bất cứ khía cạnh nào. Ảo tưởng, không thực mà chúng ta đề cập ở đây là ảo tưởng về mục đích, không thực về điều mà con người đã chọn cho mình. Ví dụ; Ta đang ở tại Sài Gòn, nơi ta thực sự muốn đến là Phú Yên, thay vì ta đi hướng Long Thành ta lại chọn đi hướng Long An. Bởi con người đã quên đi dự định, mục đích ban đầu mà con người đã đặt ra trước khi đi vào quên lãng. Cho nên, những gì mà phần lớn con người chọn lựa, ai cũng nghĩ là nó tốt cho đời mình, thì đối với linh hồn những thứ đó là vô thường và không cần thiết. Và đối với thế giới tâm linh, Họ sẽ cho rằng con người đang lạc lối.

Trong nhận thức 3d phần lớn con người không thực sự nhận biết cái gì là thực sự cần thiết cho linh hồn trên hành trình tìm kiếm sự thật. Rất nhiều thứ con người cho là tốt hoá ra là xấu, rất nhiều thứ con người cho là xấu nhưng chưa chắc nó là xấu như con người nghĩ.

Tội ác, nghèo khổ, đau thương, mất mát, xót xa muộn phiền...là những thứ ai cũng cho là xấu càng tránh xa càng tốt.

Giàu có, danh tiếng, quyền lực, bình an, hạnh phúc...là những thứ ai cũng cho là tốt, người ta tranh sống tranh chết cố đạt cho bằng được.

Trong ý thức Thượng Đế của mỗi con người trước khi đi vào quên lãng, không có bất cứ một người nào lại có ý phân biệt cái này tốt - cái kia xấu, cái này đúng - cái kia sai...Vì ngày đó, mọi người đều nhận thức được rằng tất cả mọi điều, mọi thứ bản chất của nó là không có đúng không có sai, không có tốt không có xấu. Nói như thế không có nghĩa là ta xem một hành động độc ác, dã man giống như một hành động từ bi, bác ái. Nói như thế là ta đánh đồng giá trị của một con người đạo đức giống như một con người xấu xa, tội lỗi. Mặc dù trên căn bản xuất phát điểm về sự hoàn hảo của linh hồn họ là như nhau, mặc dù trong hiện tại họ là khác nhau nhưng đến cuối hành trình họ là như nhau xét trên bất cứ khía cạnh nào. Tốt đẹp và xấu xa đều có giá trị riêng của nó, tất cả đều có giá trị như nhau xét trên tầm nhìn tổng thể. Nhưng thời điểm để sự độc ác xấu xa trở nên có lợi, thay vì có hại và sự tốt đẹp trở nên có hại thay vì có lợi cho con người mới là quan trọng. Trong thế giới nhị nguyên thời điểm sẽ quyết định cho mọi giá trị về

cái được cho là tốt hay xấu, là đúng hay sai, là có lợi hay có hại theo quan niệm sống của con người. Ví dụ; Mấy tháng trước trong dịp hè có người bạn đến nhà ta chơi và hôm đó ta làm một nước cam đá lạnh ngon lành mời bạn. Và mấy tháng sau nhằm vào mùa đông lạnh giá cũng người bạn ấy ghé nhà chơi. Nhưng nếu như lần này ta cũng làm một ly nước cam đá mời bạn, thay vì đó là một tách trà nóng hay một ly cà phê nóng, chắc rằng người bạn sẽ cho ta là không bình thường.

Từ trong ví dụ trên nói cho chúng ta biết rằng; cũng là một ly nước cam đá lạnh ngon lành như nhau, nhưng trong thời điểm vào mùa hè nóng bức ly nước cam sẽ rất có giá trị sử dụng trong sống. Trái lại vẫn ly nước cam đó nhưng vào thời điểm của mùa đông lạnh giá, thì giá trị sử dụng của nó đã không còn hợp lý. Giá trị cơ bản của một ly nước cam lạnh vẫn luôn tồn tại với nó, nhưng giá trị này sẽ bị thay đổi bởi ý thức và quan niệm của con người trong thời điểm sử dụng.

Ví dụ; Buổi sáng ta ngược mắt nhìn lên bầu Trời cầu nguyện Thượng Đế, nhưng không là cúi mặt xuống đất. Và buổi chiều ta cũng ngược mắt nhìn lên bầu Trời cầu nguyện thay vì cúi mặt xuống đất theo hướng của buổi sáng. Trên thực tế cái hướng nhìn lên bầu Trời trong buổi chiều ta hướng đến để cầu nguyện và nghĩ rằng Thượng Đế đang ở đó lắng nghe lời cầu nguyện của ta, thực ra là cái hướng phía dưới đất của buổi sáng. Cùng là một hướng nhìn lên bầu Trời, nhưng trên thực tế của thế giới vật lý, cái hướng nhìn vào thời điểm của buổi sáng và buổi chiều lại là hai hướng khác nhau. Trong thực tế sống, thường thì khi người ta nghĩ đến Thượng Đế, cầu nguyện Thượng Đế, là người ta hướng lên bầu Trời. Việc làm này của con người được cho là đúng đắn và không có gì là sai trái. Nhưng đôi ngược lại nếu có ai đó luôn cúi mặt xuống đất để hướng về Thượng Đế vẫn được cho là đúng đắn. Bởi chỉ cần thông qua vỏ và ruột Trái đất, phía bên kia vẫn là bầu Trời.

Ví dụ; Chỉ cách đây 200 năm ta ngồi trên một cỗ xe song mã dạo phố được cho là sang trọng, quý tộc. Cũng với cỗ xe ấy, nhưng trong thời đại này nó sẽ không được phép lưu hành trên phố, nếu không được phép. Một bộ quần áo đẹp, hợp thời trang cách đây 300 năm, khi đó người ta mặc nó và đi dạo phố sẽ được cho là sang trọng, quý phái. Cũng với bộ quần áo đó, nhưng trong thời điểm này, nếu người ta mặc vào và thường xuyên cùng với nó đi dạo phố sẽ bị cho là lập dị, điên khùng.

Tương tự như vậy, trong thế giới nhị nguyên mọi thứ tốt hay xấu, đúng hay sai, có lợi hay không có lợi đều bị phụ vào thời điểm mà ý thức của con người quy ước, áp đặt cho nó.

Nhưng với một tầm tổng thể, bản chất là bản chất, Thượng Đế sáng tạo ra toàn bộ mọi điều, mọi thứ, mọi vật chất, tất cả không có cái gì là không có giá trị riêng của nó. Tất cả mọi điều, mọi thứ và mọi sự hiện hữu với Thượng Đế là một.

Trong nhận thức 3d con người luôn chia tách nhị nguyên rất rạch ròi, để rồi con người tự xét đoán điều này là tốt, điều kia là xấu, điều này là đúng điều kia là sai. Rốt cuộc cái mà con người cho là tốt là đúng hoá ra là ảo tưởng, cái mà con người cho là sai, là xấu hoá ra là cái mà linh hồn chúng ta đang tìm kiếm.

Quả thật, mục đích thực sự của mỗi linh hồn trước khi rời xa Nước Trời, không phải là tìm kiếm những thứ mà con người ước ao trong hiện tại. Có rất nhiều bậc Chân sư đã nhắc nhở cho chúng ta về ảo tưởng này, nhưng Họ không thể tiết lộ sự thật. Vì bởi tiết lộ sự thật cho con người biết chính xác mục đích của linh hồn, hoá ra mọi sự trải nghiệm, mọi kinh nghiệm, mọi cảm xúc của con người sẽ không còn chân thực nữa. Nếu con người biết chính xác mục đích thì những gian lao vất vả, những đau khổ ngút trời, sẽ không đem lại cho con người cảm xúc chân thực. Tư tưởng, về một Thiên đàng sẽ đến với ta, nếu ta vượt qua gian lao vất vả, vượt qua nỗi đau khổ ngút Trời, là rào cản lớn nhất để ta có được cảm xúc chân thật về những gì ta trải nghiệm. Tư tưởng đỡ đầu về một Thiên đàng sẽ có trong tương lai, sẽ phá hoại ý nghĩa đích thực của mọi sự trải nghiệm. Trường hợp Thượng Đế tiết lộ mọi sự thật cho con người, sẽ không khác gì người thầy giáo sau khi phát đề thi cho học sinh của mình, tiếp theo là phát lời giải.

Mỗi người trong chúng ta cần phải có nhận thức về một sự thật, rằng chúng ta không thể nào và không bao giờ có thể tách rời khỏi Thượng Đế. Linh hồn của mỗi người vĩnh viễn là một phần của Thượng Đế và sự hiện hữu của mỗi linh hồn trong thân xác con người, là chân lý bất biến vĩnh cửu.

Chân sư J. Krishnamurti, đã từng nói **“Chân lý là mảnh đất không có lối vào”**

Đúng là lời nói của Chân sư, Vì Ông ta biết rằng, không một ai có thể đi vào mảnh đất của chính mình, khi mà họ đang đứng trong mảnh đất của họ. Người ta không thể vào căn nhà của mình, khi mà họ đang ở trong căn nhà của chính

mình. Đạo lý của J. Krishnamurti cũng đơn giản như vậy. Bởi Ông ta hiểu rằng con người xuất phát từ nguồn và chính con người là nguồn. Tự thân của mỗi con người là chân lý, chân lý có ngay trong họ, chân lý hiện hữu ngay chung quanh họ. Ngay trong bản thân của mỗi người luôn có siêu ý thức hiện hữu, ngay trong bản thân mỗi người đã có chân ngã hiện hữu. Vậy hỏi, con người cần phải đi đâu mới tìm được chân lý.

Ông ta, **J. Krishnamurti** rất tự tin khi nói lên câu nói này, nhưng đúng ra Ông ta phải nói thêm một câu “Chân lý là mảnh đất không có lối ra” mới thực sự hoàn hảo. Vì chân lý mà chúng ta đang có, đang sở hữu đã thuộc về định mệnh, chúng ta không thể từ bỏ hoặc chạy trốn nó, mặc dù trong hiện tại chúng ta chưa hiểu hết về nó. Nhưng nếu Ông ta nói “Chân lý là mảnh đất không có lối ra” liệu con người thời đó có chấp nhận không? Trường hợp Ông ta tuyên bố “Chân lý là mảnh đất không có lối ra” bắt buộc Ông ta phải giải thích rõ ràng thế nào là tiềm thức, thế nào là tàng thức, thế nào là siêu ý thức?. Ông ta bắt buộc phải nói lên sự thật về nguồn gốc của linh hồn, và nguồn gốc của mọi sự hiện hữu. Nhưng điều đó là không thể trong thời điểm ấy, không hợp quy luật và không phù hợp với thời kỳ thứ sáu của Nhân loại. Và khi mà con người không dám tin vào chính họ, không dám tin họ chính là chân lý, là Thiên thần, là bản sao hoàn hảo của Thượng Đế, nên Ông ta không thể nói khác. Thượng Đế là chân lý bất biến vĩnh cửu, mỗi chúng ta là một tiểu Thượng Đế đó cũng là chân lý bất biến vĩnh cửu. Nó trở nên bất biến vĩnh cửu, bởi linh hồn của con người sẽ không bao giờ hư mất, trừ khi Thượng Đế tiêu huỷ nó. Nhưng Thượng Đế sẽ không bao giờ tiêu huỷ bất cứ một linh hồn nào do mình sáng tạo ra – Bởi Ông ta hiểu rằng tiêu huỷ linh hồn người khác là phá hoại kế hoạch toàn tri của mình là giết chết chính mình.

Trên hành trình hiện thực mục đích của linh hồn, chúng ta đã đi qua một chặng đường khá dài trong tối tăm gian khổ, nhưng giờ mọi thứ đã lùi vào dĩ vãng. Thời gian còn lại, con người sẽ phải trải một giai đoạn không quá khó khăn, nhưng rất quan trọng. Nếu chúng ta không vượt qua được giai đoạn tương chừng như rất dễ dàng này, chúng ta không có cơ hội được cứu rỗi. Đây là thời kỳ, là giai đoạn để chúng ta thực hành các tính cách tích cực, nó còn có thể được gọi là lòng từ bi, bác ái, khoan dung, độ lượng, ôn hoà, yêu thương, chia sẻ ...- bằng ý thức giác ngộ cao nhất.

Trong các thời kỳ từ trước năm 2000 chúng ta đã trải nghiệm qua tính cách mặt trái của Thiên đàng. Từ năm 2000 đến 2012 là giao điểm giữa hai thời kỳ, khai sáng và tiếp nhận ánh sáng. Giờ là năm 2014 thời gian đã trôi qua được hai năm và con người đã tiếp nhận khá nhiều thông điệp, khá nhiều tri thức về thế giới tâm linh do các Thiên thần gởi đến. Tiếp nhận tri thức về thế giới tâm linh tức là tiếp nhận ánh sáng, khai mở trí tuệ để tiếp nhận Thượng Đế.

Ngoài việc ý thức về thế giới tâm linh. Đặc biệt là chúng ta phải ý thức từ bỏ tham, sân, si, danh, lợi, tình nhằm tránh xa những trải nghiệm tiêu cực. Khi đề cập đến những tính cách như tham, sân, si, danh, lợi có thể trong chúng ta ai cũng có thể hình dung và hiểu được. Nhưng riêng với chữ **tình**, rất có thể sẽ có người nhầm lẫn chữ tình này có ý nghĩa giống với tình yêu đích thực, thực ra nó mang một ý nghĩ khác là tình riêng. Tình riêng mang tính chất phân biệt, chia rẽ, lòng ghép cái tôi trong đó Ví dụ: Ta có có rất nhiều người bạn trong mối liên hệ từ trường học, từ công việc làm ăn, từ làng xóm. Nhưng trong số đó ta chỉ chơi thân với một số ít người, ta có thể sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ họ bằng vật chất cũng như tinh thần và ngược lại cũng vậy. Riêng những người bạn khác ta không có được mối liên hệ như vậy. Trong số những người bạn này, ta luôn quan tâm đến đời sống, tinh thần cũng như tình cảm của họ, ngược lại ta cần sự quan tâm và dành tình cảm yêu quý của họ đối với ta. Trường hợp giữa ta và một người trong số họ có xảy ra xích mích, bất đồng sẽ làm ta khó chịu, bức rức không vui. Yêu thích một người nhưng ghét bỏ một người, có thiện cảm với một người nhưng lại ghẻ lạnh với một người khác. Những loại tình cảm này là những trạng thái tình cảm tác động bởi nhị nguyên. Tình yêu thuần khiết thực sự không bao gồm các tình cảm loại này.

Thực tế của ví dụ nói cho chúng ta biết đây là một loại tình xuất phát từ sự thiên vị, sở hữu, phụ thuộc và trao đổi nhưng không là tình yêu đích thực. Chừng nào con người còn sử dụng những ngôn từ xuất phát bởi tư tưởng sở hữu như; Cha mẹ của tôi, vợ con của tôi, anh chị em của tôi, bạn bè của tôi, người thân của tôi, đất nước của tôi, quê hương của tôi, tiền bạc, nhà cửa, tài sản của tôi dựa trên tinh thần phân biệt chia rẽ, chữ tình này không thể loại bỏ. Tư tưởng sở hữu sẽ gây ra cho con người nhiều sự đau khổ khi bị mất mát, nhưng sự đau khổ sẽ giảm xuống theo tỷ lệ thuận với tư tưởng sở hữu, khi bị mất mát. Chừng nào con người còn có ý nghĩ cha mẹ của tôi, thay vì cha mẹ sinh ra tôi kiếp này, người vợ của tôi thay vì người vợ hiện đang sống với tôi, tài sản, của cải, nhà cửa của tôi thay

vì tài sản tôi hiện đang có, của cải tôi đang có, căn nhà tôi đang ở, đất nước tôi đang sống. Chừng đó vẫn còn sự phân biệt, chia rẽ. Tôi hiện đang - thể hiện ý nghĩa của sự đồng hành, cùng nhau trên một con đường cho sự tiến hoá. Sở hữu thể hiện cái tôi trong sự phân biệt, chia rẽ— đồng hành thể hiện sự hợp nhất xuất phát bởi ý nghĩa của từ **chúng ta**. Đơn giản như là; tôi chân thành biết ơn Thượng Đế của chúng ta, nhưng không là biết ơn Thượng Đế của tôi.

Nhưng sẽ có người hỏi; cha mẹ của tôi, vợ con của tôi, tài sản của tôi thì không nói là của tôi thì nói là của ai? Thực ra thì cũng chẳng có ai bắt buộc ta nói không phải là của tôi hoặc từ bỏ. Nhưng trên thực tế những gì mà chúng ta cho rằng nó là của tôi trong hiện tại, tất cả chỉ là nhất thời, giả tạm, vô thường và không trường cửu. Mọi thứ mà Thượng Đế đem đến cho ta trong hiện tại thực sự chỉ là công cụ là phương tiện cho một trường trải nghiệm trần gian, nhưng tất cả rồi sẽ qua mau không trường cửu với chúng ta. Người mà hôm nay chúng ta gọi là cha mẹ, vợ con của ta, trên thực tế nhiều khi không phải là cha mẹ đã sinh ra ta, không là vợ con của ta trong Nước Trời từ lúc khởi thủy. Nhiều khi kiếp này ta là cha là mẹ nhưng trong kiếp sau ta lại là con cháu, trò chơi luôn được thay đổi sao cho phù hợp với luật nhân quả, nhằm tạo ra sự hiệu quả nhất cho sự trải nghiệm.

Cũng liên quan đến chữ tình này, ngày đó Đức Chúa Guêsu đã có một cách ứng xử rất lạ đối với bà Maria người sinh ra ông Guêsu, người mà Đức Chúa Guêsu đang sử dụng thể xác.

Tân ước – Mátthêu, Chương 12 câu 46-50 “⁴⁶ Người còn đang nói với đám đông, thì có mẹ và anh em của Người đứng bên ngoài, tìm cách nói chuyện với Người.⁴⁷ Có kẻ thưa Người rằng: "Thưa Thầy, có mẹ và anh em Thầy đang đứng ngoài kia, tìm cách nói chuyện với Thầy."⁴⁸ Người bảo kẻ ấy rằng: "Ai là mẹ tôi? Ai là anh em tôi?"⁴⁹ Rồi Người giơ tay chỉ các môn đệ và nói: "Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi."⁵⁰ Vì phàm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi.". Thực ra, cách hành xử của Ngài là một sự gợi ý, một câu hỏi cho chúng ta tự trả lời.

Từ trước tới nay có nhiều bậc chân sư, đạo sư và những người thầy dẫn dắt tâm linh, đã nhiều lần đề cập việc từ bỏ chữ tình này trong sống. Nhưng trên thực tế, ngoại trừ các bậc chân sư trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn là thực hiện từ bỏ được chữ tình này trong ý thức trọn vẹn. Còn lại tất cả chúng ta, người trần thế

chẳng có mấy người thực hiện được việc dứt bỏ chữ tình này. Nói chính xác hơn là chẳng có ai thực hiện việc dứt bỏ được chữ tình này một cách trọn vẹn. Nó là thứ mà mới nhìn thoáng qua chúng ta cứ ngỡ rằng chúng ta có thể sẽ dễ dàng thực hiện việc dứt bỏ, hoá ra lại là điều khó nhất. Các bậc đạo sư, các bậc tu hành đạo hạnh trên Trái đất có thể từ bỏ và đã thực hiện việc xa lánh tham, sân, si, danh, lợi rất thành công. Nhưng để thực hiện việc dứt bỏ chữ tình này ra khỏi sống, thực sự không là điều dễ dàng.

Trong giai đoạn này, thế giới sẽ không còn chỗ cho những trải nghiệm tiêu cực, bởi thời kỳ đó đã qua rồi. Từ đây đến ngày phán xét cuối cùng chúng ta phải thực hành tạo ra những kinh nghiệm về các tính cách tích cực như: lòng từ bi, bác ái, khoan dung, độ lượng, thân ái, tha thứ, chia sẻ, giúp đỡ... Những tính cách không là tính cách mặt trái Thiên đàng, nhưng trong đời sống Thiên đàng, con người không thể trải nghiệm được.

Lý do, đời sống trong Nước Thiên đàng không có bất cứ ai đói khổ, buồn đau, xót xa, phiền muộn để người khác có thể thực hành lòng từ bi, bác ái của mình. Trong Nước Thiên đàng ý thức sống của mọi người rất cao, không có ai lầm lỗi, phạm tội để cho người khác thực hiện lòng khoan dung, độ lượng, tha thứ của mình. Cuộc sống trong Nước Thiên đàng mọi nhu cầu sống là hoàn hảo, không có người nghèo khổ, thiếu thốn để cho người khác thực hiện việc sẻ chia giúp đỡ của mình.

Trong giai đoạn thứ bảy, không gian chiều thứ tư của Trái đất, con người phải tự mình giác ngộ về sự thật. Nhận thức về nguồn gốc của chính mình, ý thức Thượng Đế là ai? Chúng ta là ai? Chúng ta đến Trái đất với mục đích gì? Và trong giai đoạn tiếp theo chúng ta nên làm gì? Trước khi nghĩ đến phán xét và cứu rỗi.

Nhưng khi nói đến ý nghĩa của sự phán xét và cứu rỗi, cũng tức là chúng ta nói linh hồn của chúng ta, mọi việc của chúng ta đã phó thác hết cho Thượng Đế lo liệu và quyết định. Vậy hỏi, nếu con người không có quyền quyết định bất cứ một việc gì trong vấn đề trở lại thân phận Thần thánh của chính mình; thì con người đến thế gian này để làm gì? Có cần thiết phải đến hay không? Và quyền tự do ý chí mà Thượng Đế đã trao tặng cho con người sử dụng vào việc gì?

Trên thực tế thì chẳng có một Ông, Bà Thượng Đế, Ông Phật, Ông Chúa, nào phán xét về suy nghĩ và hành động dựa trên tự do ý chí của con người. Không ai tự cho mình cái quyền cứu rỗi người khác kể cả người đó là Thượng Đế. Tất cả, mọi điều, mọi thứ đều phải được dựa vào luật Vũ trụ, luật của Thượng Đế và do con người tự quyết định số phận của chính mình. Tất cả sẽ tùy thuộc vào lựa chọn của con người, ý thức chấp nhận trở về hay tiếp tục mê đắm trần thế. Vì vậy, không ai có quyền phán xét con người, không ai có quyền thực hiện việc cứu rỗi con người theo ý muốn thiên vị của họ. Trải nghiệm tiêu cực đầy đủ và được hiệu chỉnh để giúp một linh hồn tiếp cận ánh sáng nhằm trải nghiệm tích cực và tham gia đầy đủ các trò chơi tích cực. Nhưng nếu một linh hồn sau hiệu chỉnh mà không chấp nhận thức tỉnh thực hiện việc trải nghiệm tích cực, không tham gia đầy đủ các trò chơi tích cực. Đến cuối cùng không đạt yêu cầu theo nhận định của các thể lực Thượng Đế thì linh hồn đó sẽ không được hiệu chuẩn để được trở lại trạng thái thức tỉnh hoàn toàn. Vì vậy linh hồn đó phải đến một hành tinh khác tiếp tục trải nghiệm, đó mới thực sự là ý nghĩa chính xác của từ phán xét.

Thông qua thế gian, Thượng Đế và con người cùng nhau chơi trong một cuộc chơi, sống trong một đời sống, cùng nhau trải nghiệm buồn vui. Trong cuộc chơi này, Thượng Đế và con người cùng tham gia, cùng nhau chia sẻ lợi ích. Vậy hỏi, khi tàn cuộc chơi Ông ta tiến hành phán xét con người hay sao? Nếu Bà ta phán xét con người cũng có nghĩa là Bà ta tự phán xét Bà ta? Làm sao trong Vũ trụ này lại có một việc oái ăm như thế xảy ra, Thượng Đế phán xét chính mình?

Sau khi, con người trải nghiệm xong mọi thứ trên thế gian, nhưng con người không thể trở lại được với thân phận Thần thánh của chính mình. Đó không phải là thất bại của con người, mà là thất bại của Thượng đế. Nhưng việc này là chưa từng bao giờ và sẽ không bao giờ xảy ra trong thế giới của Thượng Đế.

Chúng ta phải xác định rằng: con người đến Trái đất là để tham gia một cuộc chơi lớn, trong sự đồng thuận của tất cả mọi thành phần, có sự tham dự của Thượng Đế và tất cả mọi thành phần trong Đại gia đình của Thượng Đế. Khi đến Trái đất con người sẽ tự tham gia qua tất cả các trò chơi đã được Thượng Đế bày ra trên Trái đất. Và khi buổi chơi kết thúc ai là người tham gia hết mọi trò chơi, người ấy sẽ trở thành người chiến thắng và trở về với đại gia đình Thượng đế.

Đã có thêm một từ đảo nghĩa được hiển thị trong ngôn ngữ Việt.

Trò chơi, dịch chuyển hai từ cuối của từ chơi qua từ trò sẽ trở thành Trời cho.

Trong cuộc chơi này sẽ không có kẻ thắng người thua, mà tất cả cùng thắng, câu hỏi lớn nhất không phải là ai thắng, ai thua mà là bao giờ thắng. Người thắng là người tham gia qua tất cả mọi trò chơi, người thua là người không chấp nhận tham gia một số trò chơi trong tất cả những mục chơi đã được đặt ra. Khi đó, số người này sẽ phải đến một Thái Dương hệ khác, một hành tinh khác tham gia cho bằng hết số trò chơi còn lại. Nếu đến nơi ở mới số người này vẫn tiếp tục từ chối không tham gia số trò chơi còn lại tức là họ chưa thắng. Nên họ lại tiếp tục đến một hành tinh kế tiếp, cho đến khi nào tham gia đủ tất cả mọi trò chơi; tự động Thượng Đế sẽ giúp họ thức tỉnh hoàn toàn và hoà nhập cùng thế giới của Thượng Đế. Cũng có nghĩa là người đó đã thắng nhưng muộn hơn người khác.

Trải nghiệm đầy đủ và trở về là quy luật của Vũ trụ, quy luật của Thượng Đế, quy luật không chừa bất cứ một ai kể cả con trưởng, con thứ, con trai con gái, cháu chắt của Thượng Đế. Vì vậy, con người hãy từ bỏ cái ảo tưởng rằng Thượng Đế là Thượng Đế của riêng mình, Ông ta sẽ cứu mình ra khỏi lầm lỗi, ra khỏi cái thế gian tăm tối, ra khỏi những trải nghiệm cần thiết. Trong thực tế Ông ta chẳng cần phải cứu ai cả, chẳng có ai phạm phải tội lỗi gì, chẳng có mắc phải nạn kiếp gì, chẳng có ai chết chóc gì, chẳng có ai bị hư mất linh hồn, vậy Ông ta cứu ai?

Vì vậy, con người cần phải tự nhận thức Thượng Đế là chung của tất cả mọi người, Thượng Đế là tổng thể và là tất cả. Thượng Đế yêu thương tất cả mọi người như nhau, bằng tình yêu vô tận của mình. Thượng Đế không là của riêng ai, Người không thiên vị bất cứ người nào, kể cả thân phận người đó có cao cả đến đâu.

Vì vậy, con người phải tự biết rằng cuộc chơi mà chúng ta tham gia trên trần thế, thực ra là quá ngắn ngủi so với hàng tỷ năm được sống an lạc và hạnh phúc vẹn toàn trong nước Thiên đàng.

Vì vậy, con người không cần suy tưởng mông lung nữa, nhưng hãy đi đến quyết định thức tỉnh để có được tất cả; hơn là phải lang thang hết hành tinh này đến hành tinh khác sống trong tối tăm, đau khổ tận cùng.



VI - Các tên gọi và ý nghĩa của thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2334.

1-Thời kỳ tiền phán xét.

Là thời kỳ mà các Thiên thần tích cực trợ giúp cho con người rất nhiều việc cụ thể, nhằm chuẩn bị cho ngày phán xét. Phán xét cuối cùng là cách nói của con người trong thời kỳ 3d, trên thực tế ngày ấy xảy ra không có ai phán xét ai cả. Không có cái gì được gọi là người được tuyển chọn hay không tuyển chọn. Nhưng là người đã trải nghiệm đầy đủ và thức tỉnh giác ngộ kịp lúc trong thời kỳ ân điển. Họ sẽ được các Thiên thần xúc tiến hiệu chuẩn để trở lại thân phận Thần thánh của chính mình.

Danh sách những người đủ tiêu chuẩn trở về đã có sẵn trước đó, trong ngày phán xét không có ai phán xét ai, không có ai xét tuyển ai. Không có địa ngục, không có hỏa ngục, không có tiếng khóc than. Nhưng ngày đó mọi việc sẽ diễn ra trong bầu không khí vui vẻ ấm áp tình người và hạnh phúc trọn vẹn.



2-Thời kỳ tiền hội Long hoa.

Thời kỳ này cũng là thời kỳ tiền phán xét. Ngày phán xét cuối cùng là cách gọi của những người phương tây theo các Tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo. Riêng những người phương đông theo các Tôn giáo, như Phật giáo, Ấn Độ giáo, Hindu giáo... và những người không tôn giáo, những người đang theo đuổi tâm linh không gọi là ngày phán xét cuối cùng mà gọi là ngày hội Long Hoa. Ngày hội Long hoa còn được hiểu là ngày hội của Vua Nước Trời.

Long là rồng biểu hiện cho Vua Chúa – Hoa là biểu hiện cho vẻ đẹp Thiên đàng.

Ngày hội Long hoa là ngày hội của Ông Vua Nước Thiên đàng. Quả thực, đó là ngày hội trên Trái đất, ngày hội của Thiên hà, ngày hội của Vũ trụ.



3-Thời kỳ tiếp nhận ánh sáng.

Trước đây 2000 năm Đức Chúa Guêsu giáng thế, khởi đầu cho thời kỳ khai sáng. Trọng tâm sứ mệnh của Chúa Guêsu trong những ngày tại thế là tiết lộ một phần sự thật về Thiên Chúa và Nước Trời, nhằm khai mở cho con người hiểu biết về Thượng Đế và Nước Trời.

Tiếp theo thời kỳ khai sáng là thời kỳ tiếp nhận ánh sáng, thời kỳ này bắt đầu từ năm 2000 quá trình chuyển đổi là 12 năm kéo dài đến ngày phán xét.

Năm 2012 đi vào chính thức, trong thời kỳ này Thượng Đế sẽ tiết lộ gần như toàn bộ sự thật về thế giới tâm linh và Nước Trời, tiết lộ thân phận và mục đích của con người. Tiết lộ ngày phán xét và nhiều sự thật khác, nhằm giúp con người có ý thức giác ngộ và chuẩn bị tâm lý cho ngày trở về.

Trong thời kỳ tiếp nhận ánh sáng, các Thiên thần sẽ lần lượt từng đợt hiệu chỉnh cho tất cả những người có ý thức giác ngộ tâm linh. Nhằm giúp họ câu thông, giao tiếp với các thể lực tâm linh trong Vũ trụ. Nhằm giúp họ tiếp nhận được tri thức ánh sáng tâm linh để thực hiện việc phục vụ cộng đồng những người Trái đất chưa thức tỉnh.

Từ năm 2012 cho ngày phán xét xảy ra, các Thiên thần sẽ lần lượt trợ giúp cho con người sở hữu những công nghệ tiên tiến nhất trong Vũ trụ. Trợ giúp con người đi dần vào một chính phủ duy nhất toàn cầu. Trợ giúp con người tìm kiếm nguồn năng lượng thật sự dồi dào không gây ô nhiễm nhằm thay thế nguồn nhiên liệu hoá thạch và năng lượng nguyên tử nguy hiểm. Trợ giúp con người làm chủ được các quy luật vận hành của trái đất, làm chủ thời tiết và khí hậu trên phạm vi toàn cầu...

Trợ giúp con người tìm ra những vật liệu và công nghệ xây dựng hoàn hảo nhất. Nhằm giúp loài người sở hữu những thành phố môi trường xanh sạch đẹp nhất và những ngôi nhà đẹp, tiện nghi nhất. Nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho tất cả mọi người trên toàn thế giới. Trong thời kỳ này, con người sẽ phá bỏ đi rất nhiều thành phố, nhiều toà nhà không còn phù hợp với cuộc sống trong thời đại mới.

Khải huyền Chương 16 câu 17-19.

"¹⁷ Vị thứ bảy trút chén của mình xuống không khí. Từ Đền Thờ, từ ngai liền có tiếng lớn phát ra: "Xong cả rồi! "¹⁸ Lúc ấy có ánh chớp, tiếng sấm tiếng sét và động đất lớn như chưa hề có động đất lớn như vậy bao giờ, từ khi con

người xuất hiện trên mặt đất.¹⁹ Thành vĩ đại vỡ ra làm ba phần và các thành thị của các nước bị sụp đổ. Thiên Chúa đã nhớ đến thành Ba-by-lon vĩ đại mà cho nó uống chén rượu là cơn lôi đình thịnh nộ của Người”

Đây là thời kỳ con người tiếp nhận ánh sáng tri thức từ thế giới của Thượng Đế. Trong thời kỳ này, các Thiên thần sẽ trợ giúp cho con người tận tâm, tận lực để Trái đất trở thành một nền văn minh xấp xỉ với các nền văn minh tiến hoá cao trong Vũ trụ.



4-Thời kỳ ân điển.

Chúng ta biết rằng trong những thời kỳ trước của Nhân loại, tất cả những gì con người có được và mất đi không phải là do Thượng Đế ban thưởng hay trừng phạt. Mọi điều xảy ra cho con người, mọi hoàn cảnh sống của mỗi người, đều do con người tự chọn lựa và luật nhân quả cùng luật vô vi tác động tạo thành. Thượng Đế không can thiệp vào đời sống và tự do ý chí của con người.

Nhưng từ lúc này trở đi luật ân điển của Thượng Đế sẽ được áp dụng trên phạm vi toàn cầu. Trong thời kỳ áp dụng luật ân điển con người sẽ nhận được những điều mà con người cầu xin từ Thượng Đế bằng tấm lòng thành kính và biết ơn. Con người sẽ nhận được sự bình an trong tâm hồn cũng như vật chất, thông qua hành động, suy nghĩ và cách sống hướng thiện trong tinh thần giác ngộ của mỗi người. Con người có lối sống càng tích cực như: yêu thương, bác ái, từ bi, độ lượng, bao dung, tha thứ, ôn hoà, chia sẻ, giúp đỡ, vui vẻ bao nhiêu thì đời sống người đó càng nhận nhiều sự bình an, hạnh phúc và đầy đủ bấy nhiêu.

Sau 2012 con người được sinh ra không còn bị ảnh hưởng bởi nghiệp chướng từ luật định mệnh và luật vô vi nữa. Nhân quả sẽ báo ứng tức thì trong kiếp sống hiện tại, Thượng Đế sẽ áp dụng luật ân điển và luật hữu vi thay thế cho luật định mệnh và luật vô vi. Vì vậy, mọi suy nghĩ và hành động của con người sẽ được luật nhân quả kết hợp với luật ân điển và luật hữu vi phúc đáp ngay tức thì.

Luật ân điển ra đời nhằm giúp cho những người đang sống trong hoàn cảnh khó khăn về vật chất cũng như tri thức có cơ hội thay đổi cuộc đời mình trong kiếp sống hiện tại. Vì bởi, đây cũng là thời kỳ tiếp nhận ánh sáng, cho nên con người sẽ ý thức được nguồn gốc, thân phận và mục đích tương lai thực sự của họ là gì?

Từ nhận thức đó, nó sẽ tạo động lực giúp con người ý thức giác ngộ thay đổi suy nghĩ và hành động trong đời sống của chính mình hướng đến mục đích cuối cùng. Kéo theo sự thay đổi tích cực của chính họ, cái mà họ nhận được trong lúc này là một đời sống càng lúc càng tốt đẹp và hạnh phúc hơn.

Trong các thời kỳ trước con người muốn nhận được cuộc sống tốt đẹp, thì từ trong tiền kiếp họ phải chia sẻ sự tốt đẹp cho người khác. Con người muốn có được tiền của, vật chất thì từ trong tiền kiếp họ phải chia sẻ tiền của, vật chất cho người khác. Tiền kiếp, trợ giúp càng nhiều, chia sẻ càng nhiều theo sự cầu xin của người khác thì trong kiếp sau sẽ càng có nhiều.

Vì luật nhân quả đã định như vậy, cho nên nếu ta chỉ biết sống cho bản thân, giữ gìn ích kỷ, không chia sẻ, giúp đỡ cho người khác, là nguyên nhân khiến cho ta trở nên nghèo khổ từ kiếp này sang kiếp khác. Càng thiếu thốn, càng nghèo khổ sẽ càng khiến cho ta càng lúc càng trở nên ích kỷ, càng ganh ghét với người khác. Tâm lý sợ hãi luôn ám ảnh, ta sợ ngày mai bão lũ sẽ xảy ra, hạn hán sẽ kéo dài, mùa màng sẽ mất mát thu hoạch không đủ ăn. Ta luôn sợ buôn bán sẽ ế ẩm, sợ mất việc làm, sợ công việc không thuận lợi dẫn đến cuộc sống khó khăn, sợ con cái không được học hành. Và rất nhiều nỗi sợ khác nhau luôn hiện hữu trong cuộc đời và chung quanh ta, khiến cho họ khó có thể tìm được sự bình an trong tâm hồn.

Vì vậy, càng khiến cho họ giữ chặt hơn những gì mình có được, tâm lý sợ hãi càng cao, lòng ích kỷ càng lớn. Tâm lý không muốn ai hơn mình luôn thường trực trong tâm hồn ta, cầu nguyện cho người khác no đủ hạnh phúc vui vẻ là điều dường như ta không nghĩ đến. Ta thường luôn than trời trách đất, nguyên rủa cuộc đời đối xử bất công với ta và thiên vị người khác. Ngoài ra ta luôn cầu Trời khẩn Phật, xin Thánh thần, cầu Thượng đế giúp cho ta đầy đủ và hạnh phúc hơn bằng một tấm lòng ích kỷ, tham lam. Nhưng đã là như vậy thì càng lúc, ta càng thêm thiếu thốn, càng thêm nghèo khổ. Cho nên, ta sẽ rất khó khăn để thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của cuộc đời mình. Quả thật, đây chính là bể khổ mà Đức Phật Thích Ca nói, đã xảy ra trên thế gian này.

Đây là những số phận nghèo khổ điển hình trong quá khứ. Nhưng khi bước qua thời kỳ ân điển, con người có trong tay một công cụ rất hữu ích để thoát ra khỏi nghèo khổ rất dễ dàng. Công cụ được đề cập đến trong thời kỳ này đơn giản chỉ

là sự cầu nguyện. Cầu Trời khẩn Phật, cầu Thánh thần, cầu Thượng Đế, là con người đã biểu thị sự cầu xin được trợ giúp. Trước đây hay trong hiện tại thì việc cầu xin Thượng Đế của con người bằng một tấm lòng thành kính không vì quá tham lam, nhưng là vì thiếu thốn, đều có kết quả như nhau.

Nhưng trước đây, phần lớn những lời cầu xin bằng một tấm lòng chân thành không vì lòng tham lại thường rơi vào những con người có tấm lòng từ bi bác ái. Và thường thì họ không cầu xin cho bản thân mình, mà cầu xin cho người khác nhưng đã là như vậy thì họ đã phạm luật vô vi. Trước đây, cũng có không ít người cầu nguyện rất thành tâm, cầu xin rất chân thành nhưng họ khó mà thấy được lời cầu xin của mình trở thành hiện thực. Bởi sự cầu xin của họ không xảy ra trong kiếp này mà xảy ra trong kiếp sau. Cho nên, càng ngày họ càng mất niềm tin và thay vì cầu xin, họ trở lại oán than, nguyên rủa Trời Phật, Thánh thần của họ.

Rốt cuộc nghèo khổ vẫn hoàn nghèo khổ, vì chia sẻ thì ít, ích kỷ thì nhiều, oán than thì nhiều, cầu nguyện thì ít.

Trước đây, con người muốn làm từ thiện, muốn chia sẻ giúp đỡ cho người nghèo khổ, khốn khổ họ cần phải có tiền thật, bạc thật họ mới có thể, thể hiện được hành động chia sẻ hoặc giúp đỡ cho người khác. Trường hợp, không tiền không bạc, không vật chất mà muốn giúp đỡ người khác, thì chỉ có nước là cầu xin, nguyện ước cho người khác được tai qua nạn khỏi, no cơm ấm áo. Nhưng cầu nguyện như vậy thì chính họ lại bị phạm vào luật vô vi, kiêu nào thì người nghèo cũng không biết làm sao để có thể thoát được kiếp nghèo.

Nhưng trong thời kỳ này mọi chuyện đã đổi thay, một người không có một xu dính túi vẫn có thể giúp đỡ cho người khác tạo nên vật chất. Việc làm chỉ đơn giản là thành tâm cầu nguyện Thượng Đế giúp cho đối tượng mà họ đang hướng tới, nghĩ tới; thoát khỏi sự nghèo khổ, vượt qua nỗi đau thương và gặp nhiều may mắn. Cầu nguyện cho người khác cũng tức là cầu nguyện cho chính mình. Ta cầu nguyện Thượng Đế ban ai có được điều gì, ta cũng sẽ có được điều đó, nhưng không còn phạm luật vô vi. Nó như là một minh chứng cho lời nói của Đức Chúa Giê-su cách đây 2000 năm. Và lời khuyên đó của Ông ta đến thời điểm này đã trở nên hiện thực hơn bao giờ hết.

Tân ước – Mátthêu, Chương 7 câu 7-11. Cứ xin thì sẽ được (Lc 11:9-13)

“⁷ Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở ra cho.⁸ Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở ra cho.⁹ Có người nào trong anh em, khi con mình xin cái bánh, mà lại cho nó hòn đá?¹⁰ Hoặc nó xin con cá, mà lại cho nó con rắn?¹¹ Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình những của tốt lành, phương chi Cha anh em, Đấng ngự trên trời, lại không ban những của tốt lành cho những kẻ kêu xin Người sao?”

Lưu ý, cầu nguyện trong thời kỳ ân điển thực sự sẽ có hiệu quả nhanh chóng. Nhưng riêng những ai sinh trước năm 2000 lời cầu nguyện của họ sẽ khó thành công. Vì họ là những linh hồn còn vướng nghiệp quả, định mệnh, vì họ phải trải nghiệm cho hết những gì mà họ đã chọn cho mình trong tiền kiếp. Những linh hồn sinh từ năm 2001 đến 2012 lời cầu nguyện của nhóm người này có hiệu quả hơn. Chỉ có những linh hồn sinh sau 21-12-2012 thì lời cầu nguyện của họ mới thực sự hiệu quả, vì họ không còn ảnh hưởng bởi định mệnh.

Đúng vậy, đây là một sự thật trong thời đại của chúng ta, hãy thường xuyên cầu nguyện Thượng Đế, nhân danh Thượng Đế mà cầu xin. Cầu xin Bà ta trao hoà bình cho thế giới, trao hạnh phúc cho mọi dân tộc, trao cuộc sống ấm no đầy đủ cho mọi người. Nhiều người cầu xin càng mau hiệu quả, tất cả cầu xin hiệu quả tức thời. Chúng ta hãy thành tâm thành ý cầu xin cho mình, cầu xin cho người, cầu xin liên tục không ngần ngại, không sợ hãi, năng lượng tư tưởng cầu nguyện của chúng ta tích tụ càng nhiều càng mau thành hiện thực.

Nhưng trong thực tế, những đầu của thế kỷ 21, nhiều khi ta thấy rằng sự cầu xin của ta không được Thượng đế phúc đáp. Mặc dầu ta đã cầu xin Thượng Đế liên tục và rất chân thành. Từ sự thật đó ta thấy dường như niềm tin của ta không còn mãnh liệt như lúc đầu, sự tin tưởng của ta đối với Thượng Đế dường như càng lúc càng suy giảm. Không phải rằng vì ta không ý thức được sự thật về Thượng Đế và thế giới tâm linh, không vì rằng ta không tôn kính, yêu thương Thượng Đế. Nhưng vì ta có cảm giác như mình bị bỏ rơi, rằng ta không quan trọng gì cả trong mắt của Thượng Đế. Ta có cảm giác ngại ngùng, sợ hãi và xấu hổ với chính sự cầu nguyện, xin xỏ của mình. Vì vậy, càng lúc ta càng không dám, hay nói cho đúng hơn là ta không còn muốn cầu xin Thượng Đế nữa về bất kỳ điều gì. Trên thực tế điều này rồi sẽ xảy ra, nhưng nguyên nhân đã được giải thích trong phần ‘**lưu ý**’ phía trên. Mặc dù mọi thứ có thể xảy ra với ta như đã được miêu tả, nhưng không

vì thế mà ta từ bỏ việc cầu nguyện, cầu xin Thượng Đế ban cho ta điều ta thiếu, sự ta cần. Tự ta phải có sự kiên nhẫn, có niềm tin tuyệt đối với Thượng Đế, ta phải luôn tin rằng Thượng Đế sẽ mang đến cho điều mà ta đã cầu xin sớm nhất có thể. Ta phải luôn giữ vững niềm tin rằng Thượng Đế không bao giờ dối gạt ta, không bao giờ bỏ rơi ta, sớm muộn gì rồi Thượng Đế cũng sẽ phúc đáp tâm chân tình của ta. Thực ra thì ta cũng chẳng cần phải ngần ngại, xấu hổ hay sợ hãi gì khi ta cầu xin Thượng Đế. Bởi sự cầu xin của ta là cầu xin Đấng sáng tạo tối cao vĩ đại, chứ không là cầu xin một người phạm tục bình thường. Chúng ta cần phải ý thức duy trì được niềm tin cốt lõi, chắc chắn chúng ta sẽ thành công trên bất kỳ phương diện nào.

Hãy cầu nguyện, hãy làm từ thiện, hãy chia sẻ, hãy giúp đỡ cho người khác bằng chính tâm hồn rộng mở của mình, bằng chính tình yêu thương từ con tim chân thật của mình. Bằng sự hiểu biết, bằng vật chất, bằng tất cả những gì chúng ta có, chúng ta sẽ có Thiên đàng. Quy luật của thế giới tâm linh; cho đi là nhận được, mình vì mọi người, không cần bận tâm diễn biến sẽ tiếp theo là gì. Nhưng hành động của vẻ thứ nhứt sẽ tạo thành diễn biến của vẻ thứ hai.

Luật ân điển, ngoài việc giúp cho những người thiếu thốn nghèo khổ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Luật ân điển còn mở ra cho những người giàu có, một cơ hội được giải thoát và cứu rỗi. Tự thân những người giàu đã biết rằng linh hồn mình đến với thế gian, chưa kinh nghiệm, chưa trải nghiệm được nhiều về các tính cách mặt trái Thiên đàng.

Nhưng luật ân điển sẽ dành cho họ một cơ hội để trở về dưới mái nhà của Thượng Đế, nếu họ chấp nhận buông bỏ, thức tỉnh và giác ngộ. Điều này đã được Đức Chúa Giê-su nói đến trong.

Tân ước – Mátthêu, Chương 19 câu 16-22. (Người thanh niên có nhiều của cải (Mc 10,17 -22; Lc 18: 18 -23) ¹⁶ *Bấy giờ có một người đến thưa Đức Giê-su rằng: "Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?"* ¹⁷ *Đức Giê-su đáp: "Sao anh hỏi tôi về điều tốt? Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn."* ¹⁸ *Người ấy hỏi: "Điều răn nào?"* *Đức Giê-su đáp: "Ngươi không được giết người. Ngươi không được ngoại tình. Ngươi không được trộm cắp. Ngươi không được làm chứng gian."* ¹⁹ *Ngươi phải thờ cha kính mẹ", và "Ngươi phải yêu đồng loại*

*như yêu chính mình."*²⁰ Người thanh niên ấy nói: *"Tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ, tôi còn thiếu điều gì nữa không?"*²¹ Đức Giê-su đáp: *"Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi."*²² Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải."

Quả thật, lời của Ông ta Đức Chúa Giê-su là Chân lý của trước đây 2000 năm, đến bây giờ vẫn không thay đổi. Những người giàu có hãy vì mình mà hành động theo tiếng gọi của linh hồn, theo lời khuyên của Chúa Giê-su để có được Nước Trời. Hãy thức tỉnh đừng ngần ngại và đừng tự cho mình chưa trải nghiệm đầy đủ. Trải nghiệm, đầy đủ hay chưa đầy đủ đến thời điểm này không còn quan trọng. Vì chúng ta đã có luật ân điển trợ giúp, chỉ cần ý thức giác ngộ thực hiện theo lời khuyên của Chúa Giê-su một cách dứt khoát, ta sẽ có được Nước Trời.

Tân ước – Mátthêu, Chương 6 câu 24. Không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của (Lc 16,13) *"²⁴ Không ai có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được."*

Trường hợp, những người giàu thức tỉnh và ý thức giác ngộ để quay về, Thượng Đế sẽ áp dụng luật ân điển cứu rỗi cho họ. Một thời gian, sau khi trở lại với thân phận Thần thánh của chính mình, Thượng Đế sẽ cho các linh hồn này đi đến những sự sống mới vừa trải nghiệm, vừa thực hiện sứ mệnh. Trên Trái đất chúng ta đã có không ít những linh hồn như vậy từng xuất hiện trong đời sống.

Luật ân điển trợ giúp cho những thân phận thiếu thốn về vật chất, nâng cao được cuộc sống.

Luật ân điển trợ giúp cho những người giàu có về vật chất, có cơ hội trở về dưới mái nhà của Thượng Đế.

Luật ân điển trợ giúp cho những linh hồn chưa trải nghiệm đầy đủ tính cách mặt trái của Thiên đàng, nhưng thức tỉnh kịp lúc.



5-Thời kỳ hữu vi.

Thời kỳ hữu vi bắt đầu từ năm 2000, đến 2012 luật hữu vi chính thức đi vào đời sống của con người. Trước những năm 2000 Thượng Đế đã áp dụng luật vô vi để cho con người tự do trải nghiệm mọi điều, mọi thứ theo sự chọn lựa của con người. Thượng Đế và các thể lực của thế giới tâm linh không can thiệp vào tự do ý chí của con người, con người có thể tự do suy nghĩ và hành động theo ý muốn của mình. Thượng Đế và các Thiên thần chỉ quan sát và giúp đỡ cho con người trải nghiệm được những gì mà họ đã lựa chọn, dựa theo luật nhân quả. Con người có quyền quyết định mọi hành động theo sở thích, có thể đó là hành động tội ác nhất hay từ bi nhất vẫn không có ai ngăn cấm, không trừng phạt, không ban thưởng.

Nhưng kể từ năm 2012 trở đi, Thượng Đế sẽ áp dụng luật hữu vi để điều hành và dẫn dắt con người trở về nhà. Vì vậy, trong thời gian này mọi suy nghĩ và mọi hành động dẫn đến tội ác, dẫn đến xung đột, dẫn đến chiến tranh, dẫn đến áp bức bóc lột, dẫn đến nghèo đói...tất cả đều bị can thiệp.

Thời gian từ đây đến ngày phán xét không còn nhiều. Vì vậy Thượng Đế phải áp dụng luật hữu vi nhằm giúp Loài người tiến bộ về mặt tinh thần, văn minh về mặt xã hội, để tiến gần với những nền văn minh tiến hoá cao trong vũ trụ.

Thượng Đế, không áp đặt ý muốn của mình lên tự do ý chí của con người. Việc làm đầu tiên của Thượng Đế trong thời kỳ này là ban rải tri thức ánh sáng để con người có thể nhận thức sự thật về Thượng Đế và thế giới của con người sau này. Tiếp theo là Thượng Đế kêu gọi mọi người thức tỉnh, sau cùng nếu những ai không chấp nhận thức tỉnh Thượng Đế sẽ can thiệp.

Giai đoạn kêu gọi sự thức tỉnh cho con người chỉ diễn ra trong 60 năm “một hoa giáp”. Sau năm 2072 kể từ năm 2012, những ai không chấp nhận thức tỉnh sẽ không còn cơ hội. Số người này sẽ được Thượng Đế đưa những hành tinh khác tiếp tục trải nghiệm. Mặc dù trong số họ đã có không ít người trải nghiệm đầy đủ tính cách mặt trái của Thiên đàng. $2072 = 2+0+7+2 = 11$. 1-1 là biểu thị kết thúc chia tách nhị nguyên. Sau năm 2072, thời hạn kêu gọi thức tỉnh sẽ kết thúc, lúc này các thể lực của Thượng Đế sẽ can thiệp triệt để vào thế giới tiêu cực.

Luật hữu vi can thiệp lên những linh hồn không chấp nhận thức tỉnh, cho dù họ đã trải nghiệm đầy đủ tính cách mặt trái của Thiên đàng



6-Thời kỳ bảo bình.

Thời kỳ bảo bình cũng bắt đầu từ năm 2000 và vẫn có 12 năm giao điểm. Đến thời điểm này con người đã tham dự qua rất nhiều trò chơi, chơi giàu có - chơi nghèo hèn, chơi no ấm - chơi đói khổ, chơi quyền thế - chơi thấp hèn, chơi tình thương – chơi tội lỗi, chơi chiến tranh nhưng chưa chơi trò chơi hoà bình.

Vì vậy, trong thời gian này con người phải tiến hành tập chơi trò chơi hoà bình để hướng đến một nền hoà bình vĩnh cửu trên Trái đất chúng ta.

Trước đây, trong tất cả các trò chơi mà con người tham gia, thì chiến tranh có thể nói là một trò chơi nguy hiểm nhất mà con người đã từng được sáng tạo ra. Nhưng xét cho cùng chiến tranh cũng là một trò chơi đem lại cho con người nhiều kinh nghiệm, nhiều trải nghiệm và nhiều cảm xúc nhất, hơn tất cả những trò chơi còn lại.

Chiến tranh là cái diễn tả trạng thái bên trong của mỗi cá nhân, tập thể và của cả thế giới ra bên ngoài. Chiến tranh được xuất phát từ nhiều trạng thái tình cảm nhất. Đầu tiên phải kể đến là sự sợ hãi, khi con người sợ thiếu thốn, sợ không đủ, sợ không được người khác tôn trọng, tiếp theo là lòng ham muốn, tham lam, ích kỷ. Ngoài ra tinh thần tự tôn, tự hào dân tộc, cũng là nguyên nhân lớn, tinh thần này có thể khiến cho cả một dân tộc có ý thức coi thường những dân tộc khác. Họ tự cho mình là dân tộc cao quý hơn, mạnh mẽ hơn, thông minh hơn, đáng được tôn trọng hơn. Các trạng thái tình cảm này diễn tiến liên tục sẽ thúc đẩy họ tiến hành chiến tranh nhằm thoả mãn tham vọng thống trị - tham vọng trở thành nước bá chủ cai trị những nước chư hầu và vơ vét tài sản, tài nguyên của nước yếu.

Chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa yêu nước trên thực tế chỉ là sự biến tướng từ một cái tôi cá thể, sang một cái tôi lớn hơn. Sự biến tướng từ cái của tôi sang cái của chúng tôi, nhưng không là cái của chúng ta. Tôi và chúng tôi vẫn luôn là một diễn biến gây chia rẽ. Chủ nghĩa yêu nước không là một tình yêu trong sự hoà hợp tổng thể, mà vẫn còn là một sự chia tách. Chừng nào vẫn còn tư tưởng chủ nghĩa quốc gia, chừng nào vẫn còn chủ nghĩa yêu nước phân lập. Chừng nào vẫn còn sự chia rẽ bằng cái tôi, bằng cái của chúng tôi, khi đó còn xung đột còn chiến tranh.

Tinh thần tự hào Tôn giáo là nguồn gốc gây ra các cuộc Thánh chiến. Đã có một số Tôn giáo trên thế giới tự cho tôn giáo của mình là số một, là cao siêu nhất, tự cho giáo lý của tôn giáo mình là toàn hảo nhất. Từ đó họ dùng sức mạnh vũ lực không chế bắt buộc người khác phải tin theo niềm tin của họ, theo đuổi tôn giáo của họ. Họ nhân danh Thượng Đế, bắt buộc những người khác tôn giáo, chấp nhận và quy thuận Tôn giáo của họ, bằng ngược lại họ sẽ đàn áp giết hại những ai bất phục.

Sự sợ hãi, lòng tham, tính ích kỷ và tinh thần tự tôn, tinh thần tự hào dân tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, tinh thần tự tôn- tôn giáo là những nguyên nhân chính gây nên rất nhiều cuộc xung đột đẫm máu và nhiều cuộc chiến tranh lớn, nhỏ xảy ra trên thế giới. Trong nhiều ngàn năm qua con người đã tích cực tham gia rất nhiều vào trò chơi chiến tranh. Cái giá mà con người phải trả, cái mà con người kinh nghiệm được trong trò chơi chiến tranh là tốt hay xấu, là đúng hay sai, giờ chúng ta không cần phán xét. Vì tất cả mọi thứ còn lại chỉ là ký ức.

Điều quan trọng hơn để chúng ta biết là hiện nay con người đang sống trong thời kỳ bảo bình. Vì vậy, trong tương lai gần Thượng Đế sẽ không chấp nhận và không cho phép chiến tranh tiếp tục xảy ra trên Trái đất. Sau thập niên 30 của thế kỷ 21 các thế lực tâm linh sẽ can thiệp mạnh mẽ, nên sẽ không còn đất sống cho chiến tranh. Trò chơi chiến tranh phải được kết thúc vĩnh viễn trên Trái đất.

Trong những năm đầu của thời kỳ bảo bình các thế lực của Thượng Đế đã tham gia bảo trợ cho an bình Nhân loại. Và sẽ tiếp tục bảo trợ cho hoà bình thế giới, cho đến khi có được một nền hoà bình trọn vẹn.

Trong thời kỳ này, không có một con người nào, một thế lực nào, một quốc gia nào, một tổ chức nào còn có cơ hội tiến hành chiến tranh. Đây là thời kỳ bảo bình và cũng là thời kỳ hữu vi. Vì vậy các thế lực của Thượng đế sẽ can thiệp triệt để và trực tiếp vào những ai, những tổ chức nào hay quốc gia nào có ý định xúc tiến xung đột, chiến tranh.

Trong thời kỳ này con người phải tự thức tỉnh và ý thức mình là ai? Và để có được sự thức tỉnh hoàn toàn, để có được đời sống Thiên đàng, để trở về dưới mái nhà của Thượng Đế. Con người phải tự nguyện từ bỏ tham vọng thống trị bá quyền, từ bỏ ham muốn về những chế độ độc tài chuyên chế, từ bỏ chế độ cai trị áp bức bóc lột, từ bỏ những tham vọng chiến tranh để trở thành bá chủ. Trường

hợp, con người không có được ý thức giác ngộ để trở về, các thế lực của Thượng Đế sẽ can thiệp trực tiếp vào ý chí của họ để chấm dứt mọi ý đồ đen tối đang hình thành trong tâm trí họ. Và biện pháp tiếp theo là đưa họ đến với cái chết và cuối cùng đưa những linh hồn này đến một hành tinh khác tiếp tục trải nghiệm.

Trong thời đại này con người sẽ phải tham gia trò chơi hoà bình và thân ái vì trò chơi xung đột và chiến tranh đã không còn được Thượng Đế cấp phép nữa. Nếu con người vẫn tiếp tục có suy nghĩ và hành động về trò chơi chiến tranh là đi ngược lại xu thế chung của thời đại và ý muốn của Thượng Đế.

“Trò chơi là Trời cho, Trời không cho trò không chơi” Đúng là trong thời đại này chúng ta không nên chơi những trò chơi nguy hiểm chết người như trò chơi chiến tranh. Thời đại mới con người phải chấp nhận từ bỏ xung đột và chiến tranh vì ba lý do:

-Thứ nhất: Tiến hành xung đột gây ra chiến tranh là không còn cần thiết cho sự trải nghiệm tích cực. Các cảm xúc do chiến tranh gây ra không còn có lợi về mặt tâm linh và đời sống cho con người trong thời kỳ bảo bình.

-Thứ hai: Chiến tranh xảy ra trong thời điểm này sẽ làm ảnh hưởng quá trình trở lại thân phận Thần thánh của toàn bộ Loài người, vì thời gian còn lại cho những trải nghiệm tích cực là không nhiều.

-Thứ ba: Nếu Thượng Đế, vẫn cho phép chiến tranh tiếp tục xảy ra trong thời gian này sẽ phá hỏng toàn bộ kế hoạch mà Ngài sắp đặt cho Loài người.

Thượng Đế không áp đặt ý muốn của mình lên tự do ý chí con người. Trong giai đoạn này Thượng Đế, cho phép con người được quyền tự do lựa chọn một trong hai con đường.

-Con đường thứ nhất là tự thức tỉnh giác ngộ để trải nghiệm những trò chơi tích cực còn lại và khi thời gian đến sẽ quay về dưới mái nhà của Thượng Đế.

-Con đường thứ hai, nếu ai vẫn tiếp tục ham muốn đời sống tiêu cực trần gian không chấp nhận thức tỉnh. Họ sẽ phải đi đến những hành tinh mới như Trái đất của chúng ta trước đây gần 12000 năm để tiếp tục trải nghiệm chọn lựa của mình.

Là thời kỳ bảo bình, chắc chắn các thế lực tâm linh sẽ bảo trợ hoà bình cho Trái đất. Nhưng con người sớm muộn có hoà bình, mọi người phải tự ý thức sống hoà

bình từ trong nội tâm của chính mỗi người, cư xử thân ái, ôn hoà, yêu thương. Và cầu nguyện Thượng Đế hãy đem hoà bình đến cho nhân loại, hoà bình sẽ có ngay tức thì.



7- Thanh toán bù trừ.

Thanh toán bù trừ không đại diện cho một thời kỳ, nhưng là luật bù trừ.

Trong thời kỳ này, các thể lực tâm linh sẽ vận dụng luật nhân quả, luật ân điển và luật hữu vi để vận hành luật bù trừ. Thượng Đế, ứng dụng luật thanh toán luật bù trừ nhằm tái cân bằng mọi sự việc còn nhiều bất cập đã và đang ra trên Trái đất. Từ nay cho đến ngày phán xét, các thể lực của Thượng đế, sẽ can thiệp tái phân phối và điều tiết mọi thứ từ; tri thức ánh sáng cho đến thời tiết, khí hậu, quyền lực, tài nguyên Trái đất, của cải của loài người. Phân phối lại toàn bộ mọi thứ, từ nơi thừa đến nơi thiếu, từ nơi nhiều đến nơi ít, từ người này sang người khác, từ vùng này sang vùng khác, từ nước này sang nước khác. Luật bù trừ của Thượng Đế, sẽ giúp cho mọi người trên toàn cầu có được một đời sống đầy đủ, tốt đẹp và cân bằng hơn.

Nói như vậy không có nghĩa là trước đây khi chưa áp dụng luật bù trừ, Thượng Đế đối xử thiên vị, thiếu công bằng với con người. Thượng Đế luôn yêu thương và hành xử tuyệt đối công bằng với tất cả mọi linh hồn. Nhưng trong các thời kỳ trước là thời gian con người trải nghiệm mặt trái Thiên đàng, trải nghiệm tiêu cực. Vì vậy, Thượng Đế đã áp dụng luật định mệnh, kết hợp với luật nhân quả và luật vô vi điều hành thế giới. Mọi thứ xảy đến cho con người trước đây là được hay mất, có hoặc không, đều do con người tự quyết định. Nhưng trước đây chúng ta không thấy được sự công bình của Thượng Đế, vì chúng ta đã quên đi quá khứ và không biết mình đã chọn điều gì trong tiền kiếp. Chúng ta nên hiểu rằng, Thượng Đế chỉ là người mang đến thứ mà con người đã chọn lựa theo ý muốn của họ trong tiền kiếp, tuyệt đối công bằng không thiên vị. Nhưng đó là những việc làm của các thể lực Thượng Đế, nhằm thực hiện luật công bình trong quá trình tiến hoá của Nhân loại thời kỳ trước 2012.

Ngày nay, thế giới đã bước qua thời kỳ tiếp nhận ánh sáng, ân điển, hữu vi, bảo bình và con người không còn bị luật định mệnh và nghiệp quả chi phối. Vì vậy,

Thượng Đế sẽ thực hiện luật công bình dựa trên luật nhân quả tức thời và luật thanh toán bù trừ trong minh bạch mà con người có thể trông thấy và nhận biết.



VII - Những điều liên quan trong thời đại mới.

Nhân loại vừa trải qua một thời kỳ quá nhiều đau khổ trong bóng tối và nhờ ơn Thượng đế mọi sự đã qua, giờ là lúc mọi thứ sẽ thay đổi. Nhưng thực ra trong hiện tại mọi sự chỉ bắt đầu, bởi thực hiện một kế hoạch dù lớn hay nhỏ đều phải có thời gian và trình tự. Kế hoạch đưa con người trở về nhà của Thượng Đế là một kế hoạch vĩ đại và toàn tri, vì vậy mọi việc diễn ra đã nằm trong lộ trình của Ngài.

“Tôi không bao giờ tin Đức Chúa Trời chơi xúc xắc với thế gian này.”

Albert Einstein.

Vì vậy, những thập niên đầu của thế kỷ 21, chúng ta vẫn phải sẽ còn chứng kiến nhiều bất ổn, nhiều tội ác xảy ra trên thế giới. Chúng ta vẫn còn phải chứng kiến nhiều việc làm gây bất ổn, chia rẽ, xung đột vì tham vọng và lợi ích, bởi các tập đoàn cầm quyền tham lam, ích kỷ, tối tăm. Chúng ta còn phải chứng kiến nhiều tiêu cực xảy ra như: chiến tranh, xung đột, giết người cướp của, trộm cắp, biển lận, hiếp dâm, bạo hành, đàn áp vv...

Thời đại mới đã đến, nhưng vẫn còn nhiều tiêu cực xảy ra vì hai nguyên nhân.

-Thứ nhất, chúng ta biết rằng từ những năm đầu của thế kỷ 19 dân số thế giới chỉ khoảng 1 tỷ người, nhưng cho đến nay đã lên đến hơn 7 tỷ người. Trong vòng hơn 200 năm, nhưng có đến sáu tỷ linh hồn đến với trái đất đầu thai làm người. Nhưng trong số này ước chừng đã có đến hơn một nửa là những linh hồn mới, số còn lại là những linh hồn đến từ những hành tinh khác tiếp tục trải nghiệm. Trải nghiệm là một quá trình dài lâu và gian nan, thông qua rất nhiều kiếp làm người. Số những linh hồn đã trải nghiệm đang dờ tại những sự sống đi trước chúng ta, đã đến Trái đất tiếp tục trải nghiệm là những linh hồn già, có nhiều kinh nghiệm và khôn ngoan. Nhưng với số linh hồn mới, họ chỉ mới trải qua vài ba kiếp làm người, nên họ vẫn còn là những linh hồn non trẻ. Thời gian trải nghiệm của họ là

chưa nhiều, vì vậy họ sẽ không đủ khôn ngoan để tránh khỏi những suy nghĩ và hành động tiêu cực.

-Thứ 2, trong thực tại của thế giới có rất nhiều linh hồn non trẻ đang hiện hữu chung quanh chúng ta và mục đích chính của họ là tìm kiếm những trải nghiệm tiêu cực như thế nào?. Tìm kiếm cái mà linh hồn họ đã từng ước muốn trước khi đi đến thế giới này. Nhưng không là tìm kiếm sự thức tỉnh như thế nào?. Chúng ta cần ý thức rằng; chưa đến lúc để họ tìm kiếm sự thức tỉnh, nếu muốn họ cũng sẽ không được các thể lực của Thượng Đế trợ giúp. Sự thức tỉnh của những linh hồn non trẻ sẽ phá hoại mục đích chính của họ và ảnh hưởng đến kế hoạch của Thượng Đế.

Chúng ta hãy chấp nhận thực tại và hãy chúc phúc cho họ nhưng không cần phê phán hay lên án họ. Bởi hình ảnh của họ hôm nay cũng chính là hình ảnh của chúng ta trước đây, những hành động của họ hôm nay cũng là những hành động mà ta đã từng thực hiện trong nhiều kiếp trước. Nếu chúng ta chưa bao giờ hành động trông giống họ như hôm nay, chúng ta sẽ không bao giờ thức tỉnh như hôm nay. Nếu chúng ta chưa học hết các bài học bóng tối, các thể lực tâm linh sẽ không giúp chúng ta học bài học ánh sáng. Bàn luận, phê phán, chỉ trích, phần lớn là thói quen tán gẫu, câu chuyện làm quà, phiếm bàn về việc của người khác không ảnh hưởng đến ta, nhưng dù sao thì đó vẫn là hành vi tiêu cực. Sức mạnh phá hoại của sự bàn tán vô trách nhiệm là không thể lường hết. Phê phán, chỉ trích, lên án, thể lý hay việc làm của người khác vì lợi ích bản thân, là thể hiện sự ích kỷ, ganh ghét, tự cao và là hành động rất tiêu cực. Xét đoán không bao giờ mang lại kết quả tích cực cho người khác hay cho chính mình. Vì khi ta tiến hành nói xấu, vu khống, chỉ trích, bôi nhọ người khác tức là ta đã gởi cho họ một loạt năng lượng tối và nguồn năng lượng này cũng sẽ phản hồi lại cho ta. Trong thời kỳ ân điển này, thay vì lên án, chỉ trích người khác, ta nên chúc phúc cho họ, bởi chúc phúc cho người khác cũng tức là chúc phúc cho chính mình. Hơn thế nữa, chúc phúc cho người khác không làm mất nhiều thời gian quý báu của ta và tư tưởng của ta cũng sẽ không bị mệt mỏi vì bị vướng bận bởi những vấn đề của người khác nhưng ta không giúp được gì.

Phê phán, lên án, chỉ trích, tư tưởng, hành động của người khác, có khi là sai lầm của chính ta, nhưng không là sai lầm của họ. Chúng ta phê phán người khác là không có lịch sự, không điềm đạm, không hài hoà, không có lòng thương xót,

không có lòng từ bi, bác ái vv...có khi chỉ là do chủ quan, võ đoán của chính ta, nhưng không là hiểu biết thấu triết bản chất sự thật của vấn đề.

Ví dụ; Cùng lúc ta và một người khác đang đói, với ta, thì ta có thể vào quán chọn ăn phở hoặc ăn cơm nhằm giải quyết cái đói, nhưng người đó lại không làm như ta mà thay vào đó họ lại chọn cách xin ăn, hoặc có thể cướp giật của người khác để ăn. Sự việc từ trong ví dụ này, nói cho chúng ta biết rằng, không phải vì người đó không có ý muốn hành động giống như ta, nhưng vì thời điểm đó trong túi họ không tiền. Vậy hỏi một người trong túi không có một xu làm thế nào mà người đó dám thực hiện việc vào quán ăn uống như ta.

Ví dụ; Cùng lúc ta và một người khác nghe một người nước ngoài hỏi chuyện, riêng ta, ta đã nghe và trả lời với người khách, nhưng người đó chẳng những không tham gia mà thay vào đó là chửi thề. Sự việc từ trong ví dụ thứ hai này, chỉ cho chúng ta biết rằng, không phải người cùng với ta không có ý muốn thể hiện sự hiểu biết của mình cho người khác thấy. Nhưng vì trong thời điểm đó họ không hiểu ngôn ngữ của người khách, không hiểu người khách nước ngoài nói gì. Vì vậy, thay vì tham gia trả lời cho người khách cùng với ta, họ lại chửi thề vì bức bối, vì cảm thấy mình bị tổn thương, vì sợ người khác coi thường. Tâm lý phản vệ thiếu ý này xảy ra vì rất nhiều nguyên nhân, vì vậy những hành vi mà họ đã thể hiện không thể chứng minh đó là ý muốn thực sự của họ.

Trong thực tế sống chúng ta phải biết rằng, bất cứ ai cũng muốn thể hiện mình là người tốt, hành động đúng đắn, nói năng ôn tồn lịch sự, ai cũng muốn thể hiện được bản thân mình trong con mắt của người khác **“có tức không ai muốn làm kẻ trọc đầu”**. Nhưng thực ra con người ta muốn làm một việc gì, thực hiện bất cứ một hành động nào, không phải chỉ có muốn là được. Muốn là một việc, thực hiện được hay không là một việc khác. Người ta chỉ có thể sử dụng cái người ta có, nhưng không thể sử dụng cái người ta không có. Khi mà thời điểm con người ta chưa kinh nghiệm qua, chưa trải nghiệm tới, không có dữ liệu về cái họ muốn, về cái mà chúng ta gọi là lịch sự, điềm đạm, hài hoà, lòng thương xót, lòng từ bi, bác ái... vậy hỏi lấy gì họ đem ra sử dụng. Vì vậy, khi chúng ta chê trách, phê phán lên án người khác là chúng ta đã hành xử theo định kiến chủ quan của ta. Và từ định kiến chủ quan của ta, ta áp đặt ý muốn của ta lên người khác, làm cho chúng ta trở thành kẻ võ đoán, tự cao, tự mãn.

Phê phán, lên án, chỉ trích, tư tưởng hành động của người khác tương tự như một người đã từng sống trong nghèo khó, đã từng ăn mày tình thương của nhiều người. Nhưng khi người này vừa mới làm ăn khá khá, có được chút đỉnh tiền bạc, đã vội quên đi quá khứ và sẵn sàng phê phán, khinh bỉ, xa lánh những người nghèo khó. Không lên án, không phê phán người khác, không có nghĩa là ta đạo đức giả, cũng không có nghĩa là ta tốt đẹp hơn họ, hoặc bao dung cho họ, nhưng là ta đồng cảm với họ. Vì ta biết, ta cũng đã từng như họ hôm nay, vì ta biết ta và họ là từ một cội nguồn.

Trong những năm đầu của thế kỷ 21, người làm công tác phụng sự ánh sáng, phụng sự tâm linh chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn bởi nhóm linh hồn mới. Vì họ sẵn sàng công kích, đã phá, từ chối nghe bất cứ sự thật nào, họ thậm chí sẽ chửi rủa, lên án những ai nói đến tâm linh, nói đến sự thật. Nhưng sứ mệnh của những Lightworker đã được Thượng Đế giao phó vẫn phải tiến hành, mặc dù trên hành trình của họ trong thời điểm hiện tại không hề dễ dàng.

Trong thực tế những ai có cơ may tiếp cận được với Thượng Đế hoặc cá nhân các chân sư đều có nguy cơ tưởng tượng rằng mình là người đặc biệt. Nhưng trong đó cũng có một số ít người ban đầu được cá nhân các chân sư dìu dắt rất tận tình. Nhưng thời gian sau đó họ nhận được những thông điệp kỳ lạ và không còn được minh triết như lúc đầu. Vì vậy số người này cho rằng họ đã bị gặp phải chân sư giả và các thông tin họ nhận là giả ánh sáng. Họ cho rằng hành động trên là do các thể lực tối từ những sự sống ngoài Trái đất thực hiện vì một mục đích nào đó. Nhiều người vẫn luôn cho rằng các thể lực này làm như vậy là nhằm muốn không chế và tước đoạt năng lượng ánh sáng của họ. Mà đúng như vậy thật, bởi họ luôn phải nhận được các thông tin nhiễu loạn, từ đó họ không thể nhận ra đâu là sự thật. Thực ra, trong thế giới của Thượng Đế không cái gọi là ánh sáng giả, tương tự như vậy không có cái gọi là sự thật giả. Ánh sáng luôn là ánh sáng, tương tự như vậy sự thật luôn là sự thật. Bên kia ánh sáng là bóng tối, bên kia sự thật là điều không thật. Tất cả mọi nguồn thông tin được gửi đến cho con người từ ngoài Trái đất, đều do các chân sư thực hiện. Tương tự như vậy, chân sư là chân sư không có chân sư giả hoặc chân sư chưa đủ trình độ hay chân sư bóng tối. Chân sư là bậc thầy về sự thật, mà sự thật là ánh sáng.

Thực ra chỉ có những người tâm địa không trong sáng mới bị nhận những thông điệp tối, còn được gọi là thông tin nhiễu loạn. Nguyên nhân bắt nguồn từ sự lạc

lỗi của chính họ. Thông thường chỉ có những ai đã trải nghiệm đầy đủ các tính cách mặt trái Thiên đàng và có ý thức giác ngộ mới được các thế lực tâm linh hiệu chỉnh. Hiệu chỉnh là nhằm giúp họ có thể tiếp nhận được thông tin ngoại cảm và từ đó sẽ có cơ hội tiếp cận sự thật. Ban đầu là như vậy, nhưng sau khi đã được hiệu chỉnh có một số người đã quên đi mục đích của chính mình và lạc lối vì mục đích tiêu cực nào đó như; lợi ích, tham vọng hay quá tự cao, tự mãn. Nó là nguyên nhân họ nhận thông điệp tối nhằm thức tỉnh họ lại một lần nữa.

Ngoài ra còn một lý do khác quan trọng hơn mà các bậc thầy dẫn dắt tâm linh hướng đến nhằm giúp người đệ tử trưởng thành hơn trong nhận thức và hành động. Thông thường ban đầu các bậc thầy dẫn dắt người học trò bằng các thông điệp rất minh triết và chứa đựng nhiều sự thật, kể cả các thông tin tiên tri mang tính cá nhân của người học trò. Nhưng càng về sau những thông điệp của người thầy càng lúc càng khó hiểu, thật giả lẫn lộn, trong đó có cả những thông điệp mang tính đe dọa thấp kém sai sự thật. Vì sao các bậc thầy lại có những hành động kỳ lạ như vậy? Câu trả lời thật đơn giản là; chỉ vì người thầy muốn nhìn thấy người đệ tử của mình, tự đứng trên đôi chân của mình, không phụ thuộc vào người thầy trong ý thức và hành động. Điều mong ước lớn lao nhất của người thầy là được nhìn thấy người học trò của mình trưởng thành hơn trong nhận thức, phải tự biết phân biệt và khẳng định đâu sự thật, đâu là điều không thật. Người thầy muốn ở người học trò phải tự tin với hiểu biết chân thật của chính mình, không bị phân tâm, không bị lay động tư tưởng bởi các thông tin sai sự thật, do từ người thầy gợi đến hay do từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà người học trò tiếp nhận được. Tóm lại người thầy dẫn dắt tâm linh luôn có những hành động theo nhiều cách khác nhau nhằm giúp người học trò của mình không bị phụ thuộc bất cứ ai. Giúp người học trò trưởng thành hơn trong nhận thức và hành động bằng sự tự tin và tự do hoàn toàn trong nhận thức nhằm sáng tạo ra bản ngã cho chính người học trò.

Để có thể khẳng định không có cái gọi là ánh sáng giả, chân sư giả hay thế lực tối ngoài Trái đất. Chúng ta cần phải nhận ra một sự thật, người làm chủ và sử dụng được công nghệ siêu sóng não để gửi thông tin đến cho con người, không thể là người trong các nền văn minh tiến hoá thấp. Nhưng tất cả họ đều là những người trong các nền văn minh tiến hoá cao, tất cả họ là chân sư, là Thần thánh, là những người thức tỉnh hoàn toàn. Một người thức tỉnh hoàn toàn không bao giờ vì danh vọng, vì lợi ích bản thân và không bao giờ làm bậy vì thiếu ý thức. Chỉ có con

người trong tình trạng quên lãng thể tục mới vì danh vọng, vì lợi ích và làm bậy vì thiếu ý thức. Tất cả mọi hành động của các thể lực tâm linh trong vấn đề này đều xuất phát từ ý muốn và hành động của chính ta. Vì vậy trước khi trách Họ, ta hãy nhìn lại chính mình “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân”.

Vì vậy, nếu ai tự cho mình là cao siêu, minh triết, đặc đạo – tự cho ta là người được Thượng Đế quan tâm nhất và có suy nghĩ mình đã được giải thoát sẽ là không thực tế. Tư tưởng đở đầu như vậy sẽ không có lợi cho quá trình tiến đến giải thoát của chính ta. Từ những suy nghĩ sai lệch thực tế về bản thân, có thể dẫn ta đến với sự tự cao, tự mãn, không coi ai ra gì và sẽ tự cho mình là người hiểu biết, thông tuệ hơn người khác. Tự cao, tự mãn là tự kết thúc tiến trình mở rộng tri thức, hiểu biết, trí tuệ của chính mình. Tự cao, tự mãn là tự kết thúc tiến trình tìm kiếm sự thật và đóng khung tư tưởng của chính mình trong định kiến.

Chinh phục đỉnh cao của trí tuệ, tương tự như nhà leo núi luôn ham muốn chinh phục những đỉnh núi mới, cao hơn các đỉnh núi đã chinh phục qua. Khi một nhà leo núi, đã đạt đỉnh của một ngọn núi, thì dù có tiếp tục với bất cứ lối nẻo nào vẫn là đi xuống, không bao giờ là lối đi lên. Vì vậy, nếu nhà leo núi vẫn còn muốn tiếp tục với đam mê chinh phục những đỉnh núi khác cao hơn, bắt buộc họ phải rời bỏ đỉnh núi mà mình đã chinh phục, trở lại mặt Đất. Trường hợp con người trên hành trình chinh phục đỉnh cao trí tuệ cũng vậy. Một vài hiểu biết, một vài chục hiểu biết, một vài trăm hiểu biết, một vài ngàn hiểu biết chưa phải là hiểu biết tất cả, nhưng cũng chưa chắc chắn là những hiểu biết của ta, tất cả là sự thật. Sự hiểu biết trong ý thức nhận biết của trí tuệ mà Thượng Đế trao cho con người là vô tận. Nhưng những hiểu biết của ta trong thời kỳ quên lãng thực sự rất hạn hẹp. Nếu chúng ta không ý thức rõ ràng về vấn đề này, rất có thể nó là nguyên nhân đưa ta vào con đường tự cao, tự mãn và đánh mất sự khiêm tốn cần thiết trên con đường hành đạo. Tự cao, tự mãn là đóng khung tư tưởng hiểu biết trong quá khứ, là sống với quá khứ bỏ quên hiện tại và không tiếp tục sáng tạo tương lai. Tư tưởng tự cao, tự mãn tương tự như nhà leo núi đã chinh phục xong một ngọn núi, nhưng không trở lại mặt đất mà tiếp tục sống ở đó để tự tận hưởng niềm vinh quang của mình.

Người phụng sự ánh sáng, phải là người luôn ý thức được sự thật, không phân biệt đối xử và không chia tách nhị nguyên. Người phụng sự ánh sáng, phải là người luôn có cái tâm trong sáng, đầy tình yêu thương, vui vẻ, chan hoà, không

tự cao, tự mãn và không chấp nhận. Jiddu Krishnamurti là một tiêu biểu về nhân cách người thầy dẫn dắt trong thời đại mới. Ông ta cư xử với một lãnh đạo cao cấp cũng giống như với một người bình thường, xét trên mọi góc độ hình thức cũng như nội tâm. Ông ta đã phủ nhận tất cả mọi thứ bậc tinh thần và chối bỏ rất nhiều thứ, điển hình là giải tán dòng tu năm ngôi sao có sẵn 3000 tín đồ đang chờ đợi sự lãnh đạo của Ông. Ngoài ra Ông ta còn không bao giờ tự nhận mình là một chân sư được phái đến từ Nước Trời và cũng không nhận bất cứ một đệ tử nào.

Trong thời kỳ trước, khi các chân sư đến Trái đất thực hiện sứ mệnh rao giảng chân lý, đồng thời Họ phải vừa thực hiện cái gọi là phép màu nhằm tạo cho con người niềm tin. Vì đời sống của Nhân loại trong các thời kỳ trước rất lạc hậu, lạc hậu về ý thức, lạc hậu về công nghệ và mọi mặt đời sống. Cho nên các chân sư phải thể hiện nhiều hình thức công nghệ siêu việt ngoài sức hiểu biết của con người ngày đó, nhằm tạo ra một sự khác biệt về thân phận của Họ. Nhưng trong những thập niên gần đây và ngày nay điều đó đã trở nên không cần thiết, các chân sư đến trần gian là chỉ để rao giảng sự thật.

Trên thực tế, Thần thánh thể hiện quyền phép cũng có nghĩa là Thần thánh thể hiện một diễn đạt của công nghệ. Ngày nay, các chân sư rất ít khi thể hiện cái gọi là quyền phép là nhằm tránh cho con người tiếp tục duy trì những niềm tin sai lệch về sự siêu hình của Họ. Điển hình là việc hiệu chỉnh cho những người thức tỉnh trong thời gian này, hiệu chỉnh thực ra chỉ là một hình thức chữa bệnh không hơn không kém. Nhưng khi các Thiên thần thực hiện công việc chữa bệnh thường sẽ rất nhẹ nhàng và hầu như mọi người bệnh không hề hay biết là mình đang được chữa bệnh. Nhưng ngược lại khi tiến hành hiệu chỉnh cho ai đó, người được hiệu chỉnh sẽ rất đau đớn về thể xác lẫn tinh thần đôi khi sự đau đớn kéo dài trong nhiều tháng.

Trên thực tế với khả năng tri thức cộng với công nghệ siêu đẳng của Họ thì việc hiệu chỉnh cho con người không gây ra đau đớn là một việc làm hết sức dễ dàng. Đơn giản nếu Họ tiến hành công việc hiệu chỉnh trong giấc ngủ và gây mê trước khi hành động, chắc chắn chúng ta sẽ không phải trải qua sự đau đớn. Nhưng Họ đã không làm như vậy; để cho người được hiệu chỉnh trải qua nỗi đau thể xác theo lộ trình và kết thúc một cách nhanh chóng như chưa hề có điều xảy ra. Là nhằm mục đích tạo cho người được hiệu chỉnh nhận thức rõ ràng hơn, rằng đã có

một can thiệp của các thể lực tâm linh. Nhận thức về một can thiệp của công nghệ siêu đẳng và sự hữu hình của Họ, thông qua việc làm siêu hình.

Trong thời kỳ ánh sáng Thượng Đế và các chân sư luôn mong muốn con người tiếp nhận được ánh sáng sự thật, nhằm xoá bỏ những niềm tin sai lầm lạc lối. Vì vậy, trong thời gian này những người phụng sự ánh sáng “Lightworker” có thể tiếp cận với các Đấng thông qua đường truyền siêu sóng não. Nhưng đừng quá mong chờ và ước muốn quá nhiều rằng mình sẽ sở hữu một quyền phép nào đó. Vì trên thực tế nếu ai đó có thể thực hiện được một quyền năng nào đó như nói tiên tri, sử dụng nhân điện chữa bệnh trong lúc này, không phải là tự thân họ làm nên được điều đó. Thực ra mọi quyền phép con người sở hữu và thực hiện được trong lúc này, tất cả đều phụ thuộc vào sự trợ giúp của các thể lực người ngoài Trái đất, thông qua công nghệ. Một tư tưởng, một việc làm, một hành động phụ thuộc, cho dù phụ thuộc vào bất kỳ người nào kể cả Thượng Đế không bao giờ là con đường đi đến giải thoát.

Người phụng sự ánh sáng là người dìu dắt những người đang trong bóng tối đến với ánh sáng. Khi ta truyền đạt tri thức ánh sáng, những linh hồn già tự khắc sẽ ý thức được đâu là sự thật, nhưng những linh hồn non trẻ có thể sẽ tìm cách phản bác và chống lại ta. Nhưng để có thể nhận biết được đâu là một linh hồn già và đâu là một linh hồn non trẻ chúng ta không thể đánh giá họ từ phía bên ngoài. Một người thầy chùa, một hoà thượng, một linh mục, một mục sư, một người tu hành chưa chắc là một linh hồn già. Nhưng có khi, linh hồn già là một thương nhân, một bác sĩ, một luật sư, một người đập xích lô, một người nông dân nghèo khó... Vấn đề, để có thể nhận biết đâu là một linh hồn già, đâu là một linh hồn non trẻ, sẽ phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm quan sát và nhận định của một Lightworker.

Vì vậy, ta phải ý thức là không nên tranh cãi, không hơn thua với những linh hồn non trẻ, hay bất cứ một người nào không đồng quan điểm với ta, nhưng là chúc phúc cho họ. Tuy nhiên, ta phải nhớ rằng ta không thể truyền đạt những gì mà ta đã không tuyên bố là của riêng ta, bởi mọi sự nghi ngờ không bao giờ là sự thật. Tự tuyên bố là của riêng ta trước khi truyền đạt còn được biết đến như là một sự thể hiện bản ngã, trên nền tảng chân ngã của chính ta. Ta chỉ nên truyền đạt những gì ta hiểu biết, đã ý thức thấu triệt trên nền tảng của sự thật, ta không nên nói nhiều đến những điều ta chưa hiểu biết thấu đáo, chưa ý thức rõ ràng. Bởi nếu

ta nói nhiều đến điều ta chưa hiểu hết, chẳng những ta không giúp được người khác, trái lại còn gây cho người khác sự nhầm lẫn và lạc lối trong nhận thức. Ví dụ: Khi ta đề cập đến vấn đề luân hồi, nhưng ta giảng giải theo cách cũ bằng nhận thức 3d lỗi thời. Trong đó ta đề cập đến Thiên đàng, Địa ngục, cưa xẻ trừng phạt, ban thưởng là sai với sự thật. Nếu ta làm như vậy cũng có nghĩa là ta cố ý thể hiện sự hiểu biết của mình cho người khác nhằm loè bịp người khác, cố ý gây ấn tượng cho người, nhưng không trên nền tảng chân thật.

Có thể những gì ta nói không dựa trên nền tảng của sự thật, người tiếp nhận không thể nhận biết, nhưng chắc chắn Thượng Đế biết. Vì vậy nếu ta còn yêu quý, tôn kính Thượng Đế và còn muốn tiếp tục tiến hoá trên hành trình tìm kiếm sự giải thoát ta sẽ không làm như vậy. Truyền đạt nhưng không áp đặt, truyền đạt nhưng không trói buộc mà giúp cho người được truyền đạt có được một không gian suy tưởng tự do hoàn toàn trong nhận thức. Người tiếp nhận thông điệp, ý thức được bao nhiêu không quan trọng bằng thông điệp được gởi đi chứa đựng được bao nhiêu sự thật.

Ngoài ra chúng ta còn phải biết phân biệt thế nào là một người thăng thiên, thức tỉnh? Thế nào là một Lightworker? Thế nào là một Lightworkers' Guidelines? Như đã biết tất cả mọi người không loại trừ bất cứ người nào, sau khi đã trải nghiệm đầy đủ mặt trái Thiên đàng và thông qua nhận xét của các thể lực Thượng Đế xác định đủ. Khi đó những người này sẽ được các thể lực tâm linh hiệu chỉnh, nhằm giúp cho họ thăng thiên, thức tỉnh. Thượng Đế thực hiện việc hiệu chỉnh cho ai đó là trợ giúp cho người đó thức tỉnh được chính mình nhằm tiếp cận sự thật và có những hiểu biết cần thiết để hiện thực việc trải nghiệm tích cực của chính người đó. Nhưng không phải tất cả những người được hiệu chỉnh đều là Lightworker. Hiệu chỉnh là đặc ân của Thượng Đế dành cho tất cả những ai đã trải nghiệm bóng tối đầy đủ, nhưng không là đặc ân dành riêng cho bất cứ người nào. Người được chọn làm Lightworker là những người đã từng theo đuổi tâm linh, là các chức sắc tôn giáo và là những người có kinh nghiệm rao giảng trước công chúng từ trong tiền kiếp.

Vì vậy, trong hiện tại họ phải là những người có trách nhiệm hơn với chính mình, với cộng đồng và với trước Thượng Đế. Nhưng không là những linh hồn đặc biệt hơn, cao quý hơn những linh hồn khác. Chúng ta phải biết rằng, trong thế giới của Thượng Đế không có linh hồn nào lại cao quý hơn linh hồn nào, không có

linh hồn nào lại đặc biệt hơn linh hồn nào. Nhưng là linh hồn có trách nhiệm cao hơn đối với cộng đồng, với toàn bộ sống trong Vũ trụ. Tương tự như vậy, Lightworker là những người phải có trách nhiệm với chính mình và với cộng đồng, nhưng không là người đặc biệt hơn. Lightworker là những người tiếp tay cùng các thế lực của Thượng Đế truyền đạt những thông điệp ánh sáng phục vụ cộng đồng. Lightworker là công nhân ánh sáng, lao động ánh sáng là những người vì ánh sáng vì sự thật phục vụ cộng đồng. Nhưng không là người phải có trách nhiệm tìm kiếm sự thật, không là người phát ngôn những sự thật đã bị các thế lực của Thượng Đế che giấu lâu nay. Lightworker trong thời đại mới tương tự như các môn đồ của Đức Phật, các môn đệ của Đức Chúa Giê-su trước đây. Họ phải là những người đầu tiên nhận thức thấu triệt, hiểu biết thấu đáo về tư tưởng, về chân lý của Đức Phật, của Đức Chúa đã truyền đạt cho họ. Và từ trên nền tảng hiểu biết đó họ sẽ rao giảng, truyền đạt những chân lý, những sự thật này cho các tín đồ, cho cộng đồng. Mặc dù cả cuộc đời của họ luôn phụng sự chân lý, luôn nói về sự thật nhưng họ không phải là người phát ngôn đầu tiên về sự thật, về những chân lý tối hậu và về những gì họ hiểu biết sau khi được truyền đạt. Vì họ không phải là sứ ngôn nhận sứ mệnh từ Thượng Đế giao phó.

Lightworker hay bất cứ một người nào trong thế giới này, có quyền tìm kiếm sự thật cho chính mình. Nhưng không nên sử dụng hiểu biết định kiến lỗi thời của mình kết hợp với những kiến thức mới của người khác sáng chế, xào nấu tạo ra những phát ngôn, tạo ra những bài viết, tạo ra những cuốn sách không trên nền tảng sự thật. Vì những việc làm này sẽ gây tác hại cho chính họ và người khác, nó là nguyên nhân tạo ra nhận thức sai lầm cho người tiếp cận. Trong vô tình họ đã dẫn dắt người tiếp cận thông tin do họ sáng chế ra, tự thay đổi hình thức mê tín cũ của mình, chuyển sang một hình thức mê tín mới. Một người bình thường, một người đã được hiệu chỉnh, một Lightworker nói rằng tôi không biết những điều tôi chưa biết, nói rằng tôi chưa hiểu hết, chưa thấu triệt hết về một điều nào đó sẽ không có ai chê trách họ và Thượng Đế cũng không phiền lòng. Ngược lại, họ sẽ nhận được sự quý trọng của nhiều người vì đức khiêm tốn của chính mình. Nhưng nếu họ không biết, không ý thức thấu triệt sự thật, mà lại nói dối theo cách của mình, cố gắng thể hiện mình là người hiểu biết, tự cho mình là người thông tuệ, cũng tức là họ cố gắng thể hiện sự tự cao, tự đại của họ nhằm tìm danh vọng và làm hại cho người khác trong sự ham muốn ích kỷ của họ.

Riêng Lightworkers' Guidelines thực chất là những người hướng dẫn, dẫn dắt Lightworker cũng có nghĩa họ là các chân sư, đạo sư, các bậc thầy dẫn dắt tâm linh vô hình hoặc hữu hình.

Trên thực tế, Thượng Đế đã sắp đặt mọi điều rất hoàn hảo và toàn tri. Trong thời điểm hiện tại, những linh hồn non trẻ lại là cứu cánh cho những linh hồn già đã thức tỉnh. Những suy nghĩ và hành động tiêu cực của các linh hồn non trẻ là cơ hội cho những linh hồn già trải nghiệm tích cực. Tất cả mọi suy nghĩ sai lầm, mọi hành động tội lỗi, xấu xa, tâm tối của họ là cơ hội cho những linh hồn già thể hiện cái gọi là tấm lòng từ bi, bác ái, bao dung, tha thứ... của mình đối với người khác. Tóm lại, họ chính là những người tạo ra cơ hội cho những linh hồn già trải nghiệm các tính cách tích cực.

Chúng ta luôn nhận thấy một điều; khi một sự ác xảy ra và kết thúc là mầm của một sự thiện phát sinh và nảy nở. Đằng sau một hành động sai phạm, tội lỗi của chính mình có thể là sự ăn năn, ray rức, hối lỗi. Đằng sau một hành động tội ác của chính ta, có thể không có ai hay biết, nhưng sẽ có sự nhìn nhận, quan sát, phân tích, chỉ trích, lên án của người khác.

- Ví dụ: Vụ án 5 thanh niên hiếp dâm cô gái trên xe buýt xảy ra ở Delhi, Ấn độ.

Tội ác xảy ra là điều không ai mong muốn, ngay bản thân của những người trực tiếp phạm tội chưa chắc đã mong muốn điều đó. Gần như tất cả mọi việc kể cả tội ác xảy ra vì sự sợ hãi, lòng ham muốn hoặc từ nhu cầu sống của con người đều phụ thuộc vào dữ liệu mà họ có được. Tất cả mọi vụ án hiếp dâm xảy ra cũng phụ thuộc vào dữ liệu can phạm có được. Chúng ta nhận thấy rằng đối với những người sở hữu được nhiều dữ liệu thì việc để thỏa mãn một ham muốn tình dục là điều hết sức dễ dàng đối với họ. Họ có thể hoạt động tình dục với người vợ, người tình thậm chí với những cô gái bán dâm xinh đẹp nếu muốn. Nhưng thường thì một người hoạt động tình dục thường xuyên và đầy đủ, nhu cầu của họ gần như luôn được đáp ứng, cũng tức là họ đã có được sự bảo hoà trong ham muốn. Vì vậy đối với nhóm người có nhiều phương tiện và dữ liệu họ sẽ không dễ xảy ra việc bị phạm tội hiếp dâm hay cưỡng dâm.

Nhưng đối với nhóm người thiếu phương tiện và dữ liệu trầm trọng sẽ khác. Nhu cầu tình dục luôn trỗi dậy và thúc giục trong họ, nhưng họ lại phải luôn khống chế, kìm hãm một cách cưỡng bức cảm xúc tự nhiên của mình. Họ không biết

phải làm cách gì để giải quyết những cảm xúc ham muốn luôn hiện hữu trong họ. Bởi họ không có được vợ, bạn tình, không có tiền để mua dâm. Ngoài ra những phong tục, tập quán, lễ nghi, tôn giáo và nhiều vấn đề khác thuộc tinh thần luôn trói buộc cảm xúc của họ. Vì vậy khi các cảm xúc trong họ bị dồn nén đủ lâu, đủ lớn, đến đỉnh điểm tự nó sẽ vỡ ra và khi đó họ sẽ không còn kiểm soát được chính mình. Và việc gì đến sẽ phải đến, lúc này họ sẽ bất chấp niêm sao thoả mãn được ham muốn đã bị dồn nén quá lâu trong họ. Người thực hiện hiệp dâm, cưỡng dâm luôn là những người thiếu dữ liệu và bị dồn nén tâm lý, cảm xúc quá lâu, quá lớn.

Dữ liệu cũng có nghĩa là thông tin là kiến thức, tri thức là công cụ tạo ra phương tiện cho mọi nhu cầu sống. Ví dụ; Cùng lúc hai người đều bị thất nghiệp, nhưng một người có hai bằng đại học, người còn lại văn hoá chỉ đến lớp ba. Nhưng để giải quyết nhu cầu sống thực tại buộc họ phải có tiền. Người có hai bằng đại học khi mất việc làm này, họ có tìm một công việc khác phù hợp với khả năng và trình độ của họ, có thể thu nhập sẽ thấp hơn nhưng đổi lại họ tiếp tục có việc làm. Nhưng với người trình độ lớp ba họ thực sự rất khó khăn trong vấn đề tìm kiếm một công việc khác. Vì vậy, một khi bị mất việc quá lâu, đồng thời nhu cầu sống của họ là không thể không đáp ứng nên có thể dẫn họ đến hành động tiêu cực. Ví dụ; Cùng lúc hai người đều bị người yêu phụ bạc, nhưng người từng trải hơn, kinh nghiệm sống phong phú hơn, giao tiếp rộng rãi hơn sẽ sớm khắc phục được nỗi đau mất người yêu. Riêng người kia ít từng trải, kinh nghiệm sống nghèo nàn, quan hệ sống khép kín rất dễ dẫn đến thất tình, trầm cảm hoặc tự sát. Nói chung tất cả mọi thứ có liên quan trong sống, như tri thức, kiến thức, kinh nghiệm, cảm nghiệm đều là dữ liệu.

Trở lại câu chuyện hiệp dâm tại Ấn Độ là tội ác không ai mong muốn. Nhưng kết quả của nó lại khơi dậy tình yêu thương và sự đồng cảm của rất nhiều người dành cho cô gái và những thân phận gặp chuyện không may tương tự như cô gái. Hành động vô cùng tiêu cực này đã khiến cho nhiều người trên thế giới quan tâm và nó có thể là nguyên nhân khiến cho nhiều người suy nghĩ một cách nghiêm túc về vấn đề tình dục của con người.

Quả thực, tình dục là món quà thiêng liêng và vĩ đại, là phần thưởng duy nhất mà Thượng Đế đã ban tặng cho con người trước khi đi vào quên lãng mang theo tới Trái đất. Tình dục là một trong số những món quà thiêng liêng và vĩ đại nhất do

Thượng Đế sáng tạo ra. Và Người đã ban tặng cho con người được toàn quyền sử dụng trên Trời, dưới đất cũng như mọi sự sống trong Vũ trụ. Tình dục tích cực là thứ đã mang lại cho con người nhiều cảm xúc tuyệt vời nhất và cho con người niềm hạnh phúc vô cùng to lớn. Con người trên Trái đất sống chung với tình dục, Thần thánh và các sự sống tiến hoá cao trong Vũ trụ vẫn luôn sống chung với tình dục. Thần thánh là con người trần thế gán ghép cho Họ, riêng đối với Họ thì Họ không bao giờ tự cho mình là Thần thánh. Họ biết rằng; Họ là người trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn, và con người trần thế rồi cũng thức tỉnh như Họ. Vì vậy, Thần thánh cũng như con người thế tục, tình dục là thứ không thể thiếu trong đời sống, vì nó là món quà tuyệt vời của Thượng Đế đã ban tặng.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng sau ngày 1-5-2334, chúng ta sẽ được cứu rỗi và sẽ được giải thoát. Cũng có nghĩa là chúng ta sẽ thức tỉnh hoàn toàn và trở lại thân phận Thần thánh vốn dĩ của chúng ta. Nhưng mọi sự vẫn diễn ra nơi đây, trên Trái đất này và mọi điều vẫn không có gì thay đổi trong đời sống. Tất cả chỉ đơn thuần là một sự tiếp nối đời sống bằng ý thức hoàn hảo hơn của con người, trên Trái đất. Cũng có nghĩa là sau khi thức tỉnh hoàn toàn chúng ta vẫn không thể từ bỏ tình dục, đồng nghĩa với việc Thần thánh vẫn tiếp tục hoạt động tình dục. Chúng ta không thể nào từ bỏ món quà quá tuyệt vời của Thượng Đế trong tình trạng quên lãng hay đã thức tỉnh hoàn toàn. Từ bỏ tình dục là từ bỏ một phần của Thượng Đế, là chối bỏ một món quà tuyệt vời nhất mà Người ban tặng cho chúng ta.

Tình dục thiêng liêng là như vậy, nhưng trên thực tế từ trước tới nay có không ít người luôn xem tình dục là tội lỗi, là xấu xa và luôn che đậy. Từ những quan niệm hết sức sai lầm về tình dục của một số tôn giáo. Từ những giáo điều kỳ quặc, gia phong, lễ giáo, hình thức, truyền thống cổ hủ, sĩ diện của con người, đã bóp nghẹt không gian sống tự do của tình dục. Tình dục là bản năng gốc của con người, mọi sự khống chế, trói buộc, giam hãm ham muốn tình dục thiêng liêng của con người quả thực là sự tệt hại.

Tư tưởng sai lầm có hệ thống của con người đã dẫn đến tình trạng mãi dâm tràn khắp, dẫn đến ngoại tình, cưỡng dâm, hiếp dâm bất chấp hậu quả. Tình dục tự nguyện trong yêu thương luôn là hành động thiêng liêng đáng khích lệ, vì tự thân nó luôn mang lại cho con người hạnh phúc và cảm giác muốn được sống. Tự thân tình dục không có tội lỗi, chỉ có những người lợi dụng tình dục vì lợi ích, những

người hoạt động tình dục tiêu cực trái với tự nhiên (Không ám chỉ những người có trục trặc về giới tính như gay hay lesbian), mới mang tội lỗi. Tư tưởng ích kỷ, sở hữu, chiếm đoạt lâu nay của con người trong nhận thức 3d đã biến tình dục thành nô lệ và tội lỗi. Khi con người không còn tư tưởng ích kỷ, sở hữu, chiếm đoạt trong vấn đề tình dục, tự thân tình dục sẽ trở nên thiêng liêng. Chẳng nào con người vẫn còn quan niệm tình dục như là một công cụ của sinh sản, cho việc duy trì nòi giống, chẳng đó tình dục không là thứ mang lại cho con người cảm giác hạnh phúc trọn vẹn. Thực ra tình dục là đền thờ của thể xác, nhưng không là một công cụ nhằm làm thỏa mãn ham muốn của thể xác.

Trên thực tế đời sống của Nhân loại trong các thời kỳ trước đây, kể cả trong hiện tại, người ta luôn diễn giải, nhận định mọi điều, mọi thứ bằng nhận thức 3d, bằng quan niệm một chiều của người ta. Để rồi từ đó người ta luôn bóp méo sự thật, xuyên tạc sự thật về nhiều vấn đề theo định kiến trần thế của người ta. Và tình dục cũng không ngoại lệ, vì vậy vấn đề được người ta gọi loạn luân xuất phát từ Kinh Thánh Kitô giáo cũng đã được người ta đem ra mổ xẻ, phê phán, lên án kịch liệt theo quan điểm trần thế của họ. Điển hình là cuốn *“Tất Cả Những Chuyện Tục Tĩu Trong Thánh Kinh”* [All The Obscenities in the Bible, Kasmark Pub., MN, 1995] của Kasmark Gene - *“Kitô Giáo Và Loạn Luân”* [Christianity and Incest, Fortress Press, MN, 1992] của Annie Imbens & Ineke Jonker, viết về những sự kiện loạn luân và kỳ thị phái nữ bắt nguồn từ Thánh Kinh vv...

Về vấn đề kỳ thị phái nữ có trong Thánh Kinh, chúng ta cần phải có cái nhìn thực tế rằng nó không thuộc về Kinh Thánh nguyên bản. Nhưng là được sửa chữa bởi quan điểm của các nhà chép kinh và các nhà lãnh đạo Kitô giáo thời trước. Họ đã tự động hiệu chỉnh Kinh thánh theo chiều hướng có lợi cho phái mạnh, vì trong suy nghĩ của họ thời kỳ đó Thượng Đế là đàn ông. Trên thực tế, phần lớn những gì thuộc về Kinh Thánh nguyên thủy đã không còn nguyên bản. Người ta có thể sửa chữa bất cứ điều gì trong Kinh Thánh miễn sao là có lợi ích cho tôn giáo, theo quan điểm của họ trong từng thời kỳ. Nhưng nói như thế không có nghĩa là người ta sửa chữa tất cả mọi điều đã được ghi chép trong Kinh Thánh. Nếu Trong Kinh Thánh có những điều, những việc mà ý thức của người ta với không tới, không hiểu nổi họ sẽ không sửa chữa, vì nếu có sửa chữa cũng không mang lại lợi ích gì cho tổ chức của họ, tất nhiên là họ để nguyên. Mặc khác người ta cũng không dám xoá bỏ những điều đã ghi chép không có lợi cho tổ chức của họ trong Kinh Thánh. Vì vậy, vấn đề được người ta gọi loạn luân được đề cập

trong Kinh Thánh KiTô giáo là còn nguyên vẹn và có thật. Nhưng khi người ta lên án, phê phán vấn đề này là vì họ không thấu triệt được chân tướng sự thật và vì định kiến bởi phong tục, tập quán, lễ nghi, hình thức của chính con người.

Nhưng một khi người ta đã thấu triệt sự thật, thấu triệt về các quy luật sống trong Vũ trụ người ta sẽ không còn cho nó là quan trọng, không còn cho nó là vấn đề nữa. Chúng ta hãy thử tưởng tượng khi một Người Con, một người Cháu đời thứ ba hoặc thứ tư của Thượng Đế xuống trần trải nghiệm. Và sự trải nghiệm này sẽ phải kéo dài trong nhiều ngàn năm và Họ cũng như mọi linh hồn khác phải trải qua hàng trăm kiếp luân hồi, tạo ra hàng vạn, hàng triệu nghiệp quả. Và quả thực, họ cũng đã từng chung sống với hàng trăm, hàng ngàn những người vợ, người chồng, người tình khác nhau trên trần thế. Vậy hỏi, những người này không phải đã từng ân ái, đã từng làm tình với chính con cháu của họ hay sao? Vậy hỏi, những người đã từng là vợ là chồng, là người tình của những người này không phải đã từng loạn luân với chính ông bà, cha mẹ của họ hay sao? Loạn luân thực sự là một việc làm không thể chấp nhận được trong bất kỳ hoàn cảnh sống nào của con người. Loạn luân cận huyết sẽ gây ra những hệ lụy rất tiêu cực, không lý nào các Đấng sáng tạo vĩ đại không nhận thức được điều này mà còn mặc khải cho con người để viết ra điều này trong Kinh Thánh. Thực tế trong trường trải nghiệm trần thế đã xảy ra như vậy, về tinh thần là loạn luân nhưng xét về thể chất thì không. Nhưng một khi mà tinh thần của chính ta, không thể nhận thức được ta là ai, khi mà ý thức của chúng ta hoàn toàn đi vào quên lãng. Vì vậy cái được người ta cho là loạn luân được đề cập trong Kinh Thánh, không là loạn luân nhưng là chỉ là những cuộc chơi cần thiết trong trường trải nghiệm trần thế. Không lẽ vì quên lãng mà chúng ta bị mang tội lỗi, không lẽ vì trải nghiệm trần thế mà chúng ta bị kết án. Thực ra không một ai phải mang tội lỗi gì trong vấn đề này, khi mà tất cả Họ và con cháu của họ đang trong tình trạng quên lãng, tối tăm, đang trong trường trải nghiệm trần thế. Nếu có thể bị kết án thì chúng ta phải kết án tất cả, kết án toàn bộ loài người trên thế giới và kết án cả Thượng Đế. Quả thực, nếu ai chưa từng kinh nghiệm qua, chưa từng trải nghiệm qua cái gọi là tình dục loạn luân như thế, họ sẽ không bao giờ có thể trở lại Thiên đàng, không bao giờ trở nên thức tỉnh hoàn toàn.

Nếu con người ta thấu triệt được sự thật về nguồn gốc của chính người ta và tự hỏi lại chính họ. Chắc rằng họ sẽ không bao giờ họ lên án, phê phán những điều chân thật đã được viết ra trong Kinh Thánh, vì họ biết họ cũng không trong sạch

như tưởng tượng của họ. Kinh Thánh đã đề cập đến tình dục là đề cập đến một sự thật không che đậy, nhưng ẩn tiềm nhiều bí mật về một chân lý tối hậu.

Vì vậy, vấn đề tình dục được mô tả trong Kinh Thánh cũng là một gợi ý cho việc chúng ta tìm kiếm sự thật cho chính chúng ta, nhưng không quá nghiêm trọng, không quá ghê gớm như người ta vẫn thường hay tưởng tượng. Không thấu triệt được sự thật, không nhận thức được vấn đề là nguyên nhân khiến người ta có ảo tưởng rằng mình là người tài ba lỗi lạc, giỏi giang, thanh sạch đến độ có quyền lên án, phê phán sự thật. Đức Chúa Giê-su biết chắc rồi con người sẽ hành xử theo cách của Nhân loại thể tục, dựa trên những hiểu biết hạn chế của chính con người trong cuộc sống trần thế. Cho nên Ông ta đã cố tình nhắc nhở con người trong thời kỳ Ông ta xuống thế. Tân ước **Mátthêu** - Chương 7, câu 1-5.

Đừng xét đoán (Lc 6:37-38,41-42) “1 "Anh em đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên Chúa xét đoán, 2 vì anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy; và anh em đóng dấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đóng dấu ấy cho anh em. 3 Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới? 4 Sao anh lại nói với người anh em: "Hãy để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt bạn", trong khi có cả một cái xà trong con mắt anh? 5 Hỡi kẻ đạo đức giả! Lấy cái xà ra khỏi mắt anh trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em.”

Ngoài ra, quan niệm hôn nhân của KiTô giáo là một sự kết hợp thiêng liêng của Thượng Đế dành cho người nam và người nữ là đời đời không chia tách. Quả thực, đây là một quan điểm, một hiểu biết hoàn toàn đứng đắn và chân thực. Nhưng là đứng đắn và chân thực dành cho những sự sống tiên cao trong Vũ trụ, là sự thật trong thế giới Thần thánh, thế giới của những người thức tỉnh hoàn toàn, là sự thật từ khởi thủy. Nhưng không là quan điểm hợp lý, không là sự thật dành cho Nhân loại thể tục trong tình trạng quên lãng thời kỳ trải nghiệm. Trong thực tế, những ngôn từ mà con người thường hay sử dụng trong tình yêu đôi lứa và hôn nhân thể tục như: một nửa của chính mình, một nửa bên kia của cuộc đời, cái gọi đời đời, kiếp kiếp chỉ là ảo tưởng, giả tạm của chính con người trong trường trải nghiệm thế gian, trong cuộc chơi tiến hoá của chính chúng ta. Tất cả, mọi cuộc hôn nhân xảy ra trên thế gian này, có thể nói là chưa bao giờ có một cuộc hôn nhân nào được coi là hôn nhân đời đời và trường cửu. Trên thực tế, trong hiện tại không một ai có thể tìm thấy một nửa thực sự của chính mình,

chúng ta sẽ không thể nào biết được một nửa thực sự của ta là ai và ở đâu. Chỉ đến khi chúng ta thức tỉnh hoàn toàn, nhớ lại tất cả mọi điều mọi thứ, chúng ta mới thực sự biết một nửa của ta là ai, chúng ta mới thực sự biết người vợ, người chồng sinh đôi của ta lúc khởi thủy là ai. Chỉ đến lúc đó chúng ta mới biết thực sự biết cái cảm giác một cuộc hôn nhân đời đời, không thể chia tách là như thế nào?

Hôn nhân thế tục là một sự kết hợp xuất phát từ sự chọn lựa của chính mỗi người, của cha mẹ, của những người có thẩm quyền đối với họ, kết hợp cho họ. Nhằm xây dựng nên gia đình, tạo ra nền tảng sống cho thế giới và nhằm tìm kiếm sự trải nghiệm. Nhưng không là sự kết hợp theo ý muốn của Thượng Đế. Chúng ta nên biết, hôn nhân thế tục là sự chọn lựa tự nguyện của chính con người, Thượng không can thiệp. Vì vậy, con người phải ý thức là không nên đưa Thượng Đế ra làm chiếc khiên che chắn cho ý muốn của chúng ta. Không nên nhân danh Thượng Đế để thỏa mãn ham muốn của bản thân, và lợi ích cho tổ chức của mình.

Từ trong cái thế giới trần tục này, trong cái thế giới mà mọi người đang trong tình trạng quên lãng, không thể ý thức hoàn toàn. Chúng ta hãy thử một lần tự hỏi chính ta và tự cho ta câu trả lời. Rằng nếu như người vợ hay người chồng của ta không còn đáp ứng những nhu cầu trải nghiệm của chính ta. Và về phần ta, ta cũng không còn tìm thấy được một niềm vui nào trong sống, cùng với người bạn đời. Hay có thể nói là ta luôn nhận nhiều sự buồn khổ, luôn nhận nhiều sự rắc rối, ưu phiền từ phía người bạn đồng hành đem lại cho ta. Vậy hỏi ta có nên duy trì mối quan hệ này nữa hay không? Vậy hỏi ta có phải cần thiết phải tiếp tục chịu đựng sự đau khổ, và duy trì sự buồn phiền mà đối phương luôn mang lại cho ta nữa hay không? Có cần thiết phải duy trì mối quan hệ này, vì một lời hứa, vì một uy quyền mơ hồ nào đó hay không? Và nếu như ta không dám từ bỏ, một lần nữa ta hãy tiếp tục đặt cho ta câu hỏi, là từ đâu và từ thế lực nào bắt buộc ta phải chịu đựng những điều tồi tệ đó. Và người đó là ai? Có phải là Thượng Đế không? Hay là một tổ chức nào, một người nào, một thẩm quyền nào?

Câu trả lời sẽ là: không, Thượng Đế không bắt buộc con người phải chịu đựng bất cứ điều gì, chịu đựng đau khổ không phải là thứ mà Bà ta muốn dành cho những đứa con yêu quý của Bà ta. Không, không một tổ chức tôn giáo nào hay một ông Linh mục, Mục sư nào đủ thẩm quyền bắt buộc ta. Cha mẹ của chúng ta,

hay phong tục, tập quán, nền tảng gia phong lễ giáo cũng không thể bắt buộc được ta? Không, không có cha mẹ nào lại muốn nhìn thấy con cái mình chịu đựng đau khổ bao giờ, vì vậy cha mẹ cũng không bắt buộc ta. Phong tục, tập quán, nền tảng gia phong, lễ giáo không đủ uy quyền bắt buộc ta. Câu trả lời là chính ta, ta đã tự trói buộc ta vào với sự chịu đựng và đau khổ, bởi một lời hứa ngu ngốc nào đó, bởi sự u mê, dốt nát, tôi tăm thiếu ý thức của chính ta trói buộc ta. Tự trói buộc đời mình vào một người nào đó, vào một cái gì đó mà bản không mong muốn, không chấp nhận, nhưng chỉ vì một lời hứa, cũng tức là phản bội lại chính mình. Có nhiều sự trong đời để không phản bội người khác, ta phải tự phản bội lại chính ta. Nhưng trong tất cả mọi hình thức phản bội, thì phản bội chính mình là hình thức phản bội cao nhất, bởi nó là thứ gây ra cho ta sự đau khổ nhiều nhất.

Trường hợp nếu ta nhận thức thấu triệt sự thật của vấn đề, thì sẽ không một ai có thể trói buộc, không một ai có thể bắt buộc được ta làm theo ý muốn của họ. Không có ai, không có tổ chức nào có thể đủ sức mạnh bắt buộc ta phải chấp nhận chịu đựng và đau khổ. Nếu ta thấu triệt, ta sẽ xem người vợ hay người chồng thậm chí là con cái, cha mẹ, bạn bè... của ta chỉ là những người bạn đồng hành và ta cùng họ chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn trong sống trên tinh thần tự nguyện, nhưng không là ép buộc. Nếu ta có ý thức, ta sẽ xem những người thân của ta, là những người cùng ta sống và yêu thương nhau để trải nghiệm qua trần thế, cùng nhau tiến hoá, nhưng không là sở hữu họ. Nếu ta thấu triệt được sự thật vấn đề, thì khi trong sống ta nhận ra mối quan hệ giữa ta và người bạn đồng hành, không còn mang lại lợi ích cho nhau trong trải nghiệm, không còn chung chí hướng, không thể đi chung trên một con đường. Ta sẽ chấp nhận chia tay với họ và chúc phúc cho họ. Ngược lại, nếu người bạn đồng hành của ta cũng nhìn thấy điều như ta thấy, mà nguyên nhân xuất phát từ ta, thì ta cũng nên vui vẻ để họ rời xa ta, nhằm tìm kiếm mục đích của riêng họ, không níu kéo và cũng không nên quá đau lòng.

Thực ra, là vợ là chồng, là con là cháu hay bất kỳ mối liên hệ nào trong sống của con người trần thế, chỉ là những mối quan hệ giả tạm. Nó là những mối quan hệ giúp cho mỗi linh hồn của chúng ta trải nghiệm qua trần thế và sáng tạo bản ngã, nhưng không là những mối quan hệ mang tính trường cửu. Vì lẽ đó mối quan hệ vợ chồng trần thế cũng không ngoại lệ, nếu còn yêu nhau thì hãy sống cùng nhau và dành cho nhau tình yêu chân thành nhất có thể trong bất cứ hoàn cảnh nào,

cùng nhau chia sẻ tất mọi điều trong sống và cùng nhau tiến hoá. Nếu đã hết yêu nhau và không còn tìm thấy mục đích chung trong sống nữa thì hãy chia tay nhau trong vui vẻ, không hận thù, không oán ghét nhưng là chúc phúc cho nhau trên con đường mới của riêng mỗi người. Đừng sợ hãi về bất điều gì bởi sự chia tay này và cũng đừng vì lòng ích kỷ, sĩ diện, tự ái, lợi ích của bản thân mà cố gắng sở hữu, níu kéo, giam cầm người bạn đời một thời của mình.

Từ nơi đây chúng ta chỉ nói lên một sự thật từ quan sát, nhưng không là phê phán bất cứ ai, kể cả là tác giả của những cuốn sách phê phán Kinh Thánh. Trên thực tế chỉ có nơi đây, trên Trái đất này xưa kia và trong hiện tại. Và những nơi chốn con người gọi là trần gian thì con người mới có thể muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì cứ nói, muốn hành động ra sao thì cứ hành động, không kể, không cần thiết đó là thiện hay ác, là đúng hay sai, là tốt hay xấu. Vì vậy, nếu có ai đó đã phê phán, lên án Kinh Thánh, thì đó cũng chỉ là ý kiến của riêng họ, ý muốn của riêng họ, là thể hiện quyền tự do ý chí của chính họ, Thượng Đế không can thiệp và cũng không trách phạt. Nhưng trong thế giới của Thượng Đế, thế giới Thần Thánh, thế giới của những con người thức tỉnh hoàn toàn người ta không thể hành xử giống như con người thế tục. Trên thực tế không phải là họ không dám, nhưng vì bản thân của mỗi người trong họ không bao giờ muốn bất cứ cái gì cho riêng mình, cho nên họ không hành động như cách của con người thế tục. Tất cả mọi suy nghĩ, hành động và việc làm của họ luôn dựa trên nền tảng ý thức cao nhất, ý thức hoàn toàn, nên họ không hành xử giống như ta.

Trên thực tế, có rất nhiều người theo đuổi tôn giáo, theo đuổi tâm linh đã luôn kiểm chế cảm xúc thiên tính tự nhiên của mình, trong đó việc cố gắng từ bỏ tình dục là tiêu chí lớn của họ. Trong họ luôn thường trực một nỗi sợ hãi lớn lao, rằng quan hệ tình dục là không thanh sạch, là nhớp nhúa, là có tội khi tiếp cận với Thần, Phật, Thượng Đế của họ. Họ luôn nghĩ rằng; nếu muốn được giải thoát, được cứu rỗi thì bản thân phải từ bỏ tình dục, từ bỏ ham muốn thể xác. Họ luôn nghĩ rằng nếu đã tu hành mà còn hoạt động tình dục là còn ham muốn nhục thể, vì vậy sẽ không thể đạt được Niết bàn hay Thiên đàng. Suy nghĩ này được hình thành bởi tư tưởng; thể xác là thứ không còn cần thiết nữa, là thứ bỏ đi sau khi con người đạt Niết bàn hay Thiên đàng. Thực ra khi Thượng Đế sáng tạo ra Vũ trụ và sự sống, thì sự sống là thứ mà Người luôn trân quý và duy trì vĩnh cửu. Sự sống của con người là sự hoạt động của 3 thể đồng thời; thể xác, trí tuệ và tinh thần, một linh hồn không còn hoạt động trong thể xác là chết. Sự sống trong quá

khứ, hiện tại và tương lai; sự sống của Thượng Đế, Thần thánh và con người luôn phải được duy trì trong 3 thể đồng nhất là thể xác, trí tuệ và tinh thần.

Thực hiện từ bỏ hoạt động tình dục của một số người tu hành ảnh hưởng bởi gương của Đức Phật, Đức Chúa Giê-su và các chân sư, những người đến từ Nước Trời. Họ thường có ý niệm các chân sư là những người không hoạt động tình dục và không còn ham muốn tình dục. Thực ra, đã có một sự nhầm lẫn trong cách nghĩ của số người này.

-Thứ nhất, các chân sư khi xuống thế thực hiện sứ mệnh Họ thường chỉ đi một mình không mang theo vợ hoặc chồng, vậy hỏi Họ hoạt động tình dục với ai.

-Thứ hai, khi đã được hiệu chỉnh và hiệu chuẩn các chân sư sẽ luôn trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn. Một con người trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn thì người đó có thể làm bất cứ điều họ muốn.

Vì vậy, các chân sư không cần phải chọn phương án lấy một người vợ trần thế để hoạt động tình dục, bởi điều đó đối Họ là không cần thiết. Hơn nữa làm như vậy sẽ nảy sinh một tình yêu thiên vị, không hợp với tính cách Thiên tính bản tâm của họ. Ngoài ra thực hiện hành động tình dục với một người, không phải là người vợ thực sự của mình, đối với Họ là không lành mạnh. Họ luôn có nhiều phương án khác nhau để thực hiện ý muốn của mình khi còn tại thế. Trên thực tế, tất cả những linh hồn vĩ đại trong tình trạng thái thức tỉnh hoàn toàn Họ có khả năng tự phân mảnh linh hồn ra nhiều lần để làm công việc phụng sự trên các hành tinh chưa được cứu rỗi. Các linh hồn tối cao như Đức Chúa Giê-su, Đức Phật Thích Ca hay những linh hồn Ngôi hai khác có thể tự phân linh hồn của mình ra thành 12 mảnh hoạt động độc lập tại một thời điểm. Trong số đó nhiều phân mảnh vẫn ở lại trong các thế giới tiến cao hơn để hướng dẫn các phân mảnh trong các thế giới thấp hơn. Nhưng cho dù là ai ngoại trừ Thượng Đế, thì khi mà linh hồn người đó đang trong tình trạng quên lãng để thực hiện trải nghiệm, không một ai được quyền phân mảnh linh hồn. Vì khi đang trải nghiệm mà chỉ cần có một phân mảnh linh hồn thức tỉnh hoàn toàn, thì mọi cảm xúc chân thực trong trường trải nghiệm sẽ trở nên vô nghĩa. Đây là luật của Thượng Đế, luật Vũ trụ dành cho tất cả mọi thân phận hiện hữu trong thế giới tương đối.

Hoạt động tình dục với một người không phải là người vợ, người chồng thực sự của mình trong tình trạng thức tỉnh hoàn toàn đối với các chân sư là một hành

động không lành mạnh. Vì vậy, sau khi Đức Phật Thích Ca thức tỉnh hoàn toàn, Ngài đã chấm dứt mối quan hệ với người vợ trước đó của Ngài.

- Ví dụ: Vụ bắn hạ chiếc Boeing 777 mang ký hiệu M17 của hãng hàng không Malaysia trên vùng trời Uraina làm chết 298 người thực sự là một tội ác. Chúng ta không cần phải đi đến kết luận hành động này là do quân ly khai hay quân của nhà cầm quyền chính phủ Uraina gây ra. Nhưng khi tội ác này xảy ra và kết thúc thì nó lại mở ra cho nhiều người, nhiều chính phủ quan tâm, suy nghĩ về sự an toàn về hàng không, hàng hải trên vùng trời, vùng biển trên toàn thế giới. Họ sẽ lên án và chỉ trích chiến tranh và xung đột, sẵn sàng lên án một nhóm người nào đó vì lợi ích của mình, làm ảnh hưởng đến lợi ích của rất nhiều người. Từ một tội ác xảy ra sẽ khiến con người nhìn lại chính mình, thức tỉnh lương tâm của chính mình. Và cũng từ tội ác này có thể khiến các quốc gia xích lại gần nhau, xoá bỏ hận thù, từ bỏ xung đột, từ bỏ chiến tranh.

- Ví dụ: Vụ hành quyết bằng cách chặt đầu nhà báo Mỹ **Jame Foley** của tổ chức nhà nước Hồi giáo (IS) tự xưng tại Iraq. Và cho dù chúng ta có nhận định theo quan điểm nào thì việc làm này vẫn được coi là một hành động vô cùng dã man.

Nhưng tội ác này cũng chính là một hồi chuông cảnh tỉnh Nhân loại, nó có thể sẽ làm thức tỉnh những người có lương tâm, có trách nhiệm với sự an nguy và hoà bình của thế giới. Nó có thể là nguyên nhân thúc đẩy con người, kể cả những người đang theo Đạo Hồi chân chính nhìn nhận một thực tế về sự lợi dụng tôn giáo cho mục đích chính trị, nhằm thoả mãn tham vọng điên cuồng của một nhóm người. Họ đã lợi dụng tôn giáo, nhân danh Thượng Đế và lợi dụng niềm tin của các tín đồ như một công cụ làm thoả mãn tham vọng của chính họ. Nhưng cho dù họ có nhân danh ai thì việc làm của họ không bao giờ là quang minh lỗi lạc và được chính nghĩa ủng hộ. Trong thực tế tự thân họ biết việc làm của mình là phi nghĩa. Họ luôn có một cảm nhận rằng hành động của họ trong thời đại mới là không hợp với ý muốn của Đấng Thánh Allah. Vì vậy, họ luôn sống trong nỗi sợ hãi, luôn che đậy, lẫn trốn thậm chí che cả khuôn mặt của mình lại trong hành sự. Bản bất thực từ những việc làm của họ đã tự tổ cáo sự mê muội và thiếu hiểu biết sự thật về Thượng Đế trên con đường đi đến giải thoát của chính họ.

Nhưng có lẽ chúng ta cũng chẳng cần phê phán, lên án việc làm của họ là đúng hay sai, là tốt hay xấu. Sự việc đã xảy ra và có thể sẽ tiếp tục xảy ra, vấn đề của

chúng ta là ngăn chặn không cho chúng tiếp tục xảy ra vì nó những tiêu cực làm phá hỏng tiến trình đi đến hoà bình của toàn bộ Nhân loại. Nhưng để ngăn chặn, trước tiên chúng ta phải nhận biết sự thật của nguyên nhân từ sự quan sát của chính chúng ta, nhằm giúp chúng ta có một sự thay đổi cụ thể trong nhận thức. Quan sát không định kiến sẽ giúp chúng ta tránh một phản ứng. Vì phản ứng không là sự thay đổi nhưng là một xung đột diễn ra trong cái trí, ảnh hưởng bởi thành kiến của ký ức. Thay đổi mới có thể giúp cho chúng ta cảm nhận được sự thật và hành động theo tiếng gọi của sự thật.

Trong thời đại mới, tất nhiên là Thượng đế đã áp dụng luật nhân quả tức thời, nhưng riêng những linh hồn ra đời trước năm 2012, nhất là những linh hồn sinh trước năm 2000, vẫn còn bị ràng buộc bởi định mệnh và nghiệp quả. Cho nên, dù trong kiếp này có rất nhiều người đã ý thức giác ngộ và không còn hành động tiêu cực, nhưng họ vẫn phải trải nghiệm tiêu cực. Vì họ phải diễn cho bằng hết cái kịch bản mà họ đã viết ra, họ phải trải nghiệm cho bằng hết những gì mà họ chọn cho mình trong tiền kiếp. Mọi thứ của nhóm người này đã chọn không thể không trải nghiệm, nhưng mọi sự thành công, thất bại, hạnh phúc hay đau khổ thăng hay giảm sẽ phụ thuộc vào lối sống tích cực hay tiêu cực trong hiện tại. Vì những suy nghĩ và hành động của con người trong hiện tại không dùng để làm kịch bản cho kiếp sau.

Sau năm 2012, những linh hồn non trẻ sẽ dần không được đầu thai trên Trái đất nữa. Họ sẽ được Thượng Đế cho đầu thai làm người, trên những sự sống mới trong Vũ trụ. Những linh hồn ra đời sau 2012 phần lớn là những linh hồn già, họ sẽ rất thông minh và khôn ngoan. Thế hệ của lớp người này phần lớn sẽ hơn hẳn ông bà, cha mẹ của họ về nhiều mặt, bao gồm cả về tri thức, nhân cách, cả về nhận thức tâm linh, vì họ là những linh hồn già được chọn trở lại. Ngoài ra còn có nhiều những linh hồn già khắp nơi trong thiên hà liên tục xuất hiện trên Trái đất, nhằm tiếp tục thực hiện nốt những trải nghiệm đang còn dang dở trước đó của họ.

Thời gian cho phần đông lớp người này trở lại và lớn lên, cũng chính là thời gian những linh hồn non trẻ đầu thai nơi khác và đó cũng là lúc mọi thứ sẽ thay đổi mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực. Trong tương lai gần không phải những linh hồn non trẻ tất cả đều phải rời Trái đất đầu thai nơi khác. Nhưng vẫn còn đó khá

hiều những linh hồn non trẻ vẫn tiếp tục đầu thai trên Trái đất, bởi họ là cơ hội cho những linh hồn già trải nghiệm tích cực.

Nhưng sau 2012 cũng sẽ còn những đứa trẻ ra đời không được hoàn hảo như; tật nguyền, thiếu năng... Trong các trường hợp này, không phải những đứa trẻ này bị nghiệp quả, nhưng là nghiệp quả của những người làm cha mẹ ra đời trước 2012. Bởi họ là những người vẫn còn bị ảnh hưởng bởi định mệnh, đứa con là một phần trong định mệnh mà họ phải trải nghiệm. Phần lớn các linh hồn đầu thai trên Trái đất sau 2012, trong tình trạng không hoàn hảo, là các Thiên thần tự nguyện.

Sau 2012, nơi chốn đầu thai của linh hồn sẽ không còn tuân theo quy luật quan hệ nhân quả trong tiền kiếp nữa. Thời kỳ sau 2012 con người được sinh ra sẽ không còn bị phụ thuộc vào những cái gọi là định mệnh, nghiệp quả nữa. Ví dụ; Trước đây nghèo khổ hay giàu có, quyền lực hay thấp hèn, hạnh phúc hay đau khổ mọi số phận luôn bị phụ thuộc vào định mệnh bởi ta sáng tạo nên trong tiền kiếp. Thậm chí những người thuộc nhóm Gay hay Lesbian vẫn là những người đã bị ảnh hưởng bởi định mệnh. Nhưng trong thời gian tới, những người thuộc nhóm này sẽ giảm hẳn, cho đến không còn nữa trên Trái đất này. Và vì thế mọi đạo luật và đặc ân mà con người có ý muốn soạn thảo dành cho nhóm người này, chưa hoàn thành đã không còn đất sử dụng. Sau 21/12/2012 Thượng Đế, sẽ sắp đặt cho những linh hồn đã trải nghiệm tiêu cực đầy đủ, đầu thai vào các gia đình giàu có, nhiều truyền thống. Sắp đặt cho những linh hồn trải nghiệm tiêu cực chưa được đầy đủ, đầu thai vào các gia đình bình thường, thu nhập thấp. Mọi sự sắp đặt của Thượng Đế trong thời đại mới là nhằm giúp mọi linh hồn có được cái họ cần và có được Nước Trời.

Thời gian đầu của thời đại mới, Thượng Đế và các Thiên thần sẽ không can thiệp quá nhiều vào quyền tự do cá nhân của con người, nhưng chỉ kêu gọi thức tỉnh. Thời gian đầu, kế hoạch của Thượng Đế chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt tri thức ánh sáng cho con người. Đây là một công việc cần thiết nhất trong lúc này, nhằm giúp cho Nhân loại ý thức được sự thật về nguồn gốc của con người – ý thức được sự thật về Thượng Đế và thế giới tâm linh. Một khi con người đã hiểu biết sự thật một cách khoa học, con người sẽ ý thức loại bỏ những kiến thức lạc hậu và những niềm tin sai lầm, mê muội, tối tăm đã từng ăn sâu trong tâm thức. Một khi con người đã nhận thức thế nào là sự thật, con người sẽ tự động thay đổi suy nghĩ và sống phù hợp với thân phận Thần thánh vốn dĩ của chính mình.

Trong thời điểm hiện tại, Thượng Đế và các Thiên thần sẽ ngăn chặn không để cho những cuộc chiến tranh mang tầm ảnh hưởng lớn xảy ra trên thế giới. Ngoài ra, công việc chủ yếu của các thế lực tâm linh là giúp cho con người tiếp cận sự thật, bằng nhiều phương thức khác nhau. Ngoài những phương tiện siêu hình như ngoại cảm, thiền định, nhập đồng truyền thống, các Thiên thần sẽ thể hiện sự hiện hữu của mình bằng nhiều hình thức vật lý chẳng hạn như là đĩa bay, hạm đội Vũ trụ và những việc làm cụ thể ngoài sức tưởng tượng của con người nhằm thể hiện sự thật về Họ.

Quá trình trải nghiệm bóng tối và quá trình trải nghiệm ánh sáng là hai giai đoạn, nhưng cùng một mục đích. Bước vào thời đại mới, nhưng sẽ có rất nhiều người cho rằng; họ không hề nhìn thấy sự thay đổi tích cực nào xảy ra. Nhưng với những người đã thức tỉnh và được hiệu chỉnh họ luôn cảm nhận sâu sắc, rằng đang có nhiều sự thay đổi trong âm thầm. Mỗi người trong chúng ta thay đổi, thế giới sẽ thay đổi, cá thể không thức tỉnh và hành động thức tỉnh, thế giới không thay đổi. Thế giới được hình thành từ từng cá thể riêng rẽ gộp lại, tôi và bạn tạo ra thế giới, thế giới không tạo ra tôi và bạn. Vì vậy, mỗi người sẽ thấy thế giới thay đổi, từ sự thay đổi của chính mình.

Mọi thứ đang thay đổi, diễn ra trong âm thầm, sự thay đổi sẽ tăng dần theo thời gian. Thượng Đế, Đấng toàn tri luôn biết hành động như thế nào để đem lại lợi ích nhiều nhất cho Loài người.



PHẦN KẾT

BƯỚC CUỐI TRÊN HÀNH TRÌNH HỘI NHẬP VỚI TỔNG THỂ

1-Thời gian là gì? Sức ảnh hưởng của thời gian đối với con người như thế nào?

Trước khi đi vào phần chính của đề mục, chúng thử tìm hiểu khái niệm về thời gian và bản chất của thời gian là gì?

Đối với tất cả mọi người, kể cả người trong những nền văn minh tiến hoá cao thì quá khứ là quan trọng, tương lai rất quan trọng nhưng hiện tại là vô cùng quan trọng. Chúng ta đã sống và hiểu quá khứ, nhưng chúng ta đang sống cho hiện tại để hiện thực tương lai. Nếu muốn có một tương lai tươi đẹp con người phải ý thức giác ngộ, phải thức tỉnh, phải hiểu biết thật sự, thông minh và sáng suốt. Tương lai của ta là sáng sủa hay tối tăm tất cả phụ thuộc vào suy nghĩ và hành động của chính ta trong thực tại. Thực ra, thời gian của quá khứ và tương lai là không có thật. Người ta chỉ có thể suy tưởng, nhớ nhung về quá khứ nhưng người ta không thể trải nghiệm thời gian của quá khứ. Vì thời gian quá khứ là thứ không có thực, nó chỉ tồn tại trong ký ức của mỗi người. Mọi sự trải nghiệm của con người về những quyết định, sự lựa chọn, việc làm, kỷ niệm trong quá khứ chỉ có thể xảy ra trong thực tại bằng ý thức.

- Ví dụ: Ta và người vợ thân yêu của mình, thỉnh thoảng ngồi lại với nhau uống cafe ôn lại những ngày tháng vui buồn đã cùng nhau trải qua trong cuộc đời.

Ôn lại những kỷ niệm xưa đã từng xảy ra trong cuộc đời cũng có nghĩa là ta đang trải nghiệm thời gian của quá khứ. Ý thức vận hành trở về thời gian quá khứ trong ký ức, làm sống lại cảm xúc mà chúng ta đã từng trải nghiệm. Nhưng mọi thứ chỉ có thể xảy ra trong thực tại hiện hữu. Quá khứ luôn hiện hữu trong thực tại, phủ bóng lên hiện tại; người ta luôn phải trải nghiệm và giải quyết mọi vấn đề, mọi quyết định mà con người đã chọn cho mình trong quá khứ.

- Ví dụ: Một năm trước đây vợ chồng ta quyết định mua một căn nhà trả góp. Vì vậy, trong hiện tại mỗi tháng ta phải trả một số tiền nhất định nào đó cho ngân hàng. Tháng trước ta quyết định mở một quán cafe để kinh doanh. Vì vậy, trong

thời gian này mỗi ngày ta phải thức dậy sớm để chuẩn bị mọi thứ cho công việc phục vụ khách uống cafe. Tuần trước vì một cuộc vui với bạn bè ta đã uống rượu say mềm không còn kiểm soát, nhưng sau đó vẫn quyết định tự mình lái xe dẫn đến tai nạn chết người. Vì vậy, hôm nay ta phải đang phải ngồi trong tù để chờ ngày xét xử của toà án. Trước đây, hoàn cảnh sống của ta rất khó khăn, nhưng ta đã quyết tâm không từ bỏ và học hành đến nơi đến chốn. Vì vậy, hôm nay ta đã có được một công việc ổn định, lương cao và rất thành công trong cuộc sống.

Trong thực tế con người luôn quan tâm đến quá khứ, sống cho quá khứ. Thói quen của nhiều người trong chúng ta là mỗi buổi sáng mở tờ báo, mở laptop ra xem giá chứng khoán, giá vàng, giá ngoại tệ ngày hôm qua lên xuống như thế nào? Tìm đọc những vụ án mạng nghiêm trọng vừa xảy ra, quan tâm cuộc chiến ở đâu đó diễn biến như thế nào vv...hiểu biết quá khứ nhằm hoạch định cho tương lai là một việc làm đúng đắn. Nhưng thực ra có rất nhiều người chỉ quan tâm đến quá khứ nhằm thoả mãn sự tò mò và tự đem về cho mình sự mệt mỏi trong lòng vì những thông tin tiêu cực, không mang lại ích lợi gì.

Người ta có thể lên kế hoạch cho mọi việc làm, sáng tạo mọi thứ cho tương lai, nhưng người ta không thể trải nghiệm được thời gian của tương lai. Vì thời gian của tương lai là không có thật, nó chỉ tồn tại trong ý thức của con người. Và người ta chỉ có thể trải nghiệm một viễn cảnh xảy ra trong tương lai bằng sự tưởng tượng của cái trí trong thực tại của ý thức. Nhưng sẽ không bao giờ có một trường thời gian tương lai thực sự nào đó hiện hữu cho chúng ta trải nghiệm.

• Ví dụ: Ta hẹn với một người bạn, 08h sáng ngày mai gặp nhau tại quán cafe X, uống cafe và bàn bạc công việc. Từ lúc ta quyết định đưa ra cuộc hẹn cho đến 08h ngày hôm sau là thời gian tương lai. Nhưng thực ra ta đang sống từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc trong thực tại cho đến 08h sáng ngày hôm sau. Mãi cho đến khi ta gặp người bạn để uống cafe và bàn bạc công việc thì lúc này đây không có cái gì gọi là thời gian tương lai, mà nó chính là thực tại.

Quá khứ, hiện tại và tương lai thực ra chỉ là một, mọi điều trong quá khứ, mọi thứ của tương lai chỉ có thể xảy ra trong hiện tại. Quá khứ luôn hiện hữu trong hiện tại, người ta đã sáng tạo ra mọi điều, mọi thứ trong quá khứ cho trải nghiệm hiện tại. Tương lai luôn hiện hữu trong hiện tại, người ta chỉ có thể sáng tạo ra mọi điều, mọi thứ cho tương lai trong thực tại hiện hữu. Trong ví dụ trên, ta thấy

khi hẹn người bạn 08h ra quán cafe, thay vì hẹn tại quán cafe ta cũng có thể hẹn gặp nhau tại công ty, hoặc tại nhà. Như vậy là tại thời điểm đưa ra quyết định hẹn người bạn tại quán cafe, cũng tức là thời điểm ta đang sáng tạo ra tương lai. Đến khi ta và người bạn ngồi uống cafe và bàn công việc là ta đang sống với quyết định của quá khứ xảy ra trong hiện tại. Và sự thống nhất giữa ta với người bạn trong lúc ngồi uống cafe cho công việc, cũng chính là thời khắc của thực tại mà ta đã sử dụng để sáng tạo ra tương lai. Nhưng cũng tại cái thời điểm ta đưa ra cái quyết định hẹn người bạn ra quán cafe trước đó, ta cũng đang sống với quá khứ và quá khứ này là mối quan hệ, là công việc đang thực hiện dở dang với người bạn. Mối liên hệ giữa quá khứ và tương lai xảy ra trong hiện tại là mối liên hệ liên tục không bao giờ kết thúc trong trường thời gian vĩnh cửu. Sự gắn kết chặt chẽ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai tạo nên cái gọi là thời gian, tương tự như sự gắn kết giữa thể xác, trí tuệ và tinh thần tạo nên sự sống cho con người. Mọi sự trải nghiệm, mọi cảm xúc mà ta có được trong hiện tại đều đến từ sáng tạo của trí tuệ trong quá khứ. Và trong hiện tại cái trí của ta luôn chuyển động nhằm vận hành cái đã tồn tại trong ký ức và chuyển động sáng tạo ra tương lai. Tất cả mọi thứ đều được xảy ra trong thực tại hiện hữu không có trường thời gian khác.

Người ta sống là để trải nghiệm kịch bản đã viết ra trong quá khứ và sáng tạo ra tương lai trong thực tại hiện hữu. Gần như bất cứ sự trải nghiệm nào, bất cứ hành động nào của ta trong hiện tại đều được cái trí của ta sáng tạo ra trong quá khứ.

- Ví dụ: Đã là 10h đêm, đến giờ ngủ nhưng ta cảm thấy rất đói bụng vì lúc chiều ta ăn ít. Và ngay trong thời điểm đó cái trí của ta sẽ đưa ra sự chọn lựa nhằm giải quyết cái đói đang hiện hữu trong ta: Phương án thứ nhất, ra phố ăn phở nhưng cái trí của ta cho rằng bây giờ mà ra phố ăn phở thì khuya quá và sẽ rất mệt. Cái trí lại phát họa ra phương án thứ hai, thay vì ra phố, ở nhà ăn tạm bánh ngọt, nhưng cái trí một lần nữa loại bỏ phương án ăn bánh ngọt vì nó cho rằng ăn bánh ngọt sẽ gây xót bụng. Cuối cùng cái trí chọn cách ăn mì tôm và sau khi đi đến quyết định cuối cùng, ta lập tức đứng dậy tiến hành các công đoạn nấu mì. Mọi việc đã xong, ta ngồi vào bàn thưởng thức món mì tuyệt hảo mà ta đã bỏ công sức ra nấu. Thưởng thức món mì trong hiện tại đói là sự trải nghiệm do cái trí đã sáng tạo ra trước đó. Trong lúc thưởng thức món mì ta thấy dường như còn đang thiếu một mùi vị gì đó trong món mì và ta chợt nhớ ra đó là vị cay. Vì vậy, ta lập tức vào bếp mở tủ lạnh lấy ra mấy trái ớt trở lại bàn ăn và cho ớt vào bát mì. Là một hành động trong hiện tại, nhưng việc vào bếp mở tủ lạnh lấy ớt và trở lại bàn

ăn vẫn là hành động được cái trí vận hành tạo ra trước đó. Cho dù chỉ là một vài giây trước, nhưng nó vẫn được cho là hành động được cái trí sáng tạo ra trong quá khứ. Ngay cả việc xảy ra cái đối của chính ta trong hiện tại cũng bởi quyết định ăn ít của ta lúc chiều- xảy ra trong quá khứ.

Có rất nhiều sự trải nghiệm tội tệt bất ngờ xảy đến với chúng ta như: thiên tai bão lũ, động đất, sóng thần làm mất người thân nhà cửa vv... Nhưng cũng có những trải nghiệm hết sức thú vị, ví dụ như ta đi xem một trận bóng đá sau khi xem xong bất ngờ ban tổ chức thông báo ta được trúng số lớn. Việc trúng số lớn như trúng độc đắc là một việc hết sức may mắn và bất ngờ thú vị, nhưng việc xảy ra đã nằm trong chủ định của ta. Trúng số là may mắn nhưng ta phải mua vé số mới có thể trúng số đó là việc nằm trong hành động chủ định của cái trí dẫn dắt trong quá khứ. Nhưng đi xem đá bóng chủ định là để thỏa mãn niềm đam mê thể thao, nhưng không là chủ định trúng số và một khi ta trúng số là việc nằm ngoài dự định ước muốn và suy tính của cái trí. Tương tự như vậy thiên tai, bão lũ, động đất, sóng thần là thứ không do chúng ta sáng tạo ra bằng cái trí, nhưng khi việc xảy ra lại làm ảnh hưởng đến ta. Tất cả đều xuất phát từ sự chọn lựa của cái trí và hành động của chính ta trong quá khứ mang lại. Ví dụ; Ta là một người con trong gia đình theo đạo Thiên Chúa giáo truyền thống. Sau khi lớn lên ta cảm thấy dường như mình thực sự không thích tôn giáo và việc đi lễ nhà thờ thực hiện một số nghi lễ tôn giáo là cực hình với ta. Nhưng vì cha mẹ, vì truyền thống ta phải làm những việc đối với ta như là một bắt buộc. Thực ra mọi việc làm của ta trong hiện tại mặc dù ta không thích, nhưng nó vẫn là quyết định của ta từ quá khứ (tiền kiếp) mang lại.

Trong thực tế có những việc cụ thể xảy đến với chúng ta nhưng không do sự quyết định của cái trí, mà do nhu cầu tự nhiên của thể xác như cái đói, sự bài tiết vv... nhưng những sự này vẫn đến từ quá khứ. Có rất nhiều sự trải nghiệm không mong muốn hoặc thú vị, không do chủ quan của cái trí của ta tạo ra trong hiện tại. Nhưng tất cả đều do sự chọn lựa của cái trí và hành động chính ta trong quá khứ “tiền kiếp”. Và trong hiện tại chúng ta không biết là do chính mình đã sáng tạo ra, bởi chúng ta đã quên đi quá khứ tiền kiếp. Chỉ có Thượng Đế và các thể lực tâm linh biết và mang đến cho chúng ta cái mà ta đã lựa chọn trong “tiền kiếp”. Nó còn được gọi là định mệnh, là nhân quả báo ứng, phúc đức tiền kiếp, nghiệp chướng, những ngôn từ mà con người vẫn thường hay nói về nó.

Mọi trường thời gian xảy ra trong Vũ trụ là đồng thời, không trước không sau.

- Ví dụ: Ta đang ở Sài Gòn trải nghiệm trường thời gian là 21h đêm, người con ở Dallas là 9h sáng, người bạn ở Luân đôn là 14h chiều. Cũng tại thời điểm này có một người đang làm việc ngoài không gian Vũ trụ. Người này đang trải nghiệm một trường thời gian không là buổi chiều, không là buổi sáng và cũng không là ban đêm. Và cũng tại thời điểm này bốn người liên lạc với nhau, nói chuyện cùng nhau. Bốn người đang hiện hữu trong 4 môi trường không gian khác nhau trong bối cảnh ý thức thời gian khác nhau. Nhưng khi đó tất cả cùng nhau trải nghiệm đồng thời một trường thời gian duy nhất đang xảy ra. Nó còn được gọi là trường thời gian duy nhất xảy ra và đồng thời cho tất cả mọi môi trường không gian trong vũ trụ; trường thời gian vĩnh cửu.

Trên thực tế, thời gian là thứ không có thực, thời gian chỉ tồn tại trong ý thức nhận biết của trí tuệ. Một năm của Trái đất là 365 ngày và 6h, và có thể một năm của một hành tinh Y trong thiên hà là 3650 ngày. Tất cả mọi sự quy ước đều do ý thức của con người quy định cho nó, dựa theo chuyển động của Trái đất và hành tinh Y. Trái đất tự quay quanh trục của nó ‘trên hành trình quay quanh Mặt trời’ một lần, người ta gọi nó là thời gian một ngày, đêm. Quay 30 lần là thời gian một tháng, 365 lần là thời gian của một năm. Thời gian trôi qua hay nói chính xác hơn thì đó là khoảng không gian mà Trái đất dịch chuyển để quay quanh Mặt trời, vận hành trong Vũ trụ. Để thấy rằng thời gian là không có thật, ta sẽ thấy trong ví dụ sau:

- Ví dụ: Ta tiến hành đưa một con tàu vũ trụ, khởi hành từ Trái đất đến hành tinh Y dự tính hành trình là 10 năm. Thời gian 10 năm là theo tính toán của các chuyên gia mặt Đất, nhưng không tiết lộ cho các phi hành gia đi trên con tàu biết. Trên đường hành trình, các nhà du hành không đem theo lịch, đồng hồ và trong thời gian du hành các chuyên gia mặt đất cũng không nói cho những người trên con tàu biết là hành trình được bao nhiêu ngày. Và khi con tàu đáp xuống hành tinh Y, chắc chắn các phi hành gia sẽ không thể nào biết là mình đã hành trình tốn bao nhiêu thời gian. Vì thời gian là cái thực sự không tồn tại, nên các nhà phi hành không thể biết cái gì gọi là thời gian, khi họ di chuyển trong không gian Vũ trụ. Tất cả, đối với họ trong thời gian này chỉ là một thực tại từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc. Riêng con người trên mặt Đất, biết con tàu đã vận hành mất 10 năm thời gian - căn cứ vào số lần mà Trái đất tự quay quanh trục của nó. Và người

trên hành tinh Y, nói con tàu vận hành mất một năm thời gian, cũng căn cứ vào số lần mà hành tinh Y tự quay quanh trục của nó.

Tương tự như vậy, ta vào trong lòng đất sống một cuộc sống, không có lịch, không đồng hồ, không liên lạc đủ lâu, chắc chắn ta không còn ý thức được cái gì gọi là thời gian. Cái duy nhất mà ta có thể cảm nhận được cái gọi là thời gian chỉ thông qua từng hoạt động sống của chính mình. Trong khoảng thời gian này ta sẽ không thể tính toán được cái gọi là thời gian vì nó thực sự là cái không hiện hữu. Mọi thứ còn lại cho ta trong lúc này chỉ là từng khoảnh khắc, sang khoảnh khắc của trường thời gian vĩnh cửu. Nhưng con người trên mặt Đất có thể ý thức được là ta đã sống được bao nhiêu thời gian trong lòng đất, dựa vào số lần Trái đất tự quay quanh trục của nó.

***“Sự khác biệt giữa quá khứ, hiện tại và tương lai chỉ là một ảo tưởng dai dẳng đến ngoạn cổ.”* Albert Einstein.**

Biểu hiện của thời gian trái ngược hoàn toàn với biểu hiện của Thượng Đế. Thời gian là thứ không có thật, nhưng lúc nào nó cũng cho ta cái cảm giác có thật. Thượng Đế là Đấng hoàn toàn có thật, nhưng lúc nào Thượng Đế cũng cho ta cái cảm giác không có thật. Thượng Đế không thể hiện hữu nếu cái trí của ta vẫn luôn vận hành trong trạng thái tư tưởng, bởi tư tưởng là biểu tượng của thời gian. Thượng Đế chỉ có thể hiện hữu khi cái trí trong trạng thái không thời gian, không tư tưởng, không ký ức. Chừng nào cái trí vẫn còn vận hành cái đã được biết, thì cái chưa được biết sẽ không xuất hiện, sự thật không hiện hữu và Thượng Đế cũng không thể hiện hữu. Chỉ khi nào cái trí trong tình trạng trống rỗng hoàn toàn và thời gian không hiện hữu, sự thật mới có thể hiện hữu.

Thượng Đế đang ở xa chúng ta bao nhiêu không cần biết, Thượng Đế đang hiện hữu trong một trường không gian như thế nào không cần thiết. Nhưng Thượng Đế muốn trải nghiệm một cảm xúc vui hoặc buồn của chúng ta thì Ngài cũng vẫn phải sử dụng trường thời gian đang diễn ra cảm xúc đó. Vì vậy, ta và Thượng Đế hay bất cứ người nào đang hiện hữu trong Vũ trụ đều cùng nhau sử dụng một trường thời gian duy nhất, đồng thời, còn được gọi là trường thời gian vĩnh cửu.

Thượng Đế đã hiển thị ý nghĩa của từ thời gian trong ngôn ngữ Việt.

Thời là thời khắc là thực tại - Gian là gian lận, không thực.

Vậy thời gian là thời khắc gian lận, là thứ không có thật.

Chỉ có không gian là thứ có thực, không gian là không gian dối, nó là thứ hiện hữu chân thực mà chúng ta có thể nhìn ngắm, đo đạc và tính toán nó.

Vì lý do ấy nên chúng ta càng phải thêm yêu quý thực tại, việc ta làm được hôm nay, không hẹn cho ngày mai. Vì mọi thứ chỉ có thể xảy ra ngay tại thời điểm hiện tại và ngay bây giờ. Tương lai, quá khứ chỉ có thể xảy ra trong hiện tại, không còn một trường thời gian nào khác cho chúng ta. Vì thế, chúng ta không nên đặt nặng quá khứ, không để cho những quy định từ quá khứ áp đặt lên hiện tại, mặc dù chúng ta biết rằng quá khứ luôn phủ bóng lên thực tại. Tương tự như vậy, chúng ta không quá kỳ vọng vào tương lai mà phải ý thức và hành động ngay trong hiện tại. Con người không thể nào thay đổi được quá khứ lẫn tương lai, nhưng con người có thể thay đổi mọi thứ trong thực tại.

Chúng ta đã trải qua một cuộc chơi trong bóng tối và bây giờ là lúc chúng ta sẽ phải trải qua cuộc chơi ánh sáng. Chúng ta không thể nói chính xác là cuộc chơi nào dễ dàng hơn cuộc chơi nào. Nhưng chúng ta cũng không thể phủ nhận một sự thật rằng; cuộc chơi có phần thưởng càng lớn, người chơi càng khó đạt được. Thực ra, với cuộc chơi này chúng ta sẽ không bao giờ thua, chỉ có điều là bao giờ thì chúng ta đạt được phần thưởng. Sớm, muộn do ta quyết định, suy nghĩ và hành động của ta trong thực tại quyết định, bởi thời gian thì không chờ đợi ai.



II- Con người nên hành động thế nào để có được sự thức tỉnh?

Với câu hỏi con người nên hành động thế nào để có được sự thức tỉnh, nó dường như là một câu hỏi mà ta đã biết được câu trả và giờ là lúc chúng ta thực hành điều ta đã biết. Trên thực tế nó phải là câu hỏi con người đã hành động như thế rồi, để hôm nay chúng ta có được sự thức tỉnh. Riêng Thượng Đế, câu hỏi được đặt ra cho chúng ta không phải là con người đã làm được bao nhiêu điều thiện, đã hành động được bao nhiêu điều từ bi, bác ái, có được bao nhiêu sự khôn ngoan, có được bao nhiêu kiến thức, tri thức. Nhưng là câu hỏi con người đã làm được bao nhiêu điều ác, thực hiện được bao nhiêu điều xấu xa tội lỗi, trải qua được bao nhiêu sự tối tăm, đau khổ gian truân vất vả trong cuộc đời. Đây mới thực sự là những điều Thượng Đế quan tâm, trước khi đi đến quyết định trợ giúp chúng ta có được sự thức tỉnh. Tương tự như vậy Thượng Đế không quan tâm chúng ta có được bao nhiêu sự thành công thế tục, có được bao nhiêu tiền bạc, tài sản, có được bao nhiêu hạnh phúc, an lạc. Nhưng là quan tâm chúng ta có được bao nhiêu sự thất bại, có bao nhiêu lần nghèo khổ đau thương, trải qua được bao nhiêu bất hạnh, nhận được bao nhiêu tai kiếp trong đời. Sự tốt đẹp, từ bi, bác ái, lương thiện, thành công, hạnh phúc, an lạc, khôn ngoan, tri thức... là những thứ mà Thượng Đế không quan tâm, cho đến trước lúc chúng ta trải nghiệm đầy đủ những gì xảy ra trong thế giới bóng tối, thế giới của đau thương tột cùng và vô cùng tiêu cực.

Và bây giờ cũng chính là lúc, chúng ta đặt ra cho mỗi người trong chúng ta câu hỏi con người nên làm gì tiếp theo trong thời gian tới để có được Nước Thiên đàng, có được sự thức tỉnh hoàn toàn và trở lại với thân phận Thần thánh của chính mình.

Trong thực tế đời sống, người ta làm gì để có tiền, làm gì để trở nên giàu có, làm gì để có được danh tiếng, làm gì để có được quyền lực. Nhưng làm gì để có thể trở nên thức tỉnh nhằm trở lại với thân phận Thần thánh vốn dĩ của mình và có được Nước Thiên đàng thì không thể. Vì trải nghiệm và thức tỉnh là một quy trình, nhưng chúng ta không thể biết được bản thân mình đã hoàn thành quy trình thứ nhất là trải nghiệm tối hay chưa? Cho nên dù ta có cố gắng như thế nào? Hay theo đuổi bất cứ ai? theo đuổi bất cứ hình thức gì? hoặc làm bất cứ cái gì? để ta được hiệu chỉnh, nhằm có được sự thức tỉnh là không thể. Vì vậy mọi việc xảy

đến cho chúng ta đều phải xảy ra đúng lộ trình, trong một quy trình không thể bỏ qua và nóng vội.

Trong tất cả mọi hành động tích cực mà chúng ta hành động trên hành trình trở về, thì từ thiện là việc làm vô cùng quan trọng. Nhưng thường khi nói đến từ thiện chúng ta hay gắn nó với chữ làm, thực ra từ thiện không phải là làm. Ở một cấp độ cao hơn bằng nhận thức tâm linh, thì từ thiện không là làm, nhưng là một hành động từ thiện. Người ta không nói làm chia sẻ, làm giúp đỡ, mà là một hành động chia sẻ, một hành động giúp đỡ người khác, một hành động từ thiện, một hành động thiện nguyện.

Vấn đề quan trọng của chúng ta trong lúc này không phải là làm, mà là ý thức, là thức tỉnh, là giác ngộ. Trước tiên con người phải ý thức được thế giới tâm linh là cái gì? Thượng Đế là ai? Nguồn gốc con người từ đâu? Ta là ai? Ta đến Trái đất với mục đích gì? Sau này ta sẽ đi về đâu và được gì? Và tiếp đến là ta sẽ hành động như thế nào trong thời gian tới để có được điều ta mong muốn? Thực ra khi chúng ta đặt ra câu hỏi Thượng Đế là ai? Không có nghĩa là chúng ta đã thực sự hiểu biết Thượng Đế là ai. Một sự thật mà chúng không thể phủ nhận rằng với hiểu biết, với nhận thức hiện tại của chúng ta thì không có một ai, không có bất cứ một người nào trên thế gian này có thể hoàn toàn hiểu biết sự thật về Thượng Đế. Cái mà chúng ta có thể diễn tả được bằng ngôn ngữ, có thể đặt tên được thì không phải là Thượng Đế thực sự. Nhưng nói như vậy, không có nghĩa là chúng ta hoàn toàn không hiểu biết một tí gì về Thượng Đế. Ý nghĩa thực sự về Thượng Đế của chúng ta trong hiện tại là cái chúng ta có thể cảm nhận được, ý thức được về những sự thật hiện hữu chung quanh ta. Bởi tất cả mọi sự thật hiện hữu chung quanh ta cũng chính là sự thật về Thượng Đế.

Khi con người ý thức sự thật, nó sẽ là động lực thúc đẩy con người tiến đến hoàn thiện chính mình.

Khi con người ý thức được sự thật, con người sẽ không bao giờ chấp nhận lui bước mà là tiến lên.

Khi con người ý thức được sự thật, con người sẽ biết chọn Thiên đàng hơn là địa ngục trần gian.

Khi con người ý thức được sự thật, con người sẽ hành động theo tiếng gọi của linh hồn.

Khi con người ý thức được sự thật, con người sẽ hành động theo tiếng gọi của tình yêu thương từ con tim.

Và khi tình yêu từ con tim lên tiếng, con người sẽ hành động từ bi, bác ái, bao dung, độ lượng, tha thứ, chia sẻ, giúp đỡ...

Khi tình yêu lên tiếng con người sẽ sống vui vẻ, chan hoà, thân ái, đơn giản, mộc mạc, gần gũi, với lòng biết ơn Thượng Đế.

Trải qua các thời kỳ chúng ta đã thực hành rất nhiều các tính cách tiêu cực, giờ là lúc chúng ta hãy mở lòng ra, hãy trao cho con tim một không gian tự do rộng mở, hãy để cho tình yêu lên tiếng. Giờ là lúc hãy để cho ý thức và tình yêu dẫn dắt linh hồn, nếu chúng ta luôn nhận thức được điều đó thì chúng ta sẽ có tất cả.

Giờ là lúc con người phải tự ý thức không để cho những tình cảm như thù hận, ganh ghét, nóng giận, ích kỷ, tham lam, dục vọng, ham muốn, thống trị, sở hữu, lo lắng, sầu não, buồn phiền, vô ơn trời đất mà hãy để nó lắng đọng trong ký ức. Đừng nên khơi dậy những tình cảm này trong tâm trí, dù đôi lúc trong cuộc đời vẫn còn đó nhiều trái ngang xảy ra trước mắt và tác động đến chúng ta.

Nhưng khi những tiêu cực đó tác động đến, chúng ta lập tức nghĩ ngay đến mục đích tốt đẹp sau cùng của ta, nghĩ ngay đến thân phận Thần thánh của mình. Chúng ta phải ngay lập tức vận dụng ý thức của mình chế ngự những tình cảm tiêu cực không cho chúng bộc phát. Mặc dù, chúng ta vẫn biết rằng những thông tin tiêu cực đang tồn tại đầy trong tiềm thức và tàng thức có thể trỗi dậy bất cứ lúc nào. Con người trên thực tế đã sống trong tăm tối và liên tục trải nghiệm các tính cách tiêu cực hàng ngàn năm qua.

Vậy nếu ai nói rằng, tôi sẽ từ bỏ được ngay lập tức các tính cách tiêu cực đã tồn tại trong tâm trí tôi là sai lầm. Vấn đề là chúng ta phải biết rằng chúng ta không thể tách rời nhưng không phụ thuộc vào những kinh nghiệm tiêu cực mà chúng ta đã có. Chúng ta nên biết, con người càng sử dụng lý trí khống chế tình cảm, nó sẽ càng nổi loạn. Sử dụng các hình thức bạo lực, trói buộc, giam hãm, đè nén, kỷ luật, khống chế tình cảm đối với mình hay người khác, tất cả đều dẫn đến thất bại. Khống chế tình cảm bằng phương pháp gọi là từ bỏ ngay tức thì, sẽ không

khác gì lực lượng của nhà cầm quyền khổng chế toàn bộ người dân trong nước, đang đói khát, không nổi loạn.

Ai tự cho rằng, tôi sẽ lập tức thành công trong việc từ bỏ những tính cách tiêu cực sẽ là rất nguy hiểm. Vì bởi, cái mà người khác nhìn thấy được từ họ chỉ là tạm thời, là sự che đậy - nó tương tự như hiện tượng mặt biển lặng yên trước khi Trời nổi lên cơn bão lớn.

Khi con người bước vào thời kỳ trải nghiệm tích cực, mọi thứ cũng sẽ diễn ra như một quá trình không thể nóng vội. Bắt đầu với một số thay đổi nhỏ hằng ngày trong cuộc sống và sự bắt đầu phải từ chính ta, không từ người khác. Trải nghiệm tiêu cực hay tích cực là một tiến trình tự nhiên không thể gò bó và ép buộc, mọi sự áp đặt, cưỡng bách đều dẫn đến thất bại. Để giúp con người có thể trải nghiệm được tiêu cực, Thượng Đế đã bắt đầu cho chúng ta bằng sự thiếu ý thức và tối tăm. Để con người có thể trải nghiệm được tích cực, Thượng Đế sẽ giúp cho chúng ta thức tỉnh trở lại và tiếp nhận tri thức ánh sáng. Vì vậy, mọi sự thay đổi của con người trong thời kỳ này đều phải bắt đầu bằng ý thức và tiếp theo sẽ là hành động. Trên thực tế, con người sẽ không bao giờ từ bỏ được các tính cách tiêu cực mà ta đã có trong quá khứ, nó luôn hiện hữu bất biến vĩnh cửu trong tâm trí của mỗi người. Trong thời điểm hiện tại, vấn đề của chúng ta không phải là từ bỏ mà là thay thế và lấp đầy. Ý thức là cái đầu tiên và cuối cùng có thể dẫn dắt được tâm hồn con người đến với ánh sáng tình yêu tuyệt đối.

- Ví dụ: Một cô gái đang yêu say đắm nhưng vừa mới bị người yêu bỏ rơi. Cảm giác đầu tiên của cô gái là giận dữ, thất vọng, tổn thương, buồn chán và cảm thấy sự cô đơn luôn hiện hữu trong đời sống. Nguyên nhân của các cảm giác này xuất phát từ sự mất mát, mất đi chỗ dựa về tinh thần cũng như vật chất, mất đi chỗ dựa cho tương lai từ ảo tưởng mà cô gái đã dựng lên. Mất đi các cảm giác vui thú về thể xác, mất đi những niềm vui và các thói quen do chàng trai đã từng mang lại.

Tình trạng này nếu tiếp tục sẽ dẫn đến sự tự cô lập, thất tình, suy sụp...

Vì vậy, nếu muốn tình trạng này không còn nữa, nhất thiết cô gái này phải quên đi chàng trai đó. Nhưng sự quên ở đây không có nghĩa là cô gái có thể xóa đi các thông tin đã có về chàng trai, mà là sử dụng liệu pháp thay thế và lấp đầy. Tức là cô gái phải tự mình tìm kiếm và sáng tạo ra các thông tin thay thế. Phương pháp hiệu quả nhất là cô gái phải tự thức tỉnh, tự đứng lên tìm một chàng trai khác để

yêu và được yêu. Khi các dữ liệu thay thế từ mối tình mới càng lúc càng nhiều, càng tốt đẹp nó sẽ lấp dần các dữ liệu cũ thì từ đó, các dữ liệu cũ sẽ khó xuất hiện. Trong trường hợp bất ngờ, cô gái chợt gặp lại người yêu cũ hoặc xuất hiện những kỷ niệm về mối tình xưa, thì lúc này cô gái cũng chỉ nhớ về người xưa như là một kỷ niệm thuộc về ký ức, nhưng không còn cảm thấy đau khổ nữa.

- Ví dụ: Có một đứa trẻ lớn lên trong một khu phố rất phức tạp. Vì vậy, bạn bè của đứa trẻ phần lớn là những đứa trẻ hư hỏng, quấy phá xóm làng, trộm cắp, hút thuốc uống rượu và cờ bạc. Biết vậy nên cha mẹ của đứa trẻ đã rất lo lắng cho con mình, nhưng với bạn bè và môi trường sống như thế, đứa trẻ đã có biểu hiện hư hỏng. Phương pháp tốt nhất giúp cho đứa trẻ không hư hỏng là cắt đứt nguồn dữ liệu dẫn kích hoạt tàng thức của đứa trẻ. Vì vậy, cha mẹ của đứa trẻ phải chọn giải pháp chuyển nhà hoặc cho đứa trẻ tiếp cận với một môi trường mới sống tốt hơn. Giao tiếp với bạn bè tốt, hàng xóm tốt là tiếp cận nguồn thông tin tốt thay thế và lấp dần lên những dữ liệu tiêu cực đã có trong tâm thức.

Tương tự như vậy,

- Ví dụ: Trong khu phố của ta đang sinh sống có rất nhiều ruồi, muỗi, chuột, bọ nhưng những khu phố chung quanh trong thành phố thì không có. Mọi người trong khu phố thường xịt thuốc tiêu diệt, nhưng chỉ được một thời gian chúng lại sinh sôi, nảy nở càng lúc càng nhiều hơn.

Ruồi, muỗi, chuột, bọ...trong thế giới sinh vật chúng đại diện cho thể lực tối. Vì vậy, cũng như các thể lực tối khác, chúng ta sẽ không thể nào có được một cuộc sống tốt đẹp, nếu chúng luôn hiện hữu chung quanh ta.

Vấn đề, của chúng ta không phải là nên tiêu diệt chúng như thế nào mà là thay đổi như thế nào. Nguyên nhân của ruồi muỗi, chuột bọ là vì môi trường sống trong khu phố quá ô nhiễm và dơ bẩn. Vì vậy, muốn chúng không còn nữa, chỉ cần mọi người trong khu phố thay đổi ý thức; bằng cách sống vệ sinh sạch sẽ và chung tay cải tạo môi trường sống chung quanh, tự chúng sẽ biến mất. Chúng ta không thể tiêu diệt hết ruồi muỗi, chuột bọ chung quanh ta nhưng tiêu diệt môi trường sống của chúng chung quanh ta.

Tương tự như vậy, nhưng ta không thể làm thay đổi suy nghĩ và lối sống tiêu cực của người khác, trong môi trường sống chung quanh ta, theo ý muốn của mình.

Cách tốt nhất là ta thay đổi môi trường sống của chính ta, xa rời tiêu cực, tiếp cận môi trường sống tích cực. Đồng thời ta phải tự ý thức, thức tỉnh và luôn biểu hiện lối sống tích cực, tiêu cực sẽ biến mất.

Tương tự như vậy, chính quyền nhiều nước trên thế giới và phần đông chúng ta xem các tổ chức tôn giáo cực đoan và các phần tử khủng bố là mảng tối trong xã hội hiện đại. Vì vậy, chính phủ nhiều nước đã tiêu tốn rất nhiều tiền bạc và vũ khí hiện đại nhằm tiêu diệt khủng bố. Nhưng như những gì chúng ta đã thấy, đã biết càng tiêu diệt khủng bố, khủng bố càng xuất hiện nhiều. Tiêu diệt tổ chức này, tổ chức khác sẽ mọc lên, tiêu diệt nhóm này, nhóm khác sẽ hình thành. Các tổ chức khủng bố như con rắn nhiều đầu, chặt cái này, lập tức cái khác sẽ mọc ra.

Phần lớn tư tưởng của các phần tử khủng bố không vì lòng ham muốn quyền lực, không vì sự sống giàu có, xa hoa. Nguyên nhân gây nên hành động khủng bố xuất phát từ niềm tin mù quáng, mê muội, cuồng tín; từ những nỗi sợ hãi ghê gớm tồn tại trong tâm hồn. Các phần tử khủng bố sợ hãi đủ mọi thứ, sợ Thượng Đế, sợ Thánh Allah, sợ phạm tội, sợ quên mất một lần cầu nguyện, một ngày đi lễ, sợ phạm các nghi lễ tôn giáo. Nhưng có một thứ duy nhất mà ai cũng sợ nhưng các phần tử khủng bố không sợ, đó là cái chết. Vì đối với họ chết là cách tốt nhất đến được Thiên đàng, nếu hành động của họ là bảo vệ danh dự của Thượng Đế, Giáo chủ, niềm tin và tôn giáo của mình. Cho nên họ không sợ chết, họ sẵn sàng tử vì đạo, hy sinh sự sống để có được cái Thiên đàng ảo tưởng nào đó mà họ luôn mong muốn. Đây là lý do quan trọng nhất đang tồn tại, khiến cho lực lượng quân đội các chính phủ không thể tiêu diệt hết các tổ chức khủng bố.

Đối với gần như toàn bộ loài người đến với cái chết thì chúng ta gọi là bị chết, nhưng đối với các phần tử khủng bố họ gọi là được chết. Với một niềm tin vô cùng mãnh liệt, nhưng vô cùng mù quáng, cuồng tín như vậy, nên chúng ta không thể tiêu diệt cái gọi là khủng bố bằng hành động giết chóc, bằng bom đạn, bằng vũ khí hiện đại. Lực lượng quân đội chính phủ các nước trên thế giới không thể tiêu diệt hết khủng bố. Vấn đề không phải là nên giết chết sự sống thể xác của họ như thế nào? Nhưng là tiêu diệt nỗi sợ hãi và niềm tin mù quáng, mê muội tồn tại trong suy nghĩ và tâm hồn họ như thế nào? Tiêu diệt khủng bố không là súng đạn, nhưng là tri thức ánh sáng, là sự thật về Thượng Đế và thế giới tâm linh. Các thế lực chính quyền không thể tiêu diệt hết các phần tử khủng bố, nhưng là các lực lượng Lightworker, những người phụng sự ánh sáng. Nếu các lực lượng này có

thể trợ giúp cho họ nhận thức được đâu là sự thật, đâu là ánh sáng, đâu là bóng tối tự động họ sẽ không làm khủng bố nữa. Môi trường sống của khủng bố không ở bên ngoài, không là sa mạc, núi non, rừng rậm, nhưng là sự cuồng tín và sợ hãi từ phía bên trong tâm hồn của họ.

Những biểu hiện bên ngoài của tất cả mọi vấn đề là thể hiện ý thức và diễn biến nội tâm từ phía bên trong của từng cá nhân, tập thể hay của toàn bộ nhân loại. Khủng bố cũng không ngoại lệ!

Thông tin mà con người sáng tạo ra và tiếp nhận trong quá trình sống, được xếp chồng lên liên tục trong tâm trí từ trên xuống dưới theo chiều thời gian từ kiếp này sang kiếp khác. Nó được ví như những xấp tài liệu được xếp chồng lên liên tục trong một chiếc hộp không có cửa mở, muốn tìm kiếm các tài liệu này phải tìm từ trên xuống dưới. Các thông tin đã được tâm trí ghi nhận càng lâu, càng sâu càng khó truy cập.

Trong hiện tại, hoạt động ý thức của con người rất hạn chế vì nó bị giới hạn trong cơ thể 3d. Cơ thể trong chiều không gian 3d, con người chỉ có thể truy cập thông tin theo một chiều, hoặc là từ trên xuống dưới, hoặc từ ngoài vào trong. Nhưng một khi chúng ta sở hữu cơ thể ánh sáng, con người sẽ truy cập thông tin ký ức và tiếp nhận thông tin mới cực kỳ nhanh chóng. Lúc này con người sẽ truy cập và tiếp nhận thông tin theo phương thức đa chiều kích, đa chiều không gian.

- Ví dụ: Trong cơ thể 3d muốn tiếp nhận nội dung một cuốn sách ta phải lật và đọc từng trang một. Nhưng trong cơ thể ánh sáng ta chỉ cần cầm cuốn sách lên chụp hình nó bằng nhiều chiều kích, nhiều chiều không gian khác nhau. Như người ta chụp hình cắt lớp trong y học, một lúc với hàng trăm chiếc máy siêu nét. Vì vậy ngay tức thì ta sẽ ý thức được toàn bộ nội dung cuốn sách.

Vì các lý do đã nêu, nên trong hiện tại chúng ta không thể thực hiện từ bỏ ký ức mà là chôn vùi ký ức. Chúng ta không thể thực hành từ bỏ các tính cách tiêu cực, mà phải sử dụng nhiều, thật nhiều những biểu hiện hành động tích cực để lấp đầy, chôn chặt những thông tin tiêu cực xuống sâu trong tâm trí. Càng ý thức và hành động tích cực, đời sống con người sẽ càng trở nên tốt đẹp và đầy đủ hơn về mọi phương diện, tương xứng với luật ân điển của Thượng Đế. Đời sống của chúng ta sẽ tốt đẹp và đầy đủ hơn cũng là hình thức Thượng Đế giúp cho con người đẩy lùi các tính cách tiêu cực.

Những người có tầm ảnh hưởng lớn đến Nhân loại, thế giới, đất nước, xã hội càng lớn bao nhiêu thì họ phải càng mau thức tỉnh bấy nhiêu. Họ là những nhà lãnh đạo tôn giáo, chức sắc tôn giáo, những nhà chính trị, lãnh đạo nhà nước, chính quyền- những ông chủ các tập đoàn, ông chủ các doanh nghiệp, ngân hàng - những người tiếng tăm, địa vị và giàu có trong xã hội – những nhà lãnh đạo giáo dục và những nhà lãnh đạo trong lĩnh vực truyền thông...

Vì nhóm người này đã được Thượng Đế trao cho họ quyền lực, danh vọng, tiếng tăm, tiền của, giàu sang và được hưởng thụ nhiều hơn người khác trong hiện tại. Cho nên họ phải có ý thức trách nhiệm hơn với chính họ và với người khác. Sự thức tỉnh tâm linh của họ sẽ góp phần tạo ra tiếng nói có giá trị hơn so với người bình thường. Sự thức tỉnh của nhóm người này sẽ là động lực góp phần thúc đẩy nhiều người thức tỉnh hơn.

Hiện thực thức tỉnh bản thân, chính là hành động trợ giúp người khác. Nhưng họ cũng chính là những người đi đến một hành tinh khác, sớm hơn những người bình thường, nếu họ không lựa chọn cho mình sự thức tỉnh.

Trong thời kỳ thực hành luật hữu vi Thượng Đế sẽ không chấp nhận trì hoãn vì nó sẽ gây nên sự chậm trễ làm phá hỏng kế hoạch vĩ đại của mình. Con người phải chấp nhận chọn một trong hai con đường mà Thượng Đế đã cho phép *“Thức tỉnh trở về với thế giới của Thượng Đế, hay chọn tiếp tục đến với một đời sống tối tăm khác trong thiên hà.”*



III - Sau khi giác ngộ, thức tỉnh con người nên hành động như thế nào?

Thông thường khi đề cập đến giác ngộ, thức tỉnh người ta sẽ nghĩ ngay đến tâm linh. Vì vậy câu hỏi được đặt ra phải là khi con người đã có ý thức thức tỉnh họ sẽ phải thực hành những nghi thức tâm linh nào nữa không? Đây chính là trăn trở của nhiều người đang theo đuổi tâm linh và đã có ý thức giác ngộ. Họ thường là không biết nên hành động như thế nào để làm vừa lòng Ông, Bà Thượng Đế, Ông Phật, Ông Chúa, Ông Thánh, Bà Thần của họ. Họ loay hoay không biết nên theo tôn giáo nào, theo pháp môn nào, theo giáo phái nào sẽ là tốt nhất cho họ? Họ không biết nên nghe theo lời của Ông Phật, lời của Ông Chúa, lời của Chân sư, hay lời của những ông thầy tu, Linh mục, tự xưng mình là bậc tu hành đắc đạo.

Quả thực, con người thật kỳ lạ, gần như tất cả chúng ta không bao giờ dám tin rằng chúng ta chính là nguồn, là chân sư, là Thần thánh, là Thượng Đế thực sự. Chúng ta luôn thiếu vắng niềm tin nơi chính mình để rồi tự làm khổ chính mình. Chân lý là mảnh đất không có lối ra, con người đang sống trong chân lý, tắm mình trong chân lý, con người đang nắm giữ chân lý nhưng con người vẫn cứ mãi đi tìm kiếm chân lý ở tận một nơi xa xôi nào đó. Việc tự làm khổ của chính chúng ta tương tự như việc những nhà khoa học gửi thông điệp vào Vũ trụ với hy vọng nếu trong Vũ trụ thực sự có sự sống trí tuệ khác họ sẽ trả lời. Trong thực tế, cái mà chúng ta luôn mong chờ đã, đang và sẽ luôn luôn hiện hữu trên Trái đất này, ngay bên cạnh chúng ta và ngay trong chính mỗi chúng ta. Nhưng quả thật gần như hầu hết tất cả chúng ta đã không dám tin vào sự thật này mà lại đi tìm kiếm ở tận một nơi xa xăm nào đó trong Vũ trụ.

Đây thực sự là nỗi khổ tâm và trăn trở của nhiều người. Chúng ta thường tự đưa người khác lên tận mây xanh, tâng bốc ca ngợi người khác không tiếc lời, luôn thần tượng người khác nhưng lại luôn đánh giá thấp về mình và luôn tự ty mặc cảm với hiểu biết của mình. Một tư tưởng luôn trông chờ vào một phép màu nào đó, luôn ỷ lại vào một ai đó, luôn phụ thuộc vào một người thầy nào đó, đã làm cho ta không còn sức sáng tạo. Nhưng chúng ta phải biết rằng bản thân ta cũng như ai, không thua kém ai về bất cứ phương diện nào. Vì ta cũng đã được Thượng Đế trao cho ta tất cả mọi thứ như bao nhiêu con người. Chỉ cần ta tự tin phát huy khả năng vô tận đang tiềm ẩn trong chính ta; ta sẽ có tất cả. Chỉ có con

người là hay tự đánh giá thấp về mình, riêng Thượng Đế luôn đánh giá cao về con người.

Sự thật của ta không nằm trong kinh Thánh, kinh Phật, trong triết học, trong Tôn giáo, trong kinh, trong sách hay trong bất kỳ công thức nào. Sự thật của ta không có trong lời giảng của Phật, của Chúa hay bất kỳ Chân sư nào. Cho dù mọi lời giảng dạy của Phật, của Chúa, của Chân sư là chân lý. Cho dù trong kinh, trong sách, trong công thức là sự thật thì tất cả mọi chân lý và sự thật đó cũng không phải là của ta mà là của Ông Phật, Ông Chúa, của những người sáng tạo ra kinh, sách, công thức đó.

Sự thật luôn là sự thật, không ai có thể thay đổi được sự thật. Vậy nếu hỏi sự thật là cái gì? Câu trả lời sẽ là, sự thật không là cái gì cả, bản chất của sự thật đơn giản chỉ là sự thật, ngoài ra không còn có một cái gì khác trong bản chất của sự thật. Bản chất sự thật của mọi sự kiện, mọi vấn đề, mọi thứ, mọi vật không sự thật nào giống với sự thật nào, nó là khác nhau hoàn toàn. Nhưng quả thực, sự thật rất kỳ diệu, nó là thứ rất đơn giản, mộc mạc và dễ gần, sự thật không từ chối bất cứ người nào, không xa lánh bất cứ ai, sự thật không giờ nói không với bất kỳ ai. Chỉ cần người ta có ham muốn, đam mê, theo đuổi, tìm kiếm sự thật, sự thật sẽ xuất hiện với họ. Sự thật hiện hữu khắp hiện hữu khắp nơi, khắp chốn, hiện hữu trong mọi mặt đời sống. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ có được sự thật, nếu ta không tự tìm kiếm sự thật cho chính ta. Sự thật luôn chuyển biến vận hành, thay đổi liên tục trong đời sống của chúng ta, nó là thứ không đứng yên một chỗ. Nói như thế không có nghĩa là chân lý này, sẽ có thể bị thay thế bằng một chân lý khác, chân lý hơn. Nói như thế không có nghĩa là sự thật này có thể bị thay đổi bằng sự thật khác, sự thật hơn. Chân lý là chân lý, sự thật là sự thật, không có gì có thể thay đổi được chân lý, không có gì có thể thay đổi được sự thật. Sự chuyển biến và vận hành của sự thật nói cho dễ hiểu qua các ví dụ sau:

Ví dụ; Năm trước ta sống lang thang hết chỗ này đến chỗ khác, không nhà không cửa là sự thật, nhưng cho đến hôm nay ta đã có nhà có cửa, có cuộc sống ổn định cũng lại là sự thật. Ví dụ; Tháng trước ta sống trong muộn phiền, không thể định hướng cho cuộc đời là sự thật. Nhưng cho đến hôm nay ta đã suy nghĩ thông suốt và có thể định hướng cho tương lai, vì vậy ta đã tìm thấy sự vui vẻ và ý nghĩa cho mục đích sống, nó vẫn là sự thật. Ví dụ; Hôm qua ta không tiền nên phải ăn cháo cho qua bữa, nhưng hôm nay ta được ăn cơm, như vậy hôm qua ăn cháo, ngày

nay ăn cơm đều là sự thật. Ví dụ: Sự thật về số người chết vì bệnh dịch Ebola thay đổi liên tục qua từng ngày. Sự thật về giá vàng thế giới chuyển biến và thay đổi liên tục qua từng giây, từng phút, sự thật về lợi nhuận của một công ty thay đổi qua từng quý.

Con người ta sẽ không bao giờ có thể tìm thấy được chân lý vĩnh cửu, không bao giờ có thể tìm thấy được sự thật vĩ đại. Nếu con người ta không thể ý thức được những sự thật nhỏ nhoi, bình dị xảy ra chung quanh chúng ta.

“Người không coi trọng sự thật trong những vấn đề tiểu tiết cũng không thể tin cậy được trong việc lớn.” *Albert Einstein.*

Vì vậy, trước khi nhìn thấy và hiểu biết được điều xa hơn, người ta phải ý thức và hiểu biết sự thật về những điều xảy ra trước mắt và những gì hiện hữu trong sống. Nếu con người ta không thể ý thức được trên con đường đi của họ có thể sẽ có những ổ gà, những hầm chông chờ sẵn phía trước và ý thức được bản chất sự thật của ổ gà và hầm chông là cái gì, con người ta sẽ không thể đến được nơi mình muốn đến.

Sự thật rất kỳ lạ và rất đặc biệt vì nó không hề giống với bất cứ thứ gì. Người ta có thể đem lại cho người khác bất cứ thứ gì; từ tiền bạc, đến danh vọng, quyền lực, của cải, sự kính trọng, tình yêu và nhiều thứ khác trong sống, ngoại trừ sự thật. Nhưng có một thứ trong sống nhìn thoáng qua có vẻ rất giống với sự thật, đó là hạnh phúc. Tương tự như vậy người ta có thể mang đến cho người khác, bất cứ thứ gì nhằm giúp người đó tự tạo ra hạnh phúc cho chính người đó. Nhưng người ta không thể nào đem hạnh phúc của mình cho người khác. Như đã nói ở phần trên, hạnh phúc là thứ người ta sẽ giữ lại cho chính mình, không là thứ cho đi. Cái mà người ta cần phải cho người khác, nhằm giúp người đó tự tìm thấy hạnh phúc là tình yêu, nhưng không là cho hạnh phúc. Nói là có vẻ giống nhau, nhưng thực ra sự thật luôn giữ cho mình sự khác biệt độc tôn của nó. Vì khi con người ta đã ý thức được sự thật, hiểu biết được sự thật, đã thấu triệt sự thật về một vấn đề nào đó, thì sẽ không có một ai có thể lấy đi sự thật mà họ đã sở hữu. Tương tự như vậy, người ta không thể đem bóng tối vào căn phòng đang tràn ngập ánh sáng, với mục đích làm cho nó tối lại. Nhưng đối với hạnh phúc thì khác, người ta có lấy đi hạnh phúc của người khác bằng nhiều cách khác nhau tương đối dễ dàng. Lấy đi hạnh phúc của người khác, không có nghĩa là người ta có thể sử

dụng hạnh phúc của người đó. Lấy đi nhưng thực ra là đem lại cho người khác điều ngược lại với hạnh phúc. Cũng có nghĩa là người ta đem lại thứ gây ra đau khổ, khiến cho người đó mất đi hạnh phúc của chính họ.

Sự thật và bản ngã là hai thứ có vẻ giống nhau nhất. Vì bản ngã của ta là thứ phải do ta tự tạo ra, người khác không thể đem lại bản ngã cho chính ta. Bản ngã có vẻ giống với sự thật vì tất cả mọi sự thật, không có sự thật nào hoàn toàn giống với sự thật nào và bản ngã của mỗi người là không bao giờ giống nhau với người khác. Bản ngã giống với sự thật vì không ai có thể đánh cắp hoặc lấy mất đi bản ngã hoặc sự thật của chính ta. Sự khác biệt duy nhất giữa sự thật và bản ngã là: Sự thật của ta là thứ phải do ta tự tìm kiếm, còn bản ngã của ta là thứ phải do ta tự tạo nên.

Như đã nói ở phần trên chân lý là sự thật, nói ngược lại sự thật cũng chính là chân lý. Vậy nhưng J. Krishnamurti có ý gì khi nói rằng ***“Chân lý là mảnh đất không có lối mòn”***. Quả thật, câu nói của Ông mang quá nhiều ý nghĩa, ngoài ý nghĩa chân lý là thứ mà mỗi người trong chúng ta phải tự tìm kiếm trên con đường riêng của mình. Hành trình tìm kiếm và thấu triệt chân lý cho ta, thì chỉ có bộ não của ta, ý thức của ta mới có thể tìm thấy được cho chính ta. Đây quả thật là hành trình mang tính độc nhất, không có bạn đồng hành và không có bất cứ một lối mòn nào có sẵn trên đường đi. Ngoài ra sự thật không lối mòn, chân lý không có lối mòn, vì bởi không có sự thật nào giống với sự thật nào, không có chân lý nào giống với chân lý nào. Sự thật của ngày hôm nay không dựa vào sự thật của ngày hôm qua để hình thành. Bản chất sự thật của ngày hôm qua và bản chất sự thật của ngày hôm nay, không bao giờ có sự giống nhau. Chân lý vĩnh cửu, sự thật vĩnh hằng là chân lý vĩnh cửu là sự thật vĩnh hằng. Chân lý hiện hữu và sự thật hiện đang xảy ra không giống với sự thật vĩnh cửu và chân lý vĩnh hằng. Mọi chân lý, mọi sự thật đều có đặc trưng riêng của nó, được hình thành từ bản chất riêng của từng sự kiện, từng sự việc, từng sự vật.

Vì vậy, khi ta muốn nhận biết đâu là sự thật, thì khi tiếp nhận tất cả các nguồn thông tin từ người khác, ta chỉ xem nó là câu hỏi nhưng không là câu trả lời. Và từ những câu hỏi đó, ta phải tự ý thức chúng trên tinh thần không xét đoán và không định kiến, từ đó ta sẽ nhận biết đâu là sự thật. Đây mới chính là sự thật của bản thân, không còn là sự thật của người khác, không còn là sự thật của riêng ai.

“Học từ ngày hôm qua, sống ngày hôm nay, hi vọng cho ngày mai. Điều quan trọng nhất là không ngừng đặt câu hỏi.” *Albert Einstein*.

- Ví dụ: Ta đọc, ta nghe người ta giảng dạy định luật bảo tồn năng lượng, thuyết tương đối rộng, thuyết tương đối hẹp. Nhưng ta không hiểu được nó, không ý thức được về nó, cũng có nghĩa là ta không có sự thật về những điều họ nói, những gì họ giảng dạy. Hành trình tìm kiếm chân lý, tìm kiếm sự thật nhất định phải do ta tự thực hiện. Người khác chỉ có thể giúp ta có được nguyên liệu, dữ liệu về chân lý, về sự thật, nhưng không thể giúp ta có được sự thật cho chính ta.

Sự thật khi được truyền đạt từ người này sang người khác, sẽ không còn là sự thật. Trừ khi người tiếp nhận phải tự mình làm mới nó lại một lần nữa, tự mình lập trình lại một lần nữa bằng ý thức nhận biết của chính mình. Ví dụ rất đơn giản, khi ta nói với người chủ tiệm tạp hoá, bán cho tôi ba viên kẹo. Người bán hàng đưa cho ta ba tổng cộng của anh sáu đồng.

Ba viên kẹo sáu đồng, tức là mỗi viên hai đồng, sự thật đơn giản này thì một người bình thường ai cũng có thể nhận biết. Nhưng là một sự thật dù có đơn giản hay phức tạp đến đâu, thì tất cả đều thể hiện dưới dạng thông tin và con người phải xử lý các thông tin ấy bằng ý thức. Từ lúc tiếp nhận thông tin, cho đến lúc ý thức của ta xử lý xong thông tin là một quá trình bắt buộc, cho dù việc xử lý diễn ra trong tích tắc dễ dàng hay phức tạp dài lâu. Ba viên kẹo sáu đồng, đối với những người bình thường là một thông tin đơn giản. Nhưng với một đứa trẻ không may bị bệnh thiếu năng “down”, thì việc ý thức được sự thật một viên kẹo giá hai đồng, ba viên là sáu đồng không phải là điều dễ dàng. Mặc dù, đứa trẻ bị bệnh cũng là một linh hồn như tất cả mọi linh hồn hiện hữu trong vũ trụ. Vấn đề của con người không phải là ai hơn ai, ai thua ai, nhưng vấn đề là thời điểm của một linh hồn có thể ý thức được sự thật.

- Ví dụ: Có một người nông dân hái được 365 quả xoài, người lái buôn trả cho mỗi quả xoài là 2400 đồng. Sau khi thống nhất giá cả, người lái buôn lấy giấy bút ra tính toán và nói với người nông dân, tổng cộng: số tiền của bà là 876.000 đồng. Như vậy sự thật đã xuất hiện từ phía người lái buôn, nhưng chưa phải là của người nông dân. Đối với người nông dân tại thời điểm này chỉ có thể là niềm tin, chưa phải là sự thật. Vì bởi người nông dân mù chữ và chưa bao giờ biết thế nào là một phép tính cộng hay tính nhân.

Quá trình buôn bán như vậy lặp lại nhiều lần, nhưng người nông dân kia vẫn chưa bao giờ biết được số tiền mình đã nhận có đúng với sự thật hay không? Sự thật chỉ có thể xuất hiện với người nông dân trừ khi, người nông dân kia phải học và biết thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia rành rọt để tự mình kiểm chứng lời nói của người lái buôn.

Trường hợp này chỉ cho biết rằng, ta sẽ không thể nào có được sự thật từ lời nói nào của ai, cuốn sách của ai, công thức của ai, nếu ta không thể tự mình chứng nghiệm và ý thức nhận biết rõ ràng về nó.

- Ví dụ: Có một người thanh niên không bao giờ chấp nhận lời nói của Đức Phật “đời là bể khổ”. Vì bởi người thanh niên kia được sinh ra trong một gia đình giàu có quyền lực, từ nhỏ anh ta đã luôn sống trong nhung lụa giàu sang, muốn gì được nấy. Nhưng không may cho anh ta, một ngày nọ gia đình anh ta gặp nạn và đột nhiên anh ta mất tất cả. Từ đó, anh ta sống trong vất vả, nghèo khổ, bị khinh ghét, khi đó anh ta mới có thể chứng nghiệm được câu nói “đời là bể khổ” của Đức Phật là chân lý.

Vì vậy, khi tiếp nhận bất cứ một thông tin nào, cho dù thông tin đó xuất phát từ đâu thì chúng ta cũng không nên vội vàng xét đoán hoặc chấp nhận ngay tức thì. Vì bởi, xét đoán theo định kiến của ta có khi là sai lầm, dẫn đến phủ nhận sự thật và chấp nhận tức thì, chỉ vì nó phù hợp với ý muốn của ta, có khi không là sự thật.

- Ví dụ: Trong một lần đi chợ ta mua sắm rất nhiều thứ khác nhau và sau khi đã chọn được tất cả các món hàng, người bán hàng trao cho ta một tờ hoá đơn. Vậy số tiền từ tờ hoá đơn kia là sự thật, hay cũng có thể là sai sự thật vì cố ý hoặc vô tình thì ta cũng sẽ không bao giờ biết được, nếu ta không tự kiểm chứng nó.

Trong đời sống, mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với những mối liên hệ khác nhất định phải có niềm tin. Nhưng niềm tin không phải là sự thật, niềm tin không thể thay thế được sự thật. Khi sự thật hiện hữu thì niềm tin chỉ còn là dĩ vãng.

- Ví dụ: Ta đang rất cần một số tiền là 5 triệu để chữa bệnh và có người bạn hứa 16h ngày mai tôi sẽ cho bạn mượn số tiền này. Từ khoảnh khắc người bạn đưa ra lời hứa cho đến 16h ngày hôm sau, ta chỉ có thể tin chứ chưa phải là sự thật. Chỉ

đến khi người bạn cầm số tiền 5 triệu đưa tận tay ta, đây chính là khoảnh khắc của sự thật hiện hữu và tự động niềm tin chỉ còn lại là dĩ vãng.

Tương tự như ví dụ trên, khi Đức Chúa Giê-su hứa với Loài người nếu tin vào lời rao giảng của Ông ta thì con người sẽ có Nước Trời. Từ lúc, tiếp nhận lời hứa cho đến lúc con người có được Nước Trời, chúng ta chỉ có thể tin và thực hành trong niềm tin nhưng chưa phải là sự thật. Đến khi nào chúng ta thực sự có được Nước Trời thì lúc đó mới là sự thật hiện hữu, khi sự thật hiện hữu thì niềm tin không còn hiện hữu. Sự thật hiện hữu là sự thật hiện hữu, sự thật tồn tại trong ý thức nhận biết là chân lý. ***“Phúc thay cho những ai không thấy mà tin”*** Hỏi rằng Chúa Giê-su đã có ý gì mà nói như vậy? Quả thật, đây thường là cách nói của các chân sư, nói một nửa để lại một nửa, nói một phần che đậy một phần. Không thấy mà tin hoá ra những niềm tin kiểu như vậy là mù quáng, mê muội hay sao? Ở đây trong câu nói này, ý của Ông ta cho chúng ta biết, điều chúng ta không thấy bằng mắt thường, nhưng thấy bằng ý thức nhận biết từ phía bên trong và tin tưởng vào những điều ta đã ý thức đó, mới thực sự là phúc. Nói ngược lại, tin mà không thấy bằng mắt thường từ phía bên ngoài và cũng không thấy bằng ý thức nhận biết từ phía bên trong. Thì quả thật, đấy tất cả là những niềm tin mù quáng và mê muội.

Những gì ta không trông thấy, không phải là những thứ không chứa đựng sự thật. Nhưng tất cả những điều ta trông thấy và không trông thấy đều chứa đựng sự thật. Trong thế giới trần tục người ta chỉ thực sự tin khi hiểu biết và cảm nhận được sự thật bằng ngũ quan. Nhưng với những người theo đuổi thế giới tâm linh ngược lại, họ tin tưởng và cảm nhận sự thật bằng ý thức nhận biết từ phía bên trong. Trong thế giới tâm linh rất nhiều sự thật con người không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng có thể nhìn thấy bằng ý thức nhận biết từ bên trong.

Người theo đuổi khoa học chứng minh cái trông thấy, người theo đuổi tâm linh chứng minh cái không trông thấy. Bởi vậy, con người tin vào khoa học hơn là tin vào tâm linh. Nhưng trên thực tế, đôi khi cái người ta nhìn thấy và tưởng rằng nó là sự thật cần phải theo đuổi lại không là sự thật. Người theo đuổi khoa học, phần lớn không tin vào tâm linh. Nhưng người theo đuổi và thực sự hiểu biết về tâm linh luôn tin tưởng vào khoa học và xem tâm linh và khoa học là một, không có sự chia tách. Chỉ đến khi nào những nhà khoa học hiểu biết về thế giới tâm linh,

trên con đường theo đuổi khoa học, thế giới của chúng ta mới có thể sở hữu được công nghệ siêu đẳng, thuộc hàng công nghệ tâm linh.

Trên thực tế không phải bất cứ cái gì mà con người có thể cảm nhận bằng ngũ quan đầy đủ đều mang tính chân thật.

- Ví dụ: Có một chàng trai con độc nhất của một gia đình giàu có nọ, yêu một cô gái gia cảnh bình thường, nhưng rất xinh đẹp. Cha mẹ chàng trai phản đối quyết liệt, vì cho rằng cô gái không thực sự yêu con trai mình, mà chỉ yêu tiền của gia đình mình. Riêng chàng trai không nghĩ vậy, bởi trong mắt của chàng trai, cô gái là người tốt và không có biểu hiện gì gọi là tham tiền. Sự xung đột giữa hai bên đã nảy sinh, vì vậy chàng trai dọn ra ngoài ở riêng và sống tự lập không dựa vào gia đình nữa. Trong thời gian này cô gái chẳng những cô gái không phiền trách gì chàng trai, ngược lại cô ta luôn chăm sóc cho anh ta rất chu đáo.

Nhưng để chứng minh cho nhận định của mình là hoàn toàn đúng nên cha mẹ của chàng trai sử dụng chiến lược không đã động đến mối quan hệ của con trai nữa. Nhưng hai người đã lên một kế hoạch thử lòng cô gái nhằm chứng minh cho con trai nhận ra sự thật. Bằng cách bán đi ngôi biệt thự sang trọng, thuê một căn nhà nhỏ tồi tàn sống và tuyên bố với mọi người rằng mình đã phá sản và nợ nần rất nhiều. Ngoài ra, ông bà còn thuê một chàng trai đẹp đóng giả làm người giàu có và theo đuổi cô gái ráo riết. Và điều gì đến sẽ phải đến, chưa đầy ba tháng sau cô gái đã từ bỏ chàng trai con nhà giàu có thực sự, chấp nhận chàng trai giàu có giả dạng.

Từ một ví dụ đơn giản như vậy, có thể nói cho chúng ta biết rằng không phải bất cứ cái gì ta nhìn thấy được, nghe được, cảm giác được cũng đều mang tính chân thật. Ví dụ; Có khá nhiều người trong thành phố đánh giá chàng thanh niên nọ là người không tốt, bởi cách sống của anh ta có vẻ không đàng hoàng, mang dáng dấp của một kẻ lưu manh, côn đồ. Nhưng sau khi trong thành phố xảy ra một vụ án lớn và kết thúc, người ta mới biết rằng chàng thanh niên ngày nọ, là nội gián của lực công an. Vì vậy, cách nhìn của họ đối với chàng trai đã thay đổi. Trong thực tế cuộc sống, không có bất cứ một người nào có thể nói cho ta biết được đâu sự thật. Chúng ta không thể hỏi người khác về sự thật, nhưng là hỏi chính ta. Sự thật không phải lúc nào cũng ở từ phía bên ngoài, nơi mà ta có thể nhìn thấy,

nghe được, nhưng là cái mà ta có thể cảm nhận, nhìn thấy từ phía bên trong ý thức của chính ta.

Chúng ta có thể tin vào bất cứ điều gì, nhưng niềm tin phải được dựa trên nền tảng nhận biết của ý thức. Chúng ta không nên tin vào bất cứ cái gì, tin vào lời nói, lời hứa của bất cứ ai mà không dựa vào ý thức nhận biết của chính ta. Niềm tin được hình thành bởi lời nói, lời hứa, công thức của ai đó, nhưng nếu ta không thể nhận thức được nó là sự thật. Thì tất cả mọi niềm tin kiểu như vậy đều là mù quáng, mê muội cho dù những niềm tin này được xuất phát từ đâu. Tin tưởng một người được dựa trên nền tảng đạo đức và sự thật mà người đó thể hiện là niềm tin xác đáng. Nhưng tin tưởng một người chỉ vì thân phận của người đó, mà không cần xét tới các yếu tố đạo đức của họ trên nền tảng sự thật, thì quả thật đó chỉ là những niềm tin sai lệch, mù quáng. Ví dụ: Có một người sau khi nhập đồng, hay đang trạng thái bình thường tự xưng mình hiện thân của Đức Phật, hiện thân của Thượng Đế là Nguyên Thần Thượng Đế. Và vì tất cả những điều này nên có rất nhiều người tin tưởng theo đuổi họ, phụ thuộc vào họ và cung phụng ý muốn của họ. Nhưng nếu quan sát thực tế chúng ta nhận thấy rằng, những lời họ rao giảng, điều họ nói và gần như tất cả mọi phát ngôn của họ không dựa trên nền tảng của chân lý và sự thật. Họ chỉ phát ngôn toàn những lời sắc mùi mê tín, dị đoan, nói toàn những lời hăm dọa, đe dọa, trừng phạt và ban thưởng nhằm khống chế tinh thần, trói buộc tư tưởng người tiếp cận. Và cùng với thời điểm đó ta gặp một người có thân phận bình thường, học vấn không cao, không bằng cấp, không tiếng tăm, địa vị. Ngoài ra người này cũng không phải là người tu hành, không là đạo sư, minh sư gì cả và cũng không tự xưng mình là ai. Nhưng những lời nói của người này đơn giản dễ hiểu và ẩn tiềm nhiều chân lý, chứa đựng nhiều sự thật.

Vậy hỏi ta nên tin tưởng ai và nên theo đuổi ai một trong hai người; chỉ có ta mới có thể trả lời được câu hỏi này cho chính ta. Trên thực tế, muốn trả lời câu hỏi này thì tự mỗi chúng ta phải có ý thức nhận biết và vận hành ý thức tự phân biệt đâu là ánh sáng, đâu là bóng tối, đâu là thực đâu là giả. Và phải tự tách rời ra khỏi đám đông, không bị phụ thuộc bởi đám đông và không bị ảnh hưởng bởi hiệu ứng đám đông. Và khi chỉ còn lại một mình ta, duy nhất chỉ một mình ta sự thật mới có thể xuất hiện với ta.

Nhiều người đã tan gia bại sản vì những niềm tin như vậy.

Nhiều người mất cả tình lẫn tiền, ôm hận và đau khổ vì những niềm tin kiểu ấy.

Nhiều người trở nên điên khùng thực sự, vì quá tin vào đồng bóng, linh hồn, ma quỷ, Thần thánh, pháp sư, thầy cúng... kiểu như vậy.

Trong lịch sử thế giới đã có không ít những sự kiện, mà hầu như cả thế giới đều tin và chấp nhận nó như là một sự thật, nhưng trên thực tế nó lại không phải là sự thật.

- Ví dụ: Trước đây hầu như mọi người đều tin Trái đất là trung tâm và Mặt trời quay quanh Trái đất, cho đến khi nhà thiên văn **Nicolaus Copernicus** phát hiện thì ra Trái đất xoay quanh Mặt trời mới là sự thật. Nhưng tại thời điểm đó sự thật chỉ là của **Nicolaus Copernicus**, chứ không là của mọi người. Sự thật chỉ thực sự hiện hữu khi mỗi chúng ta tự nhận thức đầy đủ về nó, trường hợp Trái đất quay quanh Mặt trời là sự thật không thể chối cãi.

Tương tự như vậy, hiện tại có rất nhiều người tin rằng; thuyết tiến hoá của **Charles Darwin** là sự thật vì nó có thể giúp giải thích nguồn gốc của con người. Hoặc có rất nhiều người tin rằng; Thượng Đế sẽ căn cứ vào hành vi của con người mà trừng phạt hay ban thưởng. Những niềm tin kiểu như thế này liệu có phải là sự thật hay không thì tự mỗi người phải kiểm chứng từ phía bên trong nội tại chân ngã của chính mình. Phân biệt là cực kỳ quan trọng khi chúng ta muốn thay thế những kiến thức lạc hậu không chân thực bằng những hiểu biết mới mẽ chân thực. Niềm tin của chúng ta sẽ không được soi sáng, vì những hiểu biết thiếu chân thực không còn phù hợp với thời đại mới.

Người ta có thể nhận thức đầy đủ về bất cứ một vấn đề gì để xác định niềm tin, nó còn gọi nhận thức về các niềm tin cốt lõi. Nhưng không nên lúc nào cũng đòi hỏi là phải nhìn thấy sự thật trước khi tin. Nếu con người luôn đòi hỏi sự thật, nhất là sự thật về thế giới tâm linh thì con người sẽ không thể tiếp cận được bất cứ sự thật nào. Vì khởi đầu của sự thật là niềm tin - niềm tin là nền tảng là cơ sở, là khởi nguồn cho con người tìm thấy chân lý và sự thật. Và mọi điều xảy ra trong cuộc sống vẫn không có gì khác biệt, khởi đầu cho sự thành công, giàu có, quyền lực... đều bắt đầu bằng niềm tin. Niềm tin là trung gian, là chiếc cầu nối giữa ước mơ và hiện thực, giữa đam mê và thành công.

Chân lý và sự thật thực ra chỉ là một, nhưng chân lý là cái người ta dùng để lý luận về sự thật, trình bày lý lẽ về sự thật, là công cụ diễn đạt, thể hiện sự thật bằng các phương tiện như lời nói, kinh, sách. Một sự việc diễn biến, một tội ác xảy ra, một hành động thánh thiện, Địa ngục, Thiên đàng, Thượng Đế không là chân lý nhưng là sự thật. Chỉ đến khi người ta sử dụng ngôn ngữ để diễn tả, diễn đạt bản chất của mọi sự kiện, trên nền tảng sự thật bằng lời nói, bằng kinh, bằng sách, bằng công thức khi đó sự thật trở thành chân lý. Nói đến chân lý là nói đến quá khứ, vì khi sự thật chưa hiện hữu, thì chân lý cũng không thể xuất hiện. Người ta chỉ có thể trình bày, diễn đạt, diễn tả, lý luận cái đã có, điều đã xảy ra, nhưng người ta không thể trình bày, diễn đạt, diễn tả, lý luận cái chưa có, điều chưa xảy ra. Nhưng riêng sự thật thì khác, sự thật từ ngay hôm qua, sự thật xảy ra hôm nay, sự thật của ngày mai. Vì vậy sự thật có thể xuất hiện trong cả ba thì: quá khứ, hiện tại và tương lai. Chân sư là bậc thầy về sự thật, vì vậy lời nói của họ rất minh triết, mang nhiều chân lý. Họ là những người thức tỉnh hoàn toàn, nên họ luôn hiểu biết rất rõ ràng đâu là sự thật. Sự thật có thể đến từ các nguồn vật lý hữu hình hoặc siêu hình, sự thật hiện hữu khắp nơi, khắp chốn trong muôn mặt đời sống. Nhưng chân lý chỉ có thể tồn tại trong ý thức nhận biết của con người.

Sự thật đến từ Thượng Đế; khác với lời nói, hình ảnh đến từ Thượng Đế, từ Thần thánh, từ các nguồn như thiền định, yoga, ngoại cảm hay đến với bất kỳ phương thức nào. Ngôn từ Thượng Đế không thể nói lên sự thật về Thượng Đế, sử dụng phương tiện ngôn ngữ để diễn tả sự thật trên thực tế có rất nhiều hạn chế. Ngôn ngữ chưa từng bao giờ là thứ có thể dùng để diễn tả hết bản chất của sự thật. Ngôn ngữ mà Thượng Đế trao cho con người thực ra chỉ là công cụ cho trường trải nghiệm trần thế, nhưng không là công cụ hoàn hảo nhất dùng để diễn đạt hết bản chất của sự thật. Bản chất của sự thật không phụ thuộc vào ý kiến của bất kỳ ai, cho dù ý kiến đó có minh triết đến đâu. Sự thật của vấn đề phải được tìm thấy trong bản chất của sự kiện từ chính ta. Chân lý không tồn tại trong niềm tin của tâm hồn mà nó hiện hữu trong ý thức nhận biết. Tương tự như người ta ý thức Trái đất xoay quanh Mặt trời không chỉ là niềm tin mà là sự thật. Mặc dù, phần lớn chúng ta chưa một lần ra ngoài không gian Vũ trụ để nhìn ngắm Trái đất đang xoay quanh Mặt trời.

Chúng ta nên biết rằng, không phải lúc nào những lời rao giảng của Ông Phật, Ông Chúa hay của bất cứ của một Chân sư nào nói ra cũng đều mang tính chân

thật. Trong các thời kỳ trước đây, trong hoàn cảnh mà Loài người trên Trái đất đang trải nghiệm mặt trái Thiên đàng thì những lời nói của Họ không bao giờ, bao gồm toàn bộ sự thật. Nhưng hành động của họ là để chỉ nhằm giúp con người hoàn thành sứ mệnh trải nghiệm của chính con người.

Ngay cả trong thời kỳ tiếp nhận ánh sáng có không ít thông điệp từ các Thiên thần gửi đến cho Loài người thông qua những người phụng sự ánh sáng (Lightworkers' Guidelines). Nhưng không phải tất cả những gì mà Họ đã truyền đạt trong mỗi thông điệp cũng đều là sự thật, hướng chỉ trong các thời kỳ trước tất cả những điều Họ nói đều là sự thật. Trong tất cả các thông điệp của Họ gửi đến cho loài người từ trước đến nay, có bao nhiêu phần là sự thật, bao nhiêu phần được che dấu, bao nhiêu phần nhiễu loạn, chúng ta không thể nào biết được. Vấn đề của Thượng Đế và các chân sư không phải là che dấu, không là nhiễu loạn, mà là dữ liệu là tri thức của Nhân loại có được bao nhiêu trong thời điểm tiếp nhận thông điệp. Từ cấp độ cá nhân cho đến cấp độ Nhân loại, Thượng Đế và các chân sư luôn biết nên truyền đạt thông tin gì, ở cấp độ nào cho phù hợp với ý thức nhận biết hiện hữu của đối tượng. Thượng Đế và các chân sư không thể truyền đạt các thông điệp vượt khả năng hiểu biết của đối tượng. Phần lớn, các thông điệp từ các Đấng gửi đến thực ra chỉ là những câu hỏi có chất lượng cao hơn dành cho đối tượng, không là giải thích. Tất cả thông điệp của các Đấng gửi cho con người đều dựa trên nền tảng của sự thật, nhưng sẽ là sự thật cho những ai biết trả lời cho chính mình. Che giấu và nhiễu loạn không là ác ý nhưng là dành cho con người một cơ hội, nó còn được gọi là cơ hội tiến hoá.

Thực ra, tất cả mọi chân lý, mọi sự thật mà Thượng Đế, Phật, Chúa và các chân sư trao cho Nhân loại không bao giờ là một cỗ bánh hoàn hảo, nhưng nó chỉ là nguyên liệu. Và từ các nguyên liệu này mỗi người phải tự làm ra cho mình một cỗ bánh hoàn hảo theo tính cách, theo sở thích của chính mình. Đó cũng chính là chân lý, ***“Chân lý là mảnh đất không có lối mòn”*** của J. Krishnamurti. Nhưng trong thực tế đời sống, chúng ta quan sát và nhận ra rằng, không phải ai cũng là người thích tự mình làm bánh, mà chỉ thích ăn bánh do người khác đã làm sẵn. Nếu đã như vậy thì ta sẽ không bao giờ có được chân lý, không bao giờ có được một nhận thức thấu triệt về sự thật cho chính ta.

Chỉ đến khi nào chúng ta thực sự quan tâm theo đuổi với niềm đam mê hết mực và tự chứng nghiệm tất cả bằng ý thức nhận biết từ bên trong của chính mình.

Lúc đó, chúng ta mới có thể nhận biết được đâu là sự thật, đâu là điều không thật. Đam mê là nguồn cung cấp năng lượng cho cỗ máy thành công. Một người luôn sống và làm việc với niềm đam mê cháy bỏng dễ thành công hơn người có tài năng nhưng không có đam mê. Một người tài năng nhưng sống và làm việc không có niềm đam mê rất dễ dẫn đến thất bại. Tài năng không đồng nghĩa với thành công, tài năng chỉ là một bộ phận trong vận hành của cỗ máy thành công.

Sự thật của ta không ở trong người khác, mà sự thật ở trong chính chúng ta. Sự thật của mọi linh hồn hiện hữu trong đại Vũ trụ là sự thật Thượng Đế.

Nhưng trong thực tế, có rất nhiều người luôn né tránh sự thật, từ chối sự thật và không cần tìm kiếm sự thật, nhất là sự thật về thế giới tâm linh. Vì nếu nhìn thấy và chấp nhận sự thật từ thế giới tâm linh, họ sẽ phải từ bỏ rất nhiều thứ mà họ đã tích lũy cả đời; từ kiến thức đến danh vọng, tiền của vv... Vì vậy, họ thà chối bỏ sự thật, chối bỏ Thiên đàng cái mà họ đã cố gắng thuyết phục chính mình nó là ảo tưởng, còn hơn là từ bỏ những gì mà họ đang sở hữu. Thực ra, những gì mà họ đang sở hữu, đang cố níu kéo, bám chặt vào nó trong đời sống thế tục chỉ là ảo tưởng. Trong thế giới trần tục, mọi thứ rồi sẽ qua mau, tất cả chỉ là công cụ cho một trường trải nghiệm của trần gian. Mọi thứ nơi đây là hoàn toàn có thật, nhưng là sự hiện hữu cho một kết thúc ngắn ngủi, vô thường, không trường tồn với con người. Trong thời kỳ hữu vi con người sẽ không thể nào sở hữu dài lâu được bất cứ cái gì xuất phát từ một tư tưởng sai lầm, tăm tối, tiêu cực.

Trong thời kỳ mới, mỗi chúng ta phải tự ý thức khẳng định mình, tự tin vào khả năng của chính mình. Phụ thuộc vào tôn giáo nào, phụ thuộc vào pháp môn nào, phụ thuộc vào bất cứ người nào; là ỷ lại. Tư tưởng phụ thuộc sẽ chặn đứng con đường phát triển tâm linh, hạn chế sức sáng tạo, đánh mất tự do và không thể nào tiếp cận được sự thật. ***“Tự do đầu tiên và cuối cùng”*** J. Krishnamurti.

Con đường là riêng cho mỗi người, chúng ta phải có tự do để sáng tạo bản ngã cho chính mình. Chúng ta không nên quá bận tâm, quá chú ý là người khác nghĩ gì, làm gì, vấn đề là chúng ta nên nghĩ gì và hành động như thế nào. Chúng ta không thể chịu trách nhiệm về việc người khác nghĩ gì và làm gì. Chúng ta chỉ có thể chịu trách nhiệm về suy nghĩ và hành động của chính chúng ta. Nếu ta ý thức rằng; suy nghĩ và hành động của ta là đạo đức, là ý thức hành động trong sự thật

thì việc người khác khen hay chê, ta không nên quá bận tâm và quan trọng hoá điều họ nghĩ, điều họ nói.

Bản ngã của mỗi người được sáng tạo nên bởi chính ý thức và hành động của người đó. Người khác không thể suy nghĩ và hành động giúp cho ta tạo nên bản ngã của ta. Vì vậy, phụ thuộc vào người khác, phụ thuộc vào một thế lực nào, phụ thuộc vào bất cứ tổ chức nào là tự đánh mất chính mình. Linh hồn của ta có được tự do hoàn toàn hay không, phụ thuộc vào chính ta không do người khác. Bản ngã, thực chất của bản ngã đơn thuần cũng chỉ là cái tôi không hơn không kém. Nhưng là để cái tôi của ta trở thành cái tôi cao cả cho sự hoà nhập với tổng thể, nhưng không là cái tôi trong sự phân biệt chia rẽ. Mỗi chúng ta nếu không có được một bản ngã cho riêng của mình, sẽ không thể thực hiện được việc hoà nhập với tổng thể, nhưng là hoà tan trong tổng thể. Vì khi bị hoà tan từ góc nhìn tổng thể ta thấy dường như mình không tồn tại trong đó.

Tương tự như vậy nếu ta không có bản ngã của riêng mình, ta như hạt đường nhỏ bị hoà tan trong ly nước cùng với những hạt đường khác, để rồi sau khi bị hoà tan ta không còn nhìn thấy ta hiện hữu trong tổng thể ly nước. Ta chỉ nên trở thành chính ta, nhưng không là một ai đó để ta cố gắng trở thành. Tôi và bạn tạo nên thế giới, tôi và bạn và mọi sự liên hệ trong sống tạo nên tổng thể. Thượng đế là cái, tạo ra cái, tạo ra cái tổng thể, vì vậy Thượng Đế được coi là đại diện cho tổng thể, là tổng thể được hình thành từ mỗi cá thể của chúng ta và tất cả hiện hữu gộp lại. Tổng thể luôn chuyển động và thay đổi liên tục, sự thay đổi liên tục của tổng thể diễn ra phụ thuộc vào sự sáng tạo của mỗi cá thể, góp phần xây dựng nên tổng thể. Mỗi cá nhân trong chúng ta, mọi lúc mọi nơi đều có phần đóng góp cho tổng thể, bằng suy nghĩ, bằng hành động có ý thức hay trong vô thức, nó còn được hiểu ta là người đồng sáng tạo cùng Thượng Đế. Nó còn được hiểu ta là người đồng sáng tạo cùng Thượng Đế. Từ bản ngã của mỗi cá thể góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng, sinh động cho tổng thể. Vì vậy, không có cái gọi là diệt ngã, mà mỗi chúng ta phải tự sáng tạo bản ngã cho chính mình, một lần nữa, một lần nữa liên tục bất biến vĩnh cửu. Bởi vì bản ngã của mỗi chúng ta là một viên gạch, là nền tảng, là thành viên, là thứ không thể thiếu để góp phần xây dựng cho ngôi nhà tổng thể hoàn hảo.

Sáng tạo bản ngã là điều mà Đức Chúa Giêsu đã từng nhắc nhở cho chúng ta thông qua dụ ngôn ;

Dụ ngôn những yến bạc(Lc 19: 12 -27), Tân ước Mátthêu - Chương 25, câu 14-30. ¹⁴ "Quả thế, cũng như có người kia sắp đi xa, liền gọi đầy tớ đến mà giao phó của cải mình cho họ.¹⁵ Ông cho người này năm yến, người kia hai yến, người khác nữa một yến, tùy khả năng riêng mỗi người. Rồi ông ra đi. Lập tức,¹⁶ người đã lãnh năm yến lấy số tiền ấy đi làm ăn buôn bán, và gây lời được năm yến khác.¹⁷ Cũng vậy, người đã lãnh hai yến gây lời được hai yến khác.¹⁸ Còn người đã lãnh một yến thì đi đào lỗ chôn giấu số bạc của chủ.¹⁹ Sau một thời gian lâu dài, ông chủ đến tính sổ với các đầy tớ và thanh toán sổ sách với họ.²⁰ Người đã lãnh năm yến tiến lại gần, đưa năm yến khác, và nói: "Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi năm yến, tôi đã gây lời được năm yến khác đây."²¹ Ông chủ nói với người ấy: "Khá lắm! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!"²² Người đã lãnh hai yến cũng tiến lại gần và nói: "Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi hai yến, tôi đã gây lời được hai yến khác đây."²³ Ông chủ nói với người ấy: "Khá lắm! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!"²⁴ Rồi người đã lãnh một yến cũng tiến lại gần và nói: "Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi."²⁵ Vì thế, tôi đâm sợ, mới đem chôn giấu yến bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy!"²⁶ Ông chủ đáp: "Hỡi đầy tớ tồi tệ và biếng nhác! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi,²⁷ thì đáng lý anh phải gửi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ!"²⁸ Vậy các ngươi hãy lấy yến bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yến.²⁹ Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi.³⁰ Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài: ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng."

Thực tế từ dụ ngôn trên, Chúa Giêsu nói cho chúng ta biết, con người đến với thế gian là để tìm kiếm kinh nghiệm, trải nghiệm và sáng tạo ra bản ngã cho chính ta, nhưng không là tẩu thoát, không là tìm nơi trú ẩn an toàn. Tốt cũng thuộc về bản ngã, xấu cũng là bản ngã, thiện ác, đúng sai tất cả mọi điều, mọi thứ mà chúng ta kinh nghiệm qua, trải nghiệm qua, tất cả đều thuộc về bản ngã của chính ta. Sáng tạo bản ngã không có nghĩa là chỉ tìm kiếm, trải nghiệm qua những gì thuộc về tốt đẹp, lương thiện, từ bi, bác ái nhưng là tìm kiếm trải

nghiệm qua tất cả mọi điều, mọi thứ ánh sáng cũng như bóng tối. Tùy vào khả năng của mỗi người trong đời sống trần thế mà tự mình sáng tạo nên bản ngã cho chính mình. Nhưng tất cả phải hành động và tự mình thực hiện việc sáng tạo ra bản ngã, sáng tạo ít hay nhiều không quan trọng, mọi thứ còn tùy thuộc vào khả năng của từng linh hồn. Nhưng không được thụ động, không được tẩu thoát, không nên tìm kiếm sự trú ẩn an toàn. Trong một cuộc chiến, thì mọi người phải cùng nhau ra trận, mọi người phải góp phần xông pha trong trận chiến, không bằng cách này thì cách khác, thì lúc chiến thắng ta mới có thể chia sẻ vinh quang cùng mọi người. Thử hỏi, mọi người đều tham gia chiến đấu, riêng ta thì lại tìm cho mình một cái lô cốt nào đó để trú ẩn và chỉ chờ cho cuộc chiến đi đến thắng lợi cuối cùng, ta xuất hiện chia sẻ vinh quang được sao?. Trong cuộc chiến có tướng tất nhiên phải có quân, tùy theo khả năng của mỗi người trong từng vị trí của cuộc chiến. Nhưng đều quan trọng là tất cả phải quyết tâm, phải xông pha chiến đấu hết sức mình thì mới có thể đi đến thắng lợi cuối cùng. Tương tự như vậy, cuộc chơi tiến hoá mà Thượng Đế sắp đặt cho Nhân loại, thì tất cả cũng phải cùng nhau tham gia vào cuộc chơi, cùng nhau hành động và khi thắng lợi cuối cùng đến, ta mới có thể cùng nhau chia sẻ vinh quang với mọi người. Nhưng nếu bản thân ta không tham gia cuộc chơi, không tham gia hành động nhưng chỉ muốn tìm nơi an nhàn trú thân, thấy khó khăn, đau khổ là tìm cách tẩu thoát, thử hỏi làm sao ta có được phần thưởng cho chính ta. Ta không vào Địa ngục thì ai sẽ là người thay ta vào Địa ngục.

Mỗi con người phải tự đi trên con đường do mình sáng tạo ra, không thể đi trên con đường của người khác đã đi qua. ***“Chân lý là mảnh đất không có lối mòn”***
J. Krishnamurti.

Hãy sống cho mình, hãy yêu thương chính mình; cho mình là cho người khác, yêu thương mình là yêu thương người khác như yêu thương chính mình. Thực ra đã rất nhiều chân sư, đạo sư đã nói nhiều đến điều này, nhưng để hiểu rõ lời họ nói, để có thể thấu triệt được sự thật từ lời họ khuyên không là điều dễ dàng. Bởi những gì họ nói là rất trừu tượng, khó hiểu và rất khó cảm nhận được từ trong sống. Nói rằng cho người khác là cho mình, chia sẻ cho người khác là yêu thương mình, thực sự là điều khó hiểu. Bởi khi ta cho người khác cái gì là ta đã mất đi cái đó, ta chia sẻ cho người khác cái gì cũng có nghĩa là ta sẽ bị ít đi cái ta đang có. Nhưng không vì vậy mà ta sống ky bo, ích kỷ, giữ gìn, tích lũy và chỉ biết có bản thân không cần quan tâm đến người khác. Nếu ta làm như vậy, không

có nghĩa là ta sai, ta là người xấu, nhưng là ta không biết yêu thương chính bản thân mình, không có lợi cho mình. Bản chất là bản chất không có đúng, không có sai, không có tốt không có xấu. Ví dụ; Cùng là một hành động dùng súng giết người, nhưng một người dùng súng giết người để cướp của, còn người kia dùng súng giết kẻ thù trên chiến trường. Vì vậy, người ta sẽ cho rằng người lính giết chết kẻ thù là anh hùng, ngược lại kẻ cướp giết người là gây tội ác. Trên thực tế, việc làm của hai người là hoàn toàn giống nhau về bản chất. Vì cả hai cùng làm một việc như nhau nhằm tước đi sinh mạng của người khác. Như vậy, bản chất thực của việc giết người là như nhau, nhưng bản chất tạo ra động lực thúc đẩy hành động của người lính và kẻ cướp là khác nhau. Vì vậy, hành động của người lính sẽ được người khác dán nhãn là người tốt, còn người kia được dán nhãn kẻ xấu, gây tội ác. Trong thế giới trần tục của chúng ta, đôi khi cùng là một hành động rất giống nhau, nhưng tùy vào thời điểm và hoàn cảnh mà người ta sẽ xét đoán đúng hay sai, tốt hay xấu. Bản chất của bóng tối, giá trị của bóng tối là vinh danh ánh sáng. Không có bóng tối giá trị đích thực của ánh sáng không tồn tại. Hiểu biết giá trị của cái ác, cái thiện mới được vinh danh.

Thực tế trong Vũ trụ bóng tối nhiều hơn ánh sáng, thực tế trong sống cái ác nhiều hơn cái thiện. Vì vậy khi con người hiểu biết thấu triệt bản chất của bóng tối, cái ác, người ta mới trân quý, vinh danh ánh sáng, cái thiện. Lỗi sống ích kỷ, vì bản thân chỉ thực sự có lợi, trừ phi Loài người là sự sống duy nhất tồn tại trong Vũ trụ. May thay chúng ta không cô đơn, chúng ta còn có Thượng Đế, Đấng sáng tạo tối cao, sáng tạo ra chúng ta, còn có Tổ tiên, Ông bà, Cha mẹ, dòng họ, anh chị em tồn tại khắp nơi nơi trong Vũ trụ. Đây cũng chính là nguyên nhân nếu ta sống ky bo, ích kỷ, giữ gìn, tích lũy chỉ biết lo cho bản thân sẽ không có lợi cho chính mình. Bởi theo luật nhân quả nếu ta giúp đỡ cho ai, chia sẻ cho ai một phần ta sẽ nhận lại được bảy phần cái ta đã cho đi. Yêu thương, kính trọng người khác bằng sự chân thành, ta cũng sẽ nhận lại được tình yêu thương và sự kính trọng chân thành từ người khác người khác gấp bảy lần. Trước đây, điều này xảy ra trong kiếp sau, ngày nay xảy ra trong kiếp sống hiện tại. Điều này đã được Đức Chúa Giê-su nhắc tới trong Kinh Thánh Tân ước **Mátthêu - Chương 13, câu 12** *“¹² Ai đã có thì được cho thêm, và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy mất”*.

Nó là nguyên nhân mà chúng ta nhận thấy trong đời sống thực tế, người giàu cứ tiếp tục giàu, càng lúc càng giàu hơn. Người nghèo khổ càng lúc càng nghèo khổ

hơn, không thể vượt thoát khỏi số phận, giỏi giang cách mấy cũng không thể thành công, như có ma ám cuộc đời. Quả thực, tất cả mọi thứ đều do chúng ta đã tạo ra trong vô thức tiền kiếp nhưng chúng ta không thể nhận biết trong hiện tại.

Nhưng tất cả mọi thứ không phải lúc nào Thượng Đế cũng giấu giếm bằng tiền kiếp. Chúng ta có thể nhận thấy yêu thương mình là yêu thương người khác, cho mình là cho người khác xảy ra mặc dù không thể gặp bảy lần nhưng nó luôn xảy ra trong đời sống.

- Ví dụ: Ta có một món ăn ngon, ta đem biếu cho một số người hàng xóm cùng ăn trong sự vui vẻ thân ái của chính ta, sau chuyến du lịch có một vài món đặc sản ta vui vẻ chia cùng họ. Trong gia đình có đám giỗ tiệc tùng, ta mời họ cùng tham dự bằng sự tôn trọng chân tình. Hàng xóm gia đình nào có khó khăn, neo đơn ta sẵn sàng trợ giúp bằng sự nhiệt tình, thân ái. Trong mối quan hệ làng xóm, ta luôn trung thực, chân thành, vui vẻ, hài hoà với mọi người, tôn trọng người lớn, yêu thương kẻ nhỏ.

Đây chính là những điều chúng ta cho đi bằng sự chân tình thực sự, không giả dối, không mua chuộc, không đổi trao. Từ đó, cái mà ta nhận lại được ở họ có thể là vật chất như ta đã từng chia sẻ cho họ, nhưng cái mà ta nhận lại từ họ thực ra không chỉ có vậy mà là những thứ còn to lớn, tốt đẹp hơn rất nhiều. Đó là tình cảm yêu quý, tôn trọng từ họ dành cho ta, không thể dùng tiền mua được. Hơn hết cái mà ta nhận được từ họ là niềm hạnh phúc, sự bình yên trong tâm hồn và cảm giác an toàn trong môi trường mà ta đang sống.

Nhưng trên thực tế, khi nói ra điều này sẽ có người nói với ta, anh chỉ nói được cái miệng, không thực tế, khi mà tôi thực sự nghèo khổ không tiền, không bạc, không còn thời gian trong kiếm sống lấy gì chia sẻ, lấy gì giúp đỡ người khác. Thực ra điều họ hỏi là nguyên nhân, khiến họ không có tiền bạc, không có đủ thời gian để chia sẻ và giúp đỡ cho người khác. Một tư tưởng luôn viện cớ vì hoàn cảnh này, vì lý do nọ nên không thể, không muốn chia sẻ giúp đỡ cho người khác là nguyên nhân khiến họ không thể có cái gì cả. Luật nhân quả thể hiện rất công bình, ta luôn được điều ta đã cho đi, cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận lại phúc lành; thể hiện sự ích kỷ, xấu xa sẽ nhận lại nghiệp quả không lành, việc có thể xảy ra trong quá khứ cũng như hiện tại. Người luôn thể hiện hành động chia sẻ,

giúp đỡ cho người khác bằng tình yêu thương chân thành, họ sẽ luôn có cái để họ làm điều họ muốn. Ngược lại cũng vậy.

-Những hành động thể hiện tình yêu thương dành cho người khác, nhưng không yêu chính mình, không phải là hành động tích cực.

• Ví dụ: Trong một gia đình nghèo khó nợ, người mẹ nhịn ăn, nhịn mặc, đau ốm không dám uống thuốc để dành mua cho đứa con trai chiếc xe máy. Người mẹ suy nghĩ, chiếc xe máy sẽ là phương tiện giúp cho con trai không còn cảnh đi làm bằng xe đạp, ngoài ra nó sẽ giúp cho con trai bằng bạn bằng bè. Nhưng đứa con đã không suy nghĩ như vậy, trong một lần cá độ đá banh người con đã cầm chiếc xe và thua. Sau khi biết con trai cầm xe, người mẹ phải đi vay mượn khắp nơi để chuộc lại chiếc xe cho con trai. Một thời gian sau người con lại tiếp tục cá độ thua luôn chiếc xe và thiếu nợ xã hội đen rất nhiều. Vì không có tiền trả nợ số nợ quá lớn, người con đã bị đánh gãy chân và không còn đi lại được nữa.

Nguyên nhân xảy ra bi kịch một phần lỗi lớn là do người mẹ. Từ tình yêu thương đứa con nhưng không yêu chính mình, người mẹ đã dẫn đứa con trai đi vào bi kịch. Bắt đầu từ việc tự bạc đãi bản thân để có tiền mua xe, tiếp theo là sau khi con trai cầm chiếc xe người mẹ vay mượn khắp nơi để chuộc chiếc xe. Nếu ngay từ đầu người mẹ ý thức được rằng; con trai của mình sẽ trưởng thành qua lao động vất vả, qua gian lao khó nhọc, qua tình yêu thương và động viên của mình. Con trai của người mẹ sẽ bằng bạn, bằng bè sau khi trưởng thành và thành công từ ý chí phấn đấu. Chứ không là có phương tiện tốt hơn, là bằng bạn bằng bè bằng số tiền ít ỏi từ việc nhịn ăn, nhịn mặc của mình. Nếu bước tiếp theo người mẹ cứ để cho con trai mình tự chịu trách nhiệm về hành động sai trái của nó và chấp nhận mất luôn chiếc xe. Và nếu người mẹ không vay mượn tiền bạc chuộc lại chiếc xe, người con có thể sẽ tỉnh ngộ và không còn y lại vào mẹ mình. Nếu người mẹ yêu thương con trai mình, bằng tình yêu đầy ý thức bi kịch sẽ không xảy ra.

-Không biết yêu thương chính mình sẽ không biết thể hiện tình yêu thương với người khác.

• Ví dụ: Người mẹ đang ôm đứa bé vào lòng mình cho con bú, đứa bé luôn miệng nức vào đầu vú. Nhưng thất vọng thay cho đứa trẻ, càng bú đứa trẻ càng khóc vì trong bầu vú của người mẹ không hề có một giọt sữa nào. Nhìn ngắm

thân hình gầy gò của người mẹ lẫn đứa con không còn sức sống, quả thật là một hình ảnh hết sức thảm. Người mẹ biết là con mình đang khát sữa, nhưng ngay cả việc dùng tiền mua sữa thay cho sữa của mình để nuôi con, người mẹ cũng không thể thực hiện được vì không có tiền.

Nguyên nhân xuất phát từ việc người mẹ không yêu thương chính bản thân mình, trước khi dành tình yêu thương cho đứa con. Nếu trong gian đoạn có thai người mẹ ăn uống đầy đủ bồi dưỡng thể chất cho bản thân và thai nhi tình trạng trên có thể sẽ không xảy ra. Nhưng nếu cho rằng trong thời gian mang thai vẫn vì một lý do kinh tế thiếu thốn, tiền bạc túng quẫn dẫn đến tình trạng không thể bồi dưỡng thể chất. Vậy thì trước đi đến hoàn cảnh này, bằng mọi cách người mẹ phải ý thức rằng không nên có thai trong thời gian này. Nhưng sự việc đã xảy ra nên chúng ta có thể nhận thấy rằng; vì lý do người mẹ không biết yêu thương chính bản thân mình; từ đó cũng không biết cách yêu thương đứa con. Mặc dù trong thời khắc nhìn ngắm đứa con khóc vì khát sữa, người mẹ cũng rơi lệ và đau đớn xé lòng.

Trên thực tế khi thảm kịch xảy ra, đau thương ập đến chúng ta thường hay đổ lỗi cho hoàn cảnh. Thực ra mọi hoàn cảnh xảy ra với chúng ta, đều do chúng ta tạo ra không lúc này thì lúc khác, không trong kiếp này thì là kiếp trước. Đổ lỗi cho hoàn cảnh là chạy trốn trách nhiệm, chạy trốn chính mình và không thực sự yêu thương mình. Chạy trốn không bao giờ là cách tốt nhất, nhưng là đối diện với hoàn cảnh đó, đối diện với thực tại mới có thể giúp ta triệt tiêu được điều ta không mong muốn.

Trong nhiều trường hợp, không phải lúc nào những hành động dựa trên tình yêu thương đều mang lại kết quả tích cực; nhưng là hành động bằng ý thức dựa trên tình yêu thương. Hành động bằng tình yêu thương nhưng không dựa vào ý thức nhiều khi có thể dẫn đến sai lầm và tạo nên tiêu cực.

- Ví dụ: Gia đình nọ rất giàu có vì người cha là lãnh đạo cao cấp trong thành phố, người mẹ kinh doanh phát đạt. Gia đình có bốn người con, nhưng có tới ba đứa con gái và một đứa con trai út duy nhất. Vì lý do này nên cậu con trai đã được cha, mẹ và các chị thương yêu, nuông chiều từ khi còn nhỏ. Cậu con trai càng lớn, càng được cha mẹ chiều chuộng nhiều hơn muốn gì được đó, cần có tiền, cần xe có xe, muốn nhà riêng có nhà riêng. Vì vậy, cậu con trai không còn muốn học

hành gì nữa mà chỉ muốn đàn đúm ăn chơi, hút xách, nhậu nhẹt, gây sự đánh nhau. Nhưng mỗi lần gây sự đánh nhau là cha mẹ của cậu ta dùng tiền bạc và thế lực can thiệp giúp cho con trai thoát tội. Sự việc cứ như vậy xảy ra liên tục nhưng lúc nào cũng được cha, mẹ cậu ta đứng ra can thiệp, cho nên càng lúc cậu ta càng không coi ai ra gì. Và việc gì đến cũng sẽ phải đến, trong một lần ăn chơi nhậu nhẹt cậu ta đã dùng dao giết người. Nhưng lần này không may cho cậu ta, vì đã giết chết con trai của người lãnh đạo cấp trên cha của cậu ta. Vì vậy, tiền bạc và thế lực của cha mẹ cậu ta không thể cứu cậu ta khỏi án tù chung thân.

Trong trường hợp này, chúng ta nhận thấy rằng; mặc dù cha mẹ và các chị đã hết lòng yêu thương cậu con trai và cũng không ai phản đối hay cho đó không phải là tình yêu thương. Nhưng họ đã thể hiện tình yêu thương của mình bằng sự thiếu ý thức cao độ, nên tình yêu đã trở thành mù quáng, dẫn đến tai họa.

Hành động có lợi cho ta nhưng có hại cho người khác là hành động mang tính ích kỷ, vụ lợi, tham lam được thúc đẩy bởi dục vọng. Những hành động như vậy là hành động tiêu cực, ai cũng có thể nhận biết. Nhưng những hành động có lợi cho ta, có lợi cho nhiều người, nhưng có hại cho một số người hoặc số ít người vẫn được coi là hành động tiêu cực.

- Ví dụ: Cướp giàu, giúp nghèo là những hành động tưởng như tích cực, nhưng thực ra nó là tiêu cực. Người ta không thể bào chữa hay biện hộ cho những hành động có tính cách làm hại kẻ khác. Tất cả mọi lời bào chữa hay biện hộ cho các hành động tương tự đều là xảo biện.

-Hành động đem lại lợi ích cho một số người nhưng đồng thời cũng làm hại một số người khác, không bao giờ là những hành động xuất phát từ ý thức và tình yêu. Nhưng là sự ích kỷ, ham muốn và tham vọng, trên một bình diện lớn nó có thể gây ra xung đột, chiến tranh.

- Ví dụ: Một đất nước dân số quá đông, và vì sự phát triển kinh tế dẫn đến thiếu thốn tài nguyên. Cho nên nhà cầm quyền bằng mọi cách xâm chiếm biển, đảo, biên giới, đất liền chủ quyền của những nước nhỏ. Nhưng thường thì khi thực hiện những hành động như vậy nhà cầm quyền không đặt lợi ích dân tộc lên vị trí hàng đầu. Nhưng là nhằm thỏa mãn tham vọng bá quyền của một nhóm người, chứ không vì giúp cho đất nước phát triển. Vì vậy, mọi sự biện hộ cho hành động

của họ chỉ có thể chứng minh thêm cho cả thế giới biết sự ham muốn, tham vọng, ích kỷ và xảo ngôn của họ mà thôi.

Minh chứng cho trường hợp này, chúng ta có thể thấy đất nước Nhật Bản một điển hình rõ nét nhất. Trong thập niên 30-40 của thế kỷ 20, Nhật bản liên minh với Đức, Ý tiến hành chiến tranh nhằm thoả mãn tham vọng thống trị thế giới của họ, nhưng họ đã thất bại. Thế chiến thứ hai kết thúc, chúng ta nhận thấy rằng chẳng những nước Nhật không có nhiều tài nguyên hơn, mà nước Nhật đã thực sự đi vào kiệt quệ. Nhưng không bao lâu sau nước Nhật phát triển rất phồn vinh, không phải nhờ vào tài nguyên mà họ có được trong chiến tranh hay tài nguyên của đất nước mình. Đất nước phát triển, trước tiên là nhờ vào ổn định, bình yên, tiếp theo là ý chí và trí tuệ của cả một dân tộc. Tài nguyên không phải là yếu tố quyết định, dân số đông đúc không quyết định, cũng không phải nhờ vào chiến tranh và cướp bóc của nước khác quyết định.

Một điển hình khác, một Đất nước dân số không đông, không mạnh về quân sự và không có nhiều tài nguyên, kể cả tài nguyên nước ngọt, phần lớn nước nào cũng có và dư thừa riêng Singapore vẫn thiếu. Vậy nhưng nhờ vào sự ổn định, bình yên, ý chí và trí tuệ Singapore trở thành đất nước phát triển rất phồn vinh có thu nhập đầu người cao nhất thế giới.

Tiến hành chiến tranh đôi khi là vì lợi ích và sự ham muốn của một nhóm người nhưng chưa phải là ham muốn của toàn bộ dân tộc. Vì vậy, họ sẵn sàng dối trá và xảo biện, để đưa cả dân tộc, đồng bào của mình lâm vào chiến tranh, chết chóc, đau khổ. Những nhà lãnh đạo thương dân nhất, là những người luôn cố gắng đem lại sự bình yên cho dân tộc mình nhiều nhất. Vì bình yên mới có thể đem lại sự thịnh vượng, thịnh vượng mới có thể đem lại hạnh phúc. Chiến tranh và cướp bóc của nước khác, không là hành động đem lại lợi ích cho dân tộc, nhưng sẽ nhận hậu quả ngược lại.

Ngoài ra, biện pháp tử hình một tội phạm ‘thay vì ở tù chung thân’, tưởng như giúp cho nhiều người thoát khỏi sự nguy hiểm, là một biện pháp rắn đe hữu ích. Nhưng thực ra đó là biện pháp không mang tính nhân đạo, thiếu tình thương, sự khoan dung là hành động tiêu cực. Thực hiện việc tử hình một tội phạm là tự tố cáo sự yếu kém trong quản lý tội phạm xã hội của chính quyền, tự tố cáo sự yếu kém về kinh tế của một chế độ. Tử hình một tội nhân không nói lên được tính rắn

đe của luật pháp, không thể ngăn chặn người khác phạm tội, không mang lại lợi ích về giáo dục nhằm thức tỉnh xã hội. Tử hình tội phạm là kích thích sự vô cảm, bào mòn lòng khoan dung, sự độ lượng và tha thứ của con người trong xã hội. Mọi hành động tiêu cực trong thời kỳ bảo bình, trong thời kỳ hữu vi sẽ không bao giờ mang lại kết quả tốt đẹp. Vì Thượng Đế đã dừng việc cấp phép cho những hành động tiêu cực gây hại trên diện rộng.

Thượng Đế không yêu cầu, không đòi hỏi con người bất cứ điều gì, Người không cần bất cứ nhu cầu gì để đòi hỏi từ con người. Thời khắc này con người chỉ cần ý thức và hành động theo chiều hướng tích cực. Từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, luôn biểu hiện và cư xử bằng tình yêu chân thật từ con tim rộng mở của chính mình. Nhưng trong quá trình sáng tạo các hành động tích cực, chúng ta cũng đừng quá kỳ vọng vào kết quả mà các hành động đó mang lại. Vì kỳ vọng cũng chỉ là hình thức biến tướng của lòng ham muốn. Ta cứ luôn trông chừng là ta đã đạt đến đâu trong suy nghĩ và hành động của chính mình, cũng tức là ta đang mong chờ một sự đáp trả. Mà tất cả mọi sự đáp trả từ hành động của ta là trao đổi, không mang ý nghĩa trải nghiệm tích cực. Luôn kỳ vọng vào sự tiến bộ trong suy nghĩ và hành động của mình; Tương tự như việc ta trồng một cái cây quý, hằng ngày ta chăm sóc và tưới nước cho nó. Nhưng cũng hằng ngày ta trông chừng cái cây, xem nó đã phát triển được bao nhiêu và ra hoa chưa. Và khi ta thấy cái cây không phát triển nhanh như kỳ vọng, ta đã bón hết loại phân này đến loại phân khác vào cái cây với hy vọng nó sẽ phát triển tốt và ra hoa. Thế là cái cây chẳng những không phát triển tốt như ta kỳ vọng mà trái lại nó đã chết.

Thành quả trong suy nghĩ và hành động tích cực của con người cũng như sự phát triển của một cái cây. Tất cả mọi việc đều phải thuận theo tự nhiên, tuy nhiên muốn có kết quả tích cực, tự ta phải suy nghĩ và hành động tích cực, cũng như muốn cái cây phát triển tốt ta phải chăm sóc bón phân và tưới nước đầy đủ. Nhưng nếu ta quá kỳ vọng vào kết quả, sẽ dẫn đến sự nóng vội, mà sự nóng vội là nguyên nhân đưa đến thất bại. Sự kỳ vọng, ước mơ của ta là con dao hai lưỡi, không kỳ vọng, không ước mơ không cho ra động lực, (động lực nhưng không là động cơ). Nhưng sự kỳ vọng quá lớn, mơ ước hảo huyền nhiều khi không đem lại kết quả tích cực, trái lại rất có thể nó sẽ mang lại kết quả tiêu cực. Trong cuộc sống trần thế, Thượng Đế không đòi hỏi chúng ta cần phải đạt đến sự toàn hảo để đổi lấy sự cứu rỗi của Ngài. Kế hoạch toàn tri của Thượng Đế, là rất vĩ đại và tình yêu mà Ngài dành cho con người là vô hạn, Ngài không cần phải sử dụng

chính sách “Cây gậy và củ cà rốt” để hành xử với con người. Thượng Đế suy nghĩ và hành động theo cách của Đấng toàn tri, toàn tính. Con người suy nghĩ và hành động theo cách của Nhân loại thể tục. Vì vậy, chúng ta không bao giờ trở nên toàn hảo nếu chúng ta không được các lực của Thượng Đế hiệu chỉnh và hiệu chuẩn. Chúng ta chỉ có thể đạt đến sự toàn hảo sau khi chúng ta trở lại với thân phận Thần thánh, trở lại với trạng thái thức tỉnh hoàn toàn.

-Vì vậy, mọi suy nghĩ và hành động của chúng ta trong lúc này cũng chỉ là một trường trải nghiệm tích cực, phù hợp với khả năng của con người trong tình trạng quên lãng. Trải nghiệm tích cực là một tiến trình cần thiết trong tinh thần giác ngộ, không cưỡng bách. Nhưng sẽ có một câu hỏi được đặt ra là con người phải hành động cụ thể như nào mới có thể gọi là trải nghiệm tích cực? Thực ra, đây cũng chính là câu hỏi sống còn cho mỗi chúng ta trên hành trình trở về hoà nhập với tổng thể. Nó là câu hỏi thực sự gây khó khăn với mỗi chúng ta nhưng trên thực tế nó không phải là câu hỏi quá khó để ta có được câu trả lời. Vì câu trả lời cho câu hỏi này đơn giản chỉ có hai từ **sự thật**. Sự khó khăn lớn nhất mà chúng ta gặp không phải là làm sao trả lời được câu hỏi. Những khó khăn thực sự lại phát xuất từ chính đáp án của câu hỏi đó, vì từ đáp án tự thân nó tiếp tục cho ta một câu hỏi khác và từ câu hỏi phát sinh này mới là nguyên nhân thực sự gây khó khăn cho con người. Đó là việc liệu chúng ta có thực sự đam mê, ham muốn tìm kiếm sự thật cho chính ta hay không? Vì con người sẽ biết thế nào là trải nghiệm tích cực, khi con người nhận thức thấu triệt về những sự thật cốt lõi trong sống. Ngoài ra con người còn phải luôn sống thật với chính mình từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, lúc đó con người sẽ biết ý nghĩa đích thực của việc trải nghiệm tích cực.

Luôn sống với thật với chính mình cũng có nghĩa là luôn sống thật với bản chất của chính mình mà không cần phải che đậy, giấu diếm. Sống không thật với chính mình là lối sống xuất phát từ lợi ích bản thân, ngoài ra còn là vì sự sợ hãi, cả nể, tự ty, mặc cảm, thiếu tự tin... Vậy nên người ta sẽ cố gắng sống để được lòng người ‘đắc nhân tâm’, cố gắng tránh để không làm mất lòng người khác, cố gắng che đậy, giấu diếm, giả tạo và không lúc nào dám thể hiện cảm xúc chân thực của mình. Với cách sống này trong nhất thời, nó có thể mang lại cho người ta sự an toàn, bình yên và lợi ích. Nhưng nếu chúng ta chịu khó quan sát chúng ta có thể nhận thấy, sống không thật với chính mình về lâu về dài sẽ là lối sống rất có hại cho chính ta. Vì bởi, khi ta sống bằng che đậy, bằng giấu diếm tình cảm

thực của mình, có thể nó sẽ đem lại sự hài lòng cho người khác, đáp ứng được mục đích và lợi ích của mình trong hiện tại. Và vì từ lợi ích trước mắt đó khiến tâm lý ta không muốn thay đổi gì từ trong chính ta. Tâm lý ngại thay đổi kể cả là những tính cách tiêu cực, xấu xa, thói hư, tật xấu mà ta biết là nó đang hiện hữu trong ta. Ta nhận thấy, dường như ta không cần phải thay đổi gì cả, vì ta biết cách che đậy, vì ta biết ta có thể sống giả tạo và ta biết, ta chỉ cần ta làm được như vậy là ta sẽ được an toàn và có được lợi ích. Nó là nguyên nhân gây nên hậu quả nghiêm trọng không thể lường hết trên con đường tiến hoá cho những ai sống không thật với bản chất của chính mình.

Sống thành thật, sống thật với bản chất của chính mình là lối sống thích gì làm nấy, không sợ trời, không sợ đất, vui nói vui, buồn nói buồn, yêu nói yêu, ghét nói ghét, tự tin, không sợ hãi, không che đậy bất cứ cảm xúc nào xuất phát từ tính cách của ta, ‘sống như cách sống của đứa trẻ con sống’. Ban đầu cách sống này có thể sẽ đem lại cho ta nhiều phiền phức, nhiều rắc rối, không được lòng người và mất đi nhiều lợi ích trước mắt. Nhưng may thay cũng nhờ vào đó, nhờ vào những kinh nghiệm tội tộ xuất phát bởi lối sống ấy, khiến cho ta biết là ta phải tự thay đổi mình như thế nào trong sống cho phù hợp với cộng đồng và cho lợi ích của chính mình. Thay đổi không có nghĩa là che đậy, khi một sự thay đổi xảy ra với một người cũng chính là lúc người đó nhận thức ra cái gì là cái có thể mang cho họ sự tích cực trong sống. Là lúc họ đã nhận ra mọi thứ xảy đến với mình đều bắt nguồn từ chính suy nghĩ và hành động của mình. Cho nên họ sẽ thay đổi suy nghĩ và hành động của chính họ theo chiều hướng tích cực, theo hướng đạo đức nhằm phục vụ lợi ích trong sống của chính họ. Thay đổi lối sống từ tiêu cực sang tích cực vì bởi người đó không còn muốn, không còn thích suy nghĩ và hành động tiêu cực nữa, nhưng không là che đậy. Điều này thực ra là một sự thay đổi trong tỉnh thức bằng ý thức giác ngộ, nhưng không là sự bắt buộc từ người khác hay vì bất kỳ mục đích gì. Che đậy tiêu cực, tiêu cực vẫn còn đó, chỉ thay đổi mới có thể làm cho chúng biến mất. Tự biết mình dễ hơn hiểu biết người khác, tự thay đổi mình dễ hơn thay đổi người khác. Bằng sự thật, chỉ có sự thật, luôn sống với sự thật con người mới có thể đạt đến tri thức, ý thức cuối cùng.

-Vì vậy, chúng ta không nên quá kỳ vọng và đòi hỏi bản thân phải trở nên toàn thiện, toàn hảo. Vì ngay cả đến vấn đề toàn thiện, toàn hảo là như thế nào chúng ta còn chưa hiểu biết hết, lấy gì chúng ta thực hiện việc – tự làm cho mình trở nên toàn thiện, toàn hảo. Quá kỳ vọng vào sự toàn thiện, toàn hảo của chính ta,

với nhận thức 3d, 4d trong hiện tại cũng chính là ảo tưởng của con người. Theo đuổi tham vọng tự làm cho mình trở nên toàn thiện, toàn hảo; cũng có nghĩa là ta không hiểu nhiều về Thượng Đế và thế giới tâm linh. Hành động theo tiếng gọi của tình yêu chân thành từ con tim, của lòng từ bi và bác ái; thì người hành động không kỳ vọng vào kết quả. Nhưng là hành động bằng sự tự nguyện không đòi hỏi, không đổi trao, không phần thưởng, tự nó sẽ mang lại tất cả, mang lại cho ta niềm vui và hạnh phúc trong tâm hồn. Và sau tất cả những gì mà con người hành động bằng tình yêu từ con tim, bằng Đạo đức làm người; Thượng Đế sẽ trả lại thân phận Thần thánh, sẽ trao Nước Thiên đàng cho chúng ta trong ngày hội Long hoa.

Ngoài ý thức giác ngộ, con người hãy sống, làm việc và sinh hoạt bình thường, không cần phải bận tâm và bắt buộc mình phải làm một công việc đặc biệt gì. Chúng ta không cần phải tự trói buộc mình vào những việc như; ăn chay, lễ chùa, nhà thờ, giáo đường, theo đuổi pháp môn, giáo phái, yoga, thiền định, lễ nghi, hình thức nào cả. Tất cả những gì vừa nêu cũng chỉ là một phần, trong những ảo tưởng của Loài người, là những trò chơi lỗi thời của các thời kỳ xưa cũ.

Vì vậy điều gì ***“người ta phải làm, với mục đích gỡ gỡ sự thách thức mới mẻ là, hoàn toàn cởi trói chính người ta, hoàn toàn xóa sạch chính người ta khỏi nền tảng quá khứ và gỡ gỡ sự thách thức mới mẻ lại”***. J. Krishnamurti.

Đã đến lúc chúng ta hãy sống lại với niềm vui, xa lánh nỗi buồn, sống với hạnh phúc xa rời đau khổ, sống với sự an lạc xa rời sự bất ổn, sống cuộc sống đầy tích cực và xa rời tiêu cực. Nhưng thực ra, chúng ta vẫn đang trong giai đoạn trải nghiệm trần thế, vì vậy không phải lúc nào chúng ta cũng luôn được sống với vui vẻ, hạnh phúc như ý. Với thân phận của chúng ta trong hiện tại thì vẫn còn đó những lo âu, muộn phiền xảy ra trong cuộc đời là không thể tránh khỏi, nhưng vui vẫn phải sống, buồn vẫn phải sống. Điều quan trọng là cách nghĩ, cách nhìn của mỗi chúng ta trong cuộc sống của chính ta. Luôn suy nghĩ lạc quan và luôn hy vọng vào ngày mai tươi đẹp là cách tốt nhất xua tan nỗi muộn phiền, xua tan sự lo lắng trong lòng. Thực tế đã chứng minh con người thường nghĩ về điều, điều ấy sẽ thành hiện thực, suy nghĩ lạc quan, ước muốn tươi đẹp không là vô bổ, nhưng là thông điệp gửi về trung tâm Vũ trụ, là yêu cầu Thượng Đế hiện thực ước muốn đó cho ta. Để hao tốn năng lượng sống cho muộn phiền và lo lắng là một sự lãng phí vô ích nhất. Vì thường thì những gì mà chúng ta tưởng tượng ra

trong muôn phiền và lo âu, phần lớn không xảy ra đúng với thực tế, mà việc thì thường xảy ra theo kế hoạch bằng ý thức. Nhưng việc xảy ra theo kế hoạch có ý thức phần lớn ngược với những gì chúng ta tưởng tượng ra trong lo âu.

Vì vậy, để cho cuộc sống của chúng ta có được sự vui vẻ và thanh thoi, ta nên cố gắng làm những gì ta có thể làm được ngày hôm nay một cách vui vẻ. Việc của ngày mai hãy cho ngày mai tự giải quyết, không nên quá lo lắng và bận tâm nhiều cho những gì sẽ xảy ra trong ngày mai.

Trong thời đại này, con người chỉ cần ý thức sống vui vẻ, chan hoà, yêu thương, đồng cảm, từ bi, bác ái, khoan dung, độ lượng, khiêm tốn, tha thứ, chia sẻ, thân ái, đơn giản, mộc mạc, gần gũi, trung thực và luôn tỏ thái độ biết ơn với những gì mà cuộc sống đã mang lại cho ta. Tất cả những gì vừa nêu, cũng chỉ có thể diễn tả được một phần của hai từ Đạo và Đức, một phần của ý thức và tâm hồn, một phần của trí tuệ và tình yêu. Nhưng chúng ta chỉ cần ý thức và hành động bấy nhiêu thôi, cũng đã đủ cho chúng ta có được Nước Thiên đàng. ***“Điều gì đạo đức làm là trao tặng cho bạn tự do”*** Thật vậy, linh hồn của chúng ta sẽ được tự do hoàn toàn, nếu ngay từ hôm nay chúng ta luôn ý thức sống đạo đức.

-Thượng Đế, Đấng đầu tiên và cuối cùng,

- Ý thức, đầu tiên và cuối cùng.



ĐÔI LỜI CẢM TẠ

Tôi Nguyễn Ngọc Thuận tác giả cuốn sách này “SỰ THẬT TỘI HẠI” xin chân thành gửi đến các Đấng cao cả bằng tấm lòng biết ơn sâu sắc nhất của mình. Đầu tiên, tôi xin gửi lòng biết ơn chân thành nhất đến với Ba Đấng Thượng Đế tối cao, vĩ đại, Đấng sáng tạo Vũ trụ. Nguyên Thần Thượng Đế, Thượng Đế Cha Đấng Chí tôn, Thượng Đế Mẹ Đấng Chí Tôn.

Tiếp đến tôi xin gửi lòng biết ơn chân thành nhất đến với Đức Chúa Giê-su Người con Trưởng của Thượng Đế, Thiên Thần Tổng quản Michael, Thiên Thần Tổng quản Đức Phật Thích Ca con thứ của Thượng Đế.

Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel, Tổng Lãnh Thiên Thần Raphael, Tổng Lãnh Thiên Thần, chân sư Jiddu Krishnamurti, Cháu đời thứ ba của Thượng Đế. Cảm ơn tất cả các Đấng xưng danh và các Đấng không xưng danh đã ngày đêm kết nối, dẫn dắt và truyền cảm hứng giúp tôi hoàn thành cuốn sách nhằm hướng tới sự thật vĩnh hằng, vĩnh cửu.

Cảm ơn, người vợ Tchang Ngọc Linh, cảm ơn con gái Nguyễn Ngọc Phương, Nguyễn Ngọc Yến, con trai Nguyễn Ngọc Hoàng, cảm ơn con rể Đoàn Trí Nhân, Josip Pitinat cháu ngoại Đoàn Khả Nhi Katie.

Cảm ơn, anh họ Nguyễn Thanh Phong, cháu gái Nguyễn Thanh Diệp.

Cảm ơn, bạn Lê Thành Tấn, Nguyễn Thị Chí Liêm, bác Lâm Thanh Điền. nhạc sĩ Hoàng, cháu Nguyễn Ngọc Nhưông.

Tất cả đã đồng hành và giúp tôi có được những câu hỏi thực tế và chất lượng.

Cảm ơn người thiện kẻ ác, cảm ơn người xấu kẻ tốt, cảm ơn người đúng kẻ sai, cảm ơn tất cả mọi người. Cảm ơn mọi sự hiện hữu mà Thượng Đế đã dành cho chúng ta trên thế giới này. Thành thật biết ơn.

Nguyễn Ngọc Thuận thường cập nhật trên trang www.giwho.com

Và bạn có thể liên lạc với tác giả bằng địa chỉ Email: thuan198dd@yahoo.com

HẾT